NĂM THỨ MƯỜI MỘT • # 127 • NOVEMBER 1999

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL & FAX (714) 839-8746

ĐO LƯỜNG PHÁP LUẬT
LÊ ĐÌNH THÔNG

BÔNG HỒNG VÀNG VÀ CÁI CÙM SẮT
THẾ DŨNG - VŨ THƯ HIÊN

THỊ TRẤN
NGUYỄN CHÍ KHAM

Thúy Nga trân trọng giới thiệu

VIDEO

PARIS BY NIGHT 51

We Like To Party

Phát hành trong tháng 11-1999

THÚY NGA 9295 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683.
USA/ P.O.Box 2174 Westminster, CA 92683 - USA - Tel (714) 891-5665
Fax (714) 891-9673 / Internet: www.thuynga.net / E-mail: thuynga @ thuynga.net
Copyright 1999 THUY NGA. All rights reserved.

BACK TO SCHOOL BIG SALE

$899
Bộ Giường ngủ đẹp tuyệt vời. Giá chỉ có No Platform

+ Free 5 Drawer Chest
$299
5 Piece Black Lacquer Bedroom Set

Đèn included
(không có nệm) Chỉ có $449
Bộ giường ngủ 5 miếng đẹp tuyệt vời.

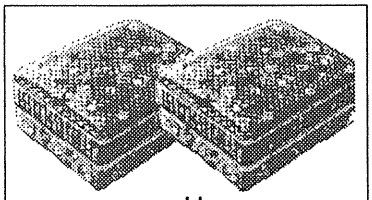

MATRESSES ON SALE
Up To 50% Off
from $59/set

Now $1,299
Reg. $1,699
3 pcs leather match Sofa + Loveseat + Chair. Any color

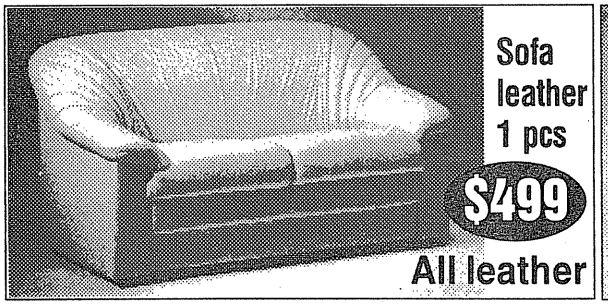

Sofa leather 1 pcs
$499
All leather

$399 EA
Leather Match

Now
Reg. $599
Dining room 7 pc. Set $399

$159 frame only

3 Pcs Sofa Love Seat
Chair Leather $2199
Now $1399

CLEARANCE SALE FOR BACK TO SCHOOL

Để bà con có đồ dùng như bàn ghế tủ nệm để dùng trong gia đình, KT FURNITURE quyết định giảm giá như sau: 5 bộ Sofa (Sofa Loveseat): $250/bộ
- 5 bộ giường ngủ (5 miếng 1 bộ) $199/bộ - 10 nệm $39/miếng twin size regular
- 5 bộ bàn (6 ghế + 1 bàn) cherry color $399/bộ - 2 bộ Sofa da (3pcs) $2,199 now $1,399/bộ - 10 đèn Halogen $18.99 Now còn $9.99/cái.

Hàng có giới hạn - "First Come First Serve"

MATRESSES ON SALE
Up To 50% Off
from $59/set

KT FURNITURE GALLERY

"Where Furniture is a Work of Art"

2775 W. LINCOLN AVE. ANAHEIM

(714) 821-4989

Mon.-Sat. 10 AM - 8 PM | Sun. 10 AM - 6PM

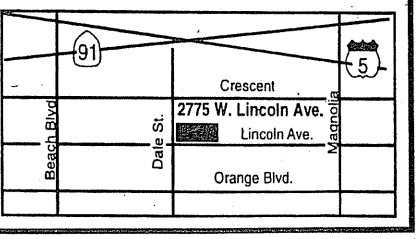

QUÀ TẶNG ĐẦY Ý NGHĨA

Một món quà tặng bạn bè, người thân mà suốt năm vẫn nhận được đều đều, suốt đời vẫn thưởng thức được, đó là **một năm báo THẾ KỶ 21.**

Nhân dịp đầu xuân, quý vị độc giả có thể tặng bất cứ ai một năm báo *Thế Kỷ 21* với giá đặc biệt, nếu người được tặng chưa phải độc giả dài hạn của TK 21.

PHIẾU TẶNG BÁO

Họ tên người tặng: .....

Họ tên người nhận: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Một năm báo *Thế Kỷ 21* (12 số) bắt đầu từ số .....

Giá đặc biệt: Bớt 10% so với giá bình thường.

Xin tham khảo nơi Phiếu Dài Hạn (Subscription Form) dưới đây.

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

PHIẾU DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full name:*..... *ĐT. / Phone:*.....

Địa chỉ / *Address:*.....

Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like The Ky 21 delivered to me:*

□ 06 số / *issues* □ 12 số / *issues* □ 24 số / *issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #* .....

Gửi Bulk Rate	□ 1 năm / 1 year US$50.00	□ 2 năm / 2 years US$90.00
Gửi First Class:	□ 1 năm / 1 year US$64.00	□ 2 năm / 2 years US$120.00
Gửi ngoài nước Mỹ (Air Mail) CANADA	□ 1 năm / 1 year US$68.00	□ 2 năm / 2 years US$130.00
ÂU CHÂU / *EUROPE*	□ 1 năm / 1 year US$90.00	□ 2 năm / 2 years US$170.00
Á, ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*	□ 1 năm / 1 year US$106.00	□ 2 năm / 2 years US$196.00

GHI CHÚ / *NOTES:*

(1) Giá biểu này có hiệu lực từ ngày 15 tháng Giêng 1998. / *Effective from January 15, 1998.*

(2) Ngân phiếu, hoặc lệnh phiếu, xin trả bằng Mỹ Kim, đề tên "THẾ KỶ 21." / *Checks, or money orders, in US funds, pay to "THE KY 21."*

(3) Giá biểu *bulk rate* chỉ dùng trong nước Mỹ mà thôi. Phải mất từ một tới ba tuần báo mới tới nơi. / *Bulk rate is good for US addresses only. It takes from one to three weeks to reach destination.*

(4) Nếu thay đổi địa chỉ, xin thông báo trước, và gửi kèm nhãn gửi báo. / *Please let us know in advance when you change address. Attach your label.*

(5) Số báo đầu tiên và số báo cuối cùng in trên nhãn gửi báo. / *The first and the last subscribed issues are printed on the label.*

11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE CA 92840 USA ■ TEL. (714) 638-9510 FAX (714) 638-1944

Công Ty Điện Toán Chuyên Về Những Dịch Vụ Internet

KICON

Kicon đảm nhận các dịch vụ đưa các cơ sở thương mại, hội đoàn, báo chí trên toàn thế giới lên mạng lưới Internet với những kỹ thuật điện toán mới nhất, một cách mỹ thuật và hiệu quả nhất.

12866 Main St., Suite 101, Garden Grove, CA 92840, Tel 714-590-3080, Fax 714-590-3084

http://kicon.com

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

(714) 531-2773

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Bảy:
10 AM - 7 PM
Chủ Nhật: nghỉ

*** CHUYÊN MÔN CHỮA RĂNG TRẺ EM TỪ 2 TUỔI TRỞ LÊN.**
*** HƯỚNG DẪN ĐÁNH RĂNG ĐÚNG CÁCH ĐỂ CHỮA BỆNH CHẢY MÁU NƯỚU RĂNG VÀ HÔI MIỆNG.**

** Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.*
** Phòng Nha Khoa luôn luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.*

NHA KHOA TỔNG QUÁT
** TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG*
** LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI*
*** NHA KHOA THẨM MỸ**
*** NHA KHOA NHI ĐỒNG**

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92843
(Giữa Westminster & Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)

Tác phẩm mới phát hành:

Mặc Niệm Chiến Tranh

Tập truyện ngắn mới nhất của Trần Hoài Thư

Hành trình của một người viết văn vẫn cô độc như vai trò của một người lính thám kích mà tác giả đã đảm nhiệm trước 75. Tác giả tự xuất bản, tự phát hành. Nhưng có một điều: tất cả sách của THT là sách được độc giả đón nhiệt nồng nhiệt nhất. Vì sao?

... MNCT cống hiến cho người đọc những thiên truyện về những khuôn mặt đầm đìa mồ hôi hay be bết máu me của những người lính bộ binh, giúp chúng ta hiểu hơn, cảm thông hơn những thống khổ của họ trong cuộc chiến đã qua.

(Hà Kỳ Lam)

... Trần Hoài Thư viết mà như tha thiết kêu gào loài người nói chung và lịch sử Việt Nam cận đại nói riêng, hãy trả lại danh dự cho những người lính trận, những lao công đào binh, những thương binh, những anh linh tử sĩ đã hơn một lần hiến dâng đời mình cho quê hương xứ sở.
Những tiếng kêu gào ấy không phải là những tiếng la hét đinh tai, nhức óc mà Trần Hoài Thư thì thầm, nói mãi, nói hoài bằng con tim thương yêu người lính một cách chân thật, bằng cả cái hồn thơ của một tâm hồn nghệ sĩ.

(Lương Thư Trung)

... Trần Hoài Thư đã sống hết đời mình trong cuộc chiến vừa qua, đã trực tiếp đối diện với thần chiến tranh, ngày đêm ăn ngủ với cái sống, cái chết trong gần hết thời thanh xuân của mình. Để bây giờ, thêm một lần nữa, sau gần nửa thế kỷ Trần Hoài Thư đã nhìn lại, Trần Hoài Thư đã mời chúng ta cùng nhìn lại cuộc chiến và những hệ lụy của nó qua hơn hai trăm trang hồi ức vừa được in trong tập truyện mới nhất của anh : tập truyện ngắn MẶC NIỆM CHiẾN TRANH.

(Trần Bang Thạch)

Xin hỏi các tiệm sách địa phương hay
Trần Hoài Thư P.O Box 58, S. Bound Brook NJ 08880
Phone: (908)7691718 Giá $12

NHÀ SÁCH

VĂN NGHỆ

SÁCH - BÁO - MUSIC - KINH SÁCH PHẬT GIÁO

9351 Bolsa ave. - Westminster, CA 92683 - USA
Tel & Fax: (714) 527-5761
Email: vannghe@pacbell.net
Homepage: http://hom.pacbell.net/vannghe

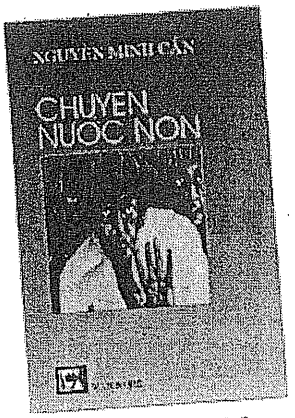

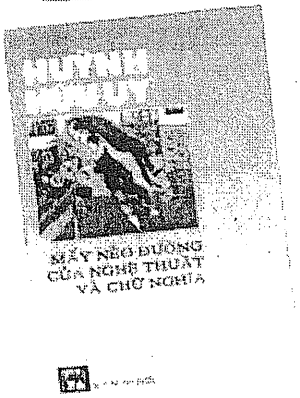

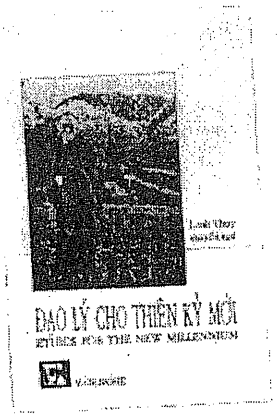

Trên 13 năm hoạt động liên tục, nhà xuất bản VĂN NGHỆ đã tạo được nhiều thành quả đáng kể cho văn học Việt Nam trong lẫn ngoài nước. Đối với độc giả, khi chọn mua sách, cũng rất yên tâm khi nhìn thấy tác phẩm được in ra bởiVĂN NGHỆ.

Để phục vụ độc giả hữu hiệu hơn, đầu tháng 12 năm 1999, nhà xuất bản VĂN NGHỆ sẽ khai trương một nhà sách mang cùng tên, với các ưu điểm sau:

- Nằm ngay trung tâm Little Saigon. Là cơ sở sách báo, tape nhạc, CD, Video... của người Việt Nam hải ngoại lớn nhất và đầy đủ nhất.

- Tập trung kinh sách Phật nhiều nhất của các châu Âu, Á, Úc, Mỹ, Anh, Pháp và Việt ngữ.

- Nhằm tạo mối tương quan giữa người sáng tác và người đọc, mỗi tuần một tác giả sẽ được mời đến để gặp gỡ, tặng chữ ký cho người mua sách (hoặc đã mua ở bất cứ nhà sách nào)

- Sắp xếp hợp lý, qui củ, giúp độc giả dễ dàng truy tìm mọi tác phẩm thuộc mọi chủ đề.

- Là nơi duy nhất trên thế giới có riêng một khu vực trang trọng cho các tác phẩm thơ ca.

- Mỗi tuần đều có sách báo mới.

Bìa: tranh Nguyễn Trọng Khôi
Trình bày bìa: Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp
Minh họa: Nguyễn Thị Hợp, Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường
Hí họa: Babui, Etcetera
Ảnh: Trương Tuấn, Anh Thành, tư liệu

MỤC LỤC

Số 127 . Tháng Mười Một 1999

THỜI SỰ - CHÍNH TRỊ - KINH TẾ

12 Giảm phát, kích cầu cũng không lên - **Ngô Nhân Dụng**
14 Một nhà sư lưu vong mong ước được trở về Việt Nam - **Gustav Niebuhr - Tâm Nguyên Khương dịch**
16 Ai thực sự trách nhiệm về việc miền Nam Việt Nam rơi vào tay Cộng sản - **Tôn Thất Thiện**
30 Đo lường pháp luật - **Lê Đình Thông**
35 Đời sống quanh ta - **Huyễn Ký - Thanh Thảo - Trần Quán Niệm**
69 Giải Nobel Y khoa năm 1999 - **Nguyễn Anh Tuấn**

NGÔN NGỮ - PHỎNG VẤN

45 Bông hồng vàng và cái cùm sắt - **Thế Dũng phỏng vấn Vũ Thư Hiên**
56 Dấu hỏi ngã - **Phố Tịnh**
78 Thử đi tìm cái tương đương trong phiên dịch - **Trịnh Nhật**
97 Thơ tình Hoàng Lộc - **Trần Doãn Nho**

TÀI LIỆU - KHẢO CỔ

21 Hoàng Minh Chính và chủ nghĩa xét lại Việt Nam - **Minh Võ**
65 Các học giả Trung Hoa và nền văn hóa Đông Sơn - **Kiều Quang Chẩn**
86 Chân dung ông Tố Hữu - **Thanh Phong**
90 Những mươi năm ấy biết bao nhiêu tình - **Phan Thị Trọng Tuyến**

VĂN

42 Hãy ra khỏi cánh rừng, chân trời phía trước - **Dương Thu Hương**
61 Thuở ấy... ven sông... **Hạ A**
74 Thúy và Dung - **Trần Quán Niệm**
102 Thị trấn - **Nguyễn Chí Kham**

THƠ

63. Biển trăng - **Cổ Ngư. 67.** Muộn - **Khánh Hà. 76.** Món quà sinh nhật - **Trần Huy Sao. 81.** Ba mươi năm - **Minh Hân. 92.** Dấu buồn - **Hạ Đỏ. 99.** Nói với dòng Mississippi - **Hoàng Lộc. 104.** Bạn về thăm quê hương - **Võ Đình Tuyết**

MỤC THƯỜNG LỆ

7 Thư trong tháng: Phải chấp nhận toàn cầu hóa - **Vương Hữu Bột**
8 Bạn đọc viết
11 Tòa soạn và Bạn đọc - **Phạm Phú Minh**
11 Thư Trị sự - **Phan Mỹ Sương**
51 Sổ tay
110 Chân trời Văn học Nghệ thuật - **Anh Thành, Tâm Hoa**
115 Sách báo trong tháng - **Phạm Xuân Đài**

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

Tạp chí ra hàng tháng.
Cty Người Việt sáng lập (1989).
Hội VAALA bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92840 USA
Telephone & Fax:
(714) 839 - 8746
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ , Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Tống Hoàng, Trần Văn Ngô

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-)
Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Bài gửi cho Thế Kỷ 21 xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Văn phòng trưởng & Phát hành:
Vũ Duy Tự
Quảng cáo:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp:
Lê Tất Luyện: 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương 01 39 84 00 84
Tr. T. Diệu Tâm: 01 45 70 72 35
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiểu Nhân*
(514) 445-0529
Western Australia: *Bình Anson*
(61- 8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

PHẢI CHẤP NHẬN TOÀN CẦU HÓA

VƯƠNG HỮU BỘT

Một nền tảng của Chủ nghĩa Mác là nhìn thế giới luôn luôn biến đổi. Thật đáng ngạc nhiên khi những người tự nhận là Mác xít bây giờ lại cố gắng cưỡng chống sự thay đổi một cách bướng bỉnh nhất. Riêng thái độ bướng bỉnh đó cũng chứng tỏ họ không còn tin Karl Marx nữa. Có lẽ họ chỉ còn theo Chủ nghĩa Nhà nước của Lênin với cách tư duy đã được Stalin đông lạnh, đóng hộp.

Kinh tế thế giới đang tiến dần đến những cơ cấu giống nhau, các trao đổi người, sản phẩm, dịch vụ, tiền vốn, ngày một nhiều hơn tạo ích lợi cho cả đôi bên, như mấy dấu hiệu ghi nhận trong Sổ Tay tháng này. Ngay trong Đảng Cộng Sản Việt Nam cũng có những người nói rõ đó là một quá trình không thể tránh được. Tránh chỉ bị thiệt.

Ông Trần Việt Phương, thuyết trình trong cuộc hội thảo "Nhìn lại thế kỷ 20 và thử nhìn sang thế kỷ 21" của Hội đồng Lý Luận Trung ương Đảng, đã bàn đến hiện tượng Toàn Cầu hóa và Hội nhập kinh tế quốc tế. Bài thuyết trình đăng lại trong Tạp chí Cộng Sản trên mạng lưới toàn cầu.

Ông Trần Việt Phương phân tích quá trình Toàn cầu hóa kinh tế hiện nay, nhận xét rằng đó là một "hiện tượng mở," nghĩa là còn đang vận động, đang thành hình, với nhiều tác nhân vừa hợp tác vừa cạnh tranh với nhau. Ông công nhận Hoa kỳ sẽ là nước được hưởng lợi nhiều nhất trong quá trình toàn cầu hóa, "song phần có lợi giành được cho các nước đang phát triển, các nước có nền kinh tế đang chuyển đổi và các nước kém phát triển nhất không phải nhỏ." Việt Nam là một nước vừa kém phát triển, vừa đang thay đổi.

Về lợi ích của hiện tượng toàn cầu hóa, ông Trần Việt Phương cho rằng nhờ vận động này mà Tổng Sản Lượng Thế giới tăng vọt, nửa đầu thế kỷ 20 tăng gấp 2.7 lần, nửa sau thế kỷ tăng 5.2 lần. Toàn cầu hóa còn chuyển giao các kỹ thuật, hiểu biết khoa học, nghệ thuật tổ chức và quản lý, tạo thêm nguồn vốn cho đến kiến thức cho các nước, giúp rút ngắn quá trình phát triển: "Có thể nói rằng đó là thời cơ lịch sử." Tuy có những hậu quả tiêu cực, mỗi quốc gia phải biết để đối phó, nhưng "trong trường hợp chính sách quốc gia phạm sai lầm thì tác hại ... càng nặng nề, nghiêm trọng."

Như vậy thì Việt Nam có nên chấp nhận toàn cầu hoá hay không? Ông Trần Việt Phương nhận xét "không một quốc gia nào lại đi đặt câu hỏi đó." Ông quả quyết rằng "Chỉ có một tình huống chắc chắn là thua thiệt, đó là khi co mình lại, đóng cửa vào, cự tuyệt toàn cầu hóa, khước từ hội nhập." Và: "Đi ngược lại một xu thế thời đại, ... không bao giờ là dấu hiệu của sự sáng suốt," vì làm như vậy là"chưa đánh đã chịu thua, không vào trận tưởng yên thân, nhưng thật ra lại gánh chịu sự thất bại nặng nhất, tức là bị loại trừ và cô lập."

Tuy không bàn trực tiếp đến Hiệp định Thương mại Việt Mỹ, ông Trần Việt Phương gián tiếp nói, "Quả thật, một mối quan hệ phát triển với Mỹ thường được xem như một thứ 'giấy thông hành' để quan hệ với cộng đồng thương mại và tài chính quốc tế..." Và ông nêu ra tinh thần tôn trọng pháp trong những tổ chức kinh tế hoàn cầu, như trong tổ chức WTO, cho thấy trên thế giới bây giờ người ta đấu tranh theo quy luật chứ không đấu võ rừng như thời xưa nữa: "... không phải Mỹ dễ dàng áp đặt ý định của Mỹ. Nhiều lần Mỹ đã phải lùi, phải nhân nhượng... có trường hợp tranh chấp về thương mại giữa Mỹ với một nước nhỏ, kiện ra WTO, cuối cùng Mỹ thua kiện. Thua thật sự chứ không phải 'màu mè' cho ra vẻ dân chủ."

Chúng tôi hy vọng rằng những nhận định minh bạch và công khai trên sẽ được mọi người trong nước suy nghĩ, tiếp nhận, và biến thành các hành động cụ thể.●

Phát biểu sau một năm xa vắng

Sau một hồi gián đoạn mua báo Thế kỷ 21, có lẽ đến cả một năm trời, tôi được người bạn ở Stockton, gần San Francisco, đặt mua báo tiếp tục dùm. Vì vậy mà tôi đã được đọc lại báo *Thế kỷ 21* kể từ số 124, tháng Tám 1999. Hai bài tôi để ý đọc trong số báo này và thấy "hay" là *Bạn Hiền* cuả Lê Tất Điều viết tưởng niệm Lê Đình Điểu, và *Sàigòn, Tháng ngày trôi nổi" của Trần Doãn Nho viết về cuộc sống lam lũ, khổ sở của người dân miền Nam sau ngày "giải phóng." Bạn Hiền* thì cảm động, chan chứa tình; *Sàigòn, Tháng ngày trôi nổi* thì nhiều tình tiết lạ, tủi nhục tràn đầy thân phận kiếp người. Nhiều người đã viết về Lê Đình Điểu, nhưng có một điều mà tôi chắc, ngoài anh và tôi ra, không có ai biết, và đó là một kỉ niệm vui, khi chúng tôi còn học tập quân sự trong trường Võ Bị Thủ Đức vào năm 1969. Mà nếu nhắc lại thì may ra chị LĐĐ, người đã có thời dạy chung Hội Việt Mỹ Sài Gòn với tôi, có thể nhớ ra...

Báo số 125, tháng Chín. Tôi để ý đọc bài *Đạo kính tổ tiên, điểm gặp gỡ chung cho tín ngưỡng Việt* cuả LM Trần Cao Tường và thấy là cao kiến, có ý hướng tốt, vì vấn đề thờ cúng tổ tiên, thường được người miền Nam gọi nôm na là Đạo Ông Bà, đã được nhắc nhở tới, mà đặc biệt được nhắc nhở bởi một vị linh mục. Có điều là văn vẻ, lối diễn tả, những đoạn tác giả trích dẫn, tôi thấy có nhiều chỗ hơi khó hiểu, nên mất bớt đi cái hay của bài viết. Nhưng đó cũng có thể là lỗi tại tôi.

Báo số 126, tháng Mười. Khi đọc bài *Một vài trao đổi với LM Trần Cao Tường* của Nguyễn Hùng Vũ, tôi mới thấy toát mồ hôi hột. Không ngờ thái độ "ngu si" cuả mình, lại không được ngòi bút sắc bén, tư tưởng vững vàng, lí luận đanh thép, phong cách trí thức của tác giả Nguyễn Hùng Vũ cho "hưởng thái bình." Ông Vũ *không* cho rằng ông Tường có ý hướng tốt, mà chỉ "muốn vơ về một mối" cho mục đích tôn giáo của mình. Thế mới là lạ! Sau khi nói đến một thứ khoa học về tâm linh đang được hình thành, ông Vũ đã viết một đoạn mà tôi thấy hợp ý: "Niềm tin vào một chủ thuyết của một tôn giáo nào đó là một vấn đề cá nhân tôi không muốn đụng chạm, nhưng đối với tôi, quan trọng hơn những gì tôi tin là khả năng tự suy ngẫm và xét lại những gì tôi đang nghĩ là tôi tin." Tôi còn thích hơn nữa đoạn ông Vũ viết sau đây: "Khi tâm con người đã được phát huy đến độ đơm bông kết trái, thì vấn đề 'tôn giáo của tôi, tôn giáo của anh' sẽ không còn nữa, sẽ không còn biên giới, không có vấn đề đúng, sai, không có vấn đề 'người ngoại đạo' nữa, và một tín đồ với tất cả những giá trị của một tín đồ sẽ biết kính trọng tôn giáo của người khác như tôn trọng tôn giáo của chính mình."

Ông Vũ viết hay đã đành, nhưng có chỗ lập luận về *Trời hay Thiên nhiên hay Định mệnh?* của tác giả, có thể cũng là hay đấy, để phản bác lại tác giả họ Trần về một số ví dụ liên quan đến "ông Trời," thì tôi chưa thực sự cảm thấy ngấm, vẫn còn đợi tiêu hoá. Nhưng đó cũng có thể là lỗi tại tôi.

Cũng trong số báo 126 này, tôi đặc biệt để ý đến bài *Cuốn từ điển xuất bản tám lần* của Đặng Trần Huân, trong đó tác giả nhận xét về quyển *Từ Điển Việt Anh* cuả Bùi Phụng. Quả là "vải thưa không che được mắt Thánh!" Tôi thật không ngờ vị cựu Chủ nhiệm Khoa Tiếng Việt, trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, lại để cho thiên hạ được dịp "bới lông tìm vết" nhiều đến thế! Giáo sư Bùi Phụng, nếu tôi nhớ không lầm là cháu cụ Bùi Kỷ, tôi đã được gặp mặt vài lần tại Hà Nội vào những năm đầu thập niên 1990 qua những lần tôi từ Úc-đại-lợi về tham dự Hội nghị Giáo dục tại quê nhà. Tôi đã tình cờ được dự một hội nghị về "Nghiên cứu Văn học Bắc Âu" tại Hà Nội vào năm 1993 và tôi hơi thất vọng khi được nghe Giáo sư Bùi Phụng phát biểu quan niệm vô cùng tiêu cực của ông về việc dịch thuật — một việc làm, theo ông, là vô vọng, đặc biệt là khi phải dịch tục ngữ, thành ngữ. Ông người cao lớn, béo tốt, đeo kính cận dầy cộm, tính tình vui vẻ, dễ mến, thích nhậu nhẹt. Tôi mến ông, chúng tôi thích cho nhau nụ cười, và vì thế, tôi còn muốn gặp ông lần nữa. Tuy giống như nhiều người, ông mong có thu nhập cao cho các sản phẩm trí tuệ của mình, nhưng có

lẽ ông không nghiêm túc lắm về chuyện chữ nghiã, tiếng Anh tiếng Việt, đem in ấn, xuất bản. Riêng về "Cuốn từ điển xuất bản tám lần" của ông, tôi đang nghĩ xem có cách nào hay nhất để chuyển đến tay ông những lời "vàng ngọc" của tác giả họ Đặng hay không? Mà lần này, nếu có, sẽ không phải lỗi tại tôi, người đưa thư (the messenger).

Nhà soạn từ điển họ Bùi, người mà vào đầu thập niên 1980, nếu tôi nhớ không lầm, đã có công sáu tháng "tầm chương trích cú" tại Trung tâm East-West Center thuộc Đại Học Hạ-oai-di, Hoa Kì, chắc phải hiểu câu nói của người Mĩ "Don't kill the messenger!" nghĩa là gì? Và như thế, nếu có dịp gặp lại tôi, tôi chắc ông sẽ chỉ cười "khà."

Trịnh Nhật *(Sydney, Australia)*

Màu quan san

Là một độc giả thường xuyên của quý báo, nếu tôi không lầm thì số *Thế Kỷ 21* của tháng Mười, số 126, có lẽ là lần đầu tiên từ nhiều năm nay tờ báo đã dùng một bức ảnh màu làm bìa; lâu nay người đọc chỉ quen thấy bìa báo là một tác phẩm hội họa. Nhưng điều tôi muốn nói là quý báo đã chọn một bức ảnh tuyệt vời.

Rất thích bài "Màu Quan San" dí dỏm, không kiểu cách, và nói được nhiều điều với độc giả. Và mê hơn nữa là bức ảnh rừng thu. Chao ôi, "ảnh mà đến thế thì thôi, đời phồn hoa cũng là đời bỏ đi!" Mà đời sống ở đô thị chen chúc, xô bồ đôi khi cũng đáng bỏ công đi thật, để theo tác giả Thu Nga băng rừng vượt suối tận hưởng - và mang về cho người khác nữa - những phong cảnh thần tiên, thoát tục như thế. Tôi và nhà tôi dường như nín thở để ngắm nghía bức ảnh! Nhớ lại những lần vượt đường trường vùng upstate New York sang Canada vào độ thu như bây giờ, chúng tôi cũng đã từng "nín thở" nhìn "màu quan san" trùng điệp hai bên đường. Bức ảnh của nhà nhiếp ảnh Thu Nga lộng lẫy một cách quý phái nhờ màu vàng bát ngát. Và lạ lùng là ánh phản chiếu dưới đáy nước lại đỏ hơn, khiến bức ảnh lại thêm màu sắc. Mặt nước, không một chút cau mày, trong vắt, phẳng lì, làm một tấm gương cho rừng thu soi bóng. Tất cả là một sự yên bình, tĩnh mịch, một cái gì cô liêu và dễ tan, dễ vỡ... Không nói bằng lời được, chỉ im lặng mà cảm nhận.

Chụp được một bức ảnh như thế không dễ dàng, không đơn giản chút nào. Như tác giả đã tâm sự trong bài viết, nhiều yếu tố làm nên một tấm ảnh: đúng lúc, có cơ hội, có hoàn cảnh, đủ tài nguyên, và một đam mê. Tôi xin góp thêm một yếu tố nữa, *may mắn*, một yếu tố dự phần trong mọi nỗ lực của con người, từ sáng tác đến nghiên cứu v.v... Hy vọng tác giả đồng ý? Tuy tôi chỉ chụp ảnh amateur, nhưng rất hiểu kỳ công mà tác giả Thu Nga đã bỏ ra cho bức ảnh để đời này. Xin cám ơn báo *Thế Kỷ 21*, cám ơn tác giả Thu Nga.

Hà Kỳ Lam *(Pennsauken, NJ)*

Thế kỷ của tôn giáo?

Số báo 126 (tháng 10/99) vừa qua của quí vị có nhiều bài rất hay, và tổng quát thì liều lượng bài nặng/nhẹ khá cân bằng. Xin có lời "khen ngợi" ban chủ biên đã có công chọn lựa và xếp đặt khiến cho độc giả chúng tôi được những món ăn tinh thần rất đặc sắc. Bên cạnh những bài nặng ký và có giá trị như bài về Lịch Sử của Trần Anh Tuấn, Minh Võ, tôi rất thích mấy bài nhẹ nhàng của Phan Thị Đỗ Quyên, Mai Hiền Lương, Tôn Nữ Thu Nga.

Bài của Nguyễn Hùng Vũ trao đổi ý kiến với linh mục Trần Cao Tường về quan niệm Thờ Kính Tổ Tiên của người Việt chứng tỏ tác giả hiểu thấu đáo nhiều khía cạnh khác nhau của vấn đề, đọc rất thú vị. Tôi rất đồng ý với những dẫn chứng của ông Vũ về chiều hướng phát triển Khoa Học Tâm Linh của thế kỷ 21 tới đây, nhất là tại các quốc gia tiến bộ. Khoa học và nhu cầu tâm linh của con người trong những thế kỷ tới không phải là nhu cầu tôn giáo của những thế kỷ xưa. Dân chúng Âu Mỹ đa số đã bỏ tôn giáo của họ vì không chịu nổi thần quyền và những giáo điều cứng ngắc. Nếu cho rằng "Thế kỷ 21 sẽ là thế kỷ của tôn giáo," thì có lẽ những tôn giáo nặng về thần quyền sẽ tiếp tục phát triển tại các nước của thế giới thứ ba, còn khuynh hướng tu tập tâm linh mà không cần dựa vào hình thức lễ nghi tôn giáo sẽ đáp ứng nhu cầu cho dân chúng tại các nước tiền tiến chăng?

Thanh N. Phong *(Virginia)*

Trong khi chờ đợi...

Trong bài *Trong khi chờ đợi thế kỷ 21* đăng trên số 126, tác giả Vương Hữu Bột viết: "hy vọng trong năm 2000 sắp tới tạp chí này sẽ được tiếp đón những người yêu nước và lo cho tương lai thế hệ trẻ, dùng **diễn đàn chung** này trình bày các hiểu biết và ý kiến của mình. Chúng ta cùng chuẩn bị cho dân Việt Nam bước vào Thế Kỷ 21."

Tôi nghĩ rằng ý kiến trên đây của tác giả chỉ mới mà một phác họa, nhưng vì tính chất hấp dẫn của nó, tôi xin trình bày với quý vị một số ý nghĩ chợt đến với tôi sau khi đọc bài báo.

1. Liệu *diễn đàn chung* này, trên căn bản tranh luận, có dám trình bày ý kiến của phe cộng sản không?

2. Khi đã lập ra *diễn đàn chung* thì có đặt ra tiêu chuẩn để nhận ý kiến, bài vở hay không? Người phụ trách có sẽ cắt xén, kiểm duyệt ý kiến đóng góp không? Độc giả có tự do chọn đề tài thảo luận và thời gian thảo luận không?

3. Với những ý kiến gửi đến mà không được chọn đăng, *diễn đàn chung* có cho biết lý do không? Và DĐC có sẽ thành một mục thường xuyên trên báo để độc giả tiện theo dõi không?

Hy vọng một số ý nghĩ bất chợt của tôi sẽ đóng góp được một phần cụ thể vào việc thực hiện ý định tốt đẹp của quý báo.

Vân Phố Hoàng Đống *(Aliso Viejo, CA)*

Các ý kiến của ông sẽ là những gợi ý rất tốt cho chúng tôi khi diễn đàn chung được thực hiện một cách cụ thể. Xin cám ơn ông.

Học giả, nhà báo Thượng Chi Phạm Quỳnh chết ở đâu?

Trong bài "Phạm Quỳnh, nhà báo," ông Nguyễn Ngọc Bích viết: "... Phải sau khi ông mất đi vì bị Cộng sản Việt Minh giết ở Quảng Trị..." (*Thế Kỷ 21* số 122 June 1999, trang 29). Sự thật, cố Thượng thư Phạm Quỳnh chết ở Hiền Sĩ, gần Huế. Theo tài liệu do thân phụ tôi thuật lại (ông là cộng sự với cố TT Phạm Quỳnh ở Cơ Mật Viện Huế) và theo Giáo sư Võ Như Nguyện (nguyên Giám đốc Công an Trung Việt và giáo sư Hán học viện Đại học Huế) thì ngày 23 tháng Tám 1945, sau khi cướp chính quyền ở Huế và yêu cầu Hoàng đế Bảo Đại thoái vị, Việt Minh đã buộc tội ba người là Phạm Quỳnh, Ngô Đình Khôi (bào huynh cố Tổng thống Ngô Đình Diệm) và con là Ngô Đình Huân là "Việt gian" rồi bắt ra Hiền Sĩ (một làng ở cách xa Huế 16 cây số, hướng Bắc, dọc quốc lộ I), giết ngay tại chỗ mà không có ra tòa để biện hộ tuyên án gì cả. Đó là luật rừng rú của cái gọi là "cách mạng tháng tám." Trong thời gian này ngoài cái chết tức tưởi của ba vị trên, còn có biết bao nhiêu nhân tài yêu nước khác cũng cùng chung số phận bị thảm sát rất oan uổng. Cần ghi chép rành mạch để lưu truyền hậu thế những điều này. Vì thế, tôi nghĩ nói thêm chi tiết về cái chết của học giả Phạm Quỳnh cũng không phải là vô ích.

Phụng Hồng
(TTK thường trực Hội Quên Huế, Winter Park, FL)

Thu vàng

Chúng tôi sống ở Yerres, một thị trấn ở ngoại ô Paris, nhà ở ngay bên bờ con sông Yerres nhỏ chảy êm đềm. Từ sân sau nhà chúng tôi nhìn qua bên kia sông là một cánh rừng cây cối rậm rạp. Mỗi năm về mùa thu lá rừng thay màu, từ xanh chuyển sang vàng rực, và màu thu vàng phản chiếu cả xuống nước sông, tạo nên một thế giới đẹp một cách hoang đường.

Khi nhận được *Thế Kỷ 21* số 126 (Oct 99), giở ra tôi giật mình vì hình bìa hiện ra một cảnh quen thuộc quá chừng, đó đúng là hình ảnh bên kia sông Yerres của tôi vào mùa thu. Người nghệ sĩ nhiếp ảnh đã bắt được cái "thần" của mùa thu ôn đới, tái tạo một cách thần tình giây phút ngây ngất nhất của thiên nhiên, đám cây sáng lên màu vàng, mặt nước như gương phản chiếu màu cây cùng một mảnh trời xanh nho nhỏ, bên bờ nước mấy tảng đá nằm một cách mỹ thuật như là tạo hóa đã khéo ra tay xếp đặt... Một bức ảnh tuyệt hảo.

Buổi chiều ngồi ở sân sau đọc báo, tôi có trong tay một tác phẩm nghệ thuật, trong khi trước mắt tôi, bên kia bờ nước, một bức ảnh nghệ thuật khác đang phơi bày, tác phẩm của thiên nhiên. Cuộc đời ngắn ngủi của chúng ta rồi sẽ qua nhanh, nhưng cái đẹp của những tác phẩm nghệ thuật, của trời cũng như của người mà tôi có vào buổi chiều nay, rồi sẽ còn tồn tại dài lâu...

An Cựu *(Yerres, France)*

Nhiều chưa hẳn đã tốt

Bài góp ý của ông Phạm Trọng Chánh trong *Thế Kỷ 21* số 124 tháng Tám 1999, có một điều tôi thấy cần xem lại, đó là: *"... trong lịch sử dân tộc Việt Nam chưa bao giờ có một khối lượng nhân tài tốt nghiệp từ các đại học danh tiếng thế giới nhiều như ngày nay, số lượng ấy có thể khoảng bốn năm trăm ngàn người được hai triệu người Việt Nam cưu mang nuôi dưỡng trong hai mươi lăm năm qua. Chỉ cần một phần mười số ấy về nước cũng đủ thay đổi bộ mặt đất nước."*

Thống kê cho biết có khoảng hai triệu người Việt Nam tại hải ngoại, nhưng trong đó có thể người Tàu gốc Việt chiếm gần một

triệu, số này chắc không tha thiết trở về Việt Nam, vì quê gốc của họ là Tàu, Việt Nam chẳng qua chỉ là nước cư ngụ làm ăn, giống như những nước họ đang cư ngụ bây giờ. Còn lại khoảng hơn một triệu người Việt Nam "ròng," số con em tốt nghiệp đại học không thể tới bốn năm trăm ngàn như ông Chánh ước lượng. Rồi bao nhiêu người sẽ về? Thật ra không phải về càng nhiều càng tốt, vì tại Việt Nam hiện nay giới trẻ có kiến thức, có tay nghề khá đông. Chỉ cần một số ít "thật tài" trở về thôi, chứ đối với một đất nước nhỏ hẹp, dân số tăng đều đều thì kéo nhau về nhiều chưa hẳn là điều tốt đâu!

Lý Đông Nam *(Redmond, WA)*

Bí mật nghề nghiệp

Hiện nay chỉ có tạp chí *Thế Kỷ 21* là bỏ công đọc sách một cách thật kỹ lưỡng và giới thiệu đầy lương tâm, ân cần với tác giả, chu đáo với độc giả. Vợ chồng chúng tôi thường nói với nhau: làm sao người phụ trách mục "Sách báo trong tháng" có thì giờ đọc nhiều và đọc kỹ như vậy?

Tam & Ha *(Internet)*

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của những tác giả sau:

Vũ Thế Dũng, Lê Vũ Thúy Ái, Thanh Phong, Nguyễn Đăng Tuấn, Hạ Đỏ Chung Bích Phượng, Khánh Hà, Hồ Công Tâm, Dạ Châu, Babui, Tạ Tỵ, Trần Vấn Lệ, Nguyễn Văn Tuấn, Ngô Thanh Tâm, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Nam Vân, Lê Đình Thông, Minh Võ, Trần Quán Niệm, Huyền Ký, Thanh Thảo, Từ Nguyên, Tiểu Quyên, Trần Huy Sao, Cổ Ngư, Trần Gia Phụng.

Cáo lỗi cùng độc giả: Vì một lý do riêng, loạt bài *Công cuộc nghiên cứu Việt sử tại Bắc Mỹ* của Trần Anh Tuấn không đến được với độc giả trong số này như dự định. Sẽ tiếp tục từ số sau. Xin cáo lỗi cùng quý vị.

Phạm Tư Lập *(Baton Rouge LA):* Rất tâm đắc với những lời dặn dò đầy chân tình của ông. Có những người chúng ta nên giữ thái độ "kính nhi viễn chi," nay được lời dặn của ông thì mới thấy ở đời những... tư tưởng lớn thường gặp nhau. Xin gửi đến ông lời cảm tạ rất tri kỷ. Thân kính.

Nguyễn Đình Cường *(Cerritos, CA)*: Khổ quá, lâu lâu bạn la rầy một lần thì... đúng bon, không chối cãi vào đâu được. Cái đó không phải do lỗi đánh máy đâu, mà nhận từ Internet đấy. Trong quá trình convert từ dạng nọ qua dạng kia, đôi khi nó dở chứng như vậy, không kiểm soát kỹ một chút là "lãnh cái búa" ngay. Nói vậy để bạn thông cảm, chứ đằng nào thì cũng "lỗi tại (chúng) tôi mọi đàng!"

Độc giả gia hạn và độc giả mới

John Diep (Boynton FL), Lê Văn Tư (Madison WI), Lap Tu Pham (Baton Rouge LA), Ngô Thanh Tùng (Alameda CA), Le Duc Vi (Porland OR), Chinh Nguyen (East-Hartford CT), Do Cuong (Sacramento CA), Tran H. Dung (St Louis MO), Phien Tran (Austin TX), Ewing Diep (Shalimar Fl), Lệ Ba (Toronto CANADA), Nguyễn Đức Tâm (Thousand Oaks CA), Thi Xuan Ho (Tucson AZ), Peri. Angel Corona Pub. Lib (Corona CA), Pomona Pub. Lib. (Pomona CA), Milpitas Community Library (Milpitas CA), Hoàng Thị Trang (Los Angeles CA), Tu Van Dat (New Hope MN), Ha Nguyen Abihai (Hon. HI), Nguyen Ngoc Hoa (Panama City FL), Trần Huy Sao (San Diego CA), Kiet Trang (San Diego CA), Nguyen Gia Tien (Prilly, SWITZERLAND), Ngo Thanh Tung (Alameda CA), Lê Đình Khôi (Santee CA), Chau N. Hoang (Orlando FL), Nguyễn Thành Lộc (Moundsview MN), Bùi Thạnh (Gaithersburg MD), Ngô Hồng Hoa (San Gabriel CA), Lê Đình Thông (Paris FRANCE), San Francisco Public Library (San Francisco CA), Sunnyvale Public Library (Sunnyvale CA), Trần Thế Tiếu (Wichita KS), Phuong Quoc Phi (Higashi Atsugi JAPAN), Bùi Đức Lạc (San Jose CA), Nguyễn Thế Viên (Seattle WA), Nguyen Quang Binh (Rosemead CA), Nguyễn Đức Lũy (Sparks NV), Nguyen Nhieu (Braintree MA).

Độc giả thay đổi địa chỉ

Toensberg Bibliotek (Toensberg NORWAY), Trần Ngọc Tuấn (Liba CZECH REPUBLIC), Ngọc Tú Vũ (Everett MA), Nguyen Hao (Diamond Bar CA).●

GIẢM PHÁT, KÍCH CẦU CŨNG KHÔNG LÊN

NGÔ NHÂN DỤNG

Tháng Mười Một, Trung ương Đảng Cộng Sản Việt Nam sẽ họp. Đề mục quan trọng là chuyện kinh tế. Trong nội bộ Đảng, phe muốn tăng nhanh tốc độ thay đổi chưa đủ mạnh để chống lại thành phần thủ cựu muốn trì hoãn mọi sự thay đổi. Những xí nghiệp quốc doanh độc quyền, của quân đội và các Tỉnh ủy, Thành ủy không muốn mở cửa cho Việt Nam hội nhập với nước ngoài, sợ phải cạnh tranh với các dịch vụ và hàng hóa ngoại quốc.

Trong một bài phỏng vấn trên báo Tuổi Trẻ, Ông Lê Đăng Doanh, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương đã nói thẳng phải thay đổi từ bộ máy hành chánh, xí nghiệp, tới ngân hàng. Các xí nghiệp quốc doanh tiếp tục thua lỗ. Các Tổng công ty Gang thép, Xi măng, Đường, v.v. sản xuất hàng không ai mua. Đường là một thí dụ. Máy móc làm đường nhập cảng từ mươi năm qua là đồ phế thải của các nước khác, hiệu năng thấp và làm ra đường rất xấu, không ai muốn mua.

Tiền đọng trong các ngân hàng

Nền tài chánh bế tắc. Các ngân hàng được nhà nước bơm tiền vô nhưng không đem cho ai vay được. Vào Tháng Bảy, các ngân hàng ở Sài Gòn đã báo cáo sáu tháng đầu năm hoạt động trì trệ: số tiền gửi vào (gần 38 ngàn tỷ đồng) chỉ đạt được 7% chỉ tiêu, số tiền cho vay (39 ngàn tỷ) chỉ là 6% chỉ tiêu. Số lượng tiền vốn ứ đọng tại các ngân hàng của nhà nước được coi là đáng lo ngại. Số nợ không đòi được lên tới 20% tổng số, theo tin tức chính thức. Tài sản thế chấp của những công ty như Minh Phụng Epco gần 5 ngàn tỷ đồng chưa phát mãi được, chiếm một phần tám số nợ cho vay. Tháng Bảy, khi số tiền cho vay giảm 1.4%, lãi suất được hạ xuống 1.05% một tháng, nhưng không khuyến khích được người đi vay thêm.

Để thúc đẩy các xí nghiệp vay nợ, trong tháng Mười Ngân hàng Nhà nước đã hạ lãi suất từ 1.05% xuống .085% mỗi tháng, vẫn còn tương đương với 11% một năm. Khi Chỉ số Giá sinh hoạt giảm 1% thì cất tiền một chỗ cũng thấy tiền lên giá 1% một năm. Nếu các doanh nghiệp đi vay mà không thấy cơ hội làm ăn nào sinh lợi hơn 12%, thì thà ngồi không, đỡ lỗ vốn. Trừ các doanh nghiệp nhà nước, vay bao nhiêu rồi cũng không lo phải trả! Nhưng khi các doanh nghiệp không tăng vốn làm ăn, kinh tế chỉ tăng trưởng hơn 4% một năm thì hàng triệu thanh niên đến tuổi bước vào thị trường nhân dụng mỗi năm sẽ kiếm đâu ra việc làm?

Hiện tượng giảm phát

Hồi giữa năm 1999, Ông Lê Đức Thúy, Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước dự đoán năm nay lạm phát sẽ lên khoảng từ 5 đến 6%, ông yêu cầu các ngân hàng phải tính lãi suất cho phù hợp. Nhưng sự thật xảy ra lại trái ngược hẳn. Chỉ số Giá Tiêu dùng trên toàn quốc giảm 1% trong Tháng Mười, và tính cả 10 tháng đầu năm thì đã giảm 0.8%.

Có thể nói Ngân hàng Nhà nước, tức Ngân hàng Trung ương Việt Nam đã làm quá tốt cái nhiệm vụ "ổn định giá cả." Tốt quá thì thành xấu. Cũng giống như chủ trương chính trị của Đảng Cộng Sản là "ổn định xã hội," ai ngồi đâu ngồi đó, để các quan trên làm việc nước; chủ trương "ổn định giá cả" nhằm canh chừng không cho lạm phát lên. Nếu lạm phát gia tăng thì có thể gây thêm bất mãn cho tất cả mọi tầng lớp, nguy hiểm cho chế độ. Còn khi giảm phát thì có thể lựa chọn một mục tiêu, chỉ có một thành phần trong xã hội chịu thiệt thòi nhất. Trong đoạn sau chúng ta sẽ coi đó là thành phần nào.

Biết vậy nên Đảng phải kìm không cho giá cả lên. Chỉ nhắm vào mục tiêu kìm hãm giá cả nên "lãng quên" mục tiêu quan trọng hơn, là phát triển kinh tế. Nhưng cái tội để cho kinh tế không phát triển, (đầu tư ngoại quốc chậm vào, các doanh nghiệp nhà nước sản xuất hàng xấu, ngân hàng quốc doanh thua lỗ,) đều là những tội chung do chính sách của Bộ Chính

trị gây ra. Còn nếu để giá cả lên cao thì ai cũng có thể đổ tội cho một mình Thống đốc Ngân hàng Trung ương Nguyễn Tấn Dũng phải chịu.

Những biện pháp để kìm giá đã tạo ra cảnh giảm phát. Trong hai năm qua, nói chung chính phủ Hà Nội đã lấy bớt tiền trong túi người dân, còn nhà nước thì cố tránh khiếm hụt ngân sách, không chịu chi ra.

Nhà nước giữ tiền lại không chi, thí dụ, không bù lương cho công nhân viên, mặc dù đồng lương của họ quá thấp. Nhà nước không tăng lương cũng có lý do. Vì các công nhân viên từ xí nghiệp quốc doanh đến bộ máy hành chánh không giúp tạo thêm của cải, mà ngược lại. Kết quả là hàng triệu người bớt tiêu thụ vì giá trị đồng lương chỉ còn đáng 70%.

Trong khi đó, Nhà nước lại tìm cách thu hút tiền của dân bỏ vào công quỹ. Thí dụ, đặt ra thứ thuế Giá Trị Gia Tăng để thâu thêm thuế. Sắc thuế này thất bại vì cơ chế không kiểm soát được ai phải đóng ai không, tha hồ cho tham nhũng hoành hành, nhưng chính phủ vẫn không chịu bỏ, chỉ cắt giảm 50%. Nhưng cắt 50% rồi, mà cơ chế vẫn như cũ thì số thuế thâu được sẽ giảm đi mà nhũng lạm vẫn còn nguyên. Các doanh nghiệp sẽ dành nhiều thời giờ bày mưu trốn thuế, vì còn lợi hơn lo cải thiện việc kinh doanh! Ở một nước bình thường thì sau một thất bại như vậy, ông Bộ trưởng Tài chánh đã từ chức rồi!

Để tăng số thâu vào ngân sách, lại bày trò bán giấy nợ, cắt nghiến lương từ gốc, bắt công nhân viên phải "tình nguyện" mua công trái. Thế là hàng chục triệu người phải thắt lưng buộc bụng nữa. Nhưng các biện pháp tăng thâu trên cũng không tác hại nhiều bằng tình trạng kinh tế đình đốn. Khi các xí nghiệp quốc doanh thua lỗ, họ bớt tiêu xài, những người ta không có việc làm cũng không thể tiêu xài. Và vì làm ăn không khá, chẳng ai muốn đầu tư, kinh tế lại trì trệ hơn.

Kích mãi cầu không lên

Số tiêu thụ giảm sụt khiến hàng chất đầy kho không bán được, lý do không phải chỉ vì hàng xấu mà còn vì dân không có tiền mua. Kinh tế Việt Nam đang cần người tiêu thụ.

Để cứu vãn tình trạng giảm giá, nhà nước hô lên những khẩu hiệu "kích cầu." Theo đường lối kinh tế của Keynes mà nhiều nước áp dụng khi kinh tế xuy giảm, chính phủ chi tiêu sẽ giúp nhu cầu tiêu thụ tăng lên khi đồng tiền được đưa vào nền kinh tế. Nhiều người tiêu thụ, các xí nghiệp sẽ hoạt động mạnh hơn, giúp thêm nhiều người có việc làm, họ lại tiêu thụ nữa.

Nhưng tại sao các biện pháp kích cầu ở Việt Nam không thành công? Vì các hoạt động kinh tế vẫn nằm trong tay một bộ máy thư lại kềnh càng và chậm chạp. Ở các nước tư bản, khi chính phủ quyết định chi tiền để xây dựng đường xá, cầu cống, thì người ta gọi thầu, nhiều người đang thất nghiệp đi làm việc xây cất, trong mấy tháng đồng tiền bắt đầu chảy vào túi người tiêu thụ, họ bắt đầu tiêu tiền. Chính phủ Hà Nội đã được Quốc hội cho phép chi nhiều hơn thu, bội chi 5% ngân sách, dự trù bỏ ra 3,780 tỷ đồng cho vay để xóa đói giảm nghèo, 410 tỷ đồng để xây dựng cơ sở cho 1000 xã v.v.. Nhưng lệnh ban ra rồi, các quan chức từ trung ương đến làng xã cứ từ từ đóng dấu và ký tên, đủ các thứ giấy tờ. Sau chín tháng, vẫn chưa dùng hết tiền, số bội chi mới có 3.3%, không đủ kích thích tăng tiêu thụ.

Nông dân chiếm 70 đến 80% dân số, là một lực lượng người tiêu thụ rất đông. Nhưng lợi tức của nông dân thì lại giảm, mặc dù lúa được mùa. Lý do vì hệ thống thu mua lúa của Đảng kìm giá và kiểm soát số lượng thực phẩm xuất cảng. Trong Chỉ số giá tiêu dùng có 11 món chính, 10 món lên giá từ 1.3% đến 3.7%, chỉ có một nhóm hạ giá là lương thực, giảm 10.5%, kéo tất cả giá tiêu thụ xuống số âm 0.8%. Điều đó cho thấy rõ ai bị hy sinh: thu nhập của nông dân bị dìm xuống, trong khi các thứ giá cả khác tăng lên. Đó là chính sách "lấy nông thôn nuôi thành thị." Và nuôi những ai ở thành thị? Nuôi báo cô các xí nghiệp quốc doanh làm ăn thua lỗ.

Trương mục quý hơn con người

Tình trạng cần thay đổi, ai cũng biết, nhưng chỉ cần một số ủy viên Bộ Chính trị ngăn cản là nền kinh tế cả nước bị kẹt. Ông Lê Đăng Doanh có nói mãi cũng chưa chắc thuyết phục được họ. Vì một quy tắc của Đảng là làm sao cho "anh em vui vẻ, đoàn kết." Nếu có một, hai người mất phần sôi thịt, thì các quan khác cũng ăn mất ngon. Cho nên, nếu còn người chống đối, thì không thể thay đổi. Thà để cho kinh tế cả nước trì trệ, thụt lùi so với các nước chung quanh, nhưng không thể để mất quyền lợi và anh em bất hòa! Ông Tổng Bí Thư Lê Khả Phiêu mới nhắc lời cụ Hồ, nói rằng các đảng viên phải giữ tình đoàn kết như bảo vệ con ngươi trong mắt mình.

Ngày nay, đoàn kết còn quan trọng hơn nữa, phải nói rằng "Cần giữ tình đoàn kết như bảo vệ trương mục trong ngân hàng của mình." Mất một con mắt không sao, mất cái trương mục thì khổ lắm! ⊛

MỘT NHÀ SƯ LƯU VONG MONG ƯỚC ĐƯỢC TRỞ VỀ VIỆT NAM

GUSTAV NIEBUHR

(The New York Times ngày 16 tháng Mười 1999,
Các tiểu đề do Tòa soạn thêm.)

TÂM NGUYÊN KHƯƠNG dịch

Một buổi chiều mùa thu đầy nắng, từ bên lưng đồi tràn ngập màu lá vàng, Thiền Sư Thích Nhất Hạnh có thể ngắm nhìn bao quát khu trang trại nuôi ngựa trước đây nay đã được biến cải để mang cái tên mới, "Đạo Tràng Thanh Sơn" (Green Mountain Dharma Center), nơi tổ chức các khóa tu học cho Phật tử và cũng là Tu Viện tương lai, trú xứ của khoảng vài mươi tu sĩ.

Thiền Sư đang có những giây phút nghỉ ngơi trong ngày giữa những chương trình thuyết giảng với một cử tọa gồm hàng trăm, đôi khi hàng ngàn người về những đề tài nói lên sự cần thiết duy trì liên tục "chánh niệm" trong đời sống, tức là một sự tỉnh giác thường xuyên và tích cực vào những gì đang xảy ra trong hiện tại, hoa trái của sự hiểu biết chân thật và tình thương yêu rộng lớn đối với mọi người.

Ảnh hưởng lớn thứ nhì, sau Đức Đạt Lai Lạt Ma

Trong số những nhà lãnh đạo tôn giáo có nhiều ảnh hưởng tại Tây phương, Thiền Sư Thích Nhất Hạnh được xếp hàng thứ hai sau Đức Đạt Lai Lạt Ma, vị lãnh đạo tinh thần lưu vong của dân tộc Tây Tạng. Những tác phẩm của Thiền Sư Thích Nhất Hạnh có thể tìm thấy trên những tiệm sách từ miền Đông đến miền Tây nước Mỹ.

Bà Helen Tworkow, chủ biên tạp chí *Tricycle,* một tạp chí chuyên đề về Phật giáo tại Hoa Kỳ có nhận xét: "Ngài Đạt Lai Lạt Ma có cả triệu người ngưỡng mộ, nhưng có hàng ngàn người tại quốc gia nầy nhận Thiền Sư Nhất Hạnh là Thầy của chính họ, liên hệ thân thương đầy ý nghĩa." Bà còn nói thêm: "Thiền Sư Nhất Hạnh là một nhân vật rất quan trọng trong sự nghiệp truyền bá đạo Phật tại Tây phương."

Chúng ta không biết có bao nhiêu người đang tu học Phật pháp tại Hoa Kỳ. Nhưng trong tác phẩm *"The complete guide to Buddhist America"* - Cẩm nang đầy đủ về Phật giáo tại Mỹ - (Shambala 1998), tác giả Don Morreale đã giải thích vì sao đạo Phật phát triển nhanh chóng tại Hoa Kỳ với con số 21 Trung tâm tu học Phật Giáo trong khoảng thời gian từ 1900 đến 1964, nay con số đó đã lên đến hơn 1,000.

Giảng dạy tại 35 quốc gia, nhưng không được về Việt Nam

Nhưng trong cuộc phỏng vấn của tôi ngày hôm nay, vấn đề quan tâm của Thiền Sư Nhất Hạnh là Việt Nam, đặc biệt là ước muốn của ông được trở về đó giảng dạy sau hơn 30 năm sống lưu vong mà gần hết thời gian nầy là ở Pháp.

Năm 1966, Thiền Sư Thích Nhất Hạnh rời Việt Nam trong nhiệm vụ nói lên tiếng nói vì hòa bình cho dân tộc Việt Nam. Ông đã gặp Tiến Sĩ Martin Luther King, Giáo Hoàng Paul VI và Bộ trưởng Quốc phòng McNamara...

Chính phủ Miền Nam Việt Nam từ khước không cho ông trở về, chính phủ Cộng Sản Việt Nam cũng làm như vậy sau khi chiếm Miền Nam Việt Nam.

"Tôi đã giảng dạy và hướng dẫn tu tập Đạo Phật tại 35 quốc gia," Thiền Sư Nhất Hạnh nói, "ấy vậy mà tại Việt Nam, sách của tôi còn bị cấm lưu hành."

Sau những cuộc vận động thầm lặng hậu trường, bây giờ Thiền Sư Nhất Hạnh cho biết đã đến lúc ông và những người ủng hộ ông phải công khai kêu gọi để hy vọng đạt được sự yểm trợ rộng rãi tại Hoa Kỳ và Âu châu, và

thuyết phục chính quyền Việt Nam chấp thuận ông và một phái đoàn Tăng Ni về giảng dạy tại Việt Nam.

Phái đoàn muốn trở về nước như một thực thể Phật giáo thực sự, tự do, không bị lệ thuộc vào sự bảo trợ duy nhất của tổ chức Giáo hội Phật giáo lệ thuộc chính quyền Việt Nam. Theo ông, tổ chức Phật giáo đó thiếu mất sự tín nhiệm của cộng đồng Phật tử Việt Nam ở đất nước này.

Thiền Sư Nhất Hạnh cho biết: Mục tiêu của ông nằm trong phạm vi tâm linh, xây dựng nền đạo đức cho dân tộc Việt Nam, ứng dụng đạo Phật mà ông đã và đang truyền giảng để đối trị các căn bệnh tha hóa và tiêu thụ bừa bãi của xã hội Tây phương.

"Chủ nghĩa Mác xít không còn sức quyến rũ với bất cứ ai," ông nói, "Hạnh nguyện của tôi là muốn cống hiến một đạo Phật sống động, một đạo Phật dấn thân."

Trong một cuộc phỏng vấn điện thoại từ Hoa Thịnh Đốn, nơi Thiền Sư Nhất Hạnh trong ngày Thứ Tư đã viếng các văn phòng Nghị Sĩ, Dân Biểu Mỹ, ông Pritan Singh - một doanh gia sinh trưởng tại Massachusetts và tự nhận là học trò của Thiền Sư Nhất Hạnh cùng tháp tùng trong chuyến đi - cho biết: cuộc vận động sẽ hướng trực tiếp đến các vị Lãnh đạo Tinh thần các tôn giáo, các nghệ sĩ, và các chính trị gia. Ông còn cho hay, trong những lần yêu cầu trước, chính quyền Việt Nam đã trả lời vì Thiền Sư Nhất Hạnh mang giấy thông hành Pháp, phải trở về Paris xin chiếu khán nhập nội Việt Nam như một du khách hay qua tổ chức chính thức Phật giáo trong nước. Nhưng chính quyền Việt Nam cũng không nói rõ Thiền Sư Nhất Hạnh sẽ chắc chắn có chiếu khán hay không.

Dân biểu Rick Boucher can thiệp

Một trong số những người quan tâm đến vấn đề trên là Rick Boucher, Dân Biểu Dân Chủ Tiểu bang Vermont. Ông đã nhiều lần can thiệp với các giới chức thẩm quyền tại Hà Nội.

Trong cuộc phỏng vấn điện thoại với Dân Biểu Rick Boucher vào hôm Thứ Sáu, ông cho biết: có thể chỉ có cách là Thiền Sư Nhất Hạnh được sự đồng bảo trợ của tổ chức chính thức Phật giáo tại Việt Nam và một tổ chức quốc tế thân hữu thế tục, tương tự như cuộc dàn xếp mới đây đã để cho Thiền Sư Nhất Hạnh viếng thăm Trung Quốc trong ba tuần lễ và tổ chức các khóa tu trong các Tu Viện Phật Giáo Trung Hoa.

Ông còn cho biết thêm, Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ cũng đã quan tâm tìm một phương thức để Thiền Sư Nhất Hạnh được về thăm Việt Nam.

Được hỏi về việc nầy, phát ngôn viên của Tòa Đại Sứ Việt Nam ở Hoa Thịnh Đốn cho biết: "Chánh sách của Việt Nam là tạo điều kiện thuận lợi để người Việt Nam ở hải ngoại được thanh thỏa ý muốn về thăm quê hương." Bà ấy nói tiếp: Những ai muốn về thăm thì "sự trở về của họ đều được dễ dàng chiếu theo luật lệ hiện hành của chính phủ Việt Nam."

Trong bốn thập niên qua, chiến tranh và cách mạng ở Đông Nam Á Châu đã ảnh hưởng, tuy gián tiếp nhưng sâu đậm, vào niềm tin tôn giáo ở Hoa Kỳ. Những nhà trí thức Phật giáo lưu vong như Thích Nhất Hạnh và Đạt Lai Lạt Ma, trong số những người khác, đã trở thành những vị Thầy quan trọng qua những tác phẩm, những bài giảng để những trao truyền kiến thức về Phật giáo.

Làng Mai và Đạo tràng Thanh Sơn

Trong ngày 24 tháng Chín, hơn 3,500 người đã đến nghe Thiền Sư Nhất Hạnh thuyết giảng về "an lạc, hài hòa và hạnh phúc" tại Đại Học Vermont. Ngày 26 tháng 9, khoảng 500 người đã tham dự khóa tu năm ngày do Thiền Sư Nhất Hạnh hướng dẫn, tại Học Viện Omega, Reinebeck, New York.

Ở tuổi 73, Thiền Sư Nhất Hạnh, người tu sĩ với dáng vóc mảnh mai đã tỏa chiếu định lực và thanh tịnh làm mọi người phải chú ý. Những người tự xem là học trò của Thiền Sư Nhất Hạnh đều gọi ông là "Thầy," (bằng tiếng Việt) có nghĩa là người đã dạy dỗ họ.

Trong thời gian lưu vong, ông đã xây dựng một cộng đồng có tên "Làng Mai" ở Pháp. Ông trình bày mọi vấn đề đơn giản và rõ ràng. "Chánh niệm là tỉnh thức trong mọi công việc hàng ngày." Ông đã viết như vậy trong tác phẩm "Going Home, Buddha and Jesus as Brothers" (Riverhead 1999). "Chánh niệm là thứ ánh sáng soi chiếu mọi suy tư, mọi cảm nhận, mọi hành động và mọi lời nói." Đạo Tràng Thanh Sơn rộng 175 mẫu trong vùng đồi núi miền đông nam của White River Junction, Vermont. Vòng trong của nông trại sẽ trở thành Trung tâm Thiền tập. Hai tu viện cho giới xuất gia nam và nữ sẽ được thiết lập ở ngoài. Trước khi rời Việt Nam để vận động hòa bình, Thiền Sư Nhất Hạnh được biết đến như một thi sĩ, một học giả đã có công xây dựng một Đại Học Phật Giáo và một Trường Thanh Niên Phụng Sự Xã Hội tại Việt Nam.

(...) Được hỏi chính quyền Việt Nam đã nghĩ về ông như thế nào, Thiền Sư Nhất Hạnh cho biết: "Khi tôi ra đi, tôi không phải là một chính trị gia, tôi cũng không có ý hướng làm chính trị. Nghiệp dĩ của tôi là một nhà tu."

"Là một tu sĩ," Thiền Sư Nhất Hạnh nói tiếp: "mình phải có can đảm nói lên tiếng nói chống lại bất công xã hội và những vi phạm nhân quyền."●

AI THỰC SỰ TRÁCH NHIỆM VỀ VIỆC MIỀN NAM VIỆT NAM RƠI VÀO TAY CỘNG SẢN?

Tài liệu mật của Chính phủ Hoa Kỳ được công khai hóa cho phép trả lời câu hỏi này một cách dứt khoát

TÔN THẤT THIỆN

Câu hỏi trên đây là một câu hỏi rất tự nhiên. Cũng như hàng ngàn hàng vạn người Việt Nam khác phải bỏ xứ ra đi, tôi đã không ngớt tự đặt cho mình câu hỏi này. Nhưng trong 25 năm qua, tôi không trả lời được câu hỏi này một cách dứt khoát. Tất nhiên tôi cũng có một số giả thuyết, nhưng đó chỉ là giả thuyết phải giữ riêng cho mình, không đưa ra công khai được, vì nó đương nhiên là những lời buộc tội cá nhân này hay cá nhân khác, đoàn thể này hay đoàn thể khác. Ngoài khía cạnh pháp lý - bị thưa kiện vì tội vu khống — , còn khía cạnh đạo đức - vu oan cho người vô tội — , nhất là tội này lại rất nặng. Thật vậy, trách nhiệm thực sự về việc làm mất Miền Nam Việt Nam vào tay cộng sản, làm cho hơn một triệu người phải bỏ xứ ra đi, và cho hàng mấy chục triệu người khác phải sống một cuộc đời đói khổ, dưới sự áp bức đe dọa hàng ngày của những nhân viên nhà nước thô bạo, là một trách nhiệm, nếu không nói là một tội, lớn lắm.

Trong trường hợp riêng của tôi còn một lý do nữa. Đó là tôi phải tự giữ uy tín cho mình. Tôi không thể nói càng, nói ẩu được, mà phải nói cho đúng. Đây cũng là một vấn đề kỹ thuật: nói phải có sách, mách phải có chứng; dữ kiện, tài liệu đưa ra phải hoàn toàn chính xác, không ai phủ nhận được, để có thể dễ dàng bác bỏ những chỉ trích, thách thức, xuyên tạc của những người đặt nghi vấn.

Cho nên nhiều lần cầm bút lên tôi lại bỏ bút xuống, hay, từ ngày có computer, mở trang computer ra lại đóng lại. Mà cứ như thế trong không biết bao nhiêu năm qua.

May thay, tất cả các vấn đề trên đây nay đã giải quyết ổn thỏa sau sự xuất hiện hai tác phẩm hết sức quan trọng, then chốt, về vụ đảo chính ngày 2 tháng 11 năm 1963: *The Year of the Hare: America in Vietnam, January 25, 1963 - February 15, 1963,* (1) của Giáo Sư Francis Xavier Winters, và *Lodge in Vietnam, A Patriot Abroad,* (2) của Giáo Sư Anne Blair, hai học giả từ hai chân trời xa hoắc nhau: G.S. Winters là người Hoa Kỳ, Bà Blair là người Úc.

Điểm chung giữa hai người này là: họ đã bỏ công nghiên cứu những tài liệu mật về chính sách của chính phủ Kennedy về Việt Nam nói chung, và vụ đảo chính và sát hại Tổng Thống Ngô Đình Diệm nói riêng. Những tài liệu này là những tài liệu mật và tối mật — phúc trình, tường trình về những buổi thảo luận nội bộ của Ông Kennedy và ban tham mưu của ông, những điện văn trao đổi giữa Washington và Tòa đại sứ Mỹ tại Sài Gòn trong những năm 1961-1964. Nó gồm năm quyển mang tít *Foreign Relations of the United States, 1961-1964 (FRUS 1961-1964)*, và những Hồ sơ tổng quát (*General Records*) của Bộ Ngoại giao Mỹ về năm 1964. Những tài liệu này tiết lộ những bàn luận nội bộ mật của Ông Kennedy và cận thần của ông, hàng ngày, hàng giờ, rất đầy đủ, và cho ta biết họ đã bàn gì, tính gì, quyết định gì với nhau, vì lý do gì.

Ngoài ra có tác phẩm *A Death in November: America in Vietnam,* (3) của Bà Ellen J.Hammer, và tác phẩm *Our Vietnam Nightmare*, (4) của bà Marguerite Higgins. Hai tác phẩm này tuy cũ, nhưng cung cấp cho độc giả những chi tiết về bối cảnh xã hội văn hóa, và những gì đã thực sự xảy ra ở các vùng nôn

thôn miền Trung và miền Nam trong giai đoạn xẩy ra "vụ Phật Giáo." Cuối cùng tác phẩm *Kennedy in Vietnam, A Prelude to War, American Policy 1960-1963* (5) của William Rust cung cấp cho độc giả chi tiết về chính sách của Kennedy từ 1961 đến 1963, giúp ta hiểu những quyết định của ông này vào năm 1963, nhứt là liên quan giữa các vụ Cuba, Lào và Việt Nam.

Những điều được các G.S. Winters và Blair phanh phui ra qua sự khảo xét rất công phu, tỉ mỉ, tường tận, những tài liệu trên, cùng với một số sự kiện được các Bà Hammer và Higgins phát giác, đã đưa ra ánh sáng rất nhiều dữ kiện quan trọng cho ta kết luận chắc chắn rằng người mang trách nhiệm chính về việc Việt Nam rơi vào tay cọng sản là Ông Kennedy. Có thể nói rằng Ông Kennedy đã đem Miền Nam Việt nam hiến cho cọng sản. Tất nhiên những cận thần của ông ta, nhứt là Ông Averell Harriman, Thứ trưởng đặc trách về Á đông vụ, cùng hai viên chức khác trong "Bộ Ba" (Trio) chủ trương "quất Diệm" - Roger Hilsman và Michael Forrestal — , và kế đó là Ông Henry Cabot Lodge, Đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam trong thời gian đó, cũng có phần trách nhiệm của họ. Nhưng người mang trách nhiệm tối cao vẫn là Ông Kennedy, vì theo hiến pháp Hoa Kỳ, ông là người quyết định tối hậu.

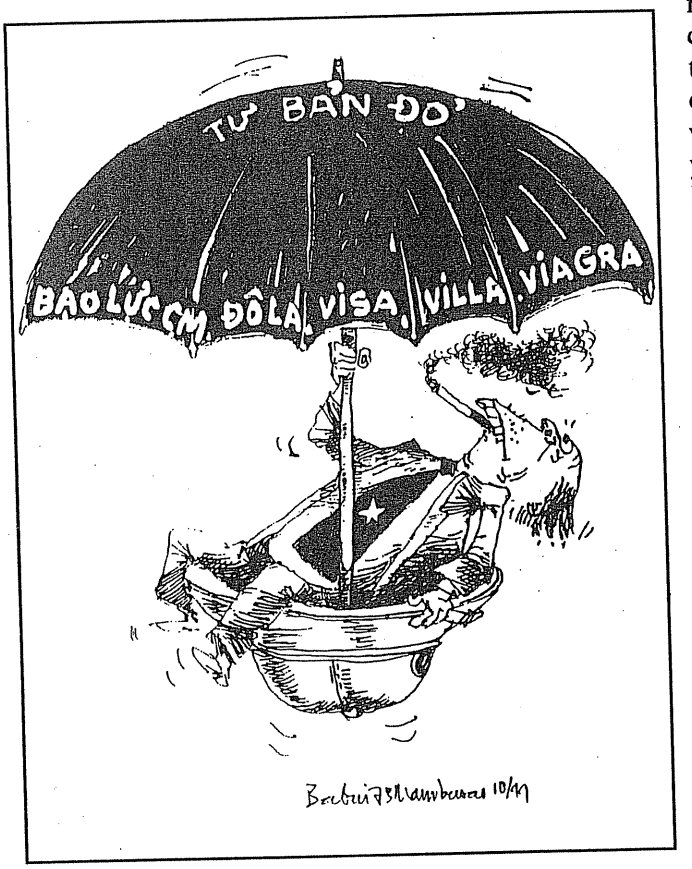

Vì sao ta có thể quyết phán như trên? Vì ba lý do. Một, là ông Kennedy đã nhút nhát trước sự tấn công của cọng sản ở Lào, chấp nhận những nhượng bộ tạo cho cọng sản một thế rất tốt để thực hiện một cuộc tấn công Miền Nam mà không chính quyền Miền Nam nào có thể chống nổi. Hai, là vì sau khi đặt Miền Nam vào một thế hết sức khó khăn, thay vì giúp chính phủ Miền Nam chống đỡ những đòn của lực lượng Miền Bắc, ông lại vừa đổ thừa cho chính phủ này - Chính phủ Ngô Đình Diệm - bất lực, nhưng, đằng khác, lại tạo nên tình thế làm cho chính phủ này càng bất lực thêm, và lấy cớ này để lật đổ nó. Ba, là ông tạo ra một tình hình không cho phép chính phủ Việt Nam hay Hoa Kỳ nào sau Ông Diệm có thể cứu vãn nổi tình thế.

Lào: đầu dây mối nhợ (6)

Đầu dây mối nhợ là vụ Lào. Vì khung cảnh bài này giới hạn, ở đây chỉ có thể nhắc đến những điểm chính. Trước sự tấn công ào ạt của cọng sản Lào và Việt, với sự yểm trợ ồ ạt của Liên Xô vào đầu năm 1961, Ông Kennedy lúc đầu tỏ ra cương quyết ngăn chận làn sóng đỏ, nhưng sau tháng Tư, sau vụ thất bại Cuba, ông lại xìu, và chỉ thị cho Ông Harriman bằng mọi cách tìm một giải một giải pháp tránh chiến tranh. Giải pháp này là Hội nghị quốc tế Genève về Lào, họp vào tháng 5, 1961, và kết thúc với Hiệp định về Lào tháng 7, 1962. Trong hiệp định này Ông Kennedy đã chấp nhận nhân nhượng cọng sản về ba điểm có thể coi là ba đòn chí tử nện lên Miền Nam Việt Nam. Một là Hoa Kỳ không đòi nhứt quyết Hà Nội phải rút hết quân ra khỏi lãnh thổ Lào, và phải chịu một sự kiểm soát quốc tế chặt chẽ. Hà Nội chỉ rút có 3000 trên tổng số 10.000 quân của họ ở Lào, mà lại không có sự kiểm soát chặt chẽ về điều này. Hai là: Hoa

Kỳ chấp nhận dẹp bỏ SEATO, mà Ông Foster Dulles, Ngoại trưởng thời Eisenhower, đã lập lên vào tháng 10 năm 1954, sau Hội nghị Genève. Hiệp ước này cũng có giá trị như NATO. Một điều khoản của Hiệp ước này đặt Mên, Lào và Miền Nam Việt Nam dưới sự bảo vệ của các quốc gia thành viên, trong đó có Hoa Kỳ. Như vậy hiệp ước này đã ngăn ngừa Trung Cọng và Việt Cọng động quân trong thời gian 1954-1960. Nay, dẹp nó đi là nhẫn họ: các ông có động quân cũng không sao. Ba là: Hoa Kỳ không đòi hỏi phải có một cơ quan quốc tế kiểm soát thật chặt chẽ sự chuyển quân dọc biên giới Lào. Cho nên các giới Mỹ ở Sài Gòn gọi "đường mòn Hồ Chí Minh" là "Harriman Memorial Highway" (Đại Lộ Harriman). Ai có đọc *Chiến Thắng Mùa Xuân* của Văn Tiến Dũng chắc nhớ đoạn ông ta ca về con đường rộng "thênh thang tám thước," đã cho Hà Nội đưa hàng vạn quân và chở hàng trăm ngàn tấn khí giới quân cụ vào Miền Nam bằng quân xa chạy ngày lẫn đêm! Cuối cùng, và có lẽ trầm trọng hơn hết, Kennnedy chấp thuận cho Ông Harriman, trưởng phái đoàn Hoa Kỳ, được phép bí mật gặp đại diện Hà Nội để hỏi họ có chấp nhận cho Miền Nam Việt Nam "một giải pháp tương tự như giải pháp Lào không?" Đó là bắn tiếng cho Hà Nội biết rằng Hoa Kỳ không quyết tâm ngăn cọng sản lấy Miền Nam Việt Nam. Bốn dữ kiện trên đây là những thông điệp gởi cho lãnh đạo cọng sản Hà Nội nói rõ ràng: Mỹ sẽ bỏ rơi Miền Nam Việt Nam như Mỹ đã bỏ rơi Cuba và Lào. Điều này Lê Duẩn hiểu rõ hơn ai cả. Cho nên ông ta đã dùng lý luận sau đây để trấn an các đồng chí Miền Nam. Trong một bức thơ gởi Mười Cúc (Nguyễn Văn Linh) và Trung Ương Cục Miền Nam ngày 20/4/1961, ông ta viết:

"Thắng lợi bước đầu nhưng rất quan trọng của cách mạng Lào [nghĩa là cọng sản Lào] há chẳng những chứng minh rằng âm mưu của đế quốc Mỹ có thể bị đánh bại, rằng cách mạng có thể bắt Mỹ lui từng bước để tiến lên dành toàn thắng đó sao?" Trong một bức thơ khác, gởi Nguyễn Chí Thành, ông nói ông ta biết rằng Mỹ không quyết tâm hay không đủ sức đương đầu với cọng sản. Ông ta viết: "Ở Cuba, Mỹ điệu võ dương oai, nhưng không đe dọa nổi một dân tộc anh hùng với bảy triệu dân. Ở Lào, Mỹ đã phải chịu thừa nhận một chính phủ liên hiệp có Pathet Lào tham gia. Cách mạng Lào đã giúp ta hiểu rõ hơn đâu là giới hạn của Mỹ." (tháng 5, 1965). Những dữ kiện trên đây đã thúc lãnh đạo Đảng Cọng Sản gia tăng xâm nhập và tấn công Miền Nam sau ngày Kennedy nắm quyền tổng thống Hoa Kỳ (tháng giêng 1961). Sự tấn công này đặt chính phủ Ngô Đình Diệm trước nhiều vấn đề. Vấn đề lớn nhất tất nhiên là về quân sự, phải đối phó với cuộc tấn công ào ạt của Việt Cọng với những phương tiện giới hạn, và với một tình trạng cửa ngõ Lào mở toang cho Hà Nội chuyển người và khí giới vào Nam và tự do lựa chọn địa điểm tấn công dọc một biên giới rừng rú dài dằng dẳng. Trong tình trạng này, Miền Nam, tự mình, không chống đỡ nổi, dù là dưới chính phủ nào. Vấn đề thứ hai là duy trì ổn định ở hậu cần Miền Nam: vì tình hình khẩn trương, Ông Diệm phải áp dụng những biện pháp kỷ luật để duy trì an ninh ổn định ở hậu cần, và những biện pháp này đã gây bất mãn, kêu ca, chống đối, và phàn nàn với giới chức và báo chí Hoa Kỳ, gây dư luận chống đối ông Diệm vì ông ta "phản dân chủ" và đàn áp tôn giáo.

Kennedy lật đổ Ông Diệm chỉ vì muốn đắc cử

Cả hai vấn đề trên đây đưa ông Diệm đến va chạm với chính phủ Kennedy vì nó xảy ra ngay trong lúc Kennedy cần tạo hình ảnh tốt trong dư luận, về phía Tả lẫn phía Hữu, để chắc chắn tái đắc cử vào tháng 11, 1964, nhưng đồng thời ông ta lại có ý định bỏ rơi Miền Nam Việt Nam vào năm 1965. Dữ kiện Kennnedy muốn rút khỏi và bỏ rơi Việt Nam nay đã được xác nhận một cách chắc chắn bởi hai người rất có thẩm quyền vì họ là người rất thân cận ông Kennedy và rất có uy tín. Đó là các ông Kenneth O'Donnell, bí thư của ông ta, và ông Charles Bartlett, một nhà báo có tên tuổi và bạn thân của ông ta.

Ông O'Donnell tiết lộ trong hồi ký ông rằng vào mùa xuân 1963, Kennedy nói với Thượng nghị sĩ Mike Mansfield rằng ông đồng ý với ông này về nhu cầu "rút hết quân khỏi Việt Nam," nhưng ông ta không thực hành việc này ngay được, phải đợi đến sau 1965, sau khi ông tái đắc cử. Nếu ông ta công bố ý định này trước cuộc tuyển cử 1964 thì "phía bảo thủ sẽ la ó rùm beng kêu gọi đừng bỏ phiếu bầu ông ta làm tổng thống một nhiệm kỳ thứ hai nữa." Xin độc giả ghi ý định "rút hết quân khỏi Việt Nam."

Sau khi Thượng nghị sĩ Mansfield ra về,

Kennnedy nói với O'Donnell: "Năm 1965, tôi sẽ là một tổng thống ít được ưa chuộng nhất trong lịch sử Hoa Kỳ. Người ta sẽ nguyền rủa tôi khắp nơi như một người nhân nhượng Cọng sản. Nhưng tôi đếch cần. Nếu chúng ta rút khỏi Việt Nam bây giờ, chúng ta sẽ phải đương đầu với một vụ la hoảng kiểu McCarthy, nhưng tôi có thể rút quân sau khi tôi tái đắc cử. Cho nên, chúng ta phải lo sao cho tôi *chắc chắn* tái đắc cử." (7) Xin độc giả ghi ý tưởng: bị nguyền rủa vì bỏ rơi Việt Nam "Tôi đếch cần."

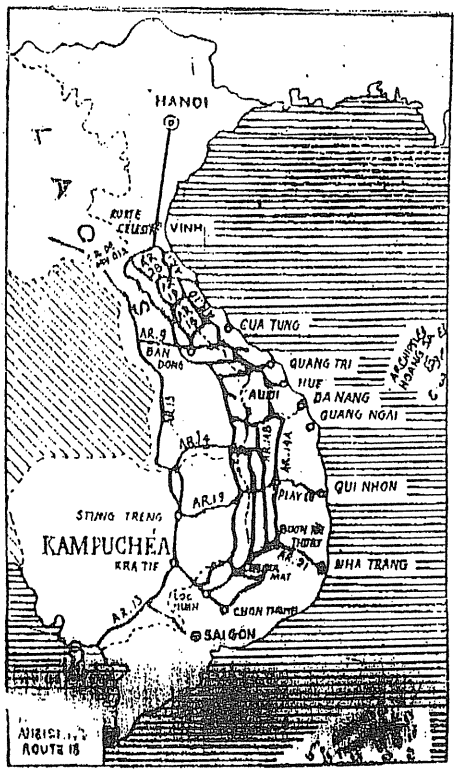

Ý định rút khỏi Việt Nam vào năm 1965 của Kennedy được Ông Charles Bartlett xác nhận với Giáo Sư Winters năm 1988. Ông Kennedy nói với ông này vào tháng Chín năm 1963: "Chúng ta chẳng có tương lai gì cả ở Việt Nam. Chúng ta sẽ bị đá văng ra khỏi đó. Nhưng tôi không thể bỏ rơi Việt Nam trước 1964. Tôi không thể ra trước cử tri và xin họ bỏ phiếu tái cử tôi sau khi tôi đã để cho cọng sản chiếm mất hai lãnh thổ [Lào và Việt Nam]." Nhưng sau khi tái đắc cử, ông ta sẽ rảnh tay rút lui. (192) Xin độc giả ghi ý tưởng chấp bại - chưa đánh đã chịu thua — : "Chúng ta sẽ bị đá văng ra ngoài," ý tưởng "để cho cọng sản chiếm Lào và Việt Nam."

Cho nên Kennedy quyết định lật đổ Ông Ngô Đình Diệm năm 1963 vì nhu cầu cá nhân cải thiện hình ảnh về phía Tả và phía Hữu để chắc ăn trong cuộc tuyển cử 1964, và Ông Diệm được coi như là "một mối đe dọa" cho sự tái đắc cử của ông ta. (193)

Ông Diệm bị lật đổ và bị sát hại thế nào là chuyện mọi người đều biết, tưởng không cần nhắc lại ở đây. Điều mà chúng ta, người Việt đã phải bỏ xứ ra đi, cần biết là không những Ông Kennedy đã nhút nhát tỏ ra chấp bại đối với cọng sản, tàn nhẫn bất cần đối với dân Miền Nam, nhưng hơn nữa, ông đã xử sự rất tàn tệ đối với một người đồng minh: chính ông đã tạo điều kiện cho Hà Nội dùng lãnh thổ Lào gia tăng tấn công Miền Nam dữ dội, ông lại chạy tội và trút lỗi cho Ông Diệm, chê ông này không ngăn chận nổi cọng sản, và phản dân chủ, đàn áp tôn giáo, để vận động dư luận chấp nhận việc lật đổ ông. Hậu quả của sự lật đổ Ông Diệm rất tai hại cho Miền Nam. Vì thiếu chỗ, ở đây chỉ có thể nêu lên một khía cạnh: theo chủ thuyết cách mạng Lê-nin, ngày nào mà cơ cấu quốc gia của địch, nghĩa là bộ máy chính trị, hành chánh, công an cảnh sát, quân đội, v.v... còn nguyên thì cách mạng không hy vọng gì đánh bại địch, và phải tránh tổng tấn công để khỏi bị tổn thất nặng. Nhưng ngày nào mà bộ máy đó tan rã thì phải tổng tấn công liền để cướp chính quyền. Đây chính là tình trạng mà Hoa Kỳ gây nên với sự lật đổ chính phủ ông Diệm ngày 2/11/1963, với hậu quả là, như đài phát thanh Hà Nội mừng reo, Hoa Kỳ "không khi nào tìm được một người hữu hiệu hơn Ông Diệm," (Hammer, tr.309) và Mỹ "đã tự mình hủy diệt những cơ sở chính trị mà họ đã mất hết bao nhiêu năm để xây dựng" (112). Nguyễn Hữu Thọ đã tóm tắt việc làm của chính phủ Kennedy trong một câu: "Sự lật đổ Ông Diệm là quà trời ban cho chúng tôi." Ở đây thay chữ "trời" bằng chữ "Kennedy" mới đúng!!! Rõ ràng là Kennedy đã hiến Miền Nam Việt Nam cho cọng sản. Với những sự kiện đã nêu ở các đoạn trên, đây là một sự thực mà ngày nay không ai chối cãi được.

Trách móc nhưng không kết tội người Việt

Tôi đã mất 36 năm mới tìm ra được sự thực trên đây, và nói lên sự thực trên đây. Trong thời gian đó, tôi đã sưu tầm, khảo cứu, thâu tập tài liệu, những mẩu chuyện - kể cả bí mật thâm cung - để tìm biết đích xác ai trách nhiệm về việc tầy trời là làm mất Miền Nam Việt Nam. Tôi phải thú thật là tôi ghi nhận là

Ông Ngô Đình Diệm, Ông Ngô Đình Nhu, bà Ngô Đình Nhu, Đức Cha Ngô Đình Thục, Thượng Tọa Thích Trí Quang, các tướng lãnh đảo chính, các trí thức chính trị gia Việt Nam... đều có trách nhiệm.

Ông Diệm, vì đã quá khắt khe trong việc duy trì an ninh trật tự, không hiểu tầm quan trọng của báo chí Hoa Kỳ, vụng về trong vụ ra chỉ thị về việc treo cờ vào ngay dịp Phật Đản, thiếu nhậy bén trong phản ứng về dư luận, và quá nể nang ông anh, Đức Cha Thục. Ông Nhu, vì quá cứng rắn, quá khắt khe trong sự đối xử với đối lập, và quá tin vào sự trung thành của đàn em trong Đảng Cần Lao.

Bà Nhu, vì ăn nói bừa bãi, làm cho nhiều người ghét, và ghét lây chế độ. Đức Cha Thục vì kiêu căng, xen vào việc hành chánh, khinh thị Phật Giáo và có những hành vi làm cho Phật tử Huế căm phẫn. Thượng Tọa Thích Trí Quang, cũng vì quá kiêu căng nên mất sáng suốt, đã lôi kéo Phật tử vào việc khuấy động dư luận Hoa Kỳ để lật đổ Ông Diệm, với ảo tưởng rằng sau khi Ông Diệm bị lật đổ Hoa Kỳ sẽ đưa Phật giáo lên địa vị cao. Hai chức sắc tôn giáo cao cấp này đã cùng nhau gây ra "Vụ Phật Giáo."

Các tướng lãnh đảo chánh ngây thơ mù quáng tưởng rằng Kennedy muốn lật Ông Diệm để tạo điều kiện chiến đấu chống cọng mạnh hơn. Các trí thức, chính trị gia, không thực tế, đòi hỏi quá nhiều trong khi xứ sở đang bị cọng sản tấn công bão táp, và đã lầm to rằng Hoa Kỳ muốn lật đổ ông Diệm để cho các ông hưởng dân chủ kiểu Jefferson. Nhưng tất cả những yếu tố trên, lẻ tẻ, hay gộp chung lại, không đủ làm cho Miền Nam tan rã, mất hết khả năng tồn tại, và rơi vào tay cọng sản một cách dễ dàng. Chỉ có mở cửa rộng toang cho cọng sản tự do xử dụng Lào làm căn cứ và đường di chuyển binh đội và khí giới vào Nam, chỉ có làm cho họ tin chắc rằng Hoa Kỳ không quyết tâm ngăn cọng sản xâm chiếm Miền Nam, và cọng sản chỉ cần lỳ ra tất cuối cùng sẽ thắng, chỉ có làm tan rã cơ cấu quốc gia của Miền Nam từ trong và từ trên, chỉ có biến Việt Nam Cọng Hòa thành một nước bảo hộ và chính phủ Việt Nam thành bù nhìn rõ ràng trong một cuộc chiến tranh mà đa số chiến sĩ bên kia tin rằng đó là một cuộc chiến tranh chống áp đặt lên Việt Nam một chế độ thực dân mới, THÌ cọng sản mới có điều kiện chiến thắng và chiếm cứ Miền Nam được.

Ông Kennedy, vì "đồng hóa sự tái đắc cử của cá nhân mình với quyền lợi quốc gia," như G.S.Winters ghi nhận, (191-195) đã tạo những điều kiện trên đây. Cho nên, ông là người thực sự đã làm Miền Nam rơi vào tay cọng sản. Đây là một sự thực lịch sử.

Bây giờ người Việt chúng ta đã biết rõ như vậy thì không còn lý do gì mà tiếp tục hận thù nhau, hằn học nhau, đố kỵ nhau, kết tội nhau đã làm mất nước. Tôi đã mất 36 năm để tìm hiểu tường tận vụ đảo chính ngày 2/11/1963, với hy vọng là sẽ giúp vào công cuộc giải tỏa những hận thù, đối kháng nhau giữa người Việt Nam. Ngày nay tôi rất sung sướng, vì tôi đã tìm ra được lời giải cho câu hỏi: "Ai thực sự trách nhiệm về việc Miền Nam rơi vào tay cọng sản," và có thể quả quyết rằng trong số những người Việt Nam kể trên, từ Ông Diệm đến mấy ông chính trị gia Việt Nam, không ai là người mang cái tội tầy trời đó hết. Tất cả đều là nạn nhân của ông Kennedy. Do đó, trong vụ đảo chánh và lật đổ ông Diệm, về phía Việt Nam, chúng ta có thể có một số trách móc, nhưng chúng ta không nên kết tội ai hết. Như vậy mới thực hiện được sự đoàn kết mà ngày nay mọi người đều mong muốn.

Tôi kết thúc bài này với một câu chuyện mà có lẽ người Việt Nam, quen thuộc với khái niệm "Nhân-Quả" sẽ nghe với thích thú, là chuyện sau đây. Trước ngày dọn vào Dinh Tổng Thống để thay thế Ông Kennedy bị ám sát ngày 22 tháng 11, ông L.B. Johnson tiếp Thượng nghị sĩ Hubert Humphrey tại tư thất. Chỉ vào một tấm hình của Ông Diệm bày trong nhà ông, Ông Johnson nói: "Chúng ta đã nhúng tay vào vụ giết ông này. Bây giờ chuyện đó lại xảy ra ở đây." (113)

Ottawa, 2 tháng 11, 1999

Chú thích

1. Athens and London, The University of Georgia Press, 1997.
2. New Haven and London, Yale University Press, 1995.
3. New York, Oxford, Oxford University Press, 1987.
4. New York, Harper and Row, 1965.
5. New York, Charles Scribner & Sons, 1985.
6. Về vấn đề Lào, xem: Frederick Nolting, *From Trust to Tragedy*, New York, London, Prager, 1988, chương 6 và trang 105.
7. Kenneth P.O'Donnell and David F.Powers with Joe McCarthy: *Johnny, We Hardly Know Yee,* Boston, Toronto, Little Brown and Company, 1972, p.16

HOÀNG MINH CHÍNH VÀ CHỦ NGHĨA XÉT LẠI VIỆT NAM

MINH VÕ

"Nếu Bộ Chính Trị và ban chấp hành trung ương kết tội những người trong vụ án Xét Lại Chống Đảng thì, công bằng mà nói, phải tự kết tội mình trước đã". (*)

Hoàng Minh Chính

Chủ nghĩa xét lại ("revisionism") là thái độ hay xu hướng của một số người theo hay chống Mác muốn xem xét lại học thuyết Mác, đường lối của đệ tam quốc tế, cách cai trị của chính quyền cộng sản trong một nước xem nó có còn phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn trên thế giới và trong các điều kiện hiện có trong nước hay không. Người đầu tiên chủ trương xem xét lại học thuyết Mác ở cuối thế kỷ 19 là Eduard Bernstein (1850-1932), một sử gia, lý thuyết gia về chính trị và là người cổ võ cho chủ nghĩa xã hội dân chủ ở Đức. Ông bác bỏ thuyết của Mác về giá trị lao động, kinh tế chỉ huy và đấu tranh giai cấp. Ông cũng không chấp nhận những lời tiên đoán của Mác về sự sụp đổ đến nơi của chủ nghĩa tư bản.

Nhóm từ "Chủ Nghĩa Xét Lại" cũng được các người cộng sản bảo thủ dùng để gọi chủ trương hay thái độ và việc làm của một vài lãnh tụ cộng sản dám hành động trái với những giáo điều Mác Xít hay những chính sách, đường lối Lê-ninít vốn được tôn thờ từ trước hay áp dụng từ trước trong các nước cộng sản. Họ thường thêm tính từ "hiện đại" đi kèm: "Chủ nghĩa xét lại hiện đại."

Lãnh tụ cộng sản chủ trương xét lại trước tiên là thống chế Josip Broz Tito (1892-1980), tổng thống Nam Tư. Ngay khi còn là thủ tướng (1948) ông đã có can đảm đưa nước ông thoát ra ngoài ảnh hưởng của quốc tế cộng sản do Liên Xô lãnh đạo, để áp dụng một chính sách ngoại giao trung lập và một nền nội trị tương đối cởi mở hơn các nước khác trong khối Sô Viết.

Lãnh tụ cộng sản thứ hai chủ trương "xét lại" là Nikita Khrutshchev (1894-1971), tổng bí thư (danh xưng chính thức lúc ấy là "bí thư thứ nhất") đảng cộng sản Liên Xô, kiêm thủ tướng Liên Bang Sô Viết, (người nổi tiếng do hành động rút giầy ra đập trên bàn hội nghị Liên Hiệp Quốc và việc gửi hỏa tiễn cho Cuba rồi lại rút về dưới áp lực tối hậu thư của tổng thống Mỹ Kennedy). Ông đã thực hiện chủ trương này một cách thực tế bằng cách hạ bệ Staline tại đại hội đảng cộng sản XX của Liên Xô vào năm 1956, khui ra những lỗi lầm nghiêm trọng của đảng cộng sản Liên Xô suốt trong thời gian Staline cầm quyền và cố đổ hết

lên đầu Staline, biến nhà độc tài khát máu này thành con dê tế thần để cứu nguy cho đảng và chính thể Sô Viết. Chính sách hòa hoãn với Tây Phương và cởi mở đôi chút của ông đã gián tiếp dẫn tới sự nổi loạn của nông dân ở Poznan, Ba Lan và ở Budapest, thủ đô Hungary (**) khiến cũng chính ông phải ra tay đàn áp và cũng vì thế phe bảo thủ đã làm áp lực cố buộc ông từ chức. Nhưng ông đã đứng vững được hơn tám năm nữa. Năm 1964 ông bị hạ và trở về sống cuộc đời ẩn dật, đen tối, cực khổ cho đến chết. Đám tang ông chỉ có lèo tèo vài người thân trong gia đình.

Người cộng sản thứ ba chủ trương "xét lại" là Mikael Gorbachev, tổng bí thư Liên Xô từ 1985 đến 1991. Ông là cha đẻ của Glasnost và Perestroika (Cởi Mở và Tái Cấu Trúc), chủ trương và thực hiện cải cách về kinh tế và hành chánh. Sẵn có óc tổ chức và cải cách ông đã mạnh bạo dấn thân vào con đường đổi mới và đi những đường ngoại giao đầy sáng tạo. Ông đã hội kiến và thương thảo với những vị lãnh đạo chính trị và tinh thần có uy tín nhất trên thế giới đương thời như đương kim giáo hoàng La Mã John Paul II và các vị tổng thống Hoa Kỳ Ronald Reagan và George Bush. Những vị này đã ảnh hưởng nhiều đến quyết tâm của ông nhằm dân chủ hóa dần dần cơ cấu và guồng máy chính quyền Sô Viết. Phe bảo thủ trong đảng cộng sản Liên Xô đã tìm cách lật ông bằng một cuộc đảo chính trong lúc ông không có mặt ở thủ đô Liên Xô. Nhưng nhờ có những người đồng chí lòng quyết tâm đổi mới không muốn trở lại con đường chuyên chính sắt máu, nhất là nhờ sự dũng cảm của Boris Yeltsin ông đã lật lại thế cờ. Nhưng trớ trêu là trong quá trình bầu cử tự do đầu tiên được thực thi sau hơn bảy thập kỷ độc tài, ông đã mất quyền lãnh đạo không những Liên Xô, mà ngay chức tổng thống Liên Bang Nga cũng rơi vào tay người cùng phe với ông đã trở thành đối thủ về chính trị. Nền dân chủ của Nga ngày nay là nhờ ông mới có, mặc dù những người cộng sản còn nuối tiếc chế độ độc tôn cũ gán cho ông cái tội đem nền kinh tế của Liên Bang Nga vào ngõ cụt. Nhưng công bình mà nói thì phải nhận rằng nền dân chủ của nước Nga và sự cáo chung của chiến tranh lạnh là nhờ Gorbachew. (Nhờ thế ông đã được nhận Giải Thưởng Nobel về hòa bình). Còn tình trạng rối reng về nội trị và sự suy sụp về kinh tế hiện nay ở Nga, một phần do sự kém cỏi của các nhà kinh tế trong chính quyền của tổng thống Boris Yeltsin, và phần nào cũng do thế giới tự do, nhất là những nước giầu có không viện trợ đủ cho Nga, trong lúc nền kinh tế xứ này đã bị phá hủy hoàn toàn bởi chính sách tập thể hoá nông nghiệp và thương nghiệp trong bảy thập niên. Nền kinh tế tập thể chỉ huy đó đã làm cho người dân quen với thói ỷ lại, thiếu sáng kiến, nay bước sang giai đoạn kinh tế thị trường không quen, thiếu kinh nghiệm. Nhưng dầu sao thì người ta vẫn có cớ (nhưng chưa hẳn có lý) để đổ lỗi cho Boris Yeltsin và gián tiếp cho Gorbachev.

Người cộng sản Việt Nam đầu tiên có tư tưởng xét lại, có can đảm và vị thế, cơ hội để triển khai tư tưởng đó thành những đề xuất thực tiễn có thể nói là Hoàng Minh Chính. Chỉ tiếc là ông không làm được gì giống như ba nhân vật vừa nêu. Và thân phận ông cứ lận đận mãi. Cho đến nay ông đã vào tù ra khám ba lần tổng cộng 12 năm rồi, không kể những năm bị quản chế. Chẳng những khổ cái thân ông mà còn liên lụy đến nhiều đảng viên cộng sản khác đã từng tán thành hay bênh vực ý kiến "xét lại" của ông.

Ông Chính không phải là người xướng xuất chủ nghĩa xét lại. Ông chỉ là người lợi dụng lúc có phong trào xét lại ở Liên Xô do Nikita Khrutshchev lãnh đạo để nêu lên những ý kiến riêng của mình mà ông đã gậm nhấm nhiều năm từ khi du học ở Liên Xô và được nhồi sọ học thuyết Mác Lê để rồi một ngày kia dám nhận ra rằng cái học thuyết đó có gì không ổn. Muốn hiểu rõ nguyên nhân có phong trào xét lại ở Việt Nam và dự đoán xem nó có đi đến đâu không, tưởng cũng nên biết thêm về con người Hoàng Minh Chính và ảnh hưởng của Liên Xô và Trung Cộng đối với đảng cộng sản Việt Nam vào những năm 50 và 60, cũng là thời kỳ có các chiến dịch "Giảm Tô" và "Cải Cách Ruộng Đất" long trời lở đất dưới sự điều khiển trực tiếp của các cán bộ Trung Cộng.

Hoàng Minh Chính (sinh năm 1920) tên thật là Trần Ngọc Nghiêm, nguyên quán làng Thượng Lao, huyện Nam Trực tỉnh Nam Định (1). Ông gia nhập đảng cộng sản khi mới 19 tuổi và người giới thiệu ông là Lê Đức Thọ. Về sau cũng chính Lê Đức Thọ ký giấy tống giam ông. Nhờ có công trong kháng chiến chống Pháp (đã từng cầm đầu quyết tử quân tấn công sân bay Bạch Mai, phá hủy được một số máy bay, và bị thương), ông được đảng cử đi học ở Liên Xô từ năm 1957 đến 1960. Năm 1961 được cử giữ chức viện trưởng viện Triết

Học trong năm năm. Ông cũng từng giữ nhiều chức vụ quan trọng khác như tổng thư ký đảng Dân Chủ, bí thư Đoàn thanh niên Việt Nam. Lần đầu tiên ông bị bắt giam từ tháng Bảy năm 1967 đến 1972. Lần thứ hai từ 1981 đến 1987. Lần thứ ba từ 1995 đến 1996.

Nắm chức viện trưởng viện Triết Học, giảng viên rồi chỉ huy phó trường đảng Nguyễn Ái Quốc, lại được tổng bí thư đảng Trường Chinh trao nhiệm vụ soạn thảo những

diễn văn quan trọng, HMC có thể được coi như một trong những lý thuyết gia của Miền Bắc lúc ấy. Sở dĩ phát sinh cái gọi là "vụ án xét lại chống đảng" khiến ông và một số người khác trong đó mấy tướng lãnh thân Võ Nguyên Giáp bị bắt là do sự xung đột giữa Liên Xô và Trung Quốc sau đại hội 81 đảng cộng sản thế giới họp tại Mạc Tư Khoa vào cuối năm 1960. Sau khi hạ bệ Stalin trong đại hội 20 (năm 1956) của đảng cộng sản Liên Xô, Khrutshchev chủ trương đường lối "Các nước không cùng lập trường chính trị có thể sống chung," đồng thời đặt nhẹ đấu tranh giai cấp và đấu tranh giải phóng các dân tộc. Nghĩa là, một cách vắn tắt, không còn tin ở thuyết dùng bạo lực lập chuyên chính vô sản trên toàn thế giới của Mác và Lê nin nữa. Tại đại hội 81 đảng cộng sản và công nhân thế giới phái đoàn Trung Cộng đã phê bình chủ trương này. Phải khó khăn lắm hai nước đàn anh trong khối cộng mới đi được tới chỗ dung hoà để ra một thông cáo chung đại ý "cùng sống chung hòa bình với Tây Phương nhưng đồng thời các phong trào giải phóng dân tộc vẫn có quyền tiến hành đấu tranh riêng để giành độc lập." Nhưng chỉ được một năm thì sự dung hòa gượng gạo này tỏ ra thất bại vì Trung cộng — và cả An Ba Ni (2) — bắt đầu đả kích đường lối của Khrutshchev cho rằng nó đi sai trệch chủ nghĩa Mác. Những tranh chấp về lãnh thổ ở biên giới hai nước lớn càng đào sâu thêm hố chia rẽ, đẩy hai nước cộng sản đàn anh vào thế đối địch gay go.

Bắc Việt là một chư hầu nhỏ cần viện trợ của cả Liên Xô lẫn Trung Cộng, Liên Xô thì là "đại ca," còn Trung Cộng thì là nước láng giềng lớn, "như răng với môi," cảm thấy mình bị kẹt ở giữa. Ông Hồ đã khéo léo đi giây ở giữa hai thế lực trong một thời gian. Cho đến khi tổng thống Ngô Đình Diệm bị lật đổ ở miền Nam thì đảng cộng sản Việt Nam muốn nhân dịp miền Nam rối loạn tiến hành chính

sách tốc chiến tốc thắng để chiếm trọn cả nước. Những kẻ thân Mao lý luận rằng Mỹ hạ ông Diệm là để có thể đem quân tác chiến vào. Nếu không tranh thủ lúc quân Mỹ chưa tới mà tốc chiến tốc thắng thì sẽ phải đương đầu với võ khí tối tân của Mỹ và có thể bị tiêu diệt. Chủ trương này được biểu quyết thông qua trong khóa họp thứ 9 của ủy ban trung ương đảng vào cuối tháng 11, đầu tháng 12 năm 1963 (một tháng sau cuộc đảo chính lật ông Diệm) và được giữ kín hoàn toàn. (Tuy nhiên rồi sau bên ngoài cũng biết được nội dung của nghị quyết số 9 được biểu quyết trong kỳ họp thứ 9 này, Đó là nhờ Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà tịch thu được trong một cuộc đột kích vào một mật khu Việt Cộng là nơi có mặt cán bộ cao cấp từ Hà Nội vào.) Lập trường mới này dứt khoát ngả theo Trung Quốc chống lại chủ nghĩa "xét lại" của Khrutshchev. Dân miền Bắc lúc ấy ai có radio thì được biết phần nào qua đài Bắc Kinh phần Việt ngữ. Những nhà trí thức cũng qua đài này nhận ra sự rạn nứt trong khối Cộng Sản Quốc Tế. Và họ muốn ngả theo Liên Xô vì cho rằng theo đường lối xét lại của Khrutshchev sẽ tránh được chiến tranh với siêu cường Mỹ.

Khi Hoàng Minh Chính được trao nhiệm vụ soạn thảo báo cáo chính trị trong hội nghị 9 cho Trường Chinh, ông ta đã viết theo luận điệu của Khrutshchev nên bài của ông không được chấp nhận. Tuy nhiên vì ỷ thế, hoặc vì liều lĩnh ông ta đã phân phát bài của mình cho một số đại biểu dự hội nghị. Dĩ nhiên có một số nghe theo và chấp nhận lập trường của ông cho nên mới có cái gọi là "vụ án xét lại chống đảng" trong đó có khoảng 200 người liên lụy, (3) kể cả cựu ngoại trưởng Ung văn Khiêm, các tướng Đặng Kim Giang, Lê Liêm, là hai tướng thân cận của anh hùng Điện Biên, tướng Võ Nguyên Giáp. Không kể cấp nhỏ hơn như các đại tá Đỗ Đức Kiên, Lê Minh Nghĩa, Nguyễn Minh Nghĩa.

Sở dĩ Hoàng Minh Chính dám phổ biến tư tưởng của mình, vì ông quá tự tin. Chẳng những chính ông đã chứng kiến trên 70 đảng trong số 86 đảng cộng sản trên toàn thế giới (4) đã hoàn toàn ủng hộ lập trường "xét lại" của Khrutshchev, mà ông còn được chính Trường Chinh, lý thuyết gia số một của Việt Nam lúc ấy cũng tán thành ý kiến của ông, và như sau này ông cho nhà báo Balan Jacek Hugo Bader biết là có gần nửa số ủy viên bộ chính trị cũng tán thành, kể cả ông Hồ Chí Minh (!) (5)

Hoàng Minh Chính bị bắt ngày 27-7-1967, sau khi phổ biến tập tài liệu dầy trên 200 trang tựa đề "Về chủ nghĩa giáo điều ở Việt Nam." Có khoảng 200 người khác cũng bị bắt và giam ở những vùng xa xôi biệt lập hoàn toàn không được tiếp xúc với thân nhân. Trong số những người bị giam có cả cha con ông Vũ Đình Huỳnh, đã từng là bí thư của Hồ Chí Minh. Chúng tôi sẽ có một chương nói về con ông Hùynh là Vũ Thư Hiên với tác phẩm "Đêm Giữa Ban Ngày."

Ngoài Hoàng Minh Chính coi như đầu vụ, sau đây là danh sách một số nhân vật quan trọng khác có dính líu vào cái gọi là vụ án xét lại chống đảng đã từng bị sát hại một cách bí mật, đầy nghi vấn, bị kỷ luật, bị bắt giam hay bị cô lập, canh chừng theo dõi một cách bí mật mà ai cũng biết, chưa kể những người khác bị giam giữ ở những nơi hẻo lánh, bí mật chưa phát hiện ra:

Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Duy Trinh, Lê Thanh Nghị bị đẩy ra khỏi Bộ chính trị từ đại hội đảng kỳ 3. Đặng Kim Giang, thiếu tướng, Lê Liêm thứ trưởng bộ văn hóa, đều là thân cận với Võ Nguyên Giáp từ trận Điện Biên Phủ, Nguyễn Văn Vịnh, thứ trưởng bộ quốc phòng, Trần Minh Việt, phó bí thư thành ủy Hà nội, Bùi Công Trừng phó chủ nhiệm Ủy Ban Khoa Học nhà nước, Ung Văn Khiêm, ủy viên trung ương đảng, bộ trưởng Ngoại giao, Phạm Viết, đại tá Lê Trọng Nghĩa, thượng tá Hoàng Thế Dũng, Phạm Kỳ Vân, Lưu Động, Trần Châu, Trần Đĩnh, Trần Thư, Mai Hiến, Mai Luân, Đặng Đình Cẩn, Nguyễn Gia Lộc, Phùng Văn Mỹ, Vũ Huy Cương vân vân... danh sách này còn dài... Chưa kể 40 người lúc ấy đang ở Liên Xô xin tỵ nạn ở lại và bị khai trừ, trong số đó có Nguyễn Minh Cẩn, đại tá Lê Vinh Quốc, thượng tá Văn Doãn v.v...

Năm 1972 HMC được thả, nhưng bị quản thúc tại gia cho đến năm 1976. Năm 1981 ông làm đơn khiếu tố về vụ án của ông và lại bị bắt giam sáu năm rồi bị quản chế thêm ba năm cho đến 1990. Ông đã kể lại cảnh tù tội khốn khổ của ông trong thời gian này trong bức thư ngỏ ngày 27-8-1993 như sau:

"Đòn đánh lần này tàn bạo gấp bội lần trước. Nhà tù giam mỗi một mình tôi (biệt giam ở Hải Hưng) có trên 20 sĩ quan công an từ cấp úy đến cấp tá canh gác ngày đêm, không rời mắt một giây phút. Họ tuyên bố thẳng với tôi rằng: "chúng

tôi được phép hành hạ anh." Có tên nói: "Tôi sẽ giết anh, tay tôi đã từng vấy máu. Anh là tên phản cách mạng!" Rồi họ dùng biện pháp gây tiếng ồn, phá giấc ngủ ban đêm, gây bệnh ỉa chảy liên tục bằng cách bỏ ruồi nhặng vào canh, cho thức ăn ôi, khi lâm bệnh thì hăm không cho thuốc uống, cứ liên tục như vậy... Rồi họ đầu độc tôi hai đợt bằng cách cho thức ăn có hóa chất độc, gây ốm mê man, miệng nôn trôn tháo, bụng quặn đau, toàn thân run rẩy suốt tuần (có bác sĩ khám chứng nhận đúng là bị ngộ độc thức ăn). Một lần tôi bị năm tên công an lực lưỡng xông tới bẻ quặt tay, nắm tóc, buộc giẻ bịt miệng rồi bóp cổ tôi chết ngất. Mục tiêu duy nhất của họ là hủy hoại sức khỏe, tiêu diệt ý chí phản kháng, buộc "phải cúi đầu, quỳ gối nhận tội" như lời hai sĩ quan tay sai của ông Lê Đức Thọ đã thét vào mặt tôi (tên chúng là Nguyễn Ngọc Nghị và Hoa Văn Lan). Hai lần tù giam cộng 11 năm và chín năm quản chế tiếp liền sau đó, tổng cộng 20 năm tù đầy và quản chế, với tất cả những nhục hình và hành vi nhục mạ xúc phạm nhân phẩm. Cuối cùng họ đành chịu thất bại hoàn toàn."

Sau khi được thả năm 1987, rồi bị quản chế thêm ba năm nữa, HMC đã viết tập "Bệnh ấu trĩ" phê bình đảng đã tiếp thu những tư tưởng giáo điều của cả Stalin lẫn Mao Trạch Đông. Và đến khi bức thư ngỏ đề ngày 27-8-1993 thì nhà cầm quyền đã tìm mọi biện pháp để canh chừng, gài bẫy hòng bắt giữ ông. Khi cuộc phỏng vấn của HMC dành cho nhà báo Balan Bader được đăng trên tờ Gazeta Wyborcza ngày 21-4-1995 đến tay các nhà lãnh đạo Hà Nội, họ liền quyết định dùng biện pháp mạnh với HMC.

Ngày 13-6-1995 ông lại bị bắt lần nữa. Công an đã cho vợ ông, bà Lê Hồng Ngọc, tên thật là Nguyễn Thị Thanh Yến biết ông bị bắt căn cứ các điều 205 và 82 của bộ luật hình sự. Cụ thể là vì "thí dụ như việc liên lạc với tên Đỗ Trung Hiếu, một phần tử xấu, một tên phản động." Công An cũng trấn an bà là ông Chính chỉ bị tạm giam bốn tháng và sẽ được ra tòa để trả lời về hành động của ông. Bà Ngọc đã đi khắp Hà Nội tìm luật sư bào chữa cho chồng nhưng ai cũng nói: "Vụ này do trung ương đảng chủ trương, chúng tôi không dám dây vào."

Bà Ngọc đã tỏ ý mong các luật sư Việt Nam ở hải ngoại bào chữa cho chồng. Vì bài phỏng vấn của Hoàng Minh Chính dành cho nhà báo Bader đã được phổ biến ở nước ngoài, nên lần này ông đã được nhiều tổ chức nhân quyền ở hải ngoại lên tiếng đòi nhà cầm quyền phải trả tự do cho ông. Tại thành phố Bonn, Đức Quốc, đã có gần một trăm người thuộc 13 tổ chức của người Việt tại đây biểu tình trước tòa đại sứ Việt Cộng để phản đối phiên tòa xử Hoàng Minh Chính và Đỗ Trung Hiếu. Ở Pháp có luật sư Antoine Conte tình nguyện sang Việt Nam bào chữa cho Hoàng Minh Chính và Đỗ Trung Hiếu trước phiên tòa (được ấn định vào ngày 8-11-1995). Nhưng đơn xin nhập cảnh của luật sư không được cứu xét. Ông Chính cũng yêu cầu tòa chấp thuận cho bốn luật sư khác ở trong nước cố vấn cho ông để ông tự bào chữa. Đó là các ông Nguyễn Mạnh Tường, Nguyễn Thành Vĩnh, Hoàng Nguyên, Lê Hồng Hà. Nhưng không được tòa chấp thuận. Trái lại tòa chỉ định luật sư Vũ Thiện Kim đứng ra bào chữa. Ông Chính không nhận. Trong phiên tòa ông bị kết án một năm tù.

Hoàng Minh Chính nói gì với ký giả Ba Lan Bader, và viết gì trong bức thư ngỏ? Sau đây chúng tôi chỉ nêu vài điểm quan trọng:

1. Trả lời phỏng vấn:

"Lúc đó (1946) chẳng có ai nói đến chủ nghĩa Mác cả. Người ta chỉ nói đến cuộc chiến đấu vì dân tộc. Trong đơn vị tôi không có một cơ sở đảng nào cả."

"Tất cả những gì tôi nói (đầu 1964) người ta cho là chủ nghĩa xét lại kiểu mới. Tôi nói như Khrutshchev rằng để tiến lên chủ nghĩa xã hội không cần phải đấu tranh bằng bạo lực, mà bằng hợp tác kinh tế giữa các nước anh em, mở cửa ra thế giới, ra tư bản. Tội lớn nhất của tôi, theo họ là định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội không cần chuyên chính. Họ căm thù tôi vì lẽ đó."

Khi Hoàng Minh Chính nói sau thế chiến hai ở Âu Châu, cụ thể là Balan, Tiệp Khắc, Hungary chủ nghĩa xã hội đã được đưa vào bằng con đường nghị viện (hòa bình), thì Bader bảo: "Ông hoàn toàn sai rồi." Hoàng Minh Chính thú nhận:

"Ấy, nhưng lúc đó là lý luận của tôi hồi 1960 để thuyết phục họ đừng sử dụng bạo lực để giải phóng miền Nam. Thời điểm đó số phận miền Nam được định đoạt. Chiến tranh chưa bung ra. Tổng thống Ngô Đình Diệm lãnh đạo miền Nam, ở đó tương đối yên ổn. Các đồng chí của tôi muốn quan hệ hòa bình. Chúng tôi không chủ trương dựng bức màn sắt. Mỗi cuộc chiến tranh là một sai lầm. Tôi cảm thấy chủ nghĩa Ghandi là hợp với tôi hơn cả."

Bader: Và ông nói công khai điều đó?

HMC: *Vâng. Và phe chủ hòa thậm chí có vẻ như sắp thắng...*

Lê Duẩn là nhân vật số hai, nhưng trong thực tế thì nắm toàn bộ quyền lực... Khi đó ông Hồ đứng sang một bên và luôn nhắc câu: 'Ném chuột không được làm vỡ bình quý.' Ông ấy yếu không quyết đoán, và dễ lung lay, không có vai trò thực. Như thế từ năm 1963 cho tới lúc ông ấy qua đời năm 1969.

Về quyết định tấn công miền Nam của Lê Duẩn, HMC nói:

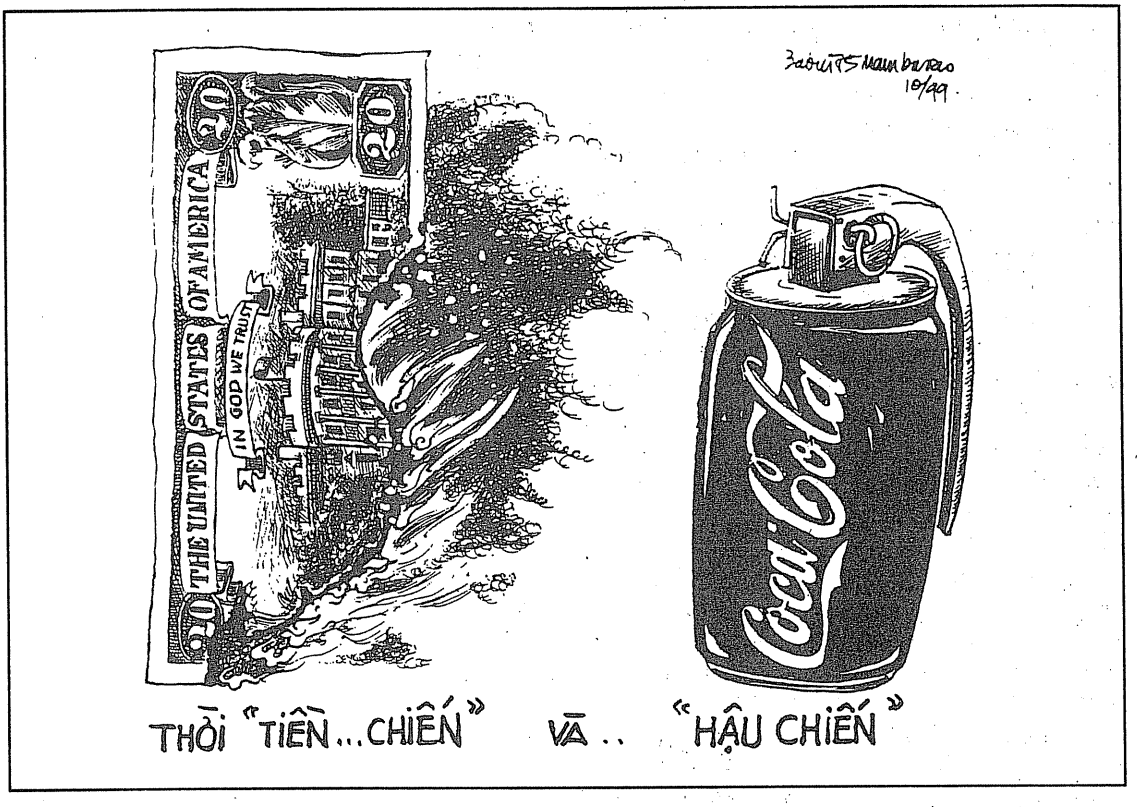

"Một quyết định rất ngu dốt. Đất nước cần được thống nhất bằng con đường hòa bình."

Bader: Nhưng xem ra toàn dân chấp nhận chiến tranh.

HMC: Nhân dân ư? *Ai hỏi ý kiến nhân dân? Đảng là tất cả.*

Bader: Vậy thì không phải người Mỹ mà là chính quân Bắc Việt Nam là kẻ xâm lược.

HMC: Điều đó nên để các nhà sử học phán xét.

Trong cuộc phỏng vấn này, HMC cho biết ông đã thôi không còn là người cộng sản nữa kể từ khi ông theo học về chủ nghĩa Mác Lê-nin ở Mạc Tư Khoa và

"suốt ba năm rưỡi khi tôi làm viện trưởng (viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác Lê-nin), viện là nơi có tự do dân chủ nhất. Tôi tuyên truyền tư tưởng (mà người ta cho là) xét lại."

Ông cũng cho biết điều ông ghê tởm nhất là: đấu tranh giai cấp và chuyên chính vô sản. Ông chủ trương "mọi sự phải công khai," ông không hoạt động gì bí mật. Ông chống mọi biện pháp bạo lực cũng giống như ông chống cộng sản. "Tôi không chấp nhận chủ nghĩa cộng sản cũng như những phương pháp bạo lực." Như vậy ông cũng không tán thành những tổ chức bí mật chống cộng bằng bạo lực.

2. Bức thư ngỏ:

Bức thư đề ngày 27-8-1993. Gửi tòa án tối cao, quốc hội, trung ương đảng, mặt trận Tổ Quốc, hội luật gia, các cơ quan truyền thông và bạn hữu. Nội dung gồm có năm mục:

A. Nhiều chục, nếu không nói là cả trăm người trong và ngoài đảng bị vu đàn áp vì có những tư tưởng mới, cấp tiến. ... Vì bị hành hạ dã man, có người đã chết trong ngục (thí dụ ông Phạm Viết), hoặc cho rời nhà tù để về chết ở nhà (thí dụ ông Phạm Kì Vân), hoặc chết vì quá suy nhược trong tù đày liên tiếp vì đói khổ, thiếu thuốc men, bị o ép tinh thần, chết ngoài lề xã hội, mang hận trong lòng sang thế giới bên kia (như các ông Đặng Kim Giang, Lê Liêm, Bùi Công Trừng, Ung Văn Khiêm, Nguyễn Văn Vịnh,

Trần Minh Việt...)

Ông viện dẫn những điều 7, điều 11 trong pháp lệnh tháng 11 năm 1981, và pháp lệnh khiếu tố năm 1992 để chứng minh rằng Lê Đức Thọ đã không coi luật pháp ra gì vì ông ta nhân danh đảng. Mà đảng thì đứng trên và ngoài vòng luật pháp.

Tại sao có chuyện cực kỳ phi pháp và phi đạo lý như vậy? Mà chuyện đó lại được coi là lẽ đương nhiên! Điều đó chỉ có thể giải thích được bởi một lẽ duy nhất: Tất cả các cơ quan nhà nước từ cấp trung ương xuống đến cơ sở đều phải đặt dưới quyền lãnh đạo của cấp ủy đảng là cấp toàn quyền, tiên quyết và quyết định tối hậu tất cả. Điều đó lại được pháp chế hóa bằng điều 4 của hiến pháp năm 1980. (Hiến pháp năm 1992 vẫn giữ nguyên điều 4 đó).

B. Về nguồn gốc vụ án xét lại, HMC đã nói đến hội nghị 9 của trung ương đảng cuối tháng 11 đầu tháng 12 năm 1963, và nghị quyết 9 theo sau đó. Một nghị quyết được coi là tuyệt mật trong một thời gian dài:

"Điều quan trọng nhất là phải được nghe lời giải thích về điều ẩn giấu của nghị quyết 9 không được ghi trên văn bản mà chỉ được phổ biến bằng miệng từ cấp trung ương rồi truyền miệng xuống tới tận cơ sở. Chính những lời truyền miệng đó mới là thực chất, nội dung, linh hồn sâu kín nhất của nghị quyết 9. Tấm màn bí mật ấy được vén lên bởi ông Trường Chinh, ủy viên bộ chính trị, trưởng ban phổ biến nghị quyết 9 của trung ương. Tại hội nghị các cán bộ cao cấp và trung cấp gồm chừng 400 người họp lần đầu tiên tại hội trường Ba Đình trong tháng giêng năm 1964 để học tập nghị quyết 9, ông Trường Chinh tuyên bố: "Các đồng chí cần đặc biệt lưu ý một điều là nghị quyết 9, do tình hình phức tạp trong phong trào cộng sản quốc tế, không thể viết hết ra những điều cần nói. Cần đặc biệt lưu ý là thực chất của nghị quyết 9 chỉ có thể phổ biến bằng miệng, điều đó là: Đường lối đối nội, đối ngoại của đảng và nhà nước ta là thống nhất về cơ bản với đường lối đối nội đối ngoại của đảng và nhà nước Trung Quốc."

Sau đó ít lâu, ông Lê Đức Thọ, trưởng ban tổ chức trung ương tuyên bố với cán bộ rằng: "Chống chủ nghĩa xét lại hiện đại, về mặt lý luận ta để cho đảng cộng sản Trung Quốc làm, còn về mặt tổ chức thì ta tự làm lấy."

C . Trong phần 3 này HMC nêu lên các biến cố ở Đông Âu, Liên Xô và cả đường lối mềm dẻo của Trung Quốc, cũng như những thay đổi hiện nay ở Việt Nam để khẳng định rằng:

"Như vậy thực tế của Việt Nam hiện nay đã vượt xa các quan điểm xét lại thuộc thập kỷ 60 của những người xét lại ở VN."

D. HMC nói về trường hợp ông đã tán thành chủ trương của Khrutshchev ra sao. Ông cũng nói chính Trường Chinh trao cho ông chuẩn bị văn kiện đi dự đại hội 81 đảng cộng sản ở Liên Xô, và lúc ấy phái đoàn đảng cộng sản Việt Nam đã chấp thuận đường lối của ông. Chỉ cho đến khi có nghị quyết 9 người ta mới đổi lập trường ngả theo Trung Quốc và kết tội ông là xét lại, bắt giam và quản chế ông tổng cộng 20 năm. Trong thời gian đó ông chịu đủ thứ cực hình. Nhưng họ không làm ông khuất phục để nhận tội.

E. Trong phần kết luận HMC nêu lên bảy điểm. Chúng tôi chỉ trưng dẫn mấy hàng của điểm 3 và điểm 7:

"Nếu Bộ chính trị và ban chấp hành trung ương kết tội những người trong vụ án xét lại chống đảng thì, công bằng mà nói, phải tự kết tội mình trước đã."

"Việc đảng từ bỏ giữa chừng quan hệ quốc tế đứng đắn được nêu trong tuyên bố 81 đảng (đã được đồng thuận ký kết), mà nhảy ngang sang dòng nước ngược giáo điều bảo thủ, duy ý chí, Mao-ít cực đoan là một sự thụt lùi ghê gớm. Nó đã đẩy đất nước vào cuộc khủng hoảng toàn diện, trầm trọng, triền miên suốt nhiều thập kỷ liền mà hiện nay nhân dân ta đang phải trả giá đau đớn khốc liệt bằng chính xương máu của mình."

"Cuối cùng, tôi xin kiến nghị với quốc hội khóa 9, kì họp thứ 4 sắp tới sẽ nghiên cứu toàn diện, sâu sắc mà loại bỏ điều 4 trong hiến pháp năm 1992 cho phù hợp với nền dân chủ đích thực, phù hợp với một nhà nước pháp quyền sẽ được xây dựng, đáp ứng được sự đòi hỏi lâu nay của quốc dân đồng bào cũng như Việt kiều và các gợi ý chân tình của quốc tế."

Đầu năm 1999, nhân vụ tướng Trần Độ bị đảng khai trừ, Hoàng Minh Chính có phát biểu trên đài Á Châu Tự Do là mặc dù có vụ này, "tôi rất lạc quan vì tiến trình thế giới ngày nay đang mở ra tiếng nói về dân chủ, về dân quyền và trở thành ngôn ngữ chung của loài người hiện nay. *Và trên thế giới, cao trào hội nhập khu vực, hội nhập toàn cầu đang bùng lên như một cao trào. Việt Nam đã vào ASEAN, vào AFTA và đang xin vào WTO thì lãnh đạo không dại gì chặn lại trào lưu bằng việc làm ô ép trong nước."* Về liên hệ giữa những người trí

thức ở hai bên chiến tuyến trước đây, HMC phát biểu:

"Họ đều nung nấu về tình hình đất nước. Họ đều theo dõi tình hình để biết là đất nước hiện nay đang tụt hậu, và đều rất xót xa. Vì thế tôi không thấy có gì ngăn cách giữa những người trí thức với nhau."

Vài nhận xét về trường hợp Hoàng Minh Chính:

Nữ ký giả Judy Stow từng là đặc phái viên của đài BBC ở vùng Đông Nam Á, sau đó làm trưởng ban Việt Ngữ đài này **đã gọi Hoàng Minh Chính là cha đẻ của Chủ nghĩa xét lại Việt Nam.** Đúng ra ông chỉ là người đem áp dụng ở Việt Nam tư tưởng xét lại của Khrutshchev đã trở thành đường lối chính sách của Liên Xô từ đại hội XX năm 1956 và sau đó trở thành đường lối chính sách của đại hội 81 đảng cộng sản thế giới năm 1960, trong đó tuyệt đại đa số các đảng cộng sản đã đứng hẳn về phía Liên Xô chỉ trừ Trung Cộng, Albany và một vài đảng cộng sản khác. Nói là áp dụng thực ra cũng không hoàn toàn đúng, vì Hoàng Minh Chính chưa leo lên được địa vị có thể đem áp dụng nó mà chỉ luồn lách tư tưởng xét lại trong một số văn kiện được Trường Chính ủy thác soạn thảo, và phái đoàn cộng sản Việt Nam tại đại hội 81 đảng năm 1960 đã phát biểu theo lập trường văn kiện đó. Căn cứ vào những gì Hoàng Minh Chính tiết lộ với nhà báo Bader, cũng như trình bày trong bức thư ngỏ năm 1993 thì, nếu không có sự chia rẽ đến đối đầu quyết liệt giữa Trung Quốc và Liên Xô, và nếu không có tham vọng quyền bính tột đỉnh của hai tay chọc trời khuấy nước họ Lê là Lê Duẩn và Lê Đức Thọ, thì đảng cộng sản Việt Nam với Hồ Chí Minh (chủ tịch đảng, chủ tịch nhà nước), Phạm Văn Đồng (ủy viên bộ chính trị, thủ tướng), Võ Nguyên Giáp (ủy viên bộ chính trị, chủ tịch Quân ủy, bộ trưởng quốc phòng) Ung Văn Khiêm (ủy viên trung ương đảng, bộ trưởng bộ ngoại giao) tương đối hòa hoãn và có xu hướng thân Liên Xô, có lẽ đã có thể đem áp dụng những tư tưởng mà Hoàng Minh Chính đem từ Liên Xô về. Và nếu đảng cộng sản không bị hai tay họ Lê thao túng ngả theo đường lối giáo điều cực đoan của Mao Trạch Đông, thì có lẽ HMC đã có một địa vị cao hơn, hòng áp dụng đường lối hai miền thi đua phát triển trong hòa bình và thống nhất bằng thương thảo phi vũ trang.

Cho đến nay các vụ án lớn như Cải Cách Ruộng Đất, Nhân Văn Giai Phẩm, Chỉnh Đốn Tổ Chức đều đã được công khai hóa. Riêng vụ án xét lại chống đảng vẫn còn bị ghìm sâu trong bí mật, mặc dù đã có người khiếu tố. Ngay cả Nguyễn Trung Thành là người thụ lý vụ án thời ông làm trong ban tổ chức dưới quyền của Lê Đức Thọ cũng đã lên tiếng yêu cầu đem ra xét xử công khai để giải oan cho nhiều cán bộ cao cấp. Chẳng những đảng không chấp thuận mà còn áp dụng kỷ luật với ông Thành và cả ông Lê Hồng Hà, và còn bỏ tù HMC, chỉ vì ông này đã có bức thư ngỏ.

Người ta tự hỏi: Nếu đem ra công khai vụ này, thì liệu đảng sẽ có nguy cơ bị kết tội gây chiến tranh giết hàng triệu người không? Và còn bao nhiêu hệ lụy khác nữa? Và như vậy cái công chống Mỹ Cứu nước sẽ trở thành tội phạm chiến tranh?

Trong bối cảnh đó, vụ án xét lại chống đảng trở thành quan trọng và do đó vai trò của người tiên phong đưa tư tưởng xét lại vào Việt Nam như HMC cũng trở nên quan trọng không kém.

Khi bức thư ngỏ của HMC được đăng trên tờ Diễn Đàn ở Paris, một cán bộ (Lê Xuân Tá) đã lợi dụng lúc công tác ở Liên Xô lên tiếng góp ý thêm về vụ án. Ông Tá cũng nhắc lại thái độ và hành động của HMC trong thời gian làm viện trưởng viện Triết Học ở Hà Nội và tỏ ý ca ngợi, tán đồng. Ngoài ra ông cũng nhắc đến các ông Dương Bạch Mai và Bùi Công Trừng là hai nhà trí thức miền Nam (đều là ủy viên trung ương đảng) chống Mao, cùng một lập trường với HMC. Ông Tá đã nhắc lại câu nói của HMC trả lời cấp trên, khi ông này khuyên "nên 'régler' bớt cái lập trường 'prosovietique' đi để giữ đoàn kết". Ông Chính bốp chát ngay: "Là thằng ngu thì không nói làm gì. *Nhưng nếu là thằng trí thức mà không đủ can đảm bảo vệ chân lý, thì cái đầu của nó còn dùng để làm gì nữa."* Nếu đa số trí thức trong nước dám nói và làm theo chân lý thì có lẽ chế độ cộng sản đã chết từ lâu ở Việt Nam rồi.

Vũ Thư Hiên thì chê Hoàng Minh Chính vẫn còn "thể hiện một niềm tin lỗi thời ở đảng," mặc dầu, như Vũ Thư Hiên viết, "Ban lãnh đạo căm ghét anh." (6)

Nguyễn Ngọc Lan trong một cuộc phỏng vấn dành cho đài Phát thanh RFI (Pháp Quốc Tế) đã nói về việc Hoàng Minh Chính bị đem ra xử tại tòa ngày 8-11-1995 đại ý, theo báo *Sài Gòn giải phóng*, mục đích của Hà Nội là muốn

nghiêm trị Hoàng Minh Chính và Đỗ Trung Hiếu về tội lợi dụng tự do dân chủ. NNL châm biếm rằng: "Cứ hễ cái gì được gọi là lợi dụng thì nhắm mắt cũng thấy rõ là thứ ấy không hề có hay thiếu lắm."

Để hiểu thêm về nguyên do và hậu quả của vụ án XLCĐ, tưởng cũng nên lưu ý đến lời HMC tiết lộ với nhà báo Bader rằng ông Hồ cũng tán thành đường lối "xét lại," nhưng thuộc thiểu số. Đồng thời thử đặt vụ án vào bối cảnh chung lịch sử cả nước lúc ấy. Tại miền Nam từ đầu năm 1963 có rất nhiều tin đồn về cuộc gặp gỡ giữa ông Ngô Đình Nhu, cố vấn chính trị của tổng thống Diệm, với Phạm Hùng phái viên của chính quyền Hà Nội tại miền Nam. Đó là chưa kể những cuộc tiếp xúc công khai giữa ông Nhu và trưởng đoàn đại biểu Ba Lan trong Ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến. Nhiều nhà báo và sử gia Mỹ còn viết rằng lúc ấy tổng thống Diệm có mật lệnh cho các tướng Huỳnh văn Cao, Bùi Đình Đạm tránh những cuộc giao tranh có nguy cơ gây tổn thất nhân mạng. (Họ lên án tổng thống Diệm không muốn chống cộng, chỉ muốn bảo vệ quyền hành.) Ngoài ra cũng nên nhớ lại là tháng 7 năm 1954 trong bữa tiệc ở Paris do phái đoàn Trung Cộng khoản đãi, thủ tướng Trung Cộng Chu Ân Lai đã làm ông Phạm Văn Đồng và nhân viên phái đoàn Bắc Việt ngạc nhiên và bất bình, khi ông trực tiếp, công khai ngỏ ý với ông Ngô Đình Luyện em ông Diệm (ít ai có thể ngờ là cũng được mời dự tiệc), mong muốn có đại diện của Sài Gòn ở Bắc Kinh. Đặt tất cả những sự việc kể trên chung lại với nhau, rồi lại đặt chúng bên cạnh bối cảnh của nghị quyết số 9 vào cuối 1963, đầu 1964, nghĩa là chỉ hơn một tháng sau khi tổng thống Diệm bị hạ, người ta thấy hiện lên một giả thuyết khá hấp dẫn: Nếu Mỹ đừng nóng lòng diệt cộng, nếu một số chính khách và nhà sư miền Nam không quá háo hức với một nền dân chủ kiểu Mỹ, tìm cách lật tổng thống Diệm, thì có lẽ Trung Quốc, mặc dù muốn tranh quyền với Liên Xô, cũng chưa chắc đã bắt ép đàn em Bắc Việt phải dùng võ lực cố đánh chiếm miền Nam. Nhưng dù hấp dẫn, đó cũng chỉ là giả thuyết đặt trên cái chữ "nếu" không có trong lịch sử.

Điều sau đây thì có cơ sở hơn: Một số trí thức và văn nghệ sĩ cộng sản phản tỉnh bênh ông Hồ. Bảo ông ta ôn hòa, tình cảm, yêu nước, mặc dù có khuyết điểm và có trách nhiệm trong nhiều tội ác, nhưng chỉ vì ông không cương quyết, chứ thực tâm ông không xấu. Đọc hết soạn phẩm này, độc giả sẽ thấy những điều những tác giả đó nói đáng tin đến mức độ nào. Có một điều chúng tôi thấy nên nói trước về đại cương: Cứ cho rằng những người bênh ông Hồ có lý đi. Nguyên một việc ông đem chủ nghĩa Mác Lê-nin vào Việt Nam, lập nên cái đảng chuyên chính vô sản, chuyên gây thù hằn giai cấp, lấy bạo lực làm phương tiện tiêu trừ các giai cấp khác, các đảng quốc gia khác, cũng đủ là một tội lớn rồi. Cứ cho là ông chỉ là một phù thủy non tay không sai khiến được âm binh, để đến nỗi bị âm binh khống chế, thì nguyên cái tội phù thủy đã nặng lắm rồi. Bao lâu những người tự cho mình thương dân, yêu nước, bên này cũng như bên kia, còn bị lúng túng về tình cảm với ông Hồ, bao lâu cái xác ông còn được tôn thờ ở công trường Ba Đình, trong khi nhiều nhà yêu nước khác còn nằm co ro, nhục nhã ở những bãi tha ma hẻo lánh, thì nhân dân ta còn khổ. Ở một dịp khác chúng tôi sẽ bàn giải cặn kẽ hơn.●

Chú Thích

(*) Trích Thư Ngỏ ngày 27-8-1993 của Hoàng Minh Chính gửi tòa án tối cao, quốc hội...

(**) Ở Việt Nam năm ấy cũng có vụ nổi dậy của 20 ngàn nông dân Qùynh Lưu, Nghệ An.

(1) Cũng có người nói ông sinh năm 1922. Nam Định cũng là quê của các cán bộ cộng sản cao cấp khác như Trường Chinh, ba anh em Lê Đức Thọ, Nguyễn Cơ Thạch, Trần Xuân Bách... Và một số văn thi sĩ nổi tiếng như Tú Xương, Vũ Hoàng Chương, Khái Hưng, Trần Dần, Trần Mạnh Hảo, Vũ Thư Hiên... và hai nhạc sĩ thiên tài Đặng Thế Phong và Văn Cao.

(2) Sở dĩ Albany đứng về phe Mao chống Khrutshchev vì ông này đã định lật Hodja, lãnh tụ Albany mà không thành.

(3) Cho đến nay vẫn không có ai biết con số chính xác nạn nhân của vụ án này, cũng như con số nạn nhân trong vụ Cải cách ruộng đất. Nhưng nhiều người ước lượng khoảng 200. Chính HMC thì nói "nhiều chục, nếu không nói là cả trăm."

(4) 81 trong số 86 đảng đã tham dự đại hội các đảng cộng sản và công nhân thế giới tại Moscow năm 1960, do Khrutshchev triệu tập.

(5) Cuộc phỏng vấn dành cho nhà báo Balan Jacek Hugo Bader đã được đăng tải trên tập san Gazeta wyborza ngày 21-4-1995.

(6) "Đêm giữa ban ngày," Vũ Thư Hiên, nxb Văn Nghệ, California, 1997, trang 295.

ĐO LƯỜNG PHÁP LUẬT

LÊ ĐÌNH THÔNG

Cách đây năm năm (30.10.1994), Câu Lạc Bộ Nghiên Cứu Việt Nam ở Sceaux (ngoại ô Paris) có tổ chức một cuộc trao đổi ý kiến về đề tài Việt Nam: *pháp quyền hay pháp trị?* Tới nay, câu hỏi lưỡng phân vừa kể vẫn còn chia đôi. Không những là chia đôi về quan điểm luật pháp, mà còn chia đôi tất cả. Trong bài này, hai hướng đi *pháp quyền* và *pháp trị* sẽ được dùng để dẫn nhập cho việc *đo lường pháp luật.*

Nhưng trước hết, xin nói qua về từ ngữ (terminologie). Hai thuật từ chỉ đào sâu thêm sự chia đôi địa lý. Trong nước, chính quyền nói tới *Pháp quyền*. Ngoài nước, một số người chủ trương *Pháp trị*. Tuy cả hai đều không chống 'pháp' (*pháp* viết thường chứ không viết hoa), nhưng vĩ ngữ (suffixe) còn lại đã định đoạt quan niệm pháp luật của mỗi bên.

- Chữ *Pháp* (bộ *Thủy*) có nghĩa là 'cách thức'. Người Tầu dịch âm quốc hiệu 'France' = 'Pháp' là một sự trùng hợp có ý nghĩa. Vì nước này có được chút tiếng thơm về *État de droit.*

- Chữ *Quyền* (bộ *Thủ*) có nghĩa là 'tay, đánh bằng tay (đấm)'. Vấn đề là: Ai đấm? Ai bị đấm? (Nói khác đi, vấn đề 'ai đấm ai' là xu hướng của thời đại). Cái bi đát của *Pháp quyền* là ở chỗ đó.

- Chữ *Trị* (bộ *Thủy*) có nghĩa là 'yên ổn, tốt đẹp'. Theo thiển ý, tuy *Trị* biểu thị tinh thần trọng pháp, nhưng chưa đủ. Chữ *Quyền* có bộ *Thủ* (tay). Vì vậy, đem *Luật* đối lại với *Quyền* có lẽ hợp lý hơn.

- Chữ *Luật* (bộ *Sách*) là 'bước ngắn'. *Tay* mà đối lại với *chân* (bước ngắn) mới thật là ổn. Hơn nữa, trong xã hội, ai mà chẳng dùng 'bước chân' để di chuyển (dù là di chuyển bằng xe lăn). Đó là một sự bình đẳng tuyệt đối, theo định nghĩa của chữ 'Luật' (*phép tắc đặt ra để* **mọi người** *phải tuân theo*). **Mọi người,** kể cả đảng và chính quyền. Vì vậy, nên dịch *Etat de droit* là *Nhà nước pháp luật.* Droit = Luật là đúng quá đi rồi! Việc gì mà phải đấm đá, dọa nạt nhau!

- Còn *État* mà dịch là *Nhà nước* là hoàn chỉnh. Trong tiếng Pháp, chữ *État*, do chữ *Estat*, có nghĩa là 'đứng (cho vững)' (se tenir debout). Vì 'đứng' là một cách thể hiện nhân sinh: đầu đội trời, chân đạp đất. Nói theo nghĩa đen, chức năng của *Etat* (Nhà nước) là giúp cho mọi người đứng thẳng, không bắt một ai phải quỳ gối, phải cùm, phải bò lê bò càng, lạy lục xin xỏ v.v.

Tiếng Việt cụ thể hơn. Ý nghĩa của chữ (Nhà) *Nước* được tóm tắt trong bài ca dao năm câu, theo thể nói lối: *Lạy trời mưa xuống, Lấy nước tôi uống, Lấy ruộng tôi cầy, Lấy bát cơm đầy, Lấy rơm đun bếp.* Theo bài ca dao này, trước hết Nhà nước phải lo cho dân khỏi đói (ruộng cầy), khỏi khát (nước uống). Sau khi đã no đủ (đầy bát cơm) thì lo tới chuyện êm ấm (rơm đun bếp). Nếu Nhà nước chỉ lo cúp điện, cúp nước thì không còn phải là Nhà nước nữa.

Trong cả hai ngôn ngữ (Tây phương và Việt Nam), vì có sự chuyển hóa từ cụ thể sang trừu tượng, các chữ *Nhà nước, State, État* đều được viết hoa. Nếu viết chữ thường sẽ khiến người ta liên tưởng đến 'Saigon Thủy cục'. Còn trong ngôn ngữ Tây phương, mấy chữ *état, state* (không viết hoa) có nghĩa là tình trạng (như état de santé hoặc state of health : tình trạng sức khỏe).

*

Như vậy là đã rõ. Bây giờ, mời bạn đọc cầm cây thước để đo pháp luật. Ta có thể đo bất cứ một văn kiện nào. Chẳng hạn như thông tư số 01/1999/TT/TGCP ngày 16-6-1999 của ban Tôn giáo chính phủ liên quan đến việc *'hướng*

dẫn thực hiện một số điều trong nghị định của chính phủ số 26/1999/NĐ-CP ngày 19-4-1999 về các hoạt động tôn giáo'. Đó là một thông tư ban hành cách đây mấy tháng. Vì vậy hãy còn tính thời sự.

Trước hết là đo về hình thức. Thông tư của ban Tôn giáo gồm tám phần, được ghi số la mã (có thể vì có liên quan một phần đến Giáo hội Công giáo ở La Mã) và dài 10 trang A4, như sau :

I - Chế tài các hoạt động tôn giáo.

II - Hoạt động tôn giáo tại cơ sở thờ tự.

III - Về cơ sở thờ tự của tổ chức tôn giáo.

IV - In, xuất bản các loại kinh, sách và các xuất bản phẩm tôn giáo; sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu văn hóa phẩm, đồ dùng trong việc đạo.

V - Hoạt động dòng tu hoặc các tổ chức tu hành tập thể tương tự.

VI- Phong chức, bổ nhiệm, thuyên chuyển chức sắc, nhà tu hành, những người chuyên hoạt động tôn giáo kể cả những người do tín đồ bầu ra.

VII- Xử lý người mạo danh chức sắc, nhà tu hành để hoạt động tôn giáo.

VIII - Trường đào tạo chức sắc, nhà tu hành.

*

Trong thông tư, ban Tôn giáo chính phủ viết sai vài chữ, rất đáng tiếc. Chẳng hạn như 'chế tài' nói trong phần I là không đúng. Trong một văn kiện pháp lý, người ta không 'quyền' (đấm) trước, rồi mới 'pháp' (quy định) sau. Như vậy là tréo cẳng ngỗng. Vì vậy, thay vì dùng chữ 'chế tài' (des sanctions), lẽ ra phải viết là 'chế độ' (régime), hoặc 'các quy định chung' (dispositions générales). Tuy đều bắt đầu bằng 'chế' cả, nhưng *chế tài* và *chế độ* có ý nghĩa khác nhau hoàn toàn. Thuật ngữ *Xử lý* nói trong phần VII thực ra là *Chế tài*. Phần VII dùng chữ *xuất bản phẩm* cũng không đúng. *Ấn phẩm* (imprimé) là một từ ngữ vừa thông dụng, lại vừa chính xác. Mặt khác, hai phần II và III cũng có những quy định luẩn quẩn (tautologie) : phần II vừa nói về 'Cơ sở thờ tự', qua phần III lập lại 'Về cơ sở thờ tự'. Luẩn quẩn, vì chính quyền luôn bị ám ảnh bởi 'cơ sở thờ tự' của các tôn giáo?

*

Nhưng điều đáng đo lường là *nội dung*. Không thể phân tích toàn bộ thông tư dài 10 trang này được. Bài này chỉ 'đo' ba phần : V, VI và VIII.

Trước hết là phần V. Phần này gồm ba đoạn :

- Đoạn 1 bắt các dòng tu phải *'thực hiện việc đăng ký hoạt động với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền'*.
- Đoạn 2 quy định *'việc bầu bề trên dòng phải được sự chấp thuận của Trưởng Ban Tôn giáo của Chính phủ'* (các chữ viết hoa đúng như trong thông tư).
- Đoạn 3 buộc người nhập tu phải *'có đơn xin Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh'*.

Phần VI ấn định việc *'phong chức cho chức sắc, nhà tu hành phải được sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ'* và phải *'thực hiện việc đăng ký hộ khẩu'*.

Phần VIII ấn định việc *'mở trường đào tạo chức sắc, nhà tu hành của tổ chức tôn giáo phải xin phép Thủ tướng Chính phủ.'*

Sau cùng, đứng đầu trong danh sách *nơi nhận* thông tư này là *Thường vụ Bộ Chính trị* rồi mới đến *Thủ tướng Chính phủ. Văn Phòng TW Đảng và các Ban của Đảng được đặt trên Viện Kiểm Sát ND tối cao và Tòa án ND tối cao* (xin xem bản chụp hai trang 1 và 10 của thông tư. Phía dưới trang cuối có ghi số 10) .

Sau khi đã tóm lược nội dung văn kiện, bây giờ là lúc đo lường.

*

Trước hết, có thể đặt ra vấn đề thứ bậc của văn bản (hiérarchie des textes). Thông tư (circulaire) là loại văn bản hành chính có thứ bậc thấp nhất trong số các văn kiện lập quy. Văn kiện thấp nhất này không thể thay đổi những quy định của văn kiện cao nhất là Hiến pháp. Hiến pháp ngày 15-4-1992 (hiện áp dụng) công nhận *quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí; có quyền được thông tin ; có quyền hội họp, lập hội và biểu tình theo quy định của pháp luật* (điều 69). Điều 70 ấn định: *quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Những nơi thờ tự của các tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ*. Hiến pháp 1992 cố tình làm giảm tầm quan trọng của quyền tự do tôn giáo bằng cách dành cho công quyền này vị trí thứ yếu, sau các quyền khác, nhất là đã sửa lại văn thức 'quyền tự do ngôn luận, tự do hội họp, tự do lập hội, tự do biểu tình' trong dự thảo hiến pháp thành 'quyền hội họp, lập hội, biểu tình' trong hiến pháp (bỏ bớt đi: *tự do*). Điều 18 Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền (10-12-1948) sử dụng văn thức:

droit à la liberté de religion (quyền tự do tôn giáo). Dù muốn dù không, điều 70 đã hiến định hóa (constitutionnaliser) quyền tự do tôn giáo ghi trong Tuyên ngôn.

Các quy định của thông tư không những hoàn toàn đi ngược với Hiến pháp mà còn tự mâu thuẫn. Chẳng hạn như quy định về việc *'bầu bề trên phải được sự chấp thuận của trưởng ban Tôn giáo'*. Việc bầu cử, dù lớn dù nhỏ và trong bất cứ phạm vi nào, cũng là một hình thức sinh hoạt dân chủ. Nghĩa vụ tôn trọng dân chủ (obligation de respect de la

Việc bắt buộc *"người nhập tu phải có đơn xin chủ tịch ủy ban nhân dân"* cũng trật lất. Theo một tục dao pháp luật (adage juridique): *Không ai có thể cho người khác một vật gì không thuộc về mình* (Nemo dat quod non habet). Việc ban Tôn giáo cho chủ tịch ủy ban nhân dân quyền 'chấp thuận' người này được làm bề trên, người kia không được làm bề trên là sai tự căn bản. Vì Nhà nước và Giáo hội là hai thực thể khác nhau. Nhà nước (qua người đại diện là chủ tịch ủy ban nhân dân) không có bất cứ một thẩm quyền tôn giáo nào trong

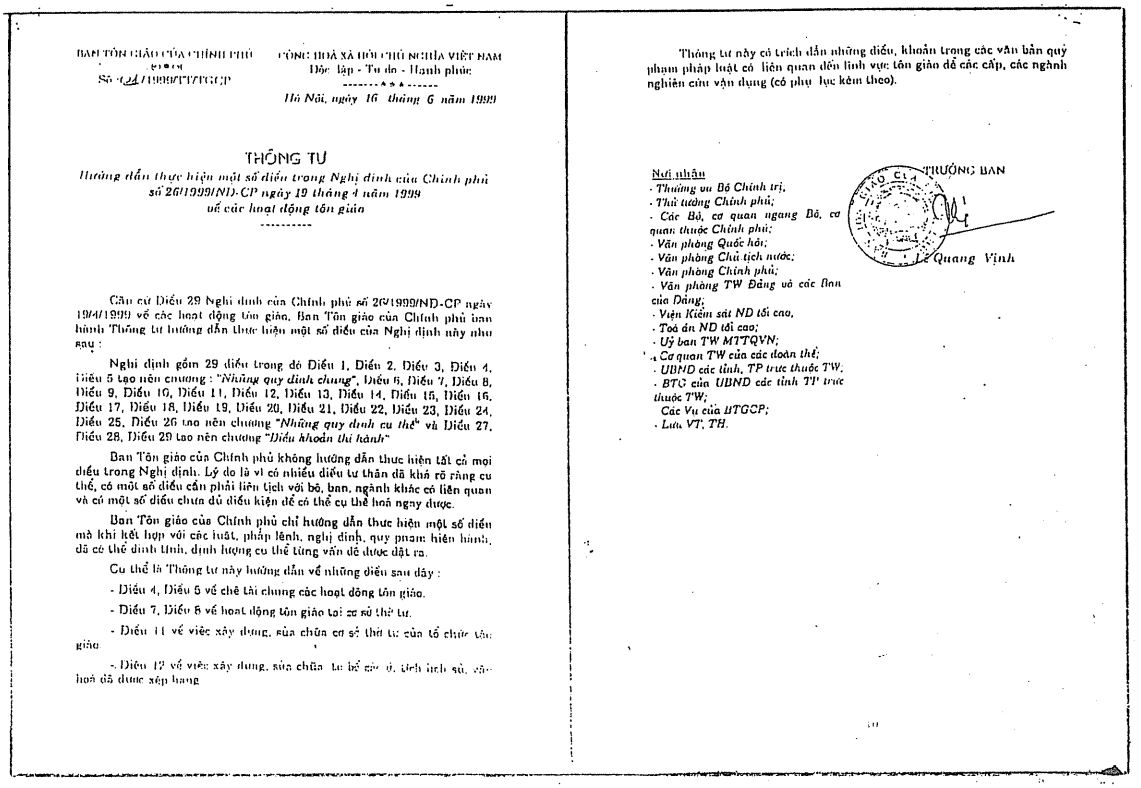

BAN TÔN GIÁO CỦA CHÍNH PHỦ
Số: 04/1999/TTTGCP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 1999

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện một số điều trong Nghị định của Chính phủ số 26/1999/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 1999 về các hoạt động tôn giáo

Căn cứ Điều 29 Nghị định của Chính phủ số 26/1999/NĐ-CP ngày 19/4/1999 về các hoạt động tôn giáo, Ban Tôn giáo của Chính phủ ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định này như sau :

Nghị định gồm 29 điều trong đó Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5 tạo nên chương : *"Những quy định chung"*, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 24, Điều 25, Điều 26 tạo nên chương *"Những quy định cụ thể"* và Điều 27, Điều 28, Điều 29 tạo nên chương *"Điều khoản thi hành"*

Ban Tôn giáo của Chính phủ không hướng dẫn thực hiện tất cả mọi điều trong Nghị định. Lý do là vì có nhiều điều tự thân đã khá rõ ràng cụ thể, có một số điều cần phải liên tịch với bộ, ban, ngành khác có liên quan và có một số điều chưa đủ điều kiện để có thể cụ thể hoá ngay được.

Ban Tôn giáo của Chính phủ chỉ hướng dẫn thực hiện một số điều mà khi kết hợp với các luật, pháp lệnh, nghị định, quy phạm hiện hành, đã có thể định tính, định lượng cụ thể từng vấn đề được đặt ra.

Cụ thể là Thông tư này hướng dẫn về những điều sau đây :

- Điều 4, Điều 5 về chế tài chung các hoạt động tôn giáo.
- Điều 7, Điều 8 về hoạt động tôn giáo tại cơ sở thờ tự.
- Điều 11 về việc xây dựng, sửa chữa cơ sở thờ tự của tổ chức tôn giáo.
- Điều 12 về việc xây dựng, sửa chữa [illegible] tích lịch sử, văn hoá đã được xếp hạng

Thông tư này có trích dẫn những điều, khoản trong các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến lĩnh vực tôn giáo để các cấp, các ngành nghiên cứu vận dụng (có phụ lục kèm theo).

TRƯỞNG BAN

Lê Quang Vịnh

Nơi nhận
- Thường vụ Bộ Chính trị,
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng TW Đảng và các ban của Đảng;
- Viện Kiểm sát ND tối cao,
- Toà án ND tối cao;
- Uỷ ban TW MTTQVN;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW,
- BTG của UBND các tỉnh TP trực thuộc TW;
- Các Vụ của BTGCP;
- Lưu VT, TH.

démocratie) là một trong những nguyên tắc cơ bản của bất cứ một chế độ pháp luật nào. Ngoài ra, việc thông tư bắt Giáo hội (bất cứ tôn giáo nào trong nước) phải xin trưởng ban Tôn giáo *'chấp thuận'* kết quả bầu tu viện trưởng là lấy thịt đè người, lấy ý kiến của một người để áp đảo ý kiến của một tập thể. Quy định này hoàn toàn không phù hợp với Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền: *Ý dân là nền tảng quyền lực của các công quyền* (la volonté du peuple est le fondement de l'autorité des pouvoirs publics) (điều 21, khoản 3). Trong phạm vi tu viện, *ý dân* biểu hiện qua sự lựa chọn của các tu sĩ.

phạm vi nội bộ của từng Giáo hội. Vì vậy, quy định này hoàn toàn không có cơ sở pháp luật và không phù hợp thực tế.

Việc lấy hộ khẩu (rập khuôn *'hùkou'* của Tầu) để khống chế các tu sĩ là vi phạm trắng trợn điều 68 Hiến pháp và điều 13 Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền về *"quyền tự do đi lại và cư trú."* Hiến pháp 1992 chỉ dịch lại văn thức: *droit de circuler librement et de choisir sa résidence à l'intérieur d'un Etat* (Tuyên ngôn).

Phần *Nơi nhận* vừa chứng tỏ có sự lẫn lộn giữa Đảng và Nhà nước, vừa tố cáo chính phủ chỉ là công cụ của đảng: *Thường vụ Bộ Chính trị* (viết hoa) đứng trên thủ tướng. *Văn phòng*

TW (trung ương) đảng còn "tối cao" hơn cả hai cơ cấu tối cao : Toà án Nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao. Nhà nước mà tổ chức theo cung cách này là quá lạc hậu, hoàn toàn không phù hợp với Nhà nước pháp luật.

*

Nhưng tại sao lại gọi là *ban Tôn giáo* (chính phủ)? - Danh hiệu này vừa biểu lộ mặc cảm tự tôn, vừa biểu lộ mặc cảm tự ti :

- *Tự tôn*, vì trong thực chất, "đảng cộng sản (tại các nước cộng sản) cùng lúc là một tôn giáo, một Giáo hội, một cộng đoàn và một dòng tu" (la parti communiste est à la fois une religion, une Eglise, une communauté et un ordre). Vì vậy, thông tư của ban Tôn giáo bắt buộc từ "người nhập tu" đến các chức sắc cao nhất, nhất cử nhất động đều phải xin phép Nhà nước cộng sản. Thông tư 1/1999 có mục đích đàn áp các nhà tu ngay trong tu viện, nghĩa là đàn áp ở chỗ xuất phát (amont). Biện pháp này khá tinh vi, không lộ liễu như việc thẳng tay đàn áp các tín đồ hành đạo tại các cơ sở thờ tự ở cuối lộ trình hành đạo (aval).

- *Tự ti*, vì cơ quan phụ trách tôn giáo của chính phủ chỉ được coi là một *Ban* (section). Trong thực tế, trưởng ban Tôn giáo được xếp ngang hàng bộ trưởng. Theo hệ thống đảng, Ban có thẩm quyền rất lớn, chuyên trách từng lãnh vực (đối ngoại, văn hóa tư tưởng v.v.) Ngược lại, trong tổ chức chính quyền, *Phòng, Ban, Ngành* là những đơn vị thấp nhất. Từ 1954 tới nay, cơ quan phụ trách tôn giáo chỉ được gọi là *Ban Tôn giáo*. Đảng có mặc cảm tự ti với các tôn giáo, vì số tín đồ các tôn giáo áp đảo số đảng viên. Mặt khác, các tín đồ tin thật vào tôn giáo của mình. Còn các đảng viên chỉ 'ngụy tín', giả vờ trung thành với đảng để hưởng lợi. Các ủy viên bộ chính trị mới là "đảng viên" thật. Trong tình thế hiện nay, đảng hai lần 'menchevik' (thiểu số) : 1) Đảng là thiểu số so với xã hội dân sự ; 2) Trong nội bộ đảng, số 'đảng viên thật' là thiểu số so với các 'đảng viên ngụy tín'.

*

Vấn đề đặt ra ở đây là cần phải *kiểm soát tính hợp hiến* (contrôle de constitutionnalité) của các văn bản xuất phát từ các cấp chính quyền khác nhau. Như thông tư của ban Tôn giáo.

- Điều 79 dự thảo hiến pháp có ghi: *"Quốc hội có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây : 3) Giám sát việc thi hành Hiến pháp và tính hợp hiến của pháp luật."*

Theo điều 91 khoản 5 Hiến pháp hiện hành, thẩm quyền này được giao lại cho ủy ban thường vụ Quốc hội, nhưng bỏ bớt đi thẩm quyền kiểm soát *"tính hợp hiến của luật."* Như vậy, Hiến pháp 1992 mặc nhiên coi tất cả các văn kiện lập pháp và lập quy đã ban hành đều hợp hiến cả. Trong thực tế, thông tư 1/1999 vi phạm Hiến pháp quá lộ liễu. Mức độ vi phạm lại hết sức trầm trọng.

Vì vậy, muốn thực hiện Nhà nước pháp luật một cách nghiêm chỉnh để đổi lấy ngoại tệ (đầu tư nước ngoài, viện trợ phát triển v.v.), đã đến lúc Nhà nước phải tách rời khỏi đảng (séparation du parti et de l'État), đồng thời thiết lập một định chế bảo vệ hiến pháp. Ở Pháp, định chế này được gọi là Hội đồng Hiến pháp (Conseil constitutionnel). Ngày 16-7-1971, Hội đồng Hiến pháp đã ra một quyết định lịch sử. Có thể tóm lược vụ án như sau : Ngày 25-1-1971, toà án hành chánh Paris bác bỏ quyết định của giám đốc Cảnh sát Paris từ chối cấp biên nhận cho sáng lập viên hội *Les Amis de la cause du Peuple*. Ngày 23-6-1971, Quốc hội (do đảng cầm quyền nắm đa số) thông qua một đạo luật cho phép giám đốc Cảnh sát có quyền kiểm soát tiên thiên (contrôle *a priori*), nghĩa là kiểm soát việc lập hội ngay trong giai đoạn trứng nước. Ngày 16-7-1971, Hội đồng Hiến pháp tuyên bố đạo luật của Quốc hội vi phạm nguyên tắc tự do lập hội (principe de la liberté d'association) ghi trong Hiến pháp.

*

Có Hiến pháp mà không có một cơ cấu kiểm soát nghiêm chỉnh là kể như chưa có Hiến pháp. Tình trạng này khiến những quyền lợi chính đáng của người dân trở thành miếng mồi ngon, để mặc chính quyền áp dụng luật rừng xanh, có toàn quyền sinh sát, 'xử lý'. Ở Việt Nam hiện nay, 'Nhà nước pháp quyền' đồng nghĩa với Nhà nước 'quyền cước'. Một cá nhân hoặc một định chế 'quyền cước' chỉ chuyên đánh đấm người khác. Không thể và không bao giờ tự đánh đấm mình. Vì vậy, đảng lúc nào cũng bận tâm và rất bận rộn tước đoạt các công quyền chính đáng của người dân.

Tức nước vỡ bờ. Thông tư của ban Tôn giáo đã bắt buộc các Giáo hội trong nước phải có ý

kiến để tự vệ. Ngày 5-9-1999, các tôn giáo trong nước công bố *Lời Kêu gọi của các tôn giáo về tự do tôn giáo ở Việt Nam*. Văn kiện có chữ ký của :

"Giáo hội Công giáo : Linh mục Chân Tín, phản ảnh đòi hỏi của người Công giáo.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất : Sa môn Thích Quảng Độ, Viện trưởng Viện Hóa Đạo.

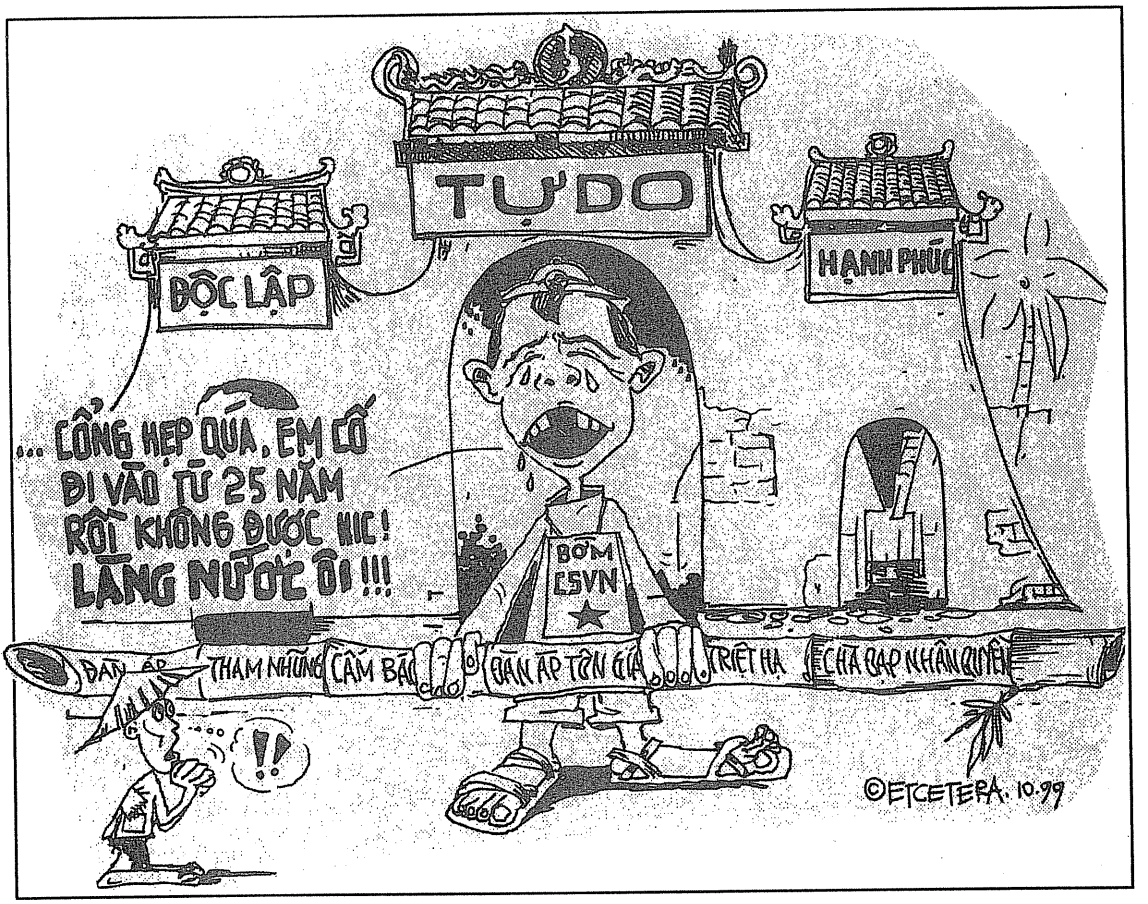

Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo : Lê Quang Liêm, Hội trưởng Giáo hội Hòa hảo từ trước 1975.

Giáo hội Cao Đài : Trần Quang Châu, Giáo sĩ Truyền giáo Cao Đài."

Nơi ký thấy ghi là Sài Gòn, thay vì Thành phố Hồ Chí Minh.

Phần viện dẫn lý do (exposé des motifs) căn cứ vào điều 18 Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền (*có ghi thêm : mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thừa nhận*) và điều 70 Hiến pháp.

Phần yêu cầu gồm có ba điểm :

1 - Hủy bỏ điều 4 trong Hiến pháp (1) 2 - Hủy bỏ nghị định 26/1999/NĐ-CP về hoạt động tôn giáo và thông tư 01/1999/TT/TGCP ban hành ngày 16-6-1999.

3 - Phục hồi pháp lý của các tôn giáo như trước năm 1975.

*

Lời Kêu gọi của các tôn giáo về tự do tôn giáo ở Việt Nam (hai Hủy bỏ - một Phục hồi) tương đối ngắn (492 chữ) nhưng là một văn kiện lịch sử, vì tính triệt để và toàn diện của nó. Văn kiện này là nỗ lực chung của các tôn giáo nhằm *tái lập* quyền tự do tôn giáo, đồng thời *thiết lập thực sự (de facto)* Nhà nước pháp luật ở Việt Nam. Hai tài liệu ghi trong phần viện dẫn chứng tỏ nội dung yêu cầu của các tôn giáo hoàn toàn chính đáng. *Lời Kêu gọi* không những là thước đo tương lai của *các* tôn giáo, nhưng đồng thời đo lường tương lai của cả *một* đất nước vậy.●

Chú thích

(1) Theo điều 4 Hiến pháp, "Đảng Cộng sản Việt Nam (...) là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội".

ĐỜI SỐNG QUANH TA

HUYỄN KÝ - THANH THẢO
TRẦN QUÁN NIỆM

DẠY THIỀN BẰNG BÀI HÁT?

Huyễn Ký

Các thiền sư thời xưa nhiều khi dùng những phương tiện kỳ lạ để dạy học trò, như ngài Lâm Tế nổi tiếng là hay la hét thật to, làm giật mình môn sinh; thiền sư Mã Tổ dạy sư Thủy Lão bằng cái đạp đau điếng... nhưng có thể Thiền sư Nhất Hạnh là vị tăng sĩ đầu tiên dạy thiền cho đại chúng bằng thơ và nhạc?

Xuất thân từ truyền thống Đại Thừa (Bắc Tông), vào chùa từ năm 16 tuổi, hòa thượng Nhất Hạnh nay 74 tuổi, vì nhân duyên đưa đẩy, đã phải ly hương từ năm 1965 và hành đạo tại 35 quốc gia khác nhau trên thế giới mà chưa được trở về quê mẹ dù Phật tử trong nước đang chờ mong và đã có nhiều vận động quốc tế đòi hỏi chuyện này.

Đức Đạt Lai Lạt Ma và thiền sư Thích Nhất Hạnh được coi là hai vị lãnh đạo tinh thần có uy tín lớn trong cộng đồng nhân loại hiện nay. Sách của hai vị ấn hành và được ưa chuộng khắp nơi, thiền sư Nhất Hạnh còn được giới Phật tử Hoa Kỳ gọi là "vị thầy dễ mến nhất."

Trong những khóa tu tổ chức tại Làng Mai (nơi hòa thượng Nhất Hạnh thường trú) hay tại các nơi khác, thiền sư thường đưa nhiều bài thơ và bài hát ngắn vào trong pháp thoại. Những bài kệ nhiều thi vị và nhạc vị do hòa thượng và các môn sinh sáng tác cũng được nhiều thiền sinh ưa thích.

Thở vào thở ra
Là hoa tươi mát
Là núi vững vàng...

"Nước giữ hoa tươi
Hoa nở cho người
Hoa thở tôi thở
Hoa cười tôi cười...

Trong khóa tu cuối tháng 9/ 1999 vừa qua tại Omega, khi ra về, nhiều thiền sinh đã từ biệt nhau bằng bài hát của sư cô Anabel Chân Đức, một đệ tử lớn của hòa thượng:

No comming, no going (Không tới cũng không đi)

No after, no before (Không sau cũng không trước)

I hold you close to me (Tôi nắm tay bạn)

I release you to be so free (rồi buông ra để ta được tự do)

Because I am in you (Vì tôi đã có trong bạn rồi)

And You are in me... (và bạn cũng đã có trong tôi)

Những giáo lý bát nhã về tánh Không, về tương tức tương nhập, buông xả v.v... được sư cô diễn tả trong mấy câu ngắn ngủi, điệu nhạc rất giản dị. Học trò của thiền sư từ Ý sang Đức, từ Trung Hoa sang Gia Nã Đại... tăng ni hay cư sĩ, đâu đâu họ cũng hát thuộc lòng những bài hát diễn giảng giáo lý đó. Mỗi xứ đều có lời hát bằng ngôn ngữ của họ, dù là Nga Sô, Thái Lan, Ấn Độ, Đại Hàn hay Tây Ban Nha, Hòa Lan, Ba Lan, ...

Tuy thiền sư Nhất Hạnh chưa được về Việt Nam để hoằng pháp một cách chính thức, nhưng nhiều bài hát Thiền đã về tới nhiều cơ sở xã hội do tăng thân Làng Mai bảo trợ. Những em bé nhỏ xíu tại quê nghèo miền Trung cũng thường hát "Thở vào thở ra là hoa tươi mát..." với những bàn tay nhỏ xíu đơm lên như đóa sen, coi thật dễ cảm động.

Những bài thiền ca do những người thực tập chánh niệm sáng tác, nhiều khi đã làm

được công việc chuyển hóa đau khổ giúp cho người đang lo âu phiền muộn. Anh Phạm H. tại tỉnh bang Ontario Canada cho biết anh đã biết sống, biết chấp nhận cuộc đời nơi xứ người sau khi được nghe Thượng tọa Tịnh Từ (Tu viện trưởng Kim Sơn) dạy cho bài Lưu Chuyển. Trước đó, ngày đêm anh bị dằn vặt, khổ não vì nhớ tới dĩ vãng và khó chịu với những cái lỉnh kỉnh của đời sống di dân mới. Bài Lưu Chuyển giúp cho anh mở lòng ra và hiểu được lẽ Vô Thường, còn hơn cả những bài Pháp thoại mà anh đã nghe từ quý thầy... Nhạc sĩ Paul Van Ness tại Los Angeles cho biết khi được đọc về một buổi ngồi thiền trời mưa của tăng thân Làng Cây Phong, cùng đọc và thấm những lời lẽ trong bài hát "The Rain" (cũng của sư cô Chân Đức), anh đã bớt được bao nhiêu sầu đau do vụ ly dị anh mới trải qua năm đó...

... The rain is falling so strongly
Reaching every root of every tree
Reaching every root of affliction...

Người Âu Mỹ và giới trẻ Á Châu đều rất thích được học hát trong các khóa tu. Nhưng đa số các vị tăng ni lớn tuổi theo truyền thống Việt Nam thường cau mày, không ưa lối giảng pháp này của thiền sư Nhất Hạnh cho lắm. Có lẽ chỉ có Thượng Tọa Thích Tịnh Từ, Thích Từ Lực và Sư Bà Đàm Lựu (chùa Đức Viên San Jose) mới viên tịch, là vài vị trong những tu sĩ hiếm hoi ủng hộ và tán đồng phương pháp hoằng hóa mới mẻ này. Chính sư bà cũng có lần hát chung với đại chúng bài mà sư bà rất ưa chuộng: bài "Tiếng chuông chùa cổ" của hòa thượng Nhất Hạnh.

TRỞ THÀNH TRIỆU PHÚ BẰNG CÁCH LÀM BÁNH COOKIES

Thanh Thảo

Hội nhập vào đời sống tại Hoa Kỳ, người Việt chúng ta có thêm một thói quen mới, đó là ăn bánh cookies. Khi có bạn bè đến nhà, vào những giờ không phải bữa cơm, người Hoa Kỳ mời khách uống nước và xơi cookies. Các em nhỏ đi học về, uống sữa thường đòi ăn cookies. Nếu các con em trong nhà chơi thể thao, sau mỗi lần tập, chắc chắn không có gì bằng đem cho các em một khay cookies còn ấm vừa nướng trong lò. Những buổi tối cả gia đình ngồi xem một cuốn phim

Debbi Fields

nào đó, ngoài món bắp rang cố hữu, cookies mềm, nóng là một món ăn vặt rất ngon. Cookies thật ra rất dễ làm, vật liệu rẻ, không tốn nhiều thời gian, và ai cũng có thể làm thử, một lần không ngon, mình có thể thử hai, ba lần, thế nào cũng có lúc bánh cookies mình làm trở thành món độc đáo gia truyền. Dễ làm, ít tốn kém, thế thì nguyên nhân nào đã khiến cho bà Debbi Fields, người sáng lập đại công ty Mrs. Fields' cookies trở thành triệu phú với trên 650 cửa tiệm tại Hoa Kỳ, 65 cửa tiệm tại 11 quốc gia trên thế giới, và những môn bài định kỳ 10 năm bán cho các hệ thống phân phối bánh ngọt lớn như Big Apple Holdings, hoặc những khách sạn lớn như Host Marriot? Trong mục Đời Sống Quanh Ta hôm nay, Thanh Thảo xin trình bày lý do nào khiến bà Debbi Fields có thể biến một giấc mơ nho nhỏ thành một sự thành công lớn lao như trên.

Thoạt nghe tên Mrs. Fields', có lẽ quí vị hình dung ra một bà mẹ khoảng trung niên, quanh quẩn ở nhà nuôi một đàn con, lúc thì nấu nướng, lúc thì chở con đi đến những lớp học kèm, hay những tụ điểm thể thao của một bộ môn nào đó, thế là hết ngày. Điều này chỉ đúng một phần. Debbi Fields là một người đàn bà tóc vàng, có dáng vóc của một người mẫu, và có một nụ cười thân thiện, nhưng đằng sau vẻ dịu dàng, Debbi Fields có một ý chí và nghị lực phi thường. Sinh trưởng trong một gia đình trung lưu tại Palo Alto, California, Debbi lập gia đình sớm và có năm người con gái. Không có bằng cấp chuyên môn nào khả dĩ giúp bà có thể tìm một việc làm đủ chu cấp cho việc nuôi dạy người con, lại cũng chẳng có nhiều tiền làm vốn, bà đã bị bạn bè, người thân, và vô số những người khác cho là điên khi bà ngỏ ý định trở thành chủ nhân

một cơ sở tiểu thương, đó là mở tiệm bán bánh cookies. Vốn thích nấu nướng trong bếp từ thời còn nhỏ, bà đã nướng cookies cả ngàn lần, mỗi lần thêm bớt chút ít vật liệu. Khi các con đi học trong trường, mỗi lần có những buổi tiệc nhỏ, cần phụ huynh góp phần nấu nướng, hoặc đem những món làm tại nhà, bà Fields lần nào cũng nướng bánh cookies, và bánh cookies do bà Fields làm không bao giờ còn dư lại. Từ vài buổi tiệc kiểu này, bà được đặt làm bánh cho những buổi tiệc khác, và bà nẩy sinh ý định kinh doanh bằng nghề... làm bánh cookies.

Nhưng mơ ước là một chuyện, thực hiện được hay không lại là một chuyện khác. Vào năm 1976, khi đang ở tuổi ngoài hai mươi, bà đã gặp hàng trăm lời khuyên dẹp bỏ mơ ước hão huyền, và không biết bao nhiêu lời chế riễu về ý định của bà. Những người bạn, khi ăn thử cookies bà Fields làm thì khen lấy khen để, nhưng khi được hỏi ý kiến về kinh doanh thì lắc đầu cho rằng bà không thể nào thành công trong việc mở tiệm bán bánh cookies. Lý do, có quá nhiều tiệm bán bánh ngọt rồi, ai mà mua. Những ngân hàng tiểu thương bà thăm dò đều từ chối cho vay tiền mở tiệm, những công ty cung cấp vật liệu bà xin bán thiếu đều từ chối vì cùng lý do. Tuy nhiên, theo tài liệu của tạp chí Women's Village Reader, Debbie Fields là một người đàn bà không sợ bị từ khước. Cho rằng sở trường của mình là thích làm bánh, và làm ngon hơn những người khác, bà đã kiên trì liên lạc với những người chưa thử bánh bà làm, để có cơ hội trình bày mơ ước của mình. Theo bà Fields, chỉ cần một nơi chấp thuận là đủ, tất cả những sự từ chối trước đó đâu có ý nghĩa gì, điều quan trọng nhất là đừng bỏ cuộc, đừng để những lời dèm pha, phê bình làm lung lạc ý chí. Và cứ thế bà nướng bánh gửi đến những nhân viên ngân hàng, những công ty bán vật liệu nấu ăn... Mỗi sáng thức dậy, Debbi Fields tự nhủ: "Hôm nay sẽ là ngày mơ ước của mình được thực hiện." Và quả thật, bà chỉ cần một lời ưng thuận cho vay tiền từ một ngân hàng để rồi mọi việc được khởi sự bằng một cửa tiệm khiêm nhường ở thành phố Palo Alto năm 1977.

Sau một ngày đầu tiên bán ế, bà nghĩ ngay ra cách tặng bánh thử, rồi tặng thêm cho những ai mua nhiều. Cho đến nay, dù đã rất thành công, tiệm bánh cookies của bà Fields vẫn còn tiếp tục cách bán hàng này. Vì không bao giờ cho rằng bánh đủ ngon rồi, bà luôn nghĩ ra những cách làm khác, chế thêm những vị khác nhau. Một điều đáng chú ý là bà không bao giờ thay vật liệu kém phẩm chất trong các công thức làm bánh nên lâu ngày "hữu xạ tự nhiên hương," tiếng đồn tốt về phẩm chất bánh lan rộng khiến từ một cửa tiệm bà đã có hai, ba, và cho đến hôm nay bà có đến trên 650 cửa tiệm tại Hoa Kỳ, chưa kể những nơi khác trên thế giới. Khi phải phát triển thêm cơ sở, bà đã chọn nhân viên rất kỹ lưỡng, và bà cũng là người đã áp dụng kỹ thuật điện toán vào trong các cửa tiệm bán lẻ để có thể theo dõi những loại bánh nào bán chạy nhất, cũng như tiết kiệm được thì giờ khi cần đặt mua thêm vật liệu. Bà là tác giả của ba cuốn sách viết về cách làm bánh tráng miệng, *Mrs. Fields Cookie Book, Mrs. Fields I Love Chocolate Cookbook,* và *Debbi Fields Great American Desserts.* Bà còn có chương trình truyền hình" The Dessert Show" trên hệ thống Cable's new Food Network.

Sự thành công vượt bực của bà Debbi Fields đã khiến cho viện đại học Harvard dùng trường hợp của bà làm đề tài cho các sinh viên theo học ngành quản trị kinh doanh. Ngoài ra còn vô số những sách đề cập đến câu chuyện của bà, như sách *"Entrepreneurs are made not born,"* (tạm dịch "Doanh gia không phải là kẻ bẩm sinh mà là được rèn luyện nên") của tác giả Lloyd E. Shefsky. Khi được phóng viên tạp chí Career World phỏng vấn về thành công của mình, bà đã trả lời như sau: "Điều quan trọng là đừng sợ khi phải đối đầu với sự may rủi vì thất bại lớn lao nhất trong đời là không dám thử. Khi đã tìm được điều gì mình yêu thích và muốn làm, hãy cố gắng trau dồi để làm hết khả năng của mình, và đừng để cho ai lung lạc ý chí đó." Câu trả lời của bà Debbi Fields, một triệu phú thành công nhờ làm bánh cookies, có thể được áp dụng trong rất nhiều lãnh vực khác vậy.

CHƯA ĐÁNH ĐÃ LUI

Trần Quán Niệm

Ngày 2 tháng 01 năm 1999 Bà Elizabeth Dole (phu nhân cuả Thượng Nghị Sĩ Bob Dole, ông là ứng cử viên Tổng Thống năm 1996) từ chức Giám Đốc cơ quan Hồng Thập Tự để chuẩn bị ứng cử Tổng Thống.

Các vị phụ nữ Hoa Kỳ hồ hởi lắm, suýt soa: Có thể chứ, phụ nữ tiến mạnh, tiến mau, nắm

thế chủ động của thiên niên kỷ mới. Phen này thì biết tay bà.

Nghĩ vậy cũng đúng thôi, vì còn gì thích hợp cho bằng thời điểm này. Trên chính trường phe đàn ông suy thoái thấy rõ. Nổi bật là Tổng Tổng Clinton sau vụ xì gà Monica, kéo theo nhiều tiết lộ về các vụ lem nhem ái tình của các nhân vật dân cử cũng như công quyền nam giới làm người dân chán nản, muốn đổi mới.

Bà Dole không phải là tay mơ trong chính giới. Bà là một luật gia. Trong nội các Reagan, bà là bộ trưởng Giao Thông, Vận Tải từ 1983 tới 1987. Trong nội các Bush, bà là bộ trưởng Lao Động từ 1989-1990. Tuy chưa nắm một chức vụ dân cử nào, nhưng bà đã có nhiều kinh nghiệm trong các vận động tranh cử cũng như gây quĩ cho chồng. Thấy bà từ chức tại hội Hồng Thập Tự (job này cũng thơm lắm, lương gần 200,000 đô), người ta lại càng tin tưởng vào quyết tâm của bà, và phỏng đoán là bà phải nắm chắc phần thắng mới quyết định như vậy, chứ dại gì mà thả mồi bắt bóng.

Ai ngờ con bài đang sáng giá, bỗng từ chức cái rụp. Ngày 21 tháng 10, 1999 bà tuyên bố chính thức rút tên khỏi cuộc tranh cử Tổng Thống năm 2000. Mọi người, nhất là phe phụ nữ chưng hửng. Thế "nà" thế "lào"?

Bà Dole cho hay, tiền quyên góp từ người ủng hộ quá ít (chưa đầy 5 triệu so với gần 60 triệu của Bush). Có thực mới vực được đạo. *Vai mang túi bạc kè kè, Nói quấy nói quá, người nghe ầm ầm.* Bà Hillary tính sơ sơ phải cần 25 triệu mới ngấp nghé được cái ghế Thượng Nghị Sĩ.

Thế là giấc mộng phụ nữ làm Tổng Thống Hoa Kỳ năm 2000 đã tan thành mây khói.

Nhìn về dĩ vãng

Trong lịch sử lập quốc Hoa Kỳ, cách đây 79 năm (1920), phụ nữ Hoa Kỳ được công nhận quyền bỏ phiếu. Và trong trên hai thập niên vừa qua, phụ nữ Hoa Kỳ đã tiến những bước dài trong chính giới. Con số nữ thị trưởng (mayors) tăng gấp 10 lần, lên tới 175 bà, trong số 973 thị trưởng toàn quốc, cai quản các thành phố có trên 30 ngàn dân cư. Trong ngành lập pháp tại khắp các tiểu bang, số phụ nữ tăng gấp bốn lần, lên tới 1,517 trong tổng số 7,424 vị. Trên lãnh vực dân cử, số phụ nữ cũng gia tăng gấp đôi với con số 63 bà (54 dân biểu, 9 nghị sĩ). Năm 1992 được mệnh danh là năm của phụ nữ, Year Of The Woman.

Thừa thắng xông lên, lại được tổng thống Clinton o bế, vì lỡ hứa hẹn để kiếm phiếu khi

Bà Elizabeth Dole và chồng

tranh cử (năm 1992), nội các của ông, nhan nhản các khuôn mặt phụ nữ. Nào tổng trưởng tư pháp Bao Công mặt sắt Reno, nào tổng trưởng y tế Elders, phát ngôn viên toà Bạch Cung Dye Dye Myers... (đã bị thay thế ít lâu sau). Gần đây nhất bà Christine Todd Whitman được bầu là thống đốc tiểu bang New Jersey v.v. Ngoài ra trong các công tư sở, thương trường, giáo dục, đại học, phụ nữ càng ngày càng lấn chiếm các chức vụ lãnh đạo quan trọng. Đó là chưa đề cập đến vị đệ nhất phu nhân, Hillary Rodham Clinton, quyền hành lệch đất nghiêng trời.

Trước trào lưu bành trướng mãnh liệt của giới phụ nữ, người ta không khỏi tự hỏi: bao giờ thì dân chúng Mỹ bầu lên một vị nữ lưu nắm giữ chức vụ với uy quyền tuyệt đỉnh: Chức vụ tổng thống Hoa Kỳ, có nghĩa tổng thống của toàn thế giới tự do?

Nếu quí vị chưa quên thì năm 1984, bà Geradine Ferraro đã tiến tới rất gần ngôi vị tổng thống, đó là lúc bà đã ứng cử chức vụ phó tổng thống. Nhưng sau khi bà thất cử, từ đó đến nay, chưa có một phụ nữ nào nghĩ đến mộng tranh cử chức vụ số một cả. Xã hội Mỹ nổi tiếng thế giới về sự chiều chuộng và đề cao phái nữ, bắt nguồn từ truyền thống thời lập quốc. Thủa đó, để chống chọi với cái hoang vu của núi rừng, với điều kiện khí hậu khắc nghiệt cộng với đất đai chưa được thuần hoá,

công việc khổ cực, nhọc nhằn của việc khai hoang, đoàn người phiêu lưu chinh phục miền đất mới Mỹ Châu, gồm phần lớn là thanh niên trai tráng khoẻ mạnh, những tay lang bạt, tứ chiếng giang hồ, sẵn sàng gối đất, nằm sương, băng rừng vượt suối; người phụ nữ chân yếu tay mềm không có chỗ đứng ở đây. Trai thừa gái thiếu, thành thử phụ nữ quí như vàng ròng. Từ đó đến nay, phụ nữ rất được đề cao.

Nhìn qua các nước khác

Nhưng đừng tưởng bở. Trên đời này có nhiều thứ, tưởng vậy mà không phải vậy. Tại các công ty lớn, nói chung là tại các vị trí quyền lực quan trọng, người ta vẫn nghe nữ giới than phiền là bị kỳ thị, bị ngăn chận bởi một cái trần vô hình (the glass ceiling) không cho ngoi lên cao. Cũng như dư luận Mỹ vẫn chưa sẵn sàng để chấp nhận một vị nguyên thủ quốc gia là phụ nữ.

Trớ trêu thay, trên 20 quốc gia khắp thế giới đã được đặt dưới sự lãnh đạo của phụ nữ, trong chức vụ tổng thống hay thủ tướng. Âu châu: Anh, Pháp, Canada, Ireland, Portugal, Iceland. Á châu: Phillipine. Châu Mỹ La Tinh: Argentina, Bolivia, Nicuagara. Đông Âu: Poland. Trung Đông: Do Thái, Thổ Nhĩ Kỳ. Còn thêm các nước khác như: Ấn Độ, Pakistan, Bangladesh, Sri Lanca, Haiti, Dutch Antiles, Dominia. Đặc biệt tại Bangladesh, một quốc gia mà dân số theo đạo Muslim (Hồi giáo) đến 85%, một tôn giáo mà giá trị người đàn bà không được đề cao cho lắm, đã bầu bà Zia làm tổng thống năm 1991. Bà Zia cho hay: Thật sự, tín đồ Hồi giáo không bảo thủ hay cuồng tín như người Tây Phương thường hiểu lầm. Chúng tôi đánh giá trị thực sự của cá nhân, không vì người đó là nam hay nữ. Người tranh cử cùng bà trong kỳ bầu cử này cũng là một vị phụ nữ.

Tại Thổ Nhĩ Kỳ (Turkey) bà Tansu Ciller, một phụ nữ được đào tạo tại Hoa Kỳ về ngành kinh tế, còn chơi bạo hơn nữa. Bà buộc chồng bà phải đổi sang họ bà, khi hai người thành hôn. Tháng 6 năm 1993, bà đắc cử là người lãnh đạo của đảng cầm quyền. Kiến thức và học vị ngành kinh tế đã là động cơ đưa bà lên địa vị thủ tướng lãnh đạo Thổ Nhĩ Kỳ, vì nền kinh tế nước này đang ở trong tình trạng lạm phát phi mã và đang trên đường tư hữu hoá. Không hề mặc cảm về nữ tính của mình, bà tuyên bố với toàn dân: Tôi sẽ chăm sóc mọi người như một bà mẹ vậy.

Tương tự, trước đây bà Kim Campbell (Canada) cũng đắc cử vì đất nước này muốn có một khuôn mặt mới với tài ba về kinh tế để chấn chỉnh nền kinh tế suy sụp.

Việt Nam ta còn chơi trội hơn nhiều. Cách đây cả mấy ngàn năm đã có Bà Trưng, năm Canh Tí (40), Bà Triệu năm Mậu Thìn (248).

Phân tách chính trường Hoa Kỳ những năm gần đây

Trở lại nước Mỹ, khuynh hướng chán ngấy những chính khách tại chức (nhất là sau chuyện dài tình ái Clinton-Lewinsky) và muốn chính trị có một luồng sinh khí mới, đã khiến giới phụ nữ có lợi trong hoạt động tranh cử vào những chức vụ trong chính giới. Ngoài ra một hàng rào quan trọng đã ngăn cản phụ nữ làm tổng thống Mỹ, đó là sự tin tưởng đàn bà thiếu cương quyết và không có kinh nghiệm trong quân ngũ để có thể kiêm chức vụ tổng tư lệnh quân đội hầu hướng dẫn Hoa Kỳ vào những cuộc chiến tranh lớn, cũng đã yếu dần. Trong thời kỳ chiến tranh lạnh, thế giới tự do đối đầu với thế giới cộng sản, cường quốc Hoa Kỳ cần những tổng thống có kinh nghiệm quân ngũ, nhưng nay tình hình đã thay đổi, với sự sụp đổ của Nga Sô, kinh nghiệm quân ngũ không phải là điều kiện cần và đủ để đắc cử tổng thống nữa. Bằng chứng là Clinton đã được chọn làm tổng thống dù ông này chưa một ngày là tân binh quân dịch.

Trong bất cứ ngành chuyên môn nào, giờ đây người ta cũng thấy bóng dáng người phụ nữ. Kể cả những nhiệm vụ nguy hiểm trong đời sống quân ngũ, như bộ binh tác chiến, phi công phản lực chiến đấu v.v. Với sự tham gia rộng rãi trong khắp các lãnh vực chính trị, quân sự, chuyên môn, thương mại, lại được dư luận quần chúng ủng hộ, người ta tưởng chừng phụ nữ đang gặt hái những thành công vượt bực, và ngày vào toà nhà trắng cũng không xa.

Vì sao và vì sao?

Thế thì căn cứ vào đâu, để nói là phụ nữ khó có cơ hội trở thành vị nguyên thủ quốc gia? Dưới mắt các chuyên viên nhận định và phân tích thì trở lực chính là hệ thống quốc hội và chế độ bầu cử ở Hoa Kỳ. Theo hệ thống này, ứng cử viên tổng thống được đảng chọn và đắc cử không do lá phiếu của toàn dân mà là lá phiếu của các đại biểu từng tiểu bang (electoral vote). Tại thượng nghị viện Hoa Kỳ,

phụ nữ còn quá kém thâm niên và khó lọt vào quĩ đạo quyền lực do phái đàn ông nắm giữ. Điển hình nữ dân biểu Patricia Shroeder thuộc dân chủ với 21 năm thâm niên mà còn đứng sau 34 nam dân biểu thâm niên hơn. Tại thượng viện cũng như hạ viện chưa có phụ nữ nào nắm chức trưởng ban. Hiện nay, nữ thượng nghị sĩ có uy tín nhất là bà Barbara phanh phui trên báo chí hàng ngày. Trong một phút mệt mỏi, tuyệt vọng trên đường tranh cử, bà than: nếu biết búa rìu dư luận cay nghiệt, bẩn thỉu như vậy, bà đã không ứng cử. Do đó làm chính trị là phải lì lợm, mặt trơ trán bóng, dẫm lên dư luận mà đi. Đó chính là lý do khiến nhiều người không muốn dây dưa vào chính giới, cả nam lẫn nữ.

Mikulski, cũng chỉ ở địa vị phụ tá (assistant floor leader). Trong số 50 thống đốc, chỉ có bốn là phụ nữ. Đây là một điểm yếu vì tổng thống Hoa Kỳ phần lớn là các cựu thống đốc. Nói như thế có nghĩa muốn trở thành tổng thống phải qua cửa ải thống đốc. Hội phụ nữ trong chính giới cũng nhận thấy điểm này, và đã nêu cao khẩu hiệu năm 1994 là năm của nữ thống đốc, *year of the woman governor.*

Dù vậy, trong cuộc bầu cử năm 1996, không ai đề cập tới một ứng cử viên phái nữ.

Chính trị luôn tiềm ẩn những xấu xa quỉ quyệt. Khi một cá nhân ứng cử một địa vị dân cử, tức khắc người này chịu sự soi mói, nhiều khi bôi bẩn của dư luận và ngành truyền thông. Biết bao ứng cử viên tổng thống đã tiêu ma sự nghiệp chính trị vì những tỳ vết trong đời tư về tình ái cũng như tiền bạc thuộc quá khứ.

Bà Geradine Ferraro từng đã khóc ròng, vì đời sống cá nhân, đời tư của chồng con bị

Những nữ chiến tướng nổi bật

Trong các chức vụ cao cấp, sau đây là bốn khuôn mặt phụ nữ đặc biệt nhất:

1- Christie Whitman: thống đốc tiểu bang New Jersey. Nhiệm kỳ đầu, uy tín bà lên cao, nhưng nhiệm kỳ hiện tại, bắt đầu năm 1997, bà không nổi tiếng lắm.

2- Diane Feinstein: Thượng nghị sĩ tiểu bang California, đảng Dân Chủ.

3- Kay Bailey Hutchinson: Thượng nghị sĩ tiểu bang Texas. Không nổi tiếng lắm.

4- Hillary Clinton. Nổi tiếng vì là vợ của Tổng thống Clinton, nhưng lại không có kinh ngiệm trong chính giới. Chưa từng nắm một chức vụ dân cử cũng như công quyền. Bà chưa chính thức tuyên bố sẽ ứng cử thượng nghị sĩ đại diện tiểu bang Nữu Ước.

Trong số những vị trên, bà Dole được coi là sáng giá nhất.

Nhưng nay con chim đầu đàn đã bỏ cuộc.

Trước đà đi lên của nữ giới Hoa Kỳ, đây đà một bước thụt lùi đáng kể và bất ngờ.

ĐIỆN THOẠI TẾ BÀO

Trần Quán Niệm

Lần đầu tiên thấy nhà báo dịch cellular phone là điện thoại tế bào, tôi tức cười lắm dù thật ra, dịch như vậy không sai. Tôi thích dịch thành điện thoại di động hơn, dù rằng dịch như vậy lại không sát nghĩa. Đầu đề bài này cố ý dùng cái tên kỳ cục trên để gây sự chú ý của độc giả Thế kỷ 21, hầu có dịp hầu chuyện cùng quí vị những tiện lợi cũng như phiền toái của phương tiện truyền thông tân kỳ cuối thế kỷ 20.

Nước nào dùng điện thoại di động nhiều nhất

Có thể một số độc giả sẽ trả lời một cách dễ dãi: "Mỹ chứ nước nào nữa." Tưởng vậy mà không phải vậy. Ngày nay ra đường bạn dễ dàng bắt gặp nhiều người vừa bước vội vàng trên hè phố vừa lảm nhảm nói vào điện thoại di động ép sát tai hay một chiếc xe hơi lướt ngang, người lái xe vừa lái vừa nói nói cười cười như người điên, khiến người ta tưởng Mỹ dẫn đầu thế giới trong địa hạt này. Thật ra tỷ lệ người xử dụng điện thoại di động ở Mỹ chỉ 20% dân số, trong khi tại Phần Lan (Findland) con số này lên tới 60%. Tuy là một nước nhỏ, tương đối biệt lập trong vùng Bắc Âu, nhưng dân Phần Lan rất thích xử dụng các phương tiện kỹ thuật tân tiến, hơn nữa tại đây, có nhiều công ty với kỹ thuật cao như công ty Nokia chuyên sản xuất điện thoại di động, qua mặt cả công ty Motorola cuả Mỹ. Năm 1998 Nokia bán ra 3.7 triệu điện thoại di động. Ngày nay nhiều gia đình tại Phần Lan không gắn điện thoại loại cổ điển dùng dây nữa, mà trong nhà mỗi người một điện thoại kể cả học sinh ở tuổi trung học.

Điện thoại di động trong tương lai

Hiện nay điện thoại di động cuả Phần Lan đã phát triển ở thế hệ kỹ thuật thứ ba (third generation), có khả năng nối vào mạng lưới InterNet với vận tốc chớp nhoáng. Tại Phần Lan, người ta có thể dùng điện thoại di động để:

1) Gửi một message từ máy này tới máy kia (tương tự E mail). Học sinh thích xử dụng nhất vì có thể liên lạc với nhau trong giờ học, mà không gây sự chú ý.

2) Order hàng hóa hoặc rửa xe (tiền mua sẽ được cộng vào bill điện thoại hàng tháng).

3) Gửi một postcard cá nhân để chúc tụng nhau, bằng cách chụp hình qua máy ảnh digital, uploade vào phone rồi gửi đến người nhận kèm theo lời chúc.

Chính quyền Phần Lan tiên đoán cuối năm 2000, 100% dân chúng xử dụng điện thoại di động. Lúc đó điện thoại sẽ là vật bất ly thân. Người ta dùng điện thoại để liên lạc khắp thế giới, rút tiền, nối vào InterNet, và rất nhiều dịch vụ khác như tìm một tiệm ăn tối, kiểm soát sự lên xuống của giá trái phiếu, nối với hệ thống định vị trí bằng vệ tinh để biết đang ở nơi nào trên trái đất, và v.v.

Cộng đồng Việt Nam tại hải ngoại cũng theo sát đà văn minh truyền thông, bằng chứng là càng ngày dân VN càng xử dụng nhiều điện thoại di động, vừa tiện lợi, vừa coi như một dấu hiệu hãnh diện với đồng hương ngầm ý khoe địa vị cao trong thương nghiệp và xã hội của mình. Tương tự, tại quốc nội, beeper và điện thoại di động mang lại sự nể vì của người chung quanh. Giữa nơi công cộng hoặc trong tiệc nhậu, một thanh niên rút máy điện thoại ra bấm tí tách rồi nói ào ào vào máy chắc chắn sẽ dễ dàng lọt vào mắt xanh cuả các "em gái hậu phương."

Ở đây cấm dùng điện thoại di động!

Dù chỉ mới 20% dân Mỹ xử dụng điện thoại di động nhưng đã bắt đầu gây nhiều phiền toái cho người chung quanh. Thập niên trước, các bà các cô, vừa lái xe vừa trang điểm, đánh móng tay, bây giờ thì líu lo trên điện thoại. Câu chuyện buồn vui sôi nổi dễ làm mất sự chú ý trong khi xe chạy ở tốc độ cao và gây tai nạn. Trên xe điện chật ních, ngồi sát bên nhau, các bà các ông ghiền nói cũng lôi điện thoại ra lảm nhảm, gọi hết người thân này đến người thân khác, làm khổ lỗ tai người đồng hành bắt buộc phải nghe các chuyện rơm rác, riêng tư. Thậm chí có ông trong thang máy cũng gọi nhau ơi ới trong điện thoại. Người chung quanh bất bình nhưng giả bộ làm lơ, đợi khi ra ngoài thang máy mới dám phán nhỏ với nhau: Điên. Đã có lác đác các tiệm ăn, ghi trên bảng: Xin miễn xử dụng điện thoại di động. Duyệt lại vài thập niên qua, các phát minh như điện thoại, TV, lò Microwave, máy tính rồi Internet, E mail, và bây giờ điện thoại di động, càng ngày càng khiến nhân loại phụ thuộc vào máy móc điện tử.●

HÃY RA KHỎI CÁNH RỪNG, CHÂN TRỜI PHÍA TRƯỚC

DƯƠNG THU HƯƠNG

Người ta vốn tin rằng có những con số may mắn, những con số rủi ro linh thiêng và những con số đáng nguyền rủa. Khi quân xúc xắc gieo xuống, đố ai biết nó lăn theo hướng nào. Người công dân thứ 6 tỉ trên hành tinh của chúng ta sẽ mang quốc tịch nào đây?... Đó là câu trả lời của một đấng linh thiêng không nhìn rõ mặt. Trong khoảng thời gian chờ đợi, tôi xin mạn phép giả dụ rằng đứa bé mang con số đặc biệt kia sẽ chào đời tại một vùng đất đói nghèo khốc hại xứ Somalie hoặc trong một cung điện lộng lẫy như Buckingham, hai địa danh có thể tạm coi như địa ngục trần gian và thiên đường cõi thế. Nếu đứa bé đó cất tiếng khóc chào đời dưới mặt trời bỏng rãy Somalie, âm thanh đầu tiên tươi rót vào tâm hồn nó sẽ không phải giai điệu của bài hát ru mà là tiếng đạn bom, tiếng vo ve của những bầy ruồi, tiếng vỗ cánh của lũ chim ăn xác. Mùi vị đầu tiên nó cảm nhận sẽ không phải là mùi hoa cỏ, mùi lúa chín, mùi trái cây mà là mùi máu tươi và máu khô, mùi thối rữa của các tử thi và mùi thối rữa của thực phẩm trong khẩu phần thường trực. Nếu đứa bé ấy may mắn sống sót cho đến tuổi trưởng thành, tôi cầu xin Thượng Đế đã dung dưỡng sinh linh ấy ban phát cho nó khả năng nhận thức về thân phận của mình cho dù trí não nó chưa kịp nở bừng đã tàn héo đã mê mụ đi trong sự tê liệt của cùng khốn và nhàm chán.

Nhận thức về thân phận của chính mình là phẩm chất quan trọng để làm người. Những người lùn Pigmei trong rừng tin chắc rằng toàn thể nhân loại đều trần truồng và ăn những con sâu như họ. Những công dân các nước cộng sản trước đây cũng đinh ninh rằng trên toàn cầu, giá trị con người được đong đếm bằng số lượng thực phẩm nhà nước phân phối mỗi tháng và số phận công dân được quyết định bởi các nghị quyết của Đảng chứ không phải bằng pháp luật.

Như vậy, đương nhiên đứa bé Somalie cũng sẽ tin rằng số phận con người vốn là thế: vốn sinh ra giữa một cặp đùi gầy guộc và bẩn thỉu, vốn phải chịu đựng đói khát và bị xua đuổi bị tàn sát như một loài vật yếu đuối hay sâu bọ nếu như nó không đủ khả năng để hiểu rõ thân phận chính mình. Xin Thượng đế hãy cho nó ơn huệ ấy. Xin hãy mở to đôi mắt nó, hãy cho nó cơ hội nhìn thấy một cuộc sống khác, một nhân loại khác, vì chỉ như thế nó mới ý thức được chính mình. Người ta phải Ra Đi mới có Trở Về. Trở về với chính mình là cuộc trở về khó khăn và quan trọng nhất.

Trong trường hợp thứ hai, nếu đứa bé được sinh ra ở Buckingham, cuộc sống của nó được định vị giữa nhiều lớp rào chắn, những lớp rào kiên cố được dựng lên nhằm tránh cho nó những hiểm họa rủi ro của cuộc đời đầy biến động và ô nhiễm. Đứa trẻ may mắn kia được chuẩn bị để trở thành một tiểu thiên thần. Tôi cầu xin Thượng Đế hãy ban cho Tiểu Thiên Thần ấy một trí tưởng tượng siêu việt. Để tâm hồn nó có thể vượt qua những lớp rào chắn của cuộc sống phù hoa mà chạm tới những cõi đời khác, xúc cảm với những nhân loại khác, thấu hiểu rằng có những gian truân và những khổ đau nó không hình dung nổi... Trí tưởng tượng cũng là một phẩm chất cao quý của con người. Không có nó, chắc chắn con người không thể cảm thông, không có tình thương, sự khoan dung, lòng nhân hậu. Không có các hội cứu tế, tương tế, từ thiện. Không có mẹ Teresa và các bà sơ. Trí tưởng tượng khởi đầu cho một chuỗi những cảm xúc, suy tư, những giả thuyết trí tuệ, sự ăn năn và những ý định

tốt đẹp nhằm cứu vớt phần nhân loại đắm chìm trong cùng khốn và mê muội.

Đôi khi sự thiếu hụt trí tưởng tượng có thể dẫn tới những tội ác ngoài ý muốn. Một đứa chủ trại mười bốn tuổi lần đầu tập bắn đã nhằm trúng trán bé đứa khác bởi nó không hình dung một con người có thể rúc giữa đám gai nhọn, nó ngỡ đó là con chồn con cáo hoặc loài thỏ nhỏ nào đó sống ven rừng. Đứa bé kia rúc giữa đám gai nhọn vì muốn đánh cắp những mẩu gỗ bên trong hàng rào của chủ trại. Gia đình túng bấn và mẹ nó giao cho nó phận sự phải kiếm cho đủ củi về đun. Sự việc thật giản đơn. Một tiếng súng nổ. Và một sinh linh lìa bỏ cõi đời. Có ai nghe thấy tiếng thở dài của Thượng Đế chăng?... Tôi chưa nghe thấy. Trí tưởng tượng là sản phẩm của con người nhưng đồng thời lại là một trong các vật liệu cấu tạo nên con người. Nó không dành riêng cho các diễn viên. Lượng diễn viên chuyên nghiệp so với tổng số nhân loại quá nhỏ bé. Trí tưởng tượng là một critère (1) đo tính người. Không phải vô cớ mà người ta định nghĩa: con người là con vật ảo tưởng. Vì sao chúng ta lại ảo tưởng? Bởi chúng ta là Con Người. Giữa một loạt các khái niệm: trí tưởng tượng, ảo tưởng, hy vọng, ước mơ, utopie và hallucination (2) không có những ranh giới với các đồn biên phòng được canh gác nghiêm cẩn. Chúng là những miền đất giáp ranh và ở những noman's land (3) chúng chơi trò đổi chỗ giống như các bóng ma đùa giỡn lúc vào đêm. Trong tiến hóa, mọi sinh vật thường không thỏa mãn với các điều kiện sẵn có của chúng mà luôn luôn tìm kiếm một môi trường khác để kiến tạo những ổ sinh học tốt hơn cho bản thân. Chúng ta cũng vậy thôi, chúng ta cũng trăn trở năm này qua năm tháng khác, khắc khoải ngày đêm để tìm kiếm cho mình một cuộc sống tốt đẹp hơn. Cái mà nơi sinh vật làm "niche biologique meilleur," nơi chúng ta gọi là sự hoàn thiện. Đó là khuynh hướng chủ đạo của cuộc nhân sinh. Nhưng sự hoàn thiện là chân trời đối diện, chúng ta càng tiến đến, nó càng lùi ra xa. Nó là Thượng Đế không nhìn rõ mặt, là vị thần toàn năng và bất tử, nhưng chỉ toàn năng và bất tử khi được che khuất bởi những đám mây dày đặc trên đỉnh Olympe để người đời sáng tạo gương mặt mình theo nét vẽ của họ. Vậy vì cớ gì chúng ta mãi theo đuổi trò chơi vô tận này - cuộc đuổi bắt mà kẻ theo đuổi khốn khổ là chúng ta đây biết chắc chắn rằng chẳng bao giờ tới đích... Vâng, chúng ta theo đuổi vì chúng ta biết rằng: đó chính là bản chất đời sống. Ngoại trừ một bộ phận nhân loại đắm chìm trong đói khát nhục nhằn chết chóc, chỉ dám tìm kiếm sự tồn tại chứ không dám tìm kiếm cuộc sống thật sự và cuộc tồn tại đó chỉ ngang giá với sự tồn tại của cỏ cây, còn những ai có ý thức về thân phận người, về nhân cách và thấu hiểu ý nghĩa cuộc sống đều phải dấn thân vào trò chơi đó.

Chúng ta sống là để tìm kiếm một Thượng đế không nhìn rõ mặt, một giá trị mới đang còn ẩn náu nơi chân trời xa ngái sau những lớp mây và những đám sương mù. Con người chẳng bao giờ sống đủ với những thứ họ đã nhìn thấy trước mắt, họ đã nắm trong tay, họ đã cất vào các ngăn tủ. Con người sống bởi cái sẽ đến. Cái sẽ là. Tất cả những lao động nhọc nhằn, thử nghiệm ước mơ, khắc khoải, hy vọng và tìm kiếm không ngưng nghỉ là để tìm kiếm một cái mới, tốt đẹp hơn, Cái Chưa Nhìn Thấy. Sống là phiêu lưu. Không cuộc phiêu lưu nào hứa hẹn một kết quả chắc chắn. Chúng ta nhảy xuống biển bơi tới bãi bờ phía trước vì nghe thấy tiếng gọi của Thượng đế vọng trong chính tâm hồn khao khát của chúng ta chứ không vì một cú điện thoại tại một hải cảng đã chờ sẵn bên kia bờ đại dương. Biển nào cũng dung chứa xác tàu bè và hài cốt người dưới những lớp sóng màu lam. Biển nào cũng có những bầy sirène (4) và các Tam Giác Quỉ. Và như thế, khả năng sai lầm của con người là thứ rất khó kiểm soát và thường chỉ được nhận diện sau khi sự việc đã xảy ra.

Giờ đây, hẳn còn có những người ngẩn ngơ tự hỏi: vì sao giữa lòng châu Âu thế kỉ 20 lại nảy sinh những lò thiêu người - giữa mảnh đất mà nền văn minh Hy-La cổ đã tẩm đậm và phù trợ, nơi tâm hồn con người được thanh lọc và thăng hoa trong ánh huy quang của chủ nghĩa Phục Hưng, nơi trí óc con người được chiếu rọi bởi thế kỷ Ánh Sáng?... Thế đấy. Đã từng thế đấy. Vậy các công dân của thế kỷ mới, xin các vị hãy dè chừng. Lớp vỏ của nền văn minh rất đỗi mong manh, nó có thể bị gãy vỡ ở những nơi và vào những lúc ta ít ngờ tới nhất. Người xưa nói: bóng tối ở ngay dưới chân đèn. Chúng ta thường mắc bẫy ở những nơi ta tin chắc rằng vô sự. Con người sáng tạo ra ngôn từ nhưng lại bị chính ngôn từ lừa mị dẫn dắt và họ biến thành nô lệ của một tôn giáo, một hệ tư tưởng hoặc một đảng phái. Từ khát vọng vươn lên một thế giới tốt đẹp hơn họ đã rơi xuống bãi lầy ở nơi đó giữa bùn đen họ phải chấp nhận trở thành những kẻ tàn ác đểu giả hoặc đớn hèn, trong cả hai chiều hướng tính-Người đều giảm thiểu và

tính-Không- người gia tăng bù vào khoảng trống. Đây không phải trường hợp của vài cá nhân, thậm chí vài ba triệu người. Đây là lịch sử buồn trong ngót một nửa nhân loại đã sống dưới thể chế cộng sản trong già nửa thế kỉ vừa qua... Vậy thì những công dân tương lai của hành tinh, xin các vị hãy biết cảnh giác với các luận thuyết và các ngôn từ, chúng ta tinh khôn hơn loài vật nhưng chúng ta mỏng manh hơn chúng. Loài vật không suy nghĩ, chúng tìm kiếm và kiến tạo những ổ sinh học mới theo bản năng, trong bản năng ấy Thượng Đế đã cho chúng một khả năng tiên liệu. Chúng ta là con người, chúng ta sáng tạo nên ngôn ngữ, xây thành đắp lũy cho thế giới người bởi chính ngôn ngữ ấy rồi đôi khi chúng ta lạc lối chết ngạt trong các thành lũy, giống như kẻ xây một mê cung rồi bị cầm tù trong chính mê cung ấy chẳng tìm được lối ra. Hệ thống nhà nước kiểu Staline đã sụp đổ trên căn bản nhưng bóng tối nhà tù Siberie còn trùm lên những giấc mơ hồi cố của tôi. Các vị, những kẻ hậu sinh, các vị có thể quên hết nhưng cái tên hãi hùng của lịch sử Hitler, Staline, Holocauste, Goulak... Vâng, các vị có thể quên hết đi. Đó là quyền của các vị. Nhưng chớ bao giờ quên khả năng có thể lầm lạc của con người. Bởi con người không quá hùng mạnh như hằng tưởng. Chúng ta không khỏe như hùm beo gấu sói. Chúng ta không thể quay mọi chiều như con sâu, không chạy nhanh như đà điểu, không đánh hơi tài như chó, không cảm nhận và tiên liệu thời tiết nhạy bén như loài ong... Nhưng chúng ta sẽ mạnh nếu chúng ta biết sử dụng trí khôn. Và một phần rất cốt lõi của trí khôn được hình thành trên những nghiệm sinh trực tiếp và gián tiếp. Những kinh nghiệm khốc hại của thế hệ chúng tôi sẽ trở thành tài sản của các vị nếu các vị biết sử dụng. Lịch sử không tiến lên theo cùng một nhịp điệu, không đều đặn liên tục một cách máy móc. Nhưng đừng hy vọng cắt thời gian thành từng lát như cắt bánh mì. Nghĩ như thế là tự sát. Lịch sử có các bước nhảy, những chỗ thụt lùi, lúc nhanh lúc chậm, khi rực rỡ khi tăm tối... nhưng nói chung vẫn là dòng chảy, và trên tổng thể, theo chiều Lên Cao. Con người càng ngày càng Người hơn, càng tự do hơn.

Xa xưa, chúng ta sống thành bộ lạc và theo lệnh kẻ cầm đầu bộ lạc chúng ta giết người của bộ lạc bên cạnh, cách chúng ta một cánh rừng. Sau rồi, sống theo đơn vị quốc gia chúng ta tiến hành chiến tranh với quốc gia bên cạnh theo lệnh quốc vương hay ngài tổng thống. Giờ đây, ngoài Mỹ còn có liên minh châu Âu. Không gian sinh tồn được mở rộng. Những thay đổi về cấu trúc hành chính đem lại chiều kích tự do mới cho con người. Càng ít phụ thuộc vào một hệ thống kín nào đó con người càng Người hơn, càng tự do hơn. Và cùng với những tiến bộ của nền văn minh con người càng ngày càng mạnh. Christophe Colomb phát hiện ra châu Mỹ với các thuyền buồm chứ không phải là tàu du hành vũ trụ. Mỗi thời đại có chân trời riêng của mình. Đà bay của các thế kỷ sau, sẽ rộng hơn đà bay của chúng ta.

Tuy nhiên, tôi vẫn thường nghĩ tới hình ảnh con người đầu tiên rời bỏ cánh rừng tiền sử, phóng tầm mắt lo âu về chân trời phía trước. Anh ta có sợ hãi không?... Hiển nhiên là có. Anh ta đã quen ẩn trong hang đá, núp dưới vòm cây, quen cái ổ sinh học được định vị. Giờ đây anh ta rời bỏ chốn ấm êm đó, tiến về bình nguyên... Một không gian xa lạ. Trống trải. Mênh mông. Không nơi trú ngụ. Một bầu trời hoang vu kinh hoàng. Không cành lá, không chim chóc. Một bao la ngập lụt. Nhấn chìm. Hù dọa. Sấm sét. Bão giông. Mặt trời thiêu đốt... Nhưng con người sợ hãi đó đã vượt qua nỗi sợ hãi của bản thân, vươn thẳng lưng cất bước. Đẹp thay. Dũng mãnh thay hình ảnh đó. Tổ tiên chúng ta đã khởi đầu lịch sử bởi khoảnh khắc đầu tiên rời bỏ cánh rừng, tiến về phía bình nguyên.

Từ đó tới nay bao nhiêu trang sử đã lật qua?... Bao nhiêu nước đã chảy trôi dưới những chân cầu?... Nhưng tôi vẫn muốn nhắc lại hình ảnh của tiền nhân. Bởi mãi mãi sống vẫn đồng nghĩa với hiểm nguy. Và mỗi khi mường tượng tới cuộc dấn thân của những công dân tương lai tim tôi vẫn thắt lại vì khắc khoải và đâu đó, giữa mớ cảm xúc và ý tưởng hỗn độn trong óc não tôi, có cái gì như tiếng kêu câm nín, có cái gì như nỗi lo âu không thể cất lời, có một nỗi sợ hãi ẩn náu dưới tiếng thét điên cuồng thúc hối: Ra đi!... Vâng. Như thế đấy... và phải chăng đó chính là thân phận vĩnh cửu của con người ?...

Bởi thế, tôi xin chúc mừng những con người của ngày mai có đầy lòng can đảm để ra khỏi cánh rừng và tiến về chân trời phía trước.●

1. Nguyên văn bằng tiếng Pháp: *critère* (chuẩn).
2. Nguyên văn bằng tiếng Pháp: *utopie* (không tưởng, ảo tưởng), hallucination (ảo giác.
3. Nguyên văn bằng tiếng Anh: *noman's land* (đất trung lập, đất không thuộc ai).
4. Nguyên văn bằng tiếng Pháp *sirène*: nữ thuỷ thần, nàng tiên cá.

BÔNG HỒNG VÀNG VÀ CÁI CÙM SẮT

phỏng vấn nhà văn
VŨ THƯ HIÊN
do THẾ DŨNG thực hiện

Thế Dũng (T.D.): Cảm ơn Thời Gian đã cho tôi gặp anh, vì tôi đã mến mộ anh từ lúc tôi chưa kịp 18 tuổi. Cũng cảm ơn anh rất nhiều vì từ thuở ấy anh đã là người môi giới không thay thế được cho cuộc hạnh ngộ tinh thần của tôi với "Bông Hồng Vàng" của K. Paustốpsky qua bản dịch tuyệt vời của anh. Giờ đây, vào lúc giữa đời nhìn lại, anh thấy thế nào? Liệu những gì anh từng nếm trải đã đủ để tạo tác ra một bông hồng hạnh phúc cho chính mình?

Vũ Thư Hiên (V.T.H.): Nếu bạn giữ mãi được trong lòng tình yêu với một "Bông Hồng Vàng" mộng mơ của Paustốpsky lận đận, như tôi cảm thấy qua câu hỏi, thì dù tóc đã điểm sương nhà thơ vẫn còn trẻ lắm, qua câu hỏi thì biết. Biết trả lời câu hỏi của bạn thế nào đây? Tôi đã ở bên kia cái dốc của cuộc đời, nói theo cách của Nam Cao, đáng tiếc là như vậy. Còn đáng tiếc hơn là ngoảnh lại vẫn thấy mình trắng tay. Cái thời sung sức nhất đã qua rồi, mà qua đi một cách lãng nhách. Làm gì có được một bông hồng vàng kỳ diệu mang đến cho mình hạnh phúc! Lấy đâu ra? Một cánh của nó cũng không, Thế Dũng ạ... Không phải riêng tôi, cả thế hệ tôi là như thế. Nói vậy thôi, chứ tôi không phàn nàn. Tôi có hạnh phúc theo cách riêng của tôi, như bất cứ ai, do số phận đem lại hơn là do mình tạo ra - một gia đình đầm ấm, tình yêu của những người ruột thịt, và rất nhiều bạn tốt, trong đó có những bạn đọc tuyệt vời mà không phải người cầm bút nào cũng có được.

T.D.: Bông Hồng Vàng của chàng Samét, theo tôi hiểu, là tượng trưng cho kiếp Người Đi Tìm Cái Đẹp. Vào thuở dịch "Bông Hồng Vàng" chắc anh chẳng thể có linh cảm rằng rồi đây văn nghiệp của mình lại ràng rịt với chín năm tù không biết tội gì, sống trong những điều kiện không dành cho con người, để rồi cuối cùng được thả ra với tội danh kỳ cục: "phản động, chống chế độ." Mà anh đã cùng với thế hệ cha anh của mình xây dựng cái chế độ đó từ khi còn là đứa trẻ, như chúng tôi được biết qua tiểu sử của anh.

V.T.H.: Chẳng ai biết trước được những khúc quanh ngoắt nghoéo của đời mình đâu, bạn ạ, kể cả Nostradamus bất tử. Có điều tôi phải nói ngay để tránh mọi hiểu lầm. Chắc hẳn với câu hỏi này Thế Dũng muốn nhắc tới những điều oan trái mà tôi từng nếm trải? Oan trái thì có đấy. Nhưng, nói cho công bằng - nó là thế, mà cũng không hẳn là thế, nhìn từ phía khác. Khi Đảng cộng sản nhốt tôi vào tù, gọi tôi là tên "phản động chống chế độ," cái đảng này hành xử đúng như nó phải làm. Nhưng thôi, nói chuyện chính trị làm gì! Ngán lắm.

T.D.: Anh bắt đầu văn nghiệp như một người viết kịch, viết truyện ngắn, như một dịch giả... Từ năm 1985, sau chín năm sống bên ngoài nhà tù, anh lại lặng lẽ viết dưới nhiều bút danh khác nhau. Như vậy là chín năm tù chưa đủ làm cho anh buông bút?

V.T.H.: Viết văn, nó như cái nghiệp. Khó dứt ra lắm. Cũng như nhiều người cầm bút khác, tôi viết vì thèm có cuộc đối thoại với những người vô hình tên là bạn đọc. Chỉ với

họ, và chỉ với họ mà thôi, mình mới có chỗ san sẻ tâm tình. Thế Dũng biết nhà thơ Nguyễn Chí Thiện chứ? Anh ấy ở tù dài hơn tôi nhiều - trên 27 năm, tức là gấp ba lần tôi. Vậy mà anh ấy có buông bút đâu. Trong tù anh ấy làm thơ. Ra tù, làm thơ. Bị bắt lại, vẫn làm thơ. Tập thơ đầu tiên được in ở ngoài nước khi anh còn ở trong xà lim Hỏa Lò, lúc 42 tuổi. Đến năm 57 tuổi mới được cầm trong tay tập thơ của mình lần đầu. Những người có hệ số thông minh không cao cứ tưởng rằng cái sự giam lâu sẽ làm cho con người nhụt chí. Họ mới lầm làm sao!

T.D.: Năm 1989, anh được nhận giải thưởng loại A, cao nhất, của Hội Nhà văn Việt Nam, với cuốn "Miền Thơ Ấu." Có thể nói đó là giải thưởng quốc gia cũng được, vì ngoài nó ra không có giải thưởng nào khác cho cái sự làm chữ nghĩa trong một thời gian dài trước đó. Cũng trong giai đoạn này, anh cho ra "Khúc Quân Hành Lặng Lẽ," "Luật Rừng," "Vụ Án Viên Đạn Lạc" và nhiều truyện ngắn đăng rải rác trên các báo. Nhà cầm quyền tỏ ra khoan dung, không cấm anh viết nữa, hay là thời thế đã làm cho họ không còn cấm được?

V.T.H.: Vào thời gian đó (bắt đầu từ năm 1985) ở Liên Xô đã có Gorbachov với khẩu hiệu Glasnost (Công khai) và Perestroika (thường được dịch là Cải tổ, đúng ra phải dịch là Xây dựng lại mới sát nghĩa). Không có Gorbachov này sẽ có Gorbachov khác, nhưng không có đúng cái ông Mikhail Gorbachov quê ở Privôlnôiê vùng Stavrôpôl này chắc chắn lịch sử thế giới sẽ khác với cái hôm nay ta thấy. Đúng là mọi sự đổi thay ở điện Kremli đều ảnh hưởng đến khu Ba Đình. Nhưng Việt Nam là Việt Nam, với những khe khắt thôn xóm của nó. Tuy nhiên, nhờ có làn gió mới từ Liên Xô thổi đến, trong đời sống tinh thần ở nước ta đã có một thời gian dễ thở với những khẩu hiệu nghe sướng tai: "Cởi trói," "Bung ra," "Nói thẳng, nói thật," do Nguyễn Văn Linh khởi xướng. Tiếc rằng thời gian ấy không dài. Nhưng ngắn thì ngắn, nó đã đủ để những tác phẩm tiếng tăm vang dội của Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương, Bảo Ninh, Phùng Gia Lộc... ra đời.

Về chuyện tại sao tôi vẫn được in thì nó như thế này. Sau khi ra tù tôi có đến toà soạn báo ảnh "Việt Nam," nơi tôi làm việc cũ, để thăm dò xem họ có chịu nhận lại tôi không. Họ nói không. Bởi vì có một chỉ thị mật của Trung ương Đảng cấm in những tên "xét lại" và cấm sử dụng bọn "xét lại" trong các cơ quan báo chí và xuất bản. Chỉ thị này, họ cho biết, ra sau cái chỉ thị đàn anh nó cấm in những tên "Nhân Văn-Giai Phẩm" khoảng chục năm. Đảng cấm chứ không phải nhà nước cấm, tôi cần phải nói rõ ra như thế để cho những ai quen với nền dân chủ phương Tây biết, kẻo họ đòi nói có sách mách có chứng rồi lại phản bác lôi thôi. Ở nước ta, tội thay, hai cái đó - Đảng và Nhà nước - là một. Nhưng cả cái chỉ thị quái đản nọ cũng lại chỉ là chuyện văn kỳ thanh bất kiến kỳ hình, chính mắt tôi chưa thấy nó bao giờ. Mà cũng chẳng ai thấy. Rất có thể chẳng hề có một chỉ thị như thế, tức là, tôi muốn nói, một chỉ thị thành văn. Những chỉ thị miệng nhiều lắm, không thể đếm xuể. Miệng quan trôn trẻ mà. Một lời của các vị phát ra cứ thế tồn tại mãi, có hiệu lực mãi, kể cả khi nó đã lỗi thời, đã không còn lý do để tồn tại. Mà cũng có thể còn một nguyên nhân khác, từ phía những công bộc mẫn cán. Đám này mỗi năm một đông, tỷ lệ thuận với tình cảnh khốn cùng trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa do đảng lãnh đạo. Chúng luôn ngước mắt lên trên, mũi phập phồng ánh hơi, tai ve vẩy nghe ngóng. Khi đoán được "trên" không ưa cái gì là cấm liền. Cho chắc ăn. Chuyện này đã xảy ra với thể loại "cải lương" ở Nam Bộ trong thời gian kháng chiến chống Pháp, với cái gọi là "nhạc vàng" sau khi hòa bình lập lại năm 1954. Với bọn "xét lại" chúng tôi, hồi ấy nhà cầm quyền vẫn còn để ý lắm. Chả là vụ án vừa mới qua chưa được bao lâu, còn rất "thời sự." Anh Hoàng Minh Chính vẫn còn ngồi tù, đợt thứ hai (sau này còn có đợt ba nữa). Đã có những dấu hiệu cho thấy người ta dần dần nương nhẹ với anh em "Nhân Văn-Giai Phẩm," nhưng với chúng tôi thì không, hay là chưa, nói cho công bằng. Những "cái đuôi" cần mẫn vẫn lẽo đẽo theo chúng tôi hàng ngày để có những báo cáo tuần, báo cáo tháng, báo cáo đặc biệt... Vẫn có những tin bắn đến tai chúng tôi: "Hãy coi chừng, đừng có khỏi vòng cong đuôi!"

T.D.: Nhưng dù sao thì sách của anh vẫn được in? Anh đánh giá những tác phẩm được in trong thời kỳ ấy thế nào? Một thứ văn chương thỏa hiệp?

V.T.H.: Tôi được in có điều kiện: với bút danh khác. Tên thật thì không, dứt khoát không cho. Viên cục trưởng Cục Chính trị Bộ Nội vụ hồi ấy, tôi quên mất tên anh ta là gì, nói thẳng với tôi như vậy. Trong chuyện tôi

được in, nói rằng có một thỏa thuận ngầm cũng được. Thỏa thuận vô tư. Không có chuyện đút lót. Với lại, đến như bây giờ, khi tham nhũng đã được gọi là quốc nạn, người ta cũng chẳng thèm ăn đút của mấy anh cầm bút rớt mồng tơi. Tôi quá ngứa nghề, chắc hẳn người ta rộng lượng nghĩ thế, thôi thì để cho hắn viết, miễn là đừng viết chống Đảng, viết những cái vô thưởng vô phạt cũng không sao. Họ thừa biết tôi là tác giả "Khúc Quân Hành Lặng Lẽ," nhưng họ quay mặt đi. "Khúc Quân Hành Lặng Lẽ" là truyện tình báo, chuyện về cuộc chiến đấu đã qua, không có vấn đề dính dáng với cái hiện tại đang làm cho những nhà lãnh đạo ngồi không yên trên ghế. Thà để tôi viết cái đó còn hơn. Vả lại, để in được "Khúc Quân Hành Lặng Lẽ" tôi ký tên chung với một người bạn, là cán bộ công an cỡ không xoàng, một con người tốt bụng và khá uyên bác, hơn hẳn những cán bộ công an mà tôi biết. Anh này đến thời gian ấy đã không còn sợ trên như trước. Trước kia anh ta sợ lắm. "Khúc Quân Hành Lặng Lẽ" được những người khó tính đánh giá tốt về văn chương. Thực ra, nó là kịch bản văn học, theo cách của tôi. Còn những cái khác? Kịch bản "Vụ Án Viên Đạn Lạc" là một kịch bản tầm phào, tôi thậm chí chưa một lần xem bộ phim được thực hiện theo kịch bản ấy. "Luật Rừng" khá hơn, nhưng không xưởng phim nào dám làm, không có kinh phí. Những truyện ngắn rải rác có cái được, có cái thường, tạm được, theo tôi tự đánh giá. Nói chung, khi người cầm bút không có tự do, khó có một cái gì thật sự làm cho anh ta hài lòng.

Có một kịch bản bị cấm, là kịch bản cho phim hoạt hình "Chuyện Phiêu Lưu Của Nàng Liberta Qua Ba Nước: Nước Mặt Nạ, Nước Cùm Vàng Và Nước Mề Đay." Liberta thì ai cũng hiểu là Tự Do, Nàng Tự Do. Viên cục trưởng Điện Ảnh liền ra lệnh cấm làm phim theo kịch bản đó. Tư tưởng kịch bản "không trong sáng," anh ta nói thế. Cái anh này tên gì tôi cũng lại quên mất rồi. Trí nhớ tôi rất tồi. Nó chẳng bao giờ chịu ghi lại tên tuổi những lâu la. Nói tóm lại, không có văn chương thỏa hiệp đâu, mà có văn chương tránh né. Văn chương tránh né là văn chương chấp nhận được. Bị bó tay bó chân thật, nhưng không đến nỗi quá khó chịu.

Trường hợp "Miền Thơ Ấu" là đặc biệt - tôi viết nó trong xà lim Bất Bạt, một trại giam nằm giữa vùng đồi trung du, viết vụng trộm trong hoàn cảnh tự do nội tâm, viết để đấy, không bao giờ nghĩ tới chuyện nó sẽ được in. Một anh bạn tôi tình cờ được đọc nó trong đống bản thảo đã úa vàng của một thời chữ nghĩa đã đem tới cho Nhà xuất bản Văn Nghệ thành phố Hồ Chí Minh. Nó được in trước hết là nhờ lòng dũng cảm của nhà văn Hà Mậu Nhai đã quá cố, lúc bấy giờ là giám đốc nhà xuất bản. Ở các nhà xuất bản khác người ta không ghét bỏ gì tôi, nhưng người ta sợ. "Miền Thơ Ấu" là cuốn sách duy nhất được in dưới tên thật của tôi. Anh Hà Mậu Nhai là người duy nhất tuyên bố chống lại những chỉ thị miệng: "Hãy đặt lên bàn tôi quyết định của tòa án về án hình của Vũ Thư Hiên, trong đó có điều khoản cấm in sách của anh ấy. Bằng không, tôi cứ in." Anh mất sớm, khi tôi còn ở trong nước. Tô tiếc Hà Mậu Nhai sống ngắn quá. Nhưng chẳng cần sống đến "thất thập," Hà Mậu Nhai vẫn là người "cổ lai hy."

T.D.: Sau khi phiêu bạt từ Hà Nội tới Moscow, rồi từ Moscow qua Warsaw, tới Paris... trong những năm 1992-1997, anh âm thầm viết "Đêm Giữa Ban Ngày." Nó rồi trở thành sự kiện văn chương - chính trị đáng ghi nhớ trong đời sống của người đọc Việt Nam, ở trong nước cũng như ở hải ngoại. Chắc hẳn "Đêm Giữa Ban Ngày" chưa phải là cơn bão cuối cùng trong cuộc chơi sinh tử với bút mực của đời anh?

V.T.H.: Nói gì mà ghê vậy, Thế Dũng? "Đêm Giữa Ban Ngày" đối với tôi chẳng qua chỉ là bầu tâm sự cần phải nói ra, không nói không được, bằng phương tiện bút mực. Thế thôi. Tôi có kinh nghiệm sống trong cái mô hình xã hội được gọi là xã hội chủ nghĩa, trong đó con người bị tước đoạt bản ngã một cách trọn vẹn, nếu có giữ lại được chút gì là của mình thì cũng trầy trật, tôi không thể không chia sẻ với đồng bào cái kinh nghiệm xương máu ấy. Với tôi, "Đêm Giữa Ban Ngày" không phải là cuộc chơi, lại càng không phải cuộc chơi sinh tử. Nếu Thế Dũng muốn nói trong cuốn sách ấy có máu thì đúng đấy, theo nghĩa đen nữa kia. Tôi vẫn thầm mang ơn những tên cướp giả danh đã không đâm chết tôi trong lần chúng xông vào căn hộ của tôi ở Moscow để đoạt bản thảo cuốn sách. Có lẽ cấp trên của chúng chưa ra lệnh cho chúng làm điều đó, e ngại vụ giết người sẽ trở thành rùm beng ở nơi tôi có nhiều bạn bè trong giới trí thức và văn nghệ sĩ. Mà cũng có thể họ cũng chưa biết nội dung cuốn sách tôi viết ra sao, chỉ mới

nghe cấp dưới báo cáo loáng thoáng về nó mà thôi. Tất nhiên, chẳng cần thông minh họ cũng đoán được: nó không phải cuốn sách ca ngợi họ.

T.D.: Dường như, do tác động của cái thế sự dung dưỡng mình, và rất có thể, của cả tiền kiếp nữa, chúng ta thường tự bỏ tù mình, một cách êm ái và vô thức, vào một vương quốc tinh thần nào đó. Rồi đến một thời khắc nào đó, một biến cố lịch sử nào đó, nó xảy đến như một tai họa, như một bước ngoặt nổ bùng, làm đảo lộn cả đời ta, khiến ta phải đảo chính tâm hồn ta, buộc ta phải làm một cuộc du hành vào tận cùng bản ngã để đối diện với ngoại giới và với chính mình, để cho ta, sau hết, khám phá và phát hiện cái thế giới của riêng ta, phát hiện chính ta. Phải chăng từ thời điểm 1967, khi người ta đẩy anh vào xà lim, đã bắt đầu một quá trình như thế, nó kéo dài cho tới năm 1997, thời điểm "Đêm Giữa Ban Ngày" hoàn thành, và trong cuộc hành trình tinh thần bi tráng ấy của Con Người Sinh Học, Con Người Nhà Văn, Con Người Công Dân, Vũ Thư Hiên đã tự đảo chính mình để trở thành một Vũ Thư Hiên khác?

V.T.H.: Tôi không tự bỏ tù mình bao giờ, vào bất cứ vương quốc tinh thần nào. Sự dốt nát của tôi bỏ tù tôi thì có. Thoát ra khỏi sự dốt nát thật không dễ dàng, đó là kinh nghiệm của tôi. Phải có ý chí để thoát ra. Cái mà bạn gọi là sự tự đảo chính, Marx gọi là tự phủ định. Nên luôn tự phủ định để khẳng định cái ta mới. Phủ định cái bên ngoài ta khó nhưng không khó bao nhiêu. Tự phủ định là khó nhất. Nhưng kết quả của nó thường là cái có thể làm ta vui. Vẫn là ta đấy, nhưng đã là một ta khác. Trong sự biến đổi đó, một biến cố, hoặc nhiều biến cố liên tiếp, có giá trị như một nhiệt lượng cuối cùng thêm vào làm nước biến thành hơi. Trong cái tôi u mê của sự tự bỏ tù vào một vương quốc tinh thần, nói theo cách của Thế Dũng, hay trong cái tôi điên khùng của "cuộc lên đồng vĩ đại," như tôi từng thú nhận, vẫn có sẵn một "cái tôi" khác, là cái sẽ phủ định "cái tôi" trước. Nếu không có sẵn một "cái tôi" như thế, thì sự phủ định cũng bằng không.

T.D.: Tôi coi "Đêm Giữa Ban Ngày" là một tác phẩm văn chương. Nhưng anh lại nói trong phần Tự Bạch: "Trong cuốn sách này chỉ có sự thật. Hình thức văn học trong cuốn sách chỉ

được tác giả sử dụng vừa đủ cho bức tranh sự kiện không thành quá tẻ nhạt. Văn học đích thực không có chỗ nơi đây." Như thế, chắc hẳn trong quan niệm của anh về văn học đích thực có những tiêu chí khác người?

V.T.H.: Cả hai chúng ta đều không phải là nhà phê bình văn học, vậy ta miễn cho nhau việc xác định về mặt lý thuyết những tiêu chí văn học nhé, được không? Bàn về những tiêu chí văn học bây giờ e ta sẽ sa đà vào một câu chuyện khá dông dài. Nhận xét của Thế Dũng rằng "Đêm Giữa Ban Ngày" là một tác phẩm văn chương là một lời khen. Nó làm tôi đỏ mặt. Và sướng nữa. Nhưng tôi không thể nhận điều không có. Khi viết "Đêm Giữa Ban Ngày" tôi không hề có ý định làm văn. Sự thật là như vậy. Khi không định làm văn thì cái văn "tự có" thường là nghèo lắm. Nhưng tôi không buồn. Tôi viết do sự thôi thúc từ bên trong, do ý thức trách nhiệm, có thể nói như thế, và vì lời hứa với những người đã khuất. Nếu tôi bịa thêm một ít trong những gì tôi kịp kể trong "Đêm Giữa Ban Ngày" thì cuốn sách hẳn sẽ có màu sắc văn học hơn. Trong trường hợp cụ thể này, tôi cho rằng trong tôi đã xảy ra hiện tượng cái "vô ngã" (no ego) thắng cái "ngã" (ego). Đơn giản là thế - tôi không nghĩ đến "cái tôi" thì làm gì có cái văn chương "của tôi." Cái mà bạn thấy là văn chương có lẽ là cái bóng, cái dấu ấn của cái "ngã," một nét riêng cho sự phân biệt với hằng hà sa số "ngã" khác. Khi tôi cố kể cho thật đúng những gì tôi nếm trải nhằm một mục đích không phải cho tôi thì cái văn chương "của tôi" phải ra đi nhường chỗ cho cái khác, cho sự thật, được nổi lên. Trong "Đêm Giữa Ban Ngày," nói của đáng tội, đôi khi tôi có tự cho phép mình đặt ra vài giả thuyết (rất có thể sai lầm) để giải thích sự việc này hay sự việc nọ. Trong cái ức đoán đó, tôi phải thú nhận rằng "cái tôi" của tôi lộ ra một cách tồi tệ, tức là, ý tôi muốn nói: trong khi say viết tôi đã lãng đi mà rời khỏi chỗ của người kể chuyện lúc nào không biết. Nhưng đó lại là chuyện khác, là sự sa đà vào lĩnh vực không phải của mình, chính luận chẳng hạn...

T.D.: Về chuyện anh sa đà vào lĩnh vực không phải của mình, như anh vừa nói, tôi lại nghĩ khác. Nhân vật tự sự của anh - Cái Tôi Nạn Nhân, Cái Tôi Nhân Chứng, Cái Tôi Nhà Văn - trong "Đêm Giữa Ban Ngày" luôn bộc lộ một sức mạnh lý trí, một khả năng phân tích sắc sảo trong việc miêu tả cái mô hình xã hội bịa đặt, hoang tưởng, có tên là xã hội xã hội chủ nghĩa, nó làm cho tập hồi ký của anh rõ ràng có một dáng vẻ chính luận. Thật vậy, tôi có cảm giác những năm giam cầm không triệt hạ nổi Con Người-Nhà Văn trong anh, mà ngược lại, làm cho nó thăng hoa để giờ đây nó được cộng thêm một con người nữa - Con Người Chính Khách. Anh có nghĩ rằng một lúc nào đó anh sẽ làm chính trị không?

V.T.H.: Lạy Chúa tôi! Xin đừng cho chuyện ấy xảy ra.

T.D.: Anh cho rằng trong thế kỷ của chúng ta Con Người Nhà Văn có thể tách rời Con Người Chính Trị sao?

V.T.H.: Nỗi bất hạnh là ở chỗ đó - Con Người Nhà Văn không thể tách rời Con Người Chính Trị. Chính trị xông vào mọi ngõ ngách của đời sống mà không cần xin phép ai. Nó trói buộc tất cả. Nó cưỡng hiếp tất cả. Vì thế mà có "Đêm Giữa Ban Ngày." Xét cho cùng, chính trị, bản thân nó không xấu, nhưng trong thời đại chúng ta, ở nước ta nữa, chính trị đã làm quá nhiều điều bỉ ổi, nó làm cho ta ghê tởm nó, không muốn dây với nó, như thể bất cứ sự đụng chạm nào với nó cũng sẽ làm cho mình bị vấy bẩn. Tôi sẵn sàng làm chính trị, nếu tôi thuyết phục được tôi rằng tôi làm chính trị tốt hơn so với làm văn chẳng hạn, cho tôi và cho mọi người. Khốn nỗi, tôi không thuyết phục được tôi như thế. Còn nếu tôi có quyền lựa chọn giữa việc viết về tình yêu và viết về chính trị thì Thế Dũng hãy tin rằng tôi bao giờ cũng chọn đề tài tình yêu. Tác phẩm hay nhất mà tôi thích là chuyện tình của "Tristan và Iseult." Tôi đã khóc, mà không phải một lần đâu, trên những trang sách kể lại câu chuyện tình bi thảm từ thế kỷ thứ 13 ấy.

T.D.: Từ khi số phận anh gắn bó với bút mực, phải chăng văn chương đã và đang là người vệ sĩ đáng tin cậy của anh trên đường đời?

V.T.H.: Với tôi, văn chương vĩnh viễn là bạn đồng hành chung thủy. Đôi khi nó còn là cái nạng để ta vịn vào mà đi trên đường đời gập ghềnh và quá nhiều bất trắc. Nhiều khi mình ngã rục xuống như một cái cây bị đốn, tưởng chừng không thể nào dậy nổi, thế mà văn chương đã đỡ mình đứng dậy, bằng lời an ủi, bằng câu khuyến khích, và bằng cả cái nhìn trách móc nữa...

T.D.: Cuộc sống ly hương có đè nặng lên tâm hồn anh không? Và cảm giác đối với lần đi xa này có khác lắm với một lần xê dịch luôn

hiện diện trong đời anh không?

V.T.H.: Tôi có gì khác với mọi người? Cái cây bị bứng khỏi đất mẹ đem đi trồng ở một vùng đất xa lạ thường không cho quả. Cái đáng sợ là ở chỗ đó, Thế Dũng ạ. Kuprin, Bunin - hai nhà văn Nga ở đầu thế kỷ này mà tôi rất thích - đã gần như phải gác bút trong cuộc sống lưu vong bắt buộc. Đất mẹ không chỉ nuôi dưỡng ta, đất mẹ còn cho ta sức sống, cho ta cảm hứng. Nỗi nhớ cũng là một thứ cảm hứng, nhưng không dài. Tôi không cho cuộc đi này là một lần xê dịch. Tôi đi để làm cái việc tôi phải làm. Đêm đến, tôi đi cùng giấc mơ về nơi tôi nhớ ban ngày.

T.D.: Anh có dự định gì trong tương lai? Tôi muốn nói: những dự định trong văn học?

V.T.H.: Tôi chưa bao giờ coi viết văn là một nghề. Khi là một nghề, nó dễ làm ta hư hỏng lắm. Ta sẽ viết theo sự quen tay, như một người thợ. Ta sẽ lệ thuộc các nhà xuất bản, vốn không phải bao giờ cũng tôn trọng văn học. Ta sẽ tính đếm những trang viết như đếm tiền, và sẽ tiếc rẻ không dám quẳng đi những trang viết tồi. Văn tốt nhất là một người tình, không nên là người vợ. Để ta có thể hồi hộp, có thể e ấp trong mỗi lần gặp gỡ. Cuộc tình nào cũng đẹp cho tới hôn nhân. Tại sao ta lại cùng Nàng Văn, Nàng Thơ chắt chiu từng đồng nhuận bút để xây một tổ kén, nơi có chỗ nằm êm ấm. Chính vì lẽ đó mà trong tôi chẳng bao giờ có được một dự định sáng tác mà tôi có thể tin chắc rằng nó sẽ được thực hiện, trong một tương lai gần cũng như trong một tương lai xa. Hồi chưa đi khỏi nước tôi đã làm một số phác thảo cho một cuốn sách tương lai. Nó sẽ là một phòng tranh chân dung những người cùng thời với tôi. Trong hình dung của tôi, nó phải là một cuốn sách thú vị bởi vẻ đa dạng, đa màu của nó - từ người ăn mày, bạn của tôi, cho tới nhà lãnh đạo, kẻ thù tự xưng của tôi. Nhưng dự định là dự định. Nếu tin vào dự định của những nhà văn, nhà thơ thì công suất của cả nền công nghiệp giấy thế giới hôm nay cũng chẳng làm ra đủ giấy mà in tác phẩm của họ.

T.D.: Anh nghĩ gì về nền văn học hải ngoại?

V.T.H.: Tôi biết gì về nền văn học hải ngoại để mà nói? Tôi mới ra ngoài này, còn có biết bao nhiêu việc phải làm, lấy đâu ra thời gian để đọc. Vài truyện ngắn rải rác trên các báo, đôi ba cuốn tiểu thuyết, đó là tất cả những gì tôi biết. Mà có thật một nền văn học hải ngoại sao?

T.D.: Dù nhiều năm sau nữa hay ngay bây giờ, khi cần có một toàn cảnh chân thực về nền văn học Việt Nam, người ta không thể không đề cập tới một dòng văn học hải ngoại đã, đang và sẽ có... Dòng văn học này do rất nhiều nhà văn, nhà thơ cũng lận đận với Bông Hồng Vàng tạo ra. Theo anh, nó sẽ đóng góp được gì cho nền văn học tương lai của một nước Việt Nam dân chủ và tự do?

V.T.H.: Có thể tôi nghĩ sai, nhưng những nhà văn nhà thơ của chúng ta, dù họ ở đâu, cũng chỉ thuộc về một nền văn học duy nhất gọi là văn học Việt Nam. Ở vị trí con cháu chúng ta mà nhìn, một trăm năm nữa thôi, sẽ chỉ có một nền văn học Việt Nam duy nhất, nền văn học được vun đắp bởi tất cả các nhà thơ nhà văn Việt Nam - trong hình ảnh những gì còn lại sau sự sàng lọc khắc nghiệt của thời gian.

T.D.: Câu hỏi cuối cùng: cái gì sẽ cứu chúng ta trong hành trình về tương lai trong cái thế giới bấp bênh hôm nay?

V.T.H.: Cái Đẹp.●

DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT

9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683

(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

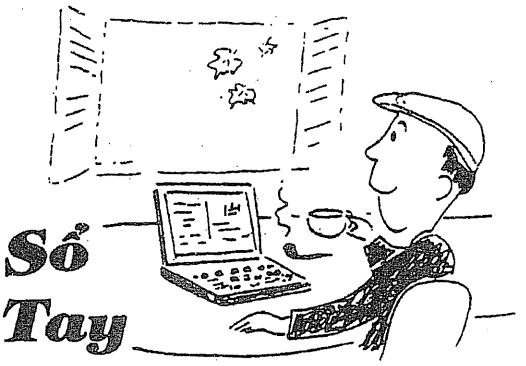

Hy vọng từ Indonesia

Cuộc bầu cử ở Indonesia cho thấy ánh sáng Dân chủ đã le lói từ quần đảo miền Đông Nam Á này, nhờ giới lãnh đạo chính trị và quân sự tại đây cũng trưởng thành theo kịp đà với dân chúng. Không những nước Indonesia đã tiến hành cuộc bầu cử Tổng thống một cách dân chủ, lần đầu tiên sau 33 năm độc tài, vị Tổng thống mới đắc cử còn có thể làm gương cho các nhà lãnh đạo Á châu khác về chủ trương tôn trọng nhân quyền, biết giá trị của kinh tế thị trường, và có tinh thần khoan nhượng về tôn giáo và chính trị, Các đức tính đó rất cần thiết cho cuộc sống Dân chủ. Và nội các mới của Indonesia cho thấy giới lãnh đạo các đảng biết nhân nhượng lẫn nhau, đặc biệt là các tướng lãnh đã chịu lùi bước, để một người dân sự làm Bộ trưởng Quốc phòng, cắt đứt một tập tục 30 năm qua.

Ông Abdurahman Wahid đã được bầu làm Tổng thống Indonesia, mà ông là một mẫu người biết thỏa hiệp, theo nghĩa tốt chứ không phải nghĩa xấu của từ ngữ này. Và ngày hôm sau, bà Megawati Sukarnoputri cũng chịu thỏa hiệp để nhận chức Phó Tổng thống, tránh cho nước Indonesia khỏi chia rẽ, bất ổn.

Thỏa hiệp lớn nhất của ông Wahid là chịu bước chân vào chính trường. Ông được dân Indonesia gọi là Gus Dur, Dur là gọi tắt tên Abdurahman của ông, còn Gus nếu dịch ra tiếng Việt có thể gọi là Thầy, hoặc Đức Ông. Ông vốn là một học giả, không có tham vọng chính trị. Năm ngoái, ông nói với tạp chí Tempo ở Jakarta rằng chí nguyện của ông là "Làm một người thầy dạy dân chúng, thế thôi. Bây giờ tôi phải hoạt động trong trường chính trị vì công việc làm thầy bắt tôi phải bước vào." Trước ngày được bầu làm Tổng thống, ông trả lời một cuộc phỏng vấn của một tờ báo Đức, nói rằng: "Tôi chán chính trị lắm rồi." Ông rất ngưỡng mộ Thánh Gandhi, một người cũng bất đắc dĩ bước vào chính trị.

Ông Wahid vốn là một đồng minh của bà Megawati từ nhiều năm qua, mà bà vốn kính trọng, vẫn coi ông là Thầy. Trong bài diễn văn nhậm chức của ông, Wahid đã đề cao cố Tổng thống Sukarno thân phụ bà Megawati, nhấn mạnh đến vai trò của chính bà này trong quá trình đòi dân chủ tự do cho xứ Indonesia. Đó là một cử chỉ thỏa hiệp thành thật. Và bà Megawati cũng học được của Thầy Wahid bài học thỏa hiệp, khi chịu đứng làm Phó Tổng thống. Ông Wahid đã 59 tuổi, sức khỏe kém, một mắt đã lòa, lại không thiết đến chính trị, đủ để vai trò của Phó Tổng thống của bà Megawati, 52 tuổi trở thành quan trọng hơn.

Là một học giả Hồi giáo, trong một gia đình đã bà đời lãnh đạo tổ chức Nahdlatul Ulama (Dân tộc Thức tỉnh,) nhưng ông Wahid luôn nhấn mạnh phải phân tách tôn giáo và chính trị. Vì ông cũng chủ trương nước Indonesia phải tôn trọng Nhân quyền. Đây là một xứ có hơn 200 triệu dân, hơn 300 ngôn ngữ. mà 87% dân là Hồi giáo, 5% đạo Tin lành, 3% Công giáo và 1% Phật giáo, với một số người gốc Hoa chiếm 3% dân số nhưng kiểm soát 70% hoạt động kinh tế. Một chính quyền có thể dùng thói mị dân đưa ra các đường lối kỳ thị tôn giáo và chủng tộc. Ông Wahid đã nói rằng "Hồi giáo chỉ nên đóng vai trò một sức mạnh tinh thần để thúc đẩy thể chế Dân chủ" chứ không nên dùng như một khí cụ chính trị. Ông cũng nói rằng chỉ có một cách duy nhất để Indonesia thoát cơn khủng hoảng kinh tế và chính trị hiện nay là "đối xử với mọi công dân một cách bình đẳng." Để bày tỏ thiện chí, một tuần trước khi đắc cử ông Wahid sang Singapore đã tiếp xúc với các người Indonesia gốc Hoa đang tị nạn ở đó, kêu gọi họ trở về - mang theo số vốn liếng của họ, ước chừng 70 tỷ Mỹ kim.

Về mặt kinh tế, trong 18 tháng qua ông Wahid đã nêu rõ những chủ trương cải tổ để tháo gỡ hệ thống kinh tế tập trung và xí nghiệp độc quyền mà gia đình Suharto để lại. Ông đề nghị tăng thêm quyền tự trị cho các tỉnh của quốc gia hơn 17 ngàn hòn đảo này, chống nạn tham nhũng bòn rút tài nguyên quốc gia, và ông đã chống lại chủ trương quốc hữu hóa một số doanh nghiệp mà các nhóm Hồi giáo quá khích muốn áp đặt. Ông đề cao việc thiết lập một hệ thống tư pháp độc lập.

Với một vị Tổng thống bất đắc dĩ làm chính trị, nước Indonesia cũng may mắn có những nhà chính trị trưởng thành biết thỏa hiệp vì quyền lợi quốc gia. Lãnh tụ đảng Golka cầm quyền suốt 30 năm trước, đảng về thứ nhì

trong cuộc bầu cử Quốc hội, và Tướng Wiranto, cả hai đều tự ý rút lui không ứng cử Phó Tổng thống, để đối thủ của họ là bà Megawati thành ứng viên duy nhất.

Sự trưởng thành của giai cấp lãnh đạo theo kịp sự trưởng thành của dân. Từ gần 2 năm qua, dân Indonesia đã đứng dậy lật đổ chế độ Suharto độc tài. Ngay sau khi ông Suharto chịu rút lui, các chuyên viên, công chức, sinh viên, sĩ quan đã hăng hái tham dự vào sinh hoạt đảng phái. Trong lúc có những người lợi dụng tự do để lập đảng tranh thủ quyền lợi phe nhóm, thì cũng có những đảng phái thực sự có chủ trương vì dân, vì nước.

Trong khối ASEAN hiện nay phong trào Dân chủ hóa mỗi ngày mạnh hơn, từ Thái Lan, Phi Luật Tân, đến Mã Lai và Indonesia. Người dân ở các nước mới nhất gia nhập khối này, Việt Nam, Lào, Miến Điện và Cam Bốt sẽ nhìn vào tấm gương Indonesia để nuôi hy vọng.

Nhiều thứ chỉ để tuyên truyền

Có một kỹ sư vượt biên năm 1980. Năm 1975 anh ở lại Sài Gòn, nghĩ rằng dù chế độ nào thì các kỹ sư cơ khí cũng có dịp phục vụ đất nước. Anh kể bạn bè nghe lý do anh quyết định vượt biên. Đó là một ngày anh trở về nhà sau ba tháng làm việc ở một công trường ven biên. Về đến Sài Gòn, anh đọc bản tin trên một tờ báo nói rằng nhà máy mà anh tham dự việc nghiên cứu địa bàn xây dựng "sắp khánh thành." Anh vừa từ đó về, biết rằng chưa hề có họa đồ xây cất, chưa làm xong dự án khả thi! Anh bạn tôi suy nghĩ: dưới chế độ này, nói cái gì cũng là nói dối, mình làm gì thì cũng uổng công. Và anh đi tìm tầu vượt biên! Bây giờ anh mang khả năng trí thức của mình phục vụ một công ty ở Bắc Mỹ! Một chế độ coi tuyên truyền là công tác quan trọng nhất thì sẽ hy sinh cả các lợi ích kinh tế!

Trong lá thư của tướng Trần Độ mới gửi cho đảng Cộng Sản, ông phê bình chế độ mà ông đã góp công dựng lên: "Hiến pháp chỉ để tuyên truyền." Nghĩa là Hiến pháp cũng giống như chậu cây làm cảnh bằng nhựa, bằng giấy, không phải hoa thật. Nhưng ở Việt Nam không phải chỉ có Hiến pháp mới dùng để làm kiểng. Còn nhiều thứ có tính cách làm kiểng nữa, thí dụ thị trường chứng khoán.

Thị trường chứng khoán, cũng gọi là Trung tâm Giao dịch chứng khoán, đã được hứa hẹn sẽ hoạt động từ cuối năm nay, các viên chức loan báo Trung tâm có thể mở cửa trong tháng này, tháng tới. Nhưng trong thực tế, hãng thông tấn AFP cho biết may ra thì đến tháng Sáu năm 2000 thị trường chứng khoán mới hoạt động được.

Tại sao có các tin tức mâu thuẫn về ngày thị trường chứng khoán khai mạc? Vì hãng AFP loan tin về thị trường chứng khoán thật. thị trường có hoạt động, nó phải chờ đến giữa năm 2000. Còn đối với thị trường chứng khoán làm kiểng, thì ngày mai nếu muốn cứ khai trương một cách long trọng cũng được. Vẫn có thể cắt băng khánh thành, bầy tiệc đãi quan khách nước ngoài, đem máy điện toán ra trưng, các trai thanh gái lịch đóng vai chuyên viên xếp hàng để chụp hình, quay phim. Mãn tiệc rồi, thị trường lại có thể "tạm đóng cửa để hoàn chỉnh." Và ngày hôm sau thì các quan lớn kinh tế tài chánh có thể không còn thời giờ nghĩ đến nó nữa.

Ông Jonathan Waugh, một chuyên gia về chứng khoán đang ngồi chờ thị trường mở cửa ở Sài Gòn, nói "Trên lý thuyết thì thị trường có đấy rồi, mặc dù một cách cụ thể thì chưa có gì cả." Nếu thị trường mở cửa cho giao dịch tuần sau thì cũng có 30 công ty đăng ký cổ phần để cho người ta mua, bán. Nhưng liệu ai sẽ mua bán? Mua đi bán lại ba chục thứ cổ phần, rồi chờ đến bao giờ mới có "hàng họ mới" đê mua và bán? Mở một cái chợ mua bán hột soàn ở Năm Căn, Cà Mau chắc còn có đông người tham dự hơn.

Một lý do khiến thị trường chứng khoán sẽ vắng vẻ, là vì chính các công ty đang làm ăn được, đang cần tăng vốn, cũng không muốn đăng ký trên thị trường. Ông Lê Thanh Chơn, giám đốc Khách sản Sài Gòn, một công ty cổ phần, nói với phóng viên nhà nước rằng ông còn chờ coi thị trường làm ăn ra sao rồi mới đăng ký. Và người ta có thể đoán được lý do nhiều công ty không muốn đăng ký: họ muốn giữ bí mật sổ sách tài chánh của họ. Tất cả các thị trường chứng khoán trên thế giới đều yêu cầu công ty đăng ký phải cho kiểm tra sổ sách kế toán. Những công ty mà sổ sách lem nhem chắc không dại gì đi đăng ký, cũng như các cô có vết lang ở bụng, ở đùi chắc không muốn đi thi hoa hậu áo tắm! Trong khi đó, nhiều công ty lại chẳng cần có thị trường chứng khoán vẫn huy động vốn được, vì họ có thần thế, móc ngoặc được với ngân hàng của nhà nước, gõ cửa là ra vốn làm ăn, dù không làm cũng vẫn ăn!

Ông Lê đăng Doanh, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế, nói một cách nhẹ nhàng rằng các nước Đông Nam Á đang hồi phục vì họ đã cải cách một cách quyết liệt, chấp nhận những đau đớn. Ở Việt Nam nếu cải cách quyết liệt thì ai đau đớn? Chỉ có quan

lớn trong đảng đau. Chính vì thế mà họ không chịu cải cách. Ông Doanh nói: "„bộ máy hành chánh.. phải chuyển từ bộ máy chủ yếu là cai trị sang chủ yếu là phục vụ nhân dân." Nói như vậy là nói khéo, thực ra ông Doanh đang nói về cả bộ máy đảng. TTrung ương Đảng mới họp, ra quyết nghị xác định mấy lần rằng "Đảng ta là một đảng cầm quyền." Đảng tức là bộ máy cai trị. Nó phục vụ chính nó trước.

Ông Lê đăng Doanh sẽ được ghi vào sử sách như là người đầu tiên ở Việt Nam gọi tên nhân dân như là "người đóng thuế." Ở Mỹ chúng ta vẫn nghe dân chúng tự xưng như vậy hoài: "We, Tax payers." Người Mỹ không hay tự xưng là nhân dân, trừ khi muốn ... tuyên truyền. Thí dụ trong Hiến Pháp Hiệp Chúng Quốc viết "Chúng tôi, nhân dân Hoa Kỳ..." Còn khi muốn nói chuyện thẳng thắn với nhà nước, người Mỹ nói, "Bọn đóng thuế chúng tôi," hay là, "Chúng tôi, những thằng dân đóng thuế nuôi mấy người..." Đó là điều ông Lê đăng Doanh cũng mới nói đến cho đảng Cộng Sản Việt Nam nghe.

Người Mỹ chỉ dùng chữ "nhân dân" khi viết hiến pháp. Bản Hiến pháp nước nào cũng phải dùng các từ hoa mỹ, nhưng việc thi hành hiến pháp biến nó thành các quyền lợi cụ thể của người dân. Ở Việt Nam, như tướng Trần Độ nhận xét, cả bản hiến pháp cũng chỉ là để tuyên truyền mà thôi!

Cái thói quen làm gì cũng vụ ở tuyên truyền rất tai hại cho kinh tế quốc gia. Nếu xây một cây cầu, lập một cái chợ, hay làm nhà máy lọc dầu, bắt đường dây điện cao thế v.v. cái gì cũng cốt tuyên truyền, thì làm sao kinh tế quốc dân khá lên được?

Khi nước ngoài đầu tư

Số đầu tư của người ngoại quốc vào Việt Nam đã giảm 48% so với năm ngoái. Đài phát thành BBC phỏng vấn một viên chức nhà nước ở Hà Nội, hỏi lý do tại sao một quỹ đầu tư ngoại quốc ở Sài Gòn đã gây vốn được vài chục triệu Mỹ kim mà không biết đầu tư vào đâu, đành đem trả lại tiền cho người góp vốn? Ông quan lớn ở Bộ Phát triển và Đầu tư trả lời tỉnh bơ: "Tùy họ. Họ không đầu tư thì thôi, chính phủ đâu có bắt họ đầu tư được!"

Một chính phủ thấy các nhà đầu tư chỉ có vài chục triệu cũng không tìm ra cơ hội bỏ vốn làm ăn, thì đáng lẽ cũng nên tỏ vẻ lo lắng, tự mình đã đặt câu hỏi, tự mình phải có sẵn câu trả lời, chứ không phải chờ ai hỏi đến rồi ăn nói u ơ như vậy. Nghe câu trả lời của ông Vụ Phó thấy cũng giống như một ông bố có cô con gái lớn ế chồng, nghe người ta hỏi tại sao mấy đám xem mặt rồi lại bỏ không ai chịu chạm ngõ, Bố trả lời: "Tùy họ. Làm sao bắt mấy thằng chả cưới con bé được!" Một ông bố vào hoàn cảnh đó còn có kế hoạch số ba mươi sáu là gả con qua Đài Loan. Nhưng một chính phủ mà suy nghĩ như vậy thì cùng lắm là chạy vào Chợ Lớn.

Tất cả các nước đang phát triển đều cần đến vốn ngoại quốc đầu tư. Ngay các nước đã phát triển cũng được lợi khi có người nước ngoài bỏ tiền vào làm ăn ở xứ mình. Đầu tư ngoại quốc sẽ giúp người trong một nước có thêm công ăn việc làm, khai thác được các tài nguyên và sức người còn để không, giúp cho dân có thêm nhiều hàng hóa dùng hoặc xuất cảng.

Ở Trung Hoa người ta đã ước tính cứ một đồng ngoại quốc chi tiêu thì tạo ra thêm 2 đồng rưỡi cho nền kinh tế xứ này. Khi một công ty ngoại quốc mua hàng của một công ty Trung Hoa, công ty Trung Hoa này có thêm tiền bành trướng, rồi lại mua của các nhà cung cấp địa phương, tạo thêm công việc khác. Các công ty General Motors, Ford, Volkswagen mở nhà máy ráp xe ở Trung Hoa, từ đó tạo ra một mạng lưới các nhà sản xuất bộ phận và phụ tùng bản xứ. Nhưng một đóng góp của giới đầu tư ngoại quốc quan trọng hơn cả, là họ họ giúp cải thiện khả năng kỹ thuật và quản lý của mọi người.

Hãy lấy một thí dụ ở Trung Quốc. Công ty Motorola tạo công việc cho 12 ngàn người ở khắp nước. Tại cơ xưởng của Motorola ở Thiên Tân, trung bình mỗi năm một nhân viên, trong số 10 ngàn nhân viên, được huấn luyện hai tuần lễ chính thức. Thay vì các khẩu hiệu như "tất cả để phục vụ nhân dân," thì nay họ phải học "phẩm chất toàn hảo," hoặc "khách hàng phải hài lòng 100%." Kết quả là mỗi tháng trong số máy điện thoại lưu động mỏng, nhẹ mà xưởng này chế tạo, chỉ có 32 cái thiếu tiêu chuẩn. Mà trung bình cứ 2 giây rưỡi đồng hồ họ sản xuất một cái máy.

Không những huấn luyện cho nhân viên của mình, Motorola còn huấn luyện kỹ thuật cho nhân viên của các xí nghiệp cung cấp bộ phận cho họ. Năm ngoái Motorola chi tiêu 750 triệu Mỹ kim mua đồ bản xứ, tất nhiên họ muốn các nhà cung cấp không giao hàng xấu. Vì lợi lộc của chính họ, Motorola tính chi tiêu 2 triệu Mỹ kim mỗi năm để huấn luyện nhân viên của các nhà cung cấp.

Năm 1996, Công ty Optical and Electrical Communication ở Thiên Tân (gọi tắt TOEC)

gần phá sản. Họ có những kỹ sư và công nhân đầy đủ khả năng, nhưng kỹ thuật sản xuất và quản trị yếu kém. Công ty Motorola đã ký hợp đồng để mua đồ phụ tùng của TOEC với một điều kiện, là phải áp dụng tiêu chuẩn kiểm phẩm của Motorola. Sau ba năm, bây giờ TOEC bán một phần ba số sản xuất cho Motorola và bắt đầu có lời. Ông Chủ tịch Trương Bình Quân nói, "Bây giờ, chúng tôi biết có thể thoát cơn nguy hiểm." Ngày xưa, thời kinh tế bao cấp, TOEC là một nhà cung cấp máy pager lớn nhất Trung Quốc, nhưng họ cũng gặp các khuyết điểm giống như mọi xí nghiệp quốc doanh khác. Đặc biệt là phẩm chất rất kém. Bộ phận nghiên cứu của TOEC rất lớn và có khả năng, nhưng việc xuống đến xưởng sản xuất là hỏng. Khi không bán được hàng, công ty đã nhờ vả đến tín dụng của các ngân hàng quốc doanh. Nhưng tiền vay về chỉ dùng để trả lương, không ai lo cải thiện công việc. Đến năm 1995, các ngân hàng được lệnh bớt bao cấp, công ty TOEC bước vào cơn suy sụp.

Từ năm 1996, biết TOEC có đội ngũ công nhân và chuyên viên giỏi, Motorola ký giao kèo mua bộ phận và bắt đầu giúp huấn luyện. Ông Chủ tịch họ Trương, 33 tuổi, lúc đầu không tin tưởng ở chương trình huấn luyện này, nhưng sau bị chinh phục khi dự khóa huấn luyện đầu tiên của Motorola. Trước đây, nói đến "kiểm tra phẩm chất," ông Trương nói, "tức là một nhóm người kiểm tra sản phẩm ở cuối dây chuyền sản xuất." Bây giờ, công ty nhấn mạnh kiểm phẩm ở từng giai đoạn sản xuất. Nhờ thế số sản phẩm xấu giảm đi bằng một phần bảy tỷ số ngày xưa. Nhờ bán được hàng cho Motorola, TOEC năm ngoái có lời gần ba phần tư triệu Mỹ kim. Năm nay họ mướn thêm 385 công nhân, trong khi các xí nghiệp khác lo sa thải.

Một huấn luyện viên của Motorola, ông Ying Shea, nói, mục tiêu của việc huấn luyện là "cho họ (các nhà cung cấp) nhìn thấy cách quản lý của phương Tây và tạo ra một lối tư duy để họ hiểu chúng tôi đang làm gì, và tại sao làm như vậy." Trước đây, các quản đốc và nhân viên của họ không hiểu thị trường cạnh tranh nghĩa là gì, cho nên không biết phải hành động và phản ứng ra sao!

Đầu tư ngoại quốc có thể thay đổi cách suy nghĩ và làm việc của người ta. Đó là đầu tư vào con người, mà con người là yếu tố quan trọng nhất trong nền kinh tế thế giới hiện nay.

Thay đổi kinh tế hay văn hóa?

Trong lúc ông Đại sứ Nhật ở Paris được bầu lên cầm đầu cơ quan Văn hóa Liên Hiệp Quốc UNESCO, thì ở nước Nhật một biến cố cho thấy có những thay đổi kinh tế khiến tập tục văn hóa ở trong nước Nhật cũng thay đổi.

Thử hình dung cảnh tượng này: Một người gốc Brazil thay mặt cho một công ty Pháp họp báo ở Tokyo để giải thích về việc cắt giảm 21 ngàn nhân viên và đóng cửa bốn nhà máy thuộc hãng xe hơi lớn thứ nhì của Nhật Bản. Trong cuộc họp báo trước 600 phóng viên Nhật và ngoại quốc, ông Carlos Ghosn chỉ nói bằng tiếng Anh. Dân Nhật vốn có tinh thần dân tộc rất cao và các công ty Nhật xưa nay vẫn chủ trương giữ nhân viên làm việc suốt đời, nhưng họ đã thản nhiên chấp nhận những biện pháp bất khả kháng, vì lý do kinh tế.

Công ty xe hơi Renault của Pháp đã mua đến 37% cổ phần của hãng Nissan từ tháng Năm năm nay, để cứu tình trạng tài chánh của Nissan. Ông Ghosn được cử sang làm Tổng giám đốc Nissan để cải tổ. Vì công ty Nissan lỗ vốn nên lợi tức của Renault lo rằng sẽ bị giảm, họ phải tính đường cắt bớt chi phí, trong đó có việc hợp lý hóa mối liên hệ với các nhà cung cấp bộ phận, các nhà bán dịch vụ và dụng cụ máy móc cho Nissan. Nhưng chương trình hợp lý hóa này đã phá vỡ một cơ cấu quan trọng của nền kinh tế Mhật, là những kết hợp gọi là keiretsu.

Keiretsu là một thứ tổ hợp, quy tụ quanh những ngân hàng và một vài nhà sản xuất chính, và những công ty nhỏ cung cấp hay đại lý cho nhà sản xuất. Nền kinh tế Nhật nằm trong tay các keiretsu lớn. Ngân hàng làm chủ một số cổ phần của xí nghiệp, xí nghiệp lớn mua hàng của xí nghiệp nhỏ mà họ cũng làm chủ nhiều cổ phần, cho nhau mua chịu, giúp nhau lúc khó khăn, như một gia đình. Nhân viên xí nghiệp cứ chờ bao giờ đủ thâm niên thì lên cấp, không ai sợ mất việc vì đã có một đạo quân những người làm bán thời gian, phần lớn là phụ nữ, nếu cần thì họ mất việc trước, các quản đốc đến tuổi 55 có thể về hưu cho đàn em lên thay, vì họ sẽ được các xí nghiệp nhỏ trong keirstsu mời về làm cố vấn. Người Nhật rất hãnh diện về hệ thống keiretsu vì nó tạo ra một xã hội hòa hợp, chú trọng đến hợp tác hơn là cạnh tranh, trên bảo dưới nghe, ai cũng tận tụy và trung thành với công ty, các công ty trung thành với keiretsu của mình. Trên cùng có chính phủ Nhật đóng vai bảo lãnh các ngân hàng khi gặp khó khăn.

Nhưng chính vì hệ thống đó đã thành công mà dần dần nó cũng sa lầy. Các ngân hàng cho vay mà không tính đến lời lỗ, các xí nghiệp

không đám cắt bớt nhân viên để giảm chi phí, đến khi tất cả cùng lỗ lã thì, sau cùng, chính phủ Nhật cũng chịu bó tay vì số khiếm hụt ngân sách đã lên đến 10% của Tổng Sản Lượng Quốc Nội (GDP), và số nợ của nhà nước lên tới 140% GDP.

Công ty Nissan sẽ giảm số nhà cung cấp bộ phận, từ 1,154 nhà xuống còn khoảng 600, số nhà cung cấp dịch vụ và máy móc từ 6,900 xuống còn 3,400, tất cả sẽ đóng góp 60% số tiền tiết kiệm được. Nhiều xí nghiệp cung cấp cùng một thứ bộ phận, nay số nhà cung cấp thu nhỏ lại, sẽ có 40 đến 50 ngàn nhân viên của họ bị ảnh hưởng. Nhưng các xí nghiệp nhỏ còn lại cũng có cơ hội tiết kiệm nhờ sản xuất ở quy mô lớn hơn. Giá bộ phận giảm đi sẽ giúp Nissan chế tạo xe với giá rẻ hơn.

Nissan không phải là công ty đầu tiên làm vỡ hệ thống keiretsu sau khi bán cổ phần cho một công ty ngoại quốc. Ngân hàng Sakura là trung tâm của một keiretsu khác, nhóm Mitsui, cũng đã giao bán cho ngân hàng đức Deutsche Bank nhưng bị chê, sau cùng đã kết hợp với ngân hàng Sumimoto để đủ mạnh ngõ hầu thi hành những cải tổ cơ cấu, trong đó phải cắt giảm 6,000 nhân viên và đóng cửa 200 chi nhánh. Như ông Shosaku Yasui, chủ tịch công ty dệt Teijin nói, "Hệ thống kinh doanh Nhật Bản đã đụng chân tường." Ông Kaneo Rumomachi, chủ tịch mới của ngân hàng Sanwa nói: "Chúng tôi cải tổ không phải vì Quỹ Tiền tệ Quốc tế bảo phải làm. Chúng tôi cải tổ vì nhu cầu sống còn."

Nhưng sự có mặt của người ngoại quốc và lối làm ăn của Mỹ, của Âu châu là một nhân tố quan trọng. Công ty Ford đã mua và cải thiện hiệu năng các nhà máy của Mazda, Delphi đã mua 6% của Akebono cũng làm bộ phận xe hơi. Đầu năm nay, Cable & Wireless PLC, một công ty Anh mua công ty Nhật chuyên về điện thoại viễn liên, IDC, Công ty Pháp Artemis trả 240 triệu để mua Nissan Mutual. Nước Nhật đã mở cửa, trong năm 1999 sẽ có khoảng 125 tỷ Mỹ kim ngoại quốc đầu tư trực tiếp vào nước Nhật, gấp ba lần năm ngoái. Các nhà kinh doanh ngoại quốc không những thay đổi cách làm ăn các xí nghiệp mà họ đã mua, họ còn cạnh tranh với các xí nghiệp Nhật, khiến giới quản lý Nhật thấy phải tự thay đổi.

Nhưng thay đổi hệ thống kinh doanh cũng đi song song với những thay đổi văn hóa. Nhiều thay đổi phong tục giúp cải thiện nước Nhật, thí dụ vai trò của phụ nữ. Tại nhà máy Mazda ở Hirosima, lần đầu tiên phụ nữ được làm việc buổi tối, với tiền lương cao hơn khi họ chỉ được làm việc ban ngày. Ở các nước Âu Mỹ có 70% phụ nữ tốt nghiệp trung học đi làm, ở Nhật chỉ có 50%. Người ta đã tính nếu số phụ nữ Nhật đi làm nhiều hơn như ở các xứ tiên tiến khác thì Tổng Sản Lượng Quốc Nội sẽ tăng thêm, có thể thêm đến 2.5%. Thí dụ khác là cách tưởng thưởng nhân viên gắn liền với hiệu năng, thay vì chỉ phụ thuộc thâm niên. Công ty Cable & Wireless tặng hứa phiếu để mua cổ phần cho nhân viên (stock option), lần đầu tiên người ta dùng lối tặng thưởng kiểu Mỹ này ở Nhật. Và người các công ty Nhật bắt đầu nói đến "tối đa hóa giá trị cổ phần" như một mục tiêu quan trọng. Trước đây, các nhà kinh doanh cũng như chính phủ Nhật chỉ chú trọng đến mục tiêu bành trướng.

Lối suy nghĩ của người Nhật đang thay đổi. Ông Noriyuki Ueda, một nhà nghiên cứu nhân loại học, nói rằng sự trì trệ của kinh tế Nhật trong mươi năm vừa qua là "sự sụp đổ của các giá trị văn hóa và tinh thần của nước Nhật." Nền văn hóa coi trọng bằng cấp, coi trọng tuổi tác và đề cao tính hòa hợp, có nhiều ưu điểm. Nhưng để cho các giá trị đó trở thành kinh niên thì sẽ dùng hết các ưu điểm rồi các nhược điểm bắt đầu tác hại. Đến lúc người Nhật tự điều chỉnh. Một cuộc nghiên cứu của Học Viện Dentsu cho biết 52% người Nhật nghĩ rằng nước Nhật phải biến thành một xã hội với "cơ hội bình đẳng" và "chấp nhận rủi ro," khác mô hình có từ nhiều thập kỷ vừa qua. Giáo sư Shinji Fukukawa là chủ tịch Học viện này, trước là Thứ trưởng Bộ Mậu dịch quốc tế và Công nghiệp (MITI) nói: "Nước Nhật đang bị ảnh hưởng của mô hình xã hội Mỹ."

Sự có mặt của người ngoại quốc đã từng thay đổi nước Nhật trong quá khứ. Năm 1853 đô đốc Matthew Perry đem tầu thủy tới, buộc chính phủ Nhật phải mở cửa giao thương với Mỹ, một trong các biến cố đưa tới cuộc cách mạng của Minh Trị Thiên Hoàng. Năm 1945 tướng Mac Arthur cầm đầu đạo quân chiếm đóng đã viết lại bản hiến pháp để Dân chủ hóa nước Nhật. Những thay đổi trong quá khứ cho thấy dân tộc Nhật mặc dù phải thay đổi lối sống, để tồn tại nhưng vẫn giữ được bản sắc. Nhưng lần này khác hai lần trước, vì người Nhật tự họ nhìn thấy muốn cạnh tranh trên thương trường quốc tế thì chính họ phải thay đổi. Chính người Nhật đã chủ động dùng chiến lược mở cửa nền kinh tế, thu hút vốn đầu tư và kỹ thuật quản lý của Âu Mỹ để thúc đẩy quá trình tự cải tổ đi nhanh hơn. Các nước khác, nhất là Việt Nam có thể rút một bài học trong chiến lược này.●

DẤU HỎI NGÃ

PHỐ TỊNH

Thanh là yếu tố định bậc cao thấp trong thang âm sáu bậc của tiếng Việt hiện đại, và là yếu tố cần và đủ để tạo thành ý nghĩa khu biệt của một từ. Sáu bậc cao thấp đó được cụ thể hoá một cách dễ hiểu bằng sáu tiếng sau đây: *ngang* (hoặc *không*) - *huyền* - *ngã* - *hỏi* - *sắc* - *nặng*. Phân biệt bốn thanh khác không có khó khăn gì, nhưng hai thanh *hỏi* và *ngã* thì cần nhiều công phu. Một từ tiếng Việt chỉ mang một trong số sáu thanh. Từ *nghỉ* và *nghĩ* chẳng hạn, chỉ khác nhau ở một dấu hỏi hay ngã mà làm nên sự khác biệt về ý nghĩa của hai từ đó. So sánh hai câu dưới đây để thấy sự khác biệt giữa hai thanh hỏi và ngã làm nên sự khác biệt ý nghĩa của từ:

1a- Thôi, đừng *nghĩ* ngợi làm gì cho mệt xác!

1b- Thôi chứ, đã hết giờ *nghỉ* mệt rồi!

Cho nên lầm lẫn dấu hỏi ngã trong những trường hợp như thế sẽ thay đổi hẳn ý nghĩa của từ trong một câu. Phân biệt dấu hỏi và ngã là một việc tương đối dễ dàng đối với người nói giọng bắc, nhưng lại là một việc cần thiết cho những ai nói giọng trung và nam - nghĩa là người phát âm giọng tiếng Việt từ phía nam Thanh Hoá vào trong vùng tây nam bộ. Đối với những người "đàng trong" này, nắm một số những quy tắc hoạt động của thanh *hỏi* và thanh *ngã* thì sẽ giúp giải quyết gần như tận gốc những lỗi về dấu *hỏi - ngã*.

Trong bài này chúng tôi cố gắng hệ thống hoá lại những nét chính của chính tả dấu hỏi ngã trong tiếng Việt. Vì việc phân biệt hỏi ngã có khác nhau giữa hai loại từ vựng trong tiếng Việt, chúng tôi sẽ chia bài thành hai phần chính: trước hết là phân biệt hai nhóm từ vựng trong tiếng Việt, sau đó mới tìm hiểu cách phân biệt hỏi-ngã trong từng nhóm loại từ vựng này.

Nhận biết một từ tiếng Việt

Chúng ta biết rằng từ vựng tiếng Việt là tập hợp từ những nguồn khác nhau: nguồn thứ nhất là những từ ngữ rất lâu đời của cộng đồng ngôn ngữ Việt cổ thuộc họ ngôn ngữ Nam Á; nguồn thứ hai là những từ ngữ vay mượn từ một ngôn ngữ khác, hoặc là từ tiếng Hán (tức là tiếng Hoa nói vào đời Hán), hoặc là từ một ngôn ngữ phương tây gần đây (1). Như vậy thì một *từ* tiếng Việt có thể là một từ "thuần Việt" (hay có khi còn gọi là tiếng nôm), cũng có thể là một từ Hán Việt, hoặc là một từ mới vay mượn từ một ngôn ngữ khác. Mỗi loại *từ* trên có những nét tính cách khác nhau về thanh. Nhận biết được một từ là thuộc nhóm từ nôm hoặc từ Hán Việt sẽ giúp giải quyết được một số khá nhiều những trường hợp cần phân biệt dấu hỏi ngã. Nhưng làm thế nào để phân biệt được đâu là một từ thuần Việt và đâu là một từ Hán Việt hoặc một từ vay mượn?

(1) **Từ thuần Việt** trước kia thường gọi chung đây là những "tiếng nôm," nói trại từ "tiếng nam," tức là tiếng của người nước Nam - để phân biệt với tiếng nói của người phương Bắc, tức là người Hán. Đó là những từ có thể chuyển đổi thanh theo quy luật hài thanh, hoặc là những từ láy âm theo phép hoà phối ngữ âm. Chẳng hạn, từ *nở, nóng, hỏi* là những từ thuần Việt, vì chúng có thể tạo thành những từ láy âm: *nở nang, nóng nảy, hỏi han*. Một từ như *đã, chẳng, dẫu* là những từ thuần Việt, vì chúng có thể chuyển thanh điệu mà vẫn giữ nguyên ý nghĩa: *đà, chăng, dầu*.

(2) **Từ Hán Việt** là những từ đã vay mượn từ vốn từ vựng tiếng Hán từ cả gần hai nghìn

năm trước đây, khi nhà Hán bên Trung Hoa sang đô hộ xứ mình. Số từ Hán Việt đã chiếm quá nửa số vốn từ của chúng ta hiện nay. Có thể nhận biết một từ Hán Việt hay không là nhờ mấy cách như sau:

a) Nếu một chữ hay một tiếng có thể ghép với các tiếng như *nhất* (một), *hữu* (có), *vô* (không), *bất* (chẳng), thì từ ấy phải là từ Hán Việt. Vậy thì từ *nhân, ích, đạo, bình* là những tiếng Hán Việt vì chúng có thể kết hợp có ý nghĩa với bốn tiếng trên kia: *nhất nhân, hữu ích, vô đạo, bất bình.*

b) Nếu một chữ hay một tiếng có nghĩa nhưng không thể đứng một mình làm thành một từ được mà chỉ có thể làm thành một thành phần của từ mà thôi, thì đó là một chữ Hán Việt. Ví dụ: những tiếng *quốc* (nước), *gia* (nhà), *sơn* (núi), *hà* (sông), *nhất* (một), *nhị* (hai),... thường chỉ ghép chúng với một tiếng khác chứ không thể dùng riêng rẽ được. Chẳng hạn, để nói ý "hai quả núi," người Việt không thể nói *nhị núi* hoặc *hai quả sơn*; cũng thế, có thể viết là *nhất gia, sơn hà, nhị nhân*... nhưng không thể nói *một gia, núi hà, hai nhân.* Vậy thì những tiếng *quốc, gia, sơn hà, nhân, nhất, nhị* là những tiếng Hán Việt.

c) Nếu gặp một chữ hoặc một tiếng mà ta không hiểu nghĩa, nhưng ta lại biết rằng chúng có thể ghép chung với hai từ mà lại có cùng ý nghĩa, thì đó là một tiếng Hán Việt. Ví dụ: ta gặp từ *trường sinh* mà ta không biết tiếng *trường* là gì, nhưng biết là nó ghép chung với hai tiếng khác (*trường* dạ, *trường* kỉ), thì có thể đoán biết là *trường* là một tiếng Hán Việt có nghĩa là "dài"; hoặc là đọc đến mấy chữ *tác nghiệp*, ta không hiểu *tác* là gì, nhưng biết là có *sáng tác, tác giả*, thì đoán biết *tác* là một tiếng Hán Việt, có nghĩa đại khái là "làm ra cái gì đó."

d) Nếu một tiếng nào đó mặc dù quen dùng riêng rẽ trong lời nói hằng ngày, nhưng lại thấy chúng thường ghép trong ít nhất là hai từ Hán Việt, thì tiếng hoặc chữ đó là một tiếng Hán Việt. Ví dụ: tiếng *học* là một từ quen dùng. Tiếng này có thể gặp trong những từ Hán Việt như *học sinh, đại học, học vị.* Vậy thì tiếng *học* là một tiếng Hán Việt. Thí dụ khác: tiếng *chúng* có thể gặp trong các từ Hán Việt như *quần chúng, chúng sinh*..., vậy thì *chúng* cũng là một tiếng Hán Việt.

(3) **Từ vay mượn**: là những từ ngữ vay mượn từ vốn từ vựng của các ngôn ngữ khác, cụ thể là các ngôn ngữ phương tây. Từ khi giao tiếp với phương tây đến nay, tiếng Việt đã đưa vào kho từ vựng của mình những tiếng như *xà phòng, (áo) sơ mi, xi măng, (dầu) xăng, cao bồi, (trái) bom, phim, (xe) ô tô, cuốc (xe), (bà) đầm, (bánh) quy, (nhà) băng, két (bạc), (kinh) xáng*...

Những tiếng vay mượn này hoặc được phiên âm trực tiếp từ một từ ngữ phương tây (*xi măng* cement, bom bombe, *phim* filme, ô tô auto, *băng* banque), hoặc được đọc trại âm theo lối phát âm của người Việt (*xà phòng* savon, *sơ mi* chemise, *xăng* essence, *cao bồi* cow boy, *cuốc* course, *đầm* dame, *(bánh) quy* biscuit, *két* caisse, *(kinh) xáng* chaland). Những tiếng vay mượn này được cố gắng Việt hoá, cho nên cũng mang tất cả các thanh của tiếng Việt.

Dấu hỏi ngã đối với tiếng thuần Việt

Một tính cách rất nổi bật của tiếng Việt là tính cách hoà phối ngữ âm giữa hai thành phần của một từ kép mà chúng ta thường gọi là *từ láy.* Những từ có hai âm tiết láy với nhau khi một hay nhiều thành phần âm tiết của hai âm tiết đó lặp lại giống hệt âm kia (gọi là điệp âm), hoặc kết hợp với âm kia theo một trật tự nào đó. Một vài thí dụ về từ láy: *vui vẻ, xinh xắn, khô khan, đẹp đẽ*... Hiện tượng láy từ có tác dụng trước hết là sự cân đối, sự hài hoà giữa các âm của từ. So sánh hai câu dưới đây:

2a- Căn nhà này khá *rộng.*

2b- Căn nhà này khá *rộng rãi.*

Cả hai câu nói đều đúng cách nói thông thường. Nhưng khi nói *rộng rãi* như trong câu 2b thì nghe êm ái hơn, dễ nghe hơn, và do đó được chuộng hơn.

Xem thế thì hoà phối ngữ âm là sự kết hợp hài hoà giữa thành phần của một từ với một từ khác để tạo thành sự cân đối nhịp nhàng. Hoà phối ngữ âm có thể thực hiện ở cả bốn thành phần âm tiết của từ:

Láy âm đầu: *lừng lờ, lờ vờ, lụng thụng*...

Láy âm chính: *đo đỏ, gồ ghề, chúm chím, nhõng nhẽo,*...

Láy âm cuối: *mũm mĩm, hầm hập, ươn ướt*...

Láy thanh: *thênh thang, vàng vọt, lả lơi, ngả ngớn*...

Ở đây chúng ta chỉ chú ý đến sự hoà phối ngữ âm về mặt thanh điệu. Sự phân bố cân phương này được gọi là *luật hài thanh* (2). Luật hài thanh được thể hiện qua hai hiện tượng liên quan đến hoạt động của thanh điệu tiếng Việt:

1. trước hết là sự hài thanh giữa hai âm tiết của từ láy: đây là sự phân bố cân đối giữa các thanh giữa hai âm tiết của một từ kép thành từng đôi một trong mỗi nhóm dưới đây:

Nhóm thứ nhất (thanh bổng): *ngang - hỏi - sắc*

Nhóm thứ nhì (thanh trầm): *huyền - ngã - nặng*

Theo bảng trên đây, hai từ thuộc nhóm thứ nhất có thể mang một trong ba thanh:

* Ngang - hỏi: *lửng lơ, thơ thẩn, sang sảng...*

* Hỏi - sắc: *lở lói, ngả ngớn, vắng vẻ, gắng gỏi, ...*

* Ngang - sắc: *diêm dúa, nghe ngóng, mang máng, líu lo, thối tha...*

Ba thanh thuộc nhóm thứ nhì được phân bố kết hợp như sau:

Huyền - ngã: *ầm ĩ, lờ lững, vòi vĩnh, ờm ờ, thẫn thờ,...*

Ngã - nặng: *kĩu kịt, nũng nịu, nhão nhoẹt, hợm hĩnh, đẹp đẽ...*

Huyền - nặng: *mờ mịt, vàng vọt, lặng lờ, mặn mà...*

2. ngoài ra, luật hài thanh còn thể hiện cả trong hiện tượng chuyển thanh điệu của một số từ. Tiếng Việt có nhiều từ biến đổi thanh mà vẫn không đổi ý nghĩa sang một từ khác. Hiện tượng chuyển đổi thanh trong tiếng Việt cũng theo phép hài thanh, nghĩa là các từ chuyển thanh theo hai nhóm mà Lê Ngọc Trụ (1959) tóm lại thành hai mô hình mà ông gọi là *tan (tán (tản* và *lãi (lời (lợi*. Phép chuyển thanh này như sau:

* Đổi thanh theo mô hình **tan (tán (tản** (nhóm ngang (hỏi (sắc). Dưới đây là một số trường hợp thường gặp:

chăng (chẳng - lén (lẻn - rảy (rưới
chưa (chửa - lỏm (lóm - túa (tủa / toả
không (hổng - thoáng (thoảng - há miệng (hả miệng
phản (ván - ham (hám - nói hở (nói hớ
tan (tản - bấu (bâu - vểnh mặt (vênh mặt

* Đổi thanh theo mô hình **lãi (lời (lợi** (nhóm huyền (ngã (nặng). Dưới đây là một số trường hợp thường gặp:

đã (đà, ngỡ (ngờ, chậm rãi (chẩm rãi
lời (lợi, cội (cối, ướt đẫm (ướt đầm
dẫu (dầu, còi (cối, đen sậm (đen sẫm
cũng (cùng, đỗ (đậu, xõa tóc (xoà tóc
(sông) Nhị ((sông) Nhĩ, thõng (thòng, ăn ruỗng (ăn ruồng

3. Ngoài ra, có một số từ Hán Việt và tiếng thuần Việt dường như có liên quan, gần gũi với nhau (3). Những trường hợp vay mượn qua lại như thế cũng tuân theo phép hài thanh của tiếng Việt, nghĩa là cũng theo một trong hai mô hình *tan (tán (tản* và *lãi (lời (lợi*. Dưới đây là một vài thí dụ về sự giao tiếp ngôn ngữ như thế:

huyền (ngã (nặng, ngang (hỏi (sắc
cưỡng (gượng, phóng (phỏng
vụ (mùa, thiểu (thiếu trữ (giữ thố (thỏ
đãi (đợi, xả (xả

Biết được tính cách của luật hài thanh thì chúng ta có thể nêu lên thành luật gọi là *"luật hỏi-ngã của các tiếng nôm"* như sau:

Luật 1: khi hai tiếng có thể láy được với nhau thì hễ một tiếng mang dấu *ngang* (không dấu) hoặc dấu *sắc* thì tiếng kia phải mang dấu *hỏi;* ngược lại, hễ một tiếng mang dấu *huyền* hoặc dấu *nặng* thì tiếng kia phải mang dấu *ngã.*

Luật 2: một từ có thể chuyển thanh điệu sang *ngang* hoặc *sắc* thì chắc chắn là mang dấu *hỏi* (theo mẫu *tan (tán (tản*); ngược lại, một tiếng có thể chuyển sang thanh *huyền* hoặc thanh *nặng* thì chắc chắn là có dấu *ngã* (theo mẫu lời (lãi (lợi).

Hai luật hỏi ngã này có thể giúp giải quyết được một số khá lớn các trường hợp mà người viết đang còn phân vân không biết nên bỏ dấu hỏi hay dấu ngã. Chẳng hạn, khi phải viết câu dưới đây, người nói giọng đàng trong có thể phân vân không biết bỏ dấu hỏi ngã thế nào:

3a- Chị *mơ* gói thịt *mơ* ra rồi ngao ngán *thơ* dài.

Có thể dùng phép hài thanh (*ngang hỏi sắc-huyền ngã nặng*) để tìm ra được rằng: tiếng Việt có nói *mở mang* (làm cho rộng ra) theo luật ngang-hỏi-sắc, và có *mỡ màng* (có nhiều chất dầu, mỡ) theo luật huyền-ngã-nặng; lại cũng có *thở than* (than vãn chuyện gì) mà không có **thở* (viết với dấu ngã). Vậy câu 3a bỏ dấu hỏi ngã như sau:

3b- Chị *mở* gói thịt *mỡ* ra rồi ngao ngán *thở* dài.

Một thí dụ khác là khi viết câu dưới đây:

4a- Đứa bé *đa* ăn no rồi mà *vân* chưa chịu đi *ngủ.*

Chúng ta biết là từ *đã* ở đây phải bỏ dấu ngã vì cũng có thể nói *đà* mà câu vẫn không đổi nghĩa. Từ *vẫn* mang dấu ngã vì phó từ này không có thể nhầm lẫn với từ *vẩn* - có nghĩa là chất cặn bẩn, hoặc từ *vẩn vơ* (có nghĩa là tâm trạng không dứt khoát) theo luật ngang-hỏi-sắc. Từ *ngủ* ở cuối câu thì chỉ có thể

lấy thành *ngủ nghê* theo luật ngang-hỏi-sắc, nên phải mang dấu hỏi. Vậy thì câu 4a được viết hoàn chỉnh như sau:

4b- Đứa bé *đã* ăn no rồi mà *vẫn* chưa chịu đi *ngủ*.

4. Ngoài ra, cũng nên biết thêm là người Việt nhất là người miền Nam- hay nói gộp các tiếng hai âm tiết thành một trong những trường hợp sau đây: phải không *phỏng*, bà ấy *bả*, ở bên ngoài ấy *ở ngoải*, hôm ấy *hổm*, năm ấy *nẳm*, hồi ấy *hổi*... (4). Tất cả những tiếng nói gộp trên đây đều mang dấu hỏi. Vậy thì có luật 3 như sau:

Luật 3: Các tiếng nói gộp âm đều mang dấu hỏi.

5. Trong kho từ ngữ tiếng Việt hiện đại còn có một nhóm nhỏ những từ ngữ nước ngoài nhưng đã được chuyển sang giọng đọc tiếng Việt. Các tiếng vay mượn thường được phiên chuyển sang thanh hỏi: *moả* (moi), *xừ luỷ* (lui), *đi rỏn* (ronde), *sở cẩm* (commissaire de police), *làm cỏ vê* (corvée). Vậy có thể nêu thành luật cho loại từ ngữ này như sau:

Luật 4: các tiếng vay mượn từ tiếng nước ngoài và đã chuyển sang giọng tiếng Việt, thì thường viết với dấu hỏi.

Dấu hỏi ngã của từ Hán Việt

Như đã nói ở trên, nhận biết được một từ Hán Việt sẽ có lợi rất lớn là phân biệt được một phần khá lớn những từ mang dấu hỏi ngã thuộc nhóm từ Hán Việt. Giở từ điển Hán Việt, ta có thể thấy là:

1. Những từ Hán Việt bắt đầu bằng các phụ âm **d, l, m, n. nh, ng, v** thường viết dấu ngã (5). Có khoảng 180 từ Hán Việt mang dấu ngã. Ví dụ:

Phụ âm **d**: *dã, dĩ, dũ, dữ.*
Phụ âm **l**: *lão, lễ, lỗ, lữ*
Phụ âm **m**: *mão, mãnh, mẫn, mỗ*
Phụ âm **n**: *não, nễ, nỗ, nữ*
Phụ âm **ng**: *ngã, ngỗ, ngũ, ngữ*
Phụ âm **nh**: *nhã, nhĩ, nhũ, nhữ*
Phụ âm **v**: *vẫn, vĩ, viễn, vũ*

2. Ngoài những trường hợp kể trên, các từ Hán Việt khác bắt đầu bằng các phụ âm **khác** đều viết dấu hỏi, trừ những lệ ngoại sẽ nói ở dưới. Ví dụ về các từ Hán Việt có dấu hỏi:

Nguyên âm: *ả, ảo, ẩn, yểu, uẩn, uỷ.*
Phụ âm **b**: *bảo, bỉ, bỉnh, bổng, bửu*
Phụ âm **c/k/q**: *cảo, cổ, củ, kỉ, kiểu, quả, quản, quảng, quỷ*
Phụ âm đầu **ch**: *chỉ, chiểu, chuẩn, chủng, chử*
Phụ âm đầu **đ**: *đả, đẩu, để, điểu, đổ*
Phụ âm **gi**: *giả, giảo,*
Phụ âm **h**: *hảo, hỉ, hổ, hủ*
Phụ âm đầu **kh**: *khả, khẩu, khổ, khởi*
Phụ âm **ph**: *phả, phỉ, phổ*
Phụ âm **s**: *sỉ, sổ, sửu*
Phụ âm **t**: *tả, tảo, tể, tỉ, tổ, tử*
Phụ âm **th**: *thải, thổ, thủ, thưởng*
Phụ âm **tr**: *trảo, trảm, triển, trưởng*
Phụ âm **x**: *xa, xả, xảo, xỉ, xử*

Nhóm thứ nhì này có khoảng 30 trường hợp ngoại lệ, cần nhớ thuộc lòng. Dưới đây là bảng liệt kê các từ đó với những thí dụ về từ ghép đặt trong ngoặc:

Phụ âm b: **bãi** *(bãi thị, bãi nại),* **bĩ** *(bĩ vận),*
Phụ âm c: **cữu** *(linh cữu),* **cưỡng** *(cưỡng đoạt)*
Phụ âm đ: **đãng** *(khoáng đãng),* **đễ** *(hiếu đễ),* **đỗ** *(Đỗ thị)*
Phụ âm h: **hãm** *(hãm hại),* **hãn** *(hãn hữu),* **hoãn** *(hoãn binh),* **hĩ** *(một tiếng đệm),* **hỗ** *(hỗ trợ),* **hỗn** *(hỗn hợp, hỗn mang),* **huyễn** *(huyễn mộng),* **hữu** *(bằng hữu)*
Phụ âm k: **kĩ** *(ca kĩ, kĩ thuật, kĩ xảo)*
Phụ âm ph: **phẫn** *(phẫn nộ),* **phẫu** *(giải phẫu)*
Phụ âm q: **quẫn** *(quẫn bách),* **quỹ** *(quỹ đạo, quỹ tích, thủ quỹ)*
Phụ âm s: **sĩ** *(bác sĩ, viện sĩ),* **suyễn** *(suyễn tức, suyễn yết)*
Phụ âm t: **tiễn** *(tiễn biệt),* **tĩnh** *(tĩnh mịch),* **tuẫn** *(tuẫn tiết)*
Phụ âm th: **thuẫn** *(mâu thuẫn),* **thũng** *(phù thũng)*
Phụ âm tr: **trãi, trẫm, trĩ** *(ấu trĩ),* **trữ** *(dự trữ, lưu trữ, tích trữ)*
Phụ âm x: **xã** *(xã hội, xã tắc)*

Từ hai điểm trên, chúng ta có thể nêu lên hai luật hỏi ngã dành cho tiếng Hán Việt như sau:

Luật 5: các từ Hán Việt có phụ âm đầu *d, l, m, n, nh, ng, v* đều có dấu ngã.

Luật 6: các từ Hán Việt khác có thanh hỏi. Trừ khoảng 30 trường hợp ngoại lệ.

Tóm lại, viết dấu hỏi ngã tiếng Việt cho dù phức tạp nhưng vẫn có những lề luật từ tự thân tiếng Việt. Những mẹo luật mà Nguyễn Đình và Lê Ngọc Trụ đã phát hiện và được nhắc đến ở đây chẳng qua chỉ là những phát hiện những quy luật ẩn dấu trong hoạt động ngôn ngữ mà thôi. Để có thể áp dụng sáu "luật hỏi ngã" trên đây, cần đến công phu thực tập đều đặn trong một thời gian đủ để chiêm

nghiệm những quy luật được thể hiện qua thực tiễn ra sao.

Trong tình hình dạy và học tiếng Việt tại hải ngoại hiện nay, việc phân biệt dấu hỏi và dấu ngã là một công việc khó khăn. Nhưng đây cũng lại là một việc cần thiết vô cùng, vì đó là một trong những công việc cần thiết để nâng cao trình độ hiểu biết về chuẩn mực ngôn ngữ của tiếng Việt. Có thể là chuyện viển vông khi nói đến chuẩn mực ngôn ngữ ở hải ngoại lúc này, nhưng chính là nhu cầu chính đáng của lớp trẻ ngày càng đòi hỏi phải nhìn lại cho rõ đâu là chuẩn mực ngôn ngữ. Đó chính là mục đích của chính tả vậy.●

Tài liệu

Lê Ngọc Trụ (1959), *Chánh Tả Việt Ngữ*. (bản in kì 2). Sài Gòn: nxb. Trường Thi

Nguyễn Đình (1939) "*Luật Ngã Hỏi*", tạp chí Tao Đàn (Hà Nội), bộ mới, số 8, ngày 16.6.1939

Phan Ngọc (1982) *Chữa Lỗi Chính Tả Cho Học Sinh*. Hà Nội: nxb. Giáo Dục

Chú thích

1. Nói về hiện tượng vay mượn thì cần chú ý riêng đến vốn từ ngữ mượn từ tiếng Trung Hoa do người Hán đem sang từ khi họ đô hộ nước Việt cổ. Trong một thời gian dài cả nghìn năm, tiếng Hán đã trở thành một thứ ngôn ngữ chính thức trong xã hội Việt. Đến khi nước ta giành lại nền độc lập (năm 939) thì tiếng Hán vẫn là thứ văn tự chính thức trong hành chính và giáo dục. Vì thế mà chúng ta gọi kho từ ngữ Hán dùng tại nước mình là *tiếng Hán Việt*. Chỗ đứng của tiếng Hán Việt trong kho từ ngữ tiếng Việt hiện đại rất là đặc biệt, khác hẳn với một số nhỏ những từ ngữ mượn từ các ngôn ngữ phương tây về sau: đã từ lâu đời rồi, ngôn ngữ văn hoá của người Việt không thể thiếu vốn từ Hán Việt. Chỗ đứng của tiếng Hán Việt trong tiếng Việt trong chừng mực nào đó tương tự như tiếng Latin trong các ngôn ngữ Ấn-Âu vậy. Trước đây, nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam toan loại bỏ chỗ đứng của từ Hán Việt. Nay thì họ lại rơi vào một quá khích khác, là dùng nhiều từ Hán Việt đến mức làm cho tiếng Việt nhiều khi tối tăm, nặng nề. (Báo *Nhân Dân* có thừa những dẫn chứng cụ thể về chuyện này). Chúng ta không sùng bái nhưng cũng không thể có thái độ kì thị đối với tiếng Hán Việt. Vả chăng, số vốn từ vựng Hán Việt trong tiếng Việt hiện đại chiếm đến khoảng 60% từ ngữ, thì thái độ chính đáng của bất cứ ai quý trọng tiếng Việt là cần phải học hỏi và trau giồi vốn từ Hán Việt.

2. Luật này đã được một nhà giáo trẻ tên là Nguyễn Đình- tìm ra đầu tiên. Ông gửi đăng trên tạp chí *Tao Đàn* số 8 bộ mới (1939) một bài báo mà ông gọi là *luật ngã hỏi*. Về sau ông Lê Ngọc Trụ đã phát triển thêm và gọi đó là *luật bổng trầm* (1943). Cũng Lê Ngọc Trụ đã khai triển thêm về những lề lối chuyển thanh âm của tiếng Hán Việt, và hoàn chỉnh các mẹo luật chính tả tiếng Việt trong tập *Chánh tả Việt ngữ* (1952).

3. Các nhà Hán ngữ học (như Vương Lực) đã dò tìm trong một số từ ngữ Việt rất gần với giọng phát âm của người Hán, và đã đưa ra giả thuyết là tiếng Hán cổ có thể cũng vay mượn một số từ của Giao Châu trong thời kì người Hán sang đô hộ.

4. Gs. Lê Ngọc Trụ cho rằng có một ngoại lệ là *hỗi* (dấu ngã), vì ông cho rằng đó là nói gộp âm của "hồi nãy đến giờ." Các bạn miền Nam của chúng tôi thì lại cho rằng khi nói *hỏi*, họ nghĩ đến "hồi đó tới giờ." Vậy thì có một biệt lệ ở đây hay chăng?

5. Để cho dễ nhớ, có thể học thuộc lòng câu sau đây: "**mình nên nhớ là viết dấu ngã**," trong đó các âm đầu đều mang phụ âm của các từ Hán Việt có dấu ngã.

MuaSáchNào? **www.tuluc.com**

Nhà Sách TỰ LỰC

Trung Tâm Sách Báo, CD Ca Nhạc, Video

trên Internet

e-mail: buybooks@tuluc.com

Tiệm sách Việt Nam đầu tiên bán trên Internet. Hơn 6,000 văn hóa phẩm chọn lọc. Áp dụng kỹ thuật tối tân nhất, dễ sử ụng, an toàn, cẩn mật. Bảo đảm không thất lạc.

Điện thoại: (714) 531-5290. Địa chỉ: 14318 Brookhurst St., Garden Grove, CA

THUỞ ẤY... VEN SÔNG...

HẠ A

"Bao năm lưu lạc quê người
Men say dở khóc dở cười nhớ quê"
(Hoàng Giác)

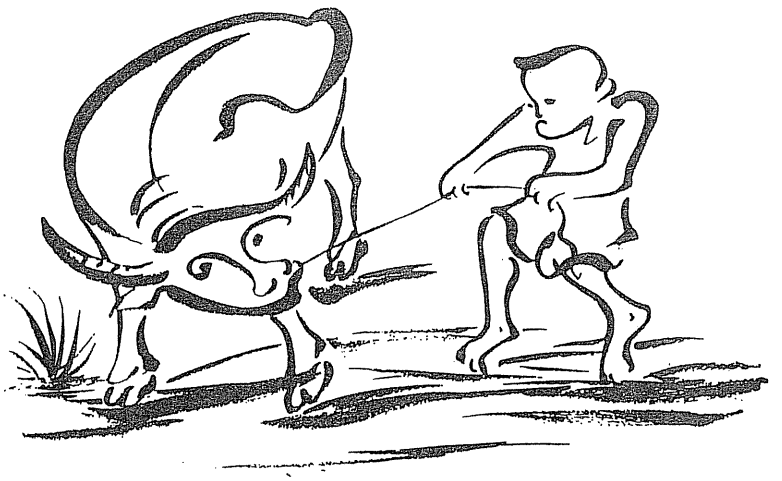

... Có một làng nhỏ. Tôi sinh ra lớn lên ở Hà Nội, vẫn tự hào mình nói giọng Hà Nội chuẩn. Tuy thế, từ thâm sâu tâm linh, tôi biết rằng một phần tôi thuộc về làng. Lứa tuổi trên dưới ba mươi chúng tôi ở miền Bắc Việt Nam ai cũng có một miền quê như thế trong ký ức và đó thường là vùng chúng tôi về sơ tán thời chiến tranh.

Riêng với tôi, làng chính là quê tôi. Quê nội. Làng có cái tên lạ: Ba Thá. Dân làng độ hai mươi năm về trước thường gọi mình là "kẻ Thá." "Thá" là gì? Sau này một thầy giáo già dạy văn giảng nghĩa cho tôi: Thá là sông. Ba Thá là ba sông. Tôi tin thầy và ngầm kiêu hãnh về cái tên đầy phong vị của làng.

Làng tôi đúng là nằm trên ngã ba sông. Phần thượng sông Đáy ngược về Thác Bà (Hòa Bình); phần hạ chảy trôi, xuôi qua Bến Đục (Chùa Hương), còn nhánh kia chính là một khúc sông Nhuệ - cái bao lưng ôm lấy bốn làng Vân: Vân Nội, Vân Ngoại, Vân Xá, Vân Đồng. Ai là người quê tôi tha hương còn nhớ mấy làng Vân ấy? Bây giờ, người ta gọi chúng bằng những cái tên đầy tính thời sự chính trị, kêu choang choang. Còn tôi, tôi vẫn gọi những làng nhỏ ấy bằng mấy cái tên xưa, vừa lành vừa chân chỉ.

Xóm bà tôi ở xưa gọi là xóm Gianh, nằm ngay mom sông đoạn xuôi về mạng Tế Tiêu, vòng về Bến Đục - Chùa Hương. Bố tôi bảo xóm ngày xưa nghèo, nhiều nhà phải vào rừng cắt gianh bán, kiếm ăn lần hồi, thành tên thế. Tôi nghe nửa tin nửa ngờ. (Bố tôi cũng sinh ra và lớn lên ở Hà Nội). Xóm nghèo mà lại tập trung nhiều nhà vai vế nhất trong làng, trong tổng, trong đó có một ông (ông họ tôi) từng là nghị viên Bắc Kỳ thời trước 1945.

Không biết có phải vì thiên vị không nhưng tôi thấy xóm tôi đẹp nhất làng, và lịch sử xóm tôi chính là lịch sử làng tôi. Thời chín năm, làng tôi là vùng trắng. Pháp xây cầu chiến lược ngay ngã ba sông đầu xóm, xây lô cốt cũng ở đó, bắn người cũng ở đó. Nhưng sau tất cả những năm tháng ấy, làng tôi vẫn nguyên vẻ bình yên. Đến cả cái lô cốt, tai ương xưa với

bao nhiêu lỗ châu mai, cũng không còn vẻ dữ dằn vì đã được phủ chìm dưới tàn một cây nhãn đại.

Ngày ấy, tôi có thể ngồi trên dốc bến gần hết những đêm có trăng, chỉ để nhìn, để nghe thôi. Trăng say đắm dào trên sóng. Thỉnh thoảng một quả sung chín rơi nghe tõm một tiếng. Cũng có những đêm, máy bay ra đánh phá Hà Nội nhiều (đêm đẹp trời thời chiến tranh thường là đêm dữ), bà tôi cấm tôi ngồi ngoài dốc bến lâu. Những đêm như thế, không hiểu sao tôi thường không ngủ được. Bà bảo: "Con bé này khó ngủ như bà già. Mà có mấy tuổi đâu. Rồi ra khổ!"

Ngày đó, vào những buổi sáng xuân đã tan hết mù, tôi hay đứng bên này bờ ngóng sang bên đất Ứng Hòa. Bên ấy là cánh bãi, đường xuống sông không xây bậc thành bến như xóm tôi. Thỉnh thoảng lại có một thiếu phụ nhà quê ra gánh nước. nhân thể vò quần áo. Tôi thích nghe tiếng vỗ quần áo lan trên sông, thích nhìn bắp vế của những người đàn bà nhà quê, thường rất trắng, khác hẳn phần bụng chân đen đen pha vàng mờ vì "màu" đất.

Hồi ấy, trẻ trâu thường gọi tôi là "con Hà Nội lẩn thẩn," vì cắt tóc ngắn, mặc quần "phăng," vì thích theo chúng đi nhặt phân bón ruộng, thích đi mót khoai, đi hôi cá (dù sợ đỉa), thích vị châu chấu rang nước cà, và vì có thể ngồi hết buổi dưới một gốc phi lao ven làng, nghe tiếng gió vi vu, nhìn một con ốc nổi lên bám dưới chân bèo để rồi không bắt.

Trong ký ức của tôi, Xóm Gianh (mà người ta đánh số thành Xóm 7) là thế, và còn là những gì tuổi thơ tôi đã biết qua bà. Bà tôi - một bà già nhà quê đích thực - răng đen, tóc vấn, mặc yếm và quần chân què, nhưng lại sống qua thời tuổi trẻ ở thành phố nên tính rất sạch. Bà ở góa sớm. Trong hồi niệm của bà thuở sinh thời, người chồng đã cho bà bốn mặt con hiện lên vừa làm bà hãnh diện, vừa làm bà đau đớn. Bà kể gặp năm đói, ông tôi đã tậu thuyền xuôi tận Ninh Bình buôn muối, kéo theo bao nhiêu người, nhờ vậy mà thoát cảnh chết đói. Ông tôi hy sinh trong chiến dịch Thu Đông 1947, nằm lại ở một góc rừng Việt Bắc nào cả nhà không biết. Cả nhà giờ cứ lấy ngày báo tử giỗ ông. "Nhưng hồi cải cách, mấy thằng Đội lại quy ông mầy là Việt gian, thật là thậm khổ. Có mấy cái bát sứ tàu ông mang về từ hồi đi lính sang Hương Cảng, chạy loạn bà cũng cố giữ. Chỉ có thế mà nó quy là phú nông. Thật thậm khổ." Bà tôi thường dùng hai từ "thậm khổ" đó khi nhắc về thuở cơ cực ấy. Khi lĩnh thóc cuối vụ, bà cũng hay nói thế. Bà than thở: "Đời thuở nhà ai, đi làm đồng lại theo kẻng lại ăn điểm. Cha con mẹ chúng nó, chia chác thế nào mà ngày công 10 điểm được có hơn cân thóc ướt. Thằng bố, thằng chú mày đi thoát ly cứ sợ bị ảnh hưởng: bắt bà vào hợp tác. Nhưng như một mình bà thì bà thèm vào. Qua cái bận ông mày bị nó bảo là Việt gian bà chẳng sợ gì nữa đâu."

Tôi nghe, đâu có hiểu gì. Nhưng có điều này thì tôi hiểu. Bà kể năm đói, chợ hay vỡ. Đầu xóm tôi xưa xưa có chợ hàng huyện to lắm, sau này chợ chuyển sang họp cách bãi bên kia sông. Dân từ Tế Tiêu, Kinh Đào lên; từ Vác vào; từ Lưu sang; từ Khảm Lâm xuống, cả người Mường từ Miếu Môn ra. Chợ to, vui lắm, nhất là phiên áp Tết, cầu tắc, nhiều người lại quay ra chở đò ngang.

Tôi đã chứng kiến cảnh một phiên chợ như thế vỡ. Năm 1972 Mỹ đánh mạnh ra Bắc. Máy bay oanh tạc Hà Nội, dọc đường và thả nốt một trái bom mồ côi. Chỉ non trưa chợ đã tan cả. Khắp cánh bãi là hàng họ, lợn trong rọ kêu ầm ĩ, tre nứa lỏng chỏng. Mặt người xuôi, người Mường đều ngơ ngác, khiếp hãi như nhau. Tôi, mười tuổi, đứng bên này sông khóc mãi. Phía bên sông là Hà Nội, là bố mẹ tôi, là chị tôi, là tất cả của tôi. Từ ngày đó, tôi âm thầm hơn. Nếu những năm tháng đó là tuổi thơ của chúng tôi thì chúng tôi, với nỗi sợ lớn lao kia, chúng tôi đã không thể nào ngây thơ tiếp. Trên dải đất nghèo khó hình chữ S của chúng ta, mấy mươi năm qua có ai là không khổ.

Sau Hiệp định Paris, chúng tôi trở về Hà Nội, về với phố Lò Đúc của tôi. Phố tôi, ngày chiến tranh vẫn rợp bóng cò, và vì thế được gọi là "bang cò ị." Nhưng từ lâu rồi đàn cò đã ra đi. Đất không lành nữa!

Tôi cũng như đàn cò kia bỏ phố, từ lâu rồi thôi không trở về quê. Bà tôi đã mất. Hàng năm thường chỉ bố tôi và chị tôi về thắp hương cho bà.

Nhưng rồi tôi cũng trở về, trước khi theo chồng bỏ xứ. Rốt cuộc là chúng tôi đã lạc đường. Con đường trong hồi ức của tôi giờ còn đâu. Ngày trước, vượt qua bãi vải đầu làng Khảm Lâm, phải qua một thôi đê mới tới làng tôi. Thôi đê ấy đẹp lắm, một bên là cánh đồng chạy hút vào chân núi, một bên là dòng sông sâu âm thầm trôi. Giờ, người ta làm nhà suốt hai bên dải đê, chẳng có một cái mốc nào cho

tôi nhận hướng.

Làng tôi đã đổi, đã không chút nào vẻ yên bình mà ngay trong những năm chiến tranh vẫn không hề mất. Hàng phi lao cao vút, thẳng tắp dọc đường liên huyện giờ trơ gốc. Hỏi, người ta kể là dân công chặt làm củi mấy năm trước.

Chúng tôi tìm về nhà cô tôi nghỉ. Ngôi nhà hai tầng xây không thiết kế, trồi lên trên những cây rơm trong xóm, chẳng ăn nhập gì với lối ngõ lầy lụa, bẩn thỉu. Hồi còn bé, ở làng, đường làng xây bằng gạch lát nghiêng từ xửa xưa vẫn còn nguyên vẹn. Hai mươi năm qua, chẳng ai, chẳng cấp nào để mắt, những hàng gạch ấy lỡ hết trơ ra những vũng nước thải chảy từ chuồng lợn các nhà lẫn với rơm rạ từ đời nào.

Hà Nội, với tôi, đôi lúc chật chội như cái lồng gà. Làng - lúc ấy, với tôi - hệt một cái chuồng. Nhiều người đã góp phần xây làng thành "chuồng" như thế. Trong đó có ông bác họ tôi. Ông đi bộ đội về, tham gia chính quyền, ngồi lên chức Chủ tịch xã. Và đó là ông chủ tịch "ngẩu" nhất làng tôi kể từ mấy chục năm qua. Thời ông còn tại vị, ở làng, nhà ai có việc, từ làm ma mẹ đến cưới con, mổ thịt con lợn... đều phải qua ông. Cũng chẳng cần lên Ủy ban xin phép, chỉ cần mang cái chân giò, rẻo thịt thăn treo vào bếp nhà ông. Ông không hỏi, không cần biết của ai, nhưng ai không làm thì có thể giữa phiên chợ bị dân quân áp giải cùng cả phản thịt lợn về Ủy ban hạch giấy. Giờ thì ông chánh hiện đại ấy đổ rồi. Nhưng ông cũng kịp lo cho mỗi em, mỗi con một cái nhà và một khoảnh vườn. Còn ông, nhà cũ được biến thành nơi nhốt trâu bò và ngỗng; ông chuyển ra ở rẻo đất sát đê. Đấy vốn là đất vườn, cũng của một ông bác họ tôi bỏ đi Nam từ hồi 54. Bà vợ ông, nay ra Hà Nội ở với con, khi kể lại chuyện bị ép bán đất, nước mắt cứ ứa ra.

Đêm ở làng, trong ánh đèn dầu lòe nhòe giữa ngôi nhà kệch cỡm mà cậu em họ tôi đã xây lên bằng tiền buôn gỗ và chơi hụi, tôi được nghe nhiều chuyện về làng. Hàng xóm của bà cô tôi, biết tôi từ hồi bé tí về sơ tán, đều sang chơi. Họ đi chân đất, ngồi phệt ngay xuống sàn nhà lát đá hoa - của hiếm ở làng. Trên bậu cửa là một người đàn bà không thể đoán được tuổi nhìn tôi cười - Lệ. Lệ là bạn học của tôi ở trường làng hồi sơ tán. Lệ học giỏi, rất giỏi, nhất là toán; đã từng đoạt giải thi học sinh giỏi toán toàn miền Bắc niên khóa 1971-1972. Nhưng Lệ không được học tiếp lên cao. Bố Lệ - vốn là một ông đội khố đỏ thời kháng chiến, có cái tội duy nhất là leo lên được chức đội ấy cấm Lệ: "Học làm gì, biết lắm càng thêm khổ." Ông biết là ông nói phải. Anh trai Lệ cũng học rất giỏi, năm tôi học cùng Lệ đã là sinh viên năm cuối của Đại học Sư phạm. Chiến tranh đánh phá lan rộng trên toàn miền Bắc, dấu đen trong lý lịch là nguyên cớ đơn giản không thể bác bỏ đã buộc anh phải thôi học về làng. Anh thành người nát rượu - gánh nặng của người vợ quê tần tảo; nỗi tủi hổ của người cha trót đi lính cho phía bên kia, sự kinh hoàng của mấy đứa em.

Bố Lệ bắt Lệ lấy chồng. Tay chồng Lệ kém chúng tôi hai tuổi và bốn lớp. Sau cậu ta đi học lái xe, bỏ lửng Lệ, mãi sau Lệ mới ly hôn được. Người chồng thứ hai của Lệ người tít xóm trong, xóm không bị đánh số, vẫn được

CỔ NGƯ

BIỂN TRĂNG

Hồn ta gẫy giữa đêm trăng mười bốn
Đổ ầm theo triền đá ngút hơi sương,
Biển hoang đường
Cất tiếng nhân ngư
Níu tình lãng tử...

Cứ như nghìn năm cuộn trong ngực sóng
Phập phồng,
Phập phồng thở nhịp hôn mê,
Biển xuống lên,
Bãi cát dài tê liệt
Nở rộng hết châu thân
Mê mẩn đến ê chề...

Tựa những dấu chân trần vụng về trên cát ẩm
Mùa xuân đời trốn trong vỏ ốc
Mất tăm hơi.
Ta nhớ quá, người ơi, trời đất cũ,
Ngửng vội đầu
Gào rú với trăng hoang.

Fos-Sur-Mer 19.08.94

gọi bằng cái tên dân giã "Chân Chim," ở mãi trong đồng. Vợ chồng nghèo, rổ rá cạp lại, anh liều theo bạn đi đào đá đỏ, chết vì sập hầm. May Lệ còn có thằng con trai, mới hai tuổi khi bố chết. Chẳng biết nghe ai, Lệ biết tôi về, te tái ra thăm. Giờ Lệ ngồi kia. Lệ cam phận đến thế rồi ư, đến độ không còn cả khả năng mặc cảm. Người đàn bà cười, còn tôi muốn khóc.

Chuyện lào phào một hồi rồi tụ về một đề tài nóng bỏng: Hụi. Chơi hụi giống như một dịch bệnh lan trong làng tôi cả năm trước, đốn gục cánh trẻ. Người ta đóng tiền vào - những đồng tiền mồ hôi nước mắt - và hy vọng ăn lãi ngày 20%, rồi 30%. Rồi vỡ mộng. Anh em trong họ hầm hè toan giết nhau vì tiền, vác cả xà beng đào móng cổng nhà nhau. Cậu em tôi cũng bị cuốn vào cơn lốc đó. Đang giàu nhất nhì làng nhờ buôn gỗ và đóng đồ mộc, vụt cái cậu ta trở thành con nợ của gần hết làng vì vỡ hụi. Có lần cậu ta uất đến độ đi mua cả lựu đạn tính chuyện thanh toán kẻ giật hụi mình. Giờ cậu ta ngồi đó, lòm khòm hệt một ông già; cái còn lại chỉ là ngôi nhà hai tầng trống huyếch xây trên đất của cô tôi nên người ta không thể đòi.

Chao ôi là quê tôi. Tôi nhớ ngày xưa bà cháu bìu ríu cùng nhau, đi đâu xa cũng chỉ kéo tấm liếp che cửa để gà không vào bới. Còn bây giờ, ra đồng người ta cũng khóa cửa bằng một cái khóa kếch xù, và có nhà còn phải thức canh buồng chuối chín cây sát đầu hồi. Chuyện ấy tôi nghe đâu từ lâu lắm rồi. Phải! Bà tôi đã kể vậy về những năm xa xôi làng đói.

Quê tôi giờ khác hẳn. Bãi tha ma trước nằm ở rìa làng thì giờ lọt thỏm giữa làng, vì người ta làm nhà ra cả đồng. Người làng sinh sôi nảy nở nhanh không thể tưởng được; vì càng nhiều người thì càng được chia nhiều ruộng khoán (cách tính đơn giản của cả chính quyền các cấp và của cả dân làng). Có điều, đất không biết đẻ! Vì thế mà làng phình to, còn đồng thì co lại. Mộ bà tôi cô đơn giữa cánh đồng người như thế. "Khi tôi biết thương bà thì đã muộn. Bà chỉ còn là một nấm cỏ thôi." (Nguyễn Duy)

Quê tôi giờ khác lắm. Đầu cầu xưa chỉ có cửa hàng hợp tác xã bán chủ yếu là muối và dầu thắp, thỉnh thoảng cũng có vài ba bà già ra ngồi bán mớ tép vụn hoặc mươi quả ổi vườn nhà; giờ ở đó có cả quán thịt chó. Quán lúc nào cũng đông khách, chủ yếu là trai làng. Họ ăn và uống, và bàn đủ thứ chuyện, nhiều nhất là chuyện hụi và vượt biên; cứ toang toang bên mâm xương chó lổng cổng. Ông chú họ tôi là chủ một cái quán như thế. Ông bảo biết nghề là nhờ ngày xưa không ăn ở thất đức với lính, có cậu lính cũ thương Thủ trưởng nghèo mới bày cho cách nấu nướng. Đến thăm chú, tôi phải chui vào cái quán hôi mù đó. Từ đó nhìn ra đường lép nhép bùn, thấy mấy ông già co ro vác cày đánh trâu ra đồng. Ông chú tôi nhìn theo ánh mắt tôi, thở dài.

Người anh hùng của thanh niên làng hiện giờ là một ông anh họ tôi. Anh vốn là học sinh, trọ tại Hà Nội, vượt tuyến năm 1958. Sau 1975, anh phải đi học tập cải tạo 14 năm ròng, vì đâu như đã có thời đã học tâm lý ở Mỹ và làm tới Tỉnh trưởng trong chính quyền Quốc gia... Anh có về làng một lần trước ngày sang Mỹ theo diện HO. Trai làng kể về anh đầy vẻ kính phục, chẳng biết vì anh từng là ông "cốp" trong Nam hay vì anh sắp đi Mỹ. Nhưng bà cô tôi (trạc tuổi anh) thì nức nở khen mãi: "...Cái anh ấy thế mà tử tế. Cứ nghe mấy ông Ủy ban nói thì ngờ đâu anh ấy là ác ôn uống máu người không tanh. Ấy vậy mà lúc cô tới chơi anh ấy nhớ ra ngay, bảo: 'Cháu chào cô Tính. Cháu xin lỗi cô, cháu chưa biết tên em đầu nhà cô...'" (Quê tôi có lệ gọi cha mẹ bằng tên con đầu lòng).

Tôi nghe cô tôi và biết rằng đó là chuyện đĩ nhiên bởi anh là người có học, là trí thức thật sự. Nhưng cô tôi, nghe cắt nghĩa thế thì gạt phắt: "Nó thế là vì nó không khinh người; nó quý làng! Chứ ông (...) - cũng chữ đầy mồm đấy thôi, mà có phải xa làng biền biệt như nó đâu; năm nào chả đánh xe về làng dăm bận, vậy mà chẳng nhớ nổi họ hàng. Cháu không biết đấy thôi, đận vừa rồi người ta chửi ông ấy quá. Ai lại trong đám giỗ cụ Nghị (thân sinh bác tôi), ông Năm Hảo hỏi, ông (...) lại quay ra hỏi lại: 'Bác là ai nhỉ, tôi xin lỗi là không nhớ!' Cha đời! Ông Năm Hảo đứng hàng chú ông ấy đấy."

... Bây giờ thì tôi đã ở rất xa làng. Bên kia trời Châu Á có nước Việt Nam nhỏ bé của tôi, có làng tôi, nhem nhuốc trong sự khó nghèo, trong niềm vui, nỗi buồn, mong ước. Tôi nhớ Hà Nội bao mùa âm thầm heo may; tôi nhớ Sàigòn quanh năm ủ nắng; tôi nhớ làng tôi; tôi mong làng tôi ít nhất cũng trở lại được như ngày xưa ấy, với cây sung đầu bến nước, với bụi chuối bên hè, với những ruộng mía cứ xạc xào trong chiều hanh gió; và người làng tôi lại là những Kẻ Thá lành hiền, cơ chỉ, nói không rõ dấu huyền như xưa.●

CÁC HỌC GIẢ TRUNG HOA VÀ NỀN VĂN HOÁ ĐÔNG SƠN

KIỀU QUANG CHẨN

Hiện nay tại Việt Nam người ta vẫn tiếp tục đào thấy các hiện vật thuộc nền văn hoá Đông Sơn (VHĐS). Các di sản văn hoá này thường thấy nhất tại Bắc Việt, đôi khi cũng thấy ở miền Trung hoặc miền Nam Việt Nam. Trong khi đó tại hải ngoại người Việt tha hương đã có khá nhiều hiểu biết về nền VHĐS. Hầu hết người mình đã ý thức được thời kỳ lập quốc của các vua Hùng phát triển song song với nền VHĐS. Các nhà khảo cổ VN sau trên 30 năm khai quật liên tiếp đã có thể chứng minh nền VHĐS có từ 1,000 năm trước công nguyên (BC) đến 100 năm sau CN (AD). Học giả tây phương và nhất là gần đây học giả Mỹ, sau khi nghiên cứu tại chỗ cũng như so sánh những tài liệu của VN và Trung Hoa, đã cho VHĐS muộn hơn một chút, tức 500 BC-100 AD. Các học giả Trung Hoa cuối cùng công nhận ta có nền VHĐS nhưng chịu ảnh hưởng của Tây Hán tức chỉ vào khoảng 206 BC-100 AD.

Sách Tàu xưa nhất nói về Trống Đồng là Sử Ký của Tư Mã Thiên chép vỏn vẹn như sau: năm 630 BC vua Thành Vương nhà Chu có cho Tần Mục Công một Trống đồng. Hậu Hán Thư, sách viết về thời Đông Hán, năm 25-219 BC có chép:

Sau khi dẹp được Hai Bà Trưng, Mã Viện lấy đồng đúc một cột lớn dùng làm mốc đo biên cương cực nam của đế quốc Hán thuộc vùng Cửu Chân (Thanh Hoá). Khi trở về kinh đô Lạc Dương, Viện được Hán đế thưởng rất hậu hĩnh, ban tước phẩm cao quý nhất của triều đình. Viện cũng mang về theo nhiều trống đồng, bèn lấy đúc ngựa (tên họ của Viện = mã) dâng vua, vua cho đặt ở điện Tuyên Đức.

Sách vở chỉ định rõ ràng, Mã Viện lấy trống đồng của người Lạc Việt để đúc cột đồng và ngựa. Chỉ 100 năm sau, người Tàu đã quên hẳn sự việc trên, không thể nào chấp nhận bọn Man Di có thể đúc trống đồng. Hoặc nếu có đúc được, thì cũng chỉ học lóm của người Tàu. Mặc cảm khinh thường này, không những ở thời thuộc địa 2,000 năm về trước, mà ngay cả đến tận bây giờ vẫn chưa thay đổi. Thư tịch cổ của Trung Hoa đây đó rải rác một vài chỗ nói về trống đồng. Đời Đường (618-907) có Lưu Tân trong sách Linh Biểu Lục Dị: Nhạc khí của người Man có trống đồng, hình thắt cổ bồng, một phiá có mặt tròn, đường kính khoảng 1 thước (65 cm), mặt và thân liền với nhau. *Khắp thân trống khắc hình côn trùng, cá hoa, cây cỏ, đánh vào đâu thì kêu vang mãi.*

Phạm Thành Đại đời Tống (960-1279) trong sách *Quế Hải Ngũ Hành Chí* cũng viết: Người Man Di xưa sử dụng trống đồng thường đào được ở miền đất phương Nam, tương truyền của Mã Phục Ba để lại, trông giống như một cái đôn, phiá dưới hổng, trang trí đầy hoa văn rất khéo léo tỉ mỉ, bốn góc có tượng cóc nhỏ, giống như trống da vậy.

Tưởng cũng nên nhắc lại người Hán nguyên thủy phát xuất từ lưu vực sông Hoàng Hà, sau lan rộng đến biển đông. Họ thường coi các sắc dân phía Bắc là Rợ Hung hoặc Hung Nô. Các dân tộc phiá Nam sông Dương Tử là Nam Man hay Man Di, gồm tất cả giống Bách Việt, kể cả Lạc Việt là tổ tiên người VN chúng ta.

Năm 1980, một hội nghị về Trống đồng được tổ chức tại Nam Ninh, thủ phủ tỉnh Quảng Tây. Trong những buổi hội thảo các diễn giả đã công nhận nền VHĐS, nhưng xuất

hiện muộn và phát triển song song với nền văn hoá Điền ở Vân Nam, tức khoảng 100 BC-100 AD.

Mười năm sau, cũng tại Nam Ninh 1990, một cuộc hội thảo thứ hai về Trống đồng lại

Trống sớm: vai to, bụng nhỏ, dáng oai vệ

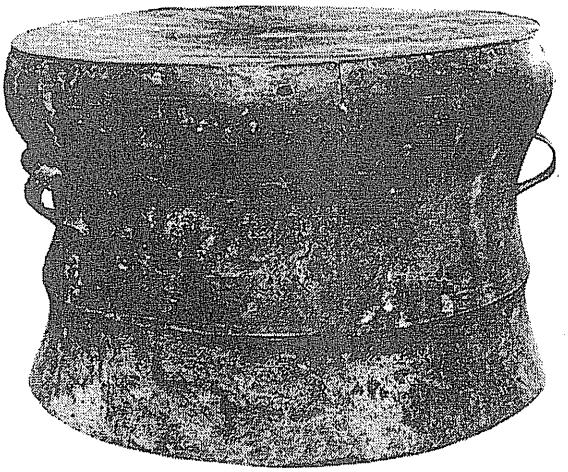

Trống muộn: vai hẹp, bụng lớn, dáng buồn nản

được tổ chức. Lần này tệ hơn nữa, diễn giả Wang Shen Rong đã cho các trống có niên đại cổ nhất của VN như Ngọc Lũ, Hoàng Hạ, Sông Đa là của người Liêu tộc ở miền Tây Nam Trung Hoa làm vào những năm cuối thời Tây Hán, tức vài năm trước CN. Điều này đi ngược lại với sự thật cũng như tất cả những công trình khảo cứu của Viện Khảo cổ VN và các học giả Tây Phương từ mấy chục năm nay. Vì người Trung Hoa nói chúng ta không biết làm trống, nếu có làm chỉ có thể trong thời Hán thuộc.

Thực ra, căn cứ theo sử học: Hán Vũ Đế sai Lỗ Bá Đức chiếm nước Nam Việt của con cháu Triệu Đà vào năm 111 BC. Nước mất, vua không còn, ai là người đứng ra để làm lễ tế trời đất, lễ cầu mùa, làm gì còn quân đội để đánh trống thúc quân ra trận? Lạc Việt không còn đúc trống đồng nữa.

Căn cứ theo khảo cổ học: nền VHĐS không phải đột nhiên mà có, nhưng do sự phát triển liên tục từ thời Phùng Nguyên (2,000 BC), Gò Mun, Đồng Dậu. Các hoa văn trên gốm cũng như trên đồng đã từ từ biến đổi chậm rãi nhưng vẫn giữ sắc thái đặc điểm từ thời nguyên thủy. Hiện tại chúng ta vẫn tiếp tục đào được trống Đông Sơn loại 1, con số đã lên đến trên 300 (mặc dù đa số bị hư hại). Trong khi đó, tổng cộng các trống loại 1 ở nam Trung Hoa và các nơi khác Đông Nam Á chưa đến 100.

Từ lâu rải rác đây đó ta tìm thấy tại Bắc Việt nồi nấu đồng cũng như khuôn đúc trống. Gần đây nhất năm 1998 nhà khảo cổ học Nhật bản Nashimura Masarani cùng với Viện Khảo cổ Hà Nội đã khai quật tại Luy Lâu được nhiều lò nấu đồng, khuôn làm trống. Luy Lâu là thủ phủ của Giao Chỉ thời Hán, nơi đây là địa bàn cư trú của người Đông Sơn từ nhiều thế kỷ về trước.

Trong các quan tài hình thuyền đào thấy ở Việt Khê, ngoài trống đồng còn có rất nhiều hiện vật khác, nhờ C14, có thể xác định niên đại tuyệt đối 500-400 BC. Vào những năm cuối thế kỷ 19 đầu 20, các học giả Áo Đức đã nghiên cứu nhiều về trống đồng ở Nam Trung Hoa và Đông Nam Á. Tổng cộng tám tác giả với 44 công trình khảo cứu, nổi bật nhất là học giả người Áo Frank Heger, bảng phân loại trống đồng, của ông được dùng làm khuôn vàng thước ngọc cho thế giới. Một học giả Áo khác, ông Hein Geldern năm 1932 đã đặt tên cho văn minh đồng thau ở Việt Nam là văn hoá Đông Sơn.

Năm 1969 học giả Mỹ William G. Solheim nghiên cứu ở Bắc Thái Lan và Đông Nam Á, công bố trên National Geographic tháng 3,

1971: Văn hoá Ban Chiang ở Thái Lan và Hoà Bình của Việt Nam đã phát triển song song, thời đại đồng thau ở Thái Lan cũng tương đương với Phùng Nguyên ở Việt Nam. Theo quan niệm cũ, văn hoá Tàu ảnh hưởng xuống Đông Nam Á nhưng theo kết quả nghiên cứu của ông, văn hoá Đông Nam Á đã phát triển lên phía Bắc ảnh hưởng đến nền văn minh Hồng San và Lãng Chu, là những nền văn minh cổ của Trung Hoa.

Ông Neher còn đi xa hơn: người Đông Nam Á đúc đồng, và người Trung Hoa bắt chước, chứ không phải ngược lại như các học giả Trung Hoa thường tuyên bố.

Bernett Kempers, học giả người Hoà Lan, sau 30 năm sống và nghiên cứu nền văn minh cổ của Nam Dương, đã viết trong sách The Kettle drums of Southeast Asia: các trống Đông Sơn có niên đại 400-300 BC tìm thấy tại Nam Dương là nhập cảng từ Bắc Việt. Các trống lớn hơn, đẹp hơn, làm vào những năm đầu Tây lịch chịu ảnh hưởng Đông Sơn (rất giống trống Hữu Chung trong Bảo tàng viện Hà Nội).

Một học giả Hoà Lan khác, ông Sorensen, sau khi khảo sát bốn chiếc trống tại hang người cổ Ongbaht ở miền trung Thái Lan cũng gọi chúng là trống Đông Sơn. Ông phân vân không biết trống được làm tại Thái Lan hay nhập cảng từ Đông Sơn ở những năm 300 BC.

Bằng chứng đã rõ rệt, nhiều khi tôi tự hỏi hay là các học giả Trung Hoa không đọc được ngoại ngữ.

Các bạn nghĩ sao?●

Tháng 7, 1999

KHÁNH HÀ

MUỘN

Thật là điều tự nhiên
Như chiếc đồng hồ báo thức buổi sáng
Tôi thức dậy có món điểm tâm trên bàn
Có gói thức ăn mang theo vào sở
Có chiếc áo thẳng nếp treo trên mắc
Mọi thứ của nàng để lại
Trước khi tất bật nàng đi tới sở

Thật là điều tự nhiên
Như chiếc đồng hồ chỉ giờ tan sở buổi chiều
Tôi trở về nhà có mâm cơm nóng
Thức ăn của nàng đôi khi quá nhạt hay quá mặn
Món tráng miệng đôi khi tôi quên ăn
Những câu chuyện bên mâm cơm của nàng
Tôi thường nghe lơ đãng

Cũng là điều tự nhiên
Đêm đêm có nàng bên gối
Bao nhiêu năm không có gì thay đổi
Nàng như chiếc bóng của tôi
Âm thầm hiện diện
Đôi khi tôi không nhớ
Nếu không có vài điều nhắc nhở
Như một chiếc nút áo bị sút nàng chưa kịp kết
Một buổi chiều kẹt xe nàng về muộn
Một câu nói nàng quên thêm những mỹ từ êm dịu
Tôi chỉ nhớ những điều thiếu sót của nàng

Một hôm người mục sư đến gõ cửa
Nói với tôi về một tai nạn
Nàng chẳng còn bao giờ trở về
Tôi chợt nhớ những điều tôi thiếu sót
Như một câu nói hẳn nàng chờ đợi
Em ơi, những điều em làm, không phải là tự nhiên...

Phụ chú:

1. Năm 1996, sau khi tham dự hội thảo về Trống Đồng tại Quế Lâm, giám đốc Viện Khảo Cổ Hà Nội, giáo sư Hà Văn Tấn đã nói "Cũng như mấy lần trước, các diễn giả Trung Hoa hoàn toàn cố gắng bôi bác hoặc đè bẹp nền Văn Hóa Đông Sơn. *Thậm chí, có diễn giả*

còn cho chính An Dương Vương đem nền văn hóa nước Thục vào Việt Nam làm thành Văn Hóa Đông Sơn."

2. Trong Hậu Hán Thư, còn có một đoạn như sau:

Thời Đông Hán có cuộc nổi loạn do hai chị em Trưng Trắc Trưng Nhị, trước tiến chiếm các thành lũy ở Giao Chỉ, sau lấn lên mặt Bắc, lấy Quảng Đông, Quảng Tây, gom được 60 thành. Cột đồng Mã Viện với sáu chữ bất hủ: *Đồng trụ chiết Giao Chỉ diệt,* theo quan niệm cũ là ở ải Nam Quan, thật ra phải tìm ở các khu vực phía Nam Thanh Hoá mới có hi vọng thấy.

Cách đây vài tháng, Giáo Sư Đào Hữu Anh khi đi thăm Quế Lâm thuộc Quảng Tây, được dẫn thăm một khu tự trị thiểu số. Bộ lạc người Zhuang này, tổ tiên có liên hệ với Hai Bà Trưng, họ mặc áo tứ thân giống như người Việt đời xưa. Họ còn hãnh diện nói rằng: Hai Bà Trưng không những đánh đến Quảng Tây mà còn vượt qua miền Ngũ Lĩnh đến tận sông Dương Tử.

Cũng trong Hậu Hán Thư, sau khi thắng được hai bà, Mã Viện tịch thu hết khí giới bằng đồng, đem nấu chảy, làm địch không thể chống cự hoặc nổi loạn. Sau đó Viện khám phá ra một hệ thống truyền tin tối tân của người Man. Người Man có nhiều trống đồng đánh kêu rất to và xa. Những trống này do các lạc hầu lạc tướng trông coi, dùng để ra lệnh, thông tin và điều quân rất nhanh chóng, tiện hơn là người mang thư, vừa chậm, vừa có thể bị lọt vào tay địch.

Đọc được sách trên, ông Chaladni, một kỹ sư âm học người Đức đã đem các trống đồng ra nghiên cứu. Ông tuyên bố kết quả trong sách *Discoveries on the Theory of Sound* năm 1787: trống loại một có tiếng kêu to nhất và đi xa nhất. Nhờ dáng và những ngôi sao ở giữa mặt trống, cánh sao càng dày, tiếng càng vang xa. Sao ở trên trống loại hai loại ba cánh rất hẹp là những trống kém nhất về phương diện âm học.

3. Trong buổi khai trương cuộc triển lãm trống đồng tại Bowers Museum ở Santa Ana ngày 25 tháng 6, 99, một số học giả Mỹ có ý kiến như sau:

* Tiến sĩ John Listopad thuộc phòng Mỹ nghệ Đông Nam Á VBT Los Angeles rất khâm phục trống Đông Sơn đúc từ 600 trước CN: với kỹ thuật tân tiến hiện nay, ngày nay chưa chắc đã bắt chước làm được một trống có phẩm chất tương đương.

* Tiến sĩ Joseph Nevadomski, đại học California State University Fullerton: Làm cách nào mà người Việt cổ có thể đúc một trống mỏng như vậy, thật không thể hiểu nổi, ngoài sức tưởng tượng.

* Khoa học gia Pieter Meyer, nổi tiếng nhất nhì ở Mỹ về đồ đồng Thương, Chu: rõ ràng người Việt cổ có một kỹ nghệ tạo gốm hết sức cao cấp. Ông cho rằng một món đồ đồng có giá trị hoàn toàn tùy thuộc vào cách làm khuôn. Ý kiến của ông đi ngược với nhiều tác giả khác, trống không được đúc bằng khuôn sáp (lost wax) mà bằng pieces mold casting như các đồ đồng Thương Chu.

* Tiến sĩ Armand Labbe, VBT Bowers Museum và đại học Cal State Fullerton: ông chuyên nghiên cứu về nền văn minh cổ ở Trung và Nam Mỹ, hiện đang nghiên cứu về Đông Nam Á. Công trình hiện tại là tìm hiểu các hoa văn Đông Sơn. Ông nói: so với đồ đồng Đông Sơn, các nơi khác ở Đông Nam Á chỉ là tỉnh nhỏ lạc hậu.

* Tiến sĩ Keith Wilson, trưởng phòng Gốm Trung Hoa và Đông Nam Á, VBT Los Angeles: tôi sẽ tìm cách để sau này trống được trưng bày trong VBT của chúng tôi.

Sách tham khảo:

1. *National Geographic,* March 71

2. *The Bronze age of Southeast Asia,* Charles Higham

3. *The Kettle drums of Southeast Asia,* Bernett Kempers

4. *Ancient Chinese bronzes and Southeast asian metals,* Noel Barnard

5. Summary of International conference on Ancient bronze drums and Bronze culture in Southern China and Southeast Asia, 1st edition 1981, 2nd edition 1991,

6. *Nền văn hoá Đông Sơn Việt Nam,* Hà Nội 94

7. *Đại Việt sử ký tiền biên,* nhà xuất bản xã hội 1997

8. Những phát hiện khảo cổ học 96-97

9. *The birth of Vietnam,* Keith Weller Taylor

10. *Archeological excavations in Thailand,* Per Sorensen

11. *Vua Hùng Vương dựng nước,* 4 volumes 71,72,73

12. *Archives of Archeology,* chapter 23, Cambridge University

13. *Selected Ancient Bronze Drums found in South China and Southeast Asia,* Wen Yu

GIẢI NOBEL Y KHOA NĂM 1999
NHÌN LẠI SỰ CỐNG HIẾN CỦA NGƯỜI VIỆT TRONG Y KHOA

NGUYỄN ANH TUẤN*

Giải thưởng Nobel y khoa và sinh lý học năm nay (1999) được trao cho ông Ganter Blobel, thuộc trường đại học Rockefeller, New York (Mỹ). Ông Blobel được trao giải vì đã có công khám phá ra các proteins có mang tín hiệu để chuyên chở chúng tới những "địa chỉ" chính xác trong tế bào. Cũng cần nói thêm rằng mỗi một tế bào trung bình có hàng tỷ protein molecules thuộc nhiều loại khác nhau, và chúng cần phải thay đổi liên tục (thí dụ cụ thể nhất trong xương là tế bào osteoblastic (làm ra xương) và osteoclastic (phá hủy xương). "Hãng" sản xuất ra proteins trong tế bào có tên là ribosomes. Việc sản xuất ra proteins và chuyên chở chúng đi đến những địa điểm thích hợp trong tế bào là một vấn đề quan trọng, vì qua đó mà người ta có thể lần mò theo để biết nơi làm việc của chúng. Ông Blobel đã khám phá ra proteins được chuyên chở từ "hãng" ribosomes ra ngoài tế bào như thế nào. Khám phá này quan trọng vì qua đó mà các nhà nghiên cứu có thể thiết kế những thuốc để chữa trị các bệnh hiểm nghèo như AIDS và ung thư.

Ông Blobel là người gốc Đức, sinh ngày 21/5/1936. Ông tốt nghiệp y khoa năm 1960 từ trường đại học Tabingen (Đức). Sau đó, ông sang Mỹ du học ở trường đại học Wisconsin tại Madison, và xong luận án tiến sĩ về ung thư học (oncology) năm 1967. Sau khi xong học vị tiến sĩ, ông chuyển qua làm nghiên cứu sinh (hậu tiến sĩ) tại trường đại học Rockefeller (trường này có cả 30 Nobel laureates trong các nghành khác nhau). Năm 1960, ông được bổ nhiệm chức assistant professor (giảng sư), 1973 associate professor (phó giáo sư), và full professor (giáo sư thực thụ) năm 1976. Ông Blobel cũng là một người có nhiều bài báo khoa học, tuy còn khiêm tốn so với các đồng nghiệp khác. Trong vòng 35 năm nghiên cứu, ông và đồng nhiệp đã công bố khoảng 240 bài báo khoa học. Trong số này, có vài bài báo được công bố trên những tờ tạp chí khoa học hàng đầu thế giới như Nature (Anh), Science (Mỹ), Cell, và Proceeding of the National Academy of Science (Mỹ), v.v.

Giải Nobel Y khoa và Sinh lý học là một trong sáu giải thưởng (các giải khác là vật lý, hóa học, kinh tế học, văn chương, và hòa bình) do Hàn Lâm Viện (HLV) Thụy Điển trao tặng hàng năm, theo di chúc của ông Alfred Nobel (1833-1896), một kỹ nghệ gia người Thụy Điển vào thế kỷ 19. Đây là một giải thưởng có lịch sử lâu đời và có uy tín vào hàng số một trên thế giới, nên có lẽ vài hàng tìm hiểu có thể mang lại vài kinh nghiệm bổ ích.

Trong suốt quãng đời cô quạnh của mình, ông Nobel luôn có vấn đề về sức khỏe, và không lúc nào cảm thấy khỏe mạnh. Ông ta thường hay bị nhức đầu, ăn không tiêu, và phiền muộn (depression). Lúc về già, ông lại bị thêm bệnh tim mạch. Tuy nhiên, ông quan tâm tới các vấn đề y khoa và sinh lý học cũng có cơ sở khoa học, chứ không hẳn vì lý do sức khỏe cá nhân. Trong các sổ sách dùng trong phòng thí nghiệm, ông thường ghi ra những ý tưởng cần được thử nghiệm hay chữa trị. Năm 1890, ông đã tặng cho Hoàng gia Học Viện Y khoa Caroline ở Stockholm 50,000 kronor để khuyến khích các môn khoa học thực nghiệm.

Ngoài ra, ông còn tặng tiền cho các nhà khoa học ở nước ngoài dùng cho mục đích nghiên cứu. Khoảng 1894, nhà sinh lý học người Nga Ivan Patrovich Pavlov ở St Petersburg đã được sự ủng hộ tài chính của ông Nobel trong các thí nghiệm liên quan tới tiêu hóa mà sau này (1904) ông được trao giải Nobel về các công trình nghiên cứu đó.

Năm 1845, ông Alfred Nobel viết trong di chúc rằng phần bất động sản của ông nên được dùng cho việc thành lập một ngân quỹ để tặng cho các nghiên cứu xuất sắc trong các ngành vật lý, hóa học, văn chương, và cho mục tiêu hoà bình. Cũng theo di chúc đó, một trong năm giải thưởng này nên được tặng cho những ai có khám phá quan trọng trong lĩnh vực y khoa (medicine) và sinh lý học (physiology). Hoàng gia Học viện Y khoa Caroline ở Stockholm, Thụy Điển (Royal Caroline Medico-Surgical Institute in Stockholm, ngày nay được gọi là Karalinska Institute) được ủy nhiệm tìm chọn người xứng đáng.

Quá trình chọn và tặng giải tương đối đơn giản. Mỗi năm, hội đồng giải Nobel (Nobel Committee) gửi thư đến hàng ngàn nhà khoa học, các hàn lâm viện sĩ ở nhiều nước, và yêu cầu họ đề cử người xứng đáng được tặng giải Nobel. Những người được gửi giấy mời đề cử thường là hội viên của Hàn Lâm Viện Hoàng Gia (Royal Academy of Sciences), các nhà khoa học đã từng được tặng giải Nobel, các giáo sư trong các phân khoa y khoa ở các nước Bắc Âu như Thụy Điển, Đan Mạch, Phần Lan, Iceland và Na Uy. Hội đồng giải Nobel, gồm có năm hội viên, bèn chọn ra những đề cử có giá trị để Hàn lâm viện Thụy Ddiển bầu. Người được nhiều phiếu nhất sẽ được công bố và tặng giải vào tháng Mười hàng năm.

Đây là một giải thưởng có giá trị lớn về mặt tài chính. Vào những năm đầu thế kỷ, mỗi giải Nobel trị giá khoảng 130,000 tới 151,000 kronor Thụy Điển; vào thập niên 50s và 60s, 164,000 tới 226,000 kronor; vào thập niên 80s, 880,000 tới 3 triệu kronor; và năm 1999 là 7.9 triệu kronor tức tương đương 960,000 đô la Mỹ.

Tất cả các giải thưởng được trao từ năm 1901, ngoại trừ giải về kinh tế học được trao từ năm 1969. Kể từ năm 1901 tới 1999, HLV Thụy Điển trao giải cho 167 nhà khoa học hoạt động trong nghành y khoa và sinh lý học. Tuy nhiên, giải này không phải phát liên tục vì không chọn được ai xứng đáng, hay vì chiến tranh. Chẳng hạn như liên tục trong bốn năm liền từ 1915 tới 1918, không có ai được giải. Năm 1921, 1925 cũng không chọn được ai xứng đáng. Những năm 1940-1942, vì lý do chiến tranh nên không có tổ chức phát giải. Như vậy, trong số 90 năm, tính trung bình mỗi năm, HLV Thụy Điển trao giải cho khoảng hai nhà khoa học. Thực ra, có 25 năm mà trong đó mỗi năm có ba người lãnh giải, 27 năm có hai người phải chia nhau, và còn lại (38 năm) là mỗi năm một người.

Tôn chỉ của giải thưởng Nobel là nhằm mục tiêu tặng cho những ai đã có công đem lại phúc lợi lớn nhất cho nhân loại. Vì thế, trong y khoa cũng như trong các ngành khoa học khác, giải Nobel thường được xem là một tiêu chuẩn mực thước nhất, mà các giải thưởng khoa học khác thường dựa vào. Do đó, khảo sát qua các giải thưởng trong vòng 99 năm qua cũng có thể cho thấy sự tiến bộ của thế giới y khoa và sinh lý học đã phát triển như thế nào.

Nhìn qua những công trình được trao giải thưởng, ta có thể thấy tiến bộ trong y học trong thế kỷ này quả rất xa. Từ những nghiên cứu có tính lâm sàng (clinical) hay tương đối "sơ sài" (so với trình độ kỹ thuật ngày nay), nghiên cứu y khoa đã tiến sâu vào lĩnh vực cơ bản nhất của con người như di truyền phân tử học (molecular genetics) và sinh học phân tử (molecular biology). Năm 1901, ông Emil Adolf Von Behring (người Đức) đoạt giải này vì đã các công trình nghiên cứu và chữa trị bệnh bạch hầu (diphtheria). HLV Thụy Điển đánh giá công trình này rất cao, họ viết: "[qua nghiên cứu này], ông đã mở ra một hướng đi mới trong lĩnh vực y khoa, và bằng cách đó, đã cho các y sĩ một vũ khí hữu hiệu để chinh phục bệnh tật và sự tử vong" (tạm dịch từ "[by which] he has opened a new road in the domain of medical science and thereby placed in the hands of the physician a victorious weapon against illness and deaths.") Năm 1902, giải thưởng được trao cho một nhà khoa học người Anh, ông Ronald Ross (sau này được phong "Sir," tức Hiệp sĩ) vì những công trình nghiên cứu liên quan tới bệnh sốt rét (malaria). Những năm sau đó, các nhà khoa học được tặng giải thưởng nhờ vào nghiên cứu liên quan tới bệnh lao (1905; Robert Koch, người Đức), sốt ban (typhus) (1928; Charles Nicolle, người Pháp); phân loại máu (1930; Karl Landsteiner, người Mỹ), bệnh truyền nhiễm (1945; Alexender Fleming, Mỹ); Ernst

Boris Chain, Anh; Howard Walter Florey, Úc, sốt vàng (1951; Max Theiler, người Mỹ), chữa trị bệnh lao bằng thuốc streptomycin (1952; Salman Abraham Waksman, Mỹ).

Bắt đầu từ năm 1958, nghiên cứu về di truyền học đã được sự chú ý của HLV Thụy Điển qua việc trao giải thưởng cho ba nhà khoa học người Mỹ, George Wells Beadle, Edward Lawrie Tatum, và Joshua Lederberg, vì đã có công khám phá ra một quy luật quan trọng trong di truyền học (genetic recombinant) trong vi khuẩn.

Năm 1961, giải Nobel về y khoa và sinh lý học được trao cho ba nhà khoa học là Francis Harry Compton Crick (Anh), James Dewey Watson (Mỹ) và Maurice Hugh Frederick Wilkins (Anh) vì đã có khám phá nổi tiếng về DNA, làm tiền đề cho hàng triệu nghiên cứu và tiến bộ về sinh học y khoa sau này. Kể từ đó, giải thưởng nghiên về các công trình mang bản chất sinh học phân tử (molecular biology) và di truyền (genetics). Năm 1978, HLV Thụy Điển trao giải thưởng cho ba nhà khoa học Werner Arber (Thụy Sĩ), Daniel Nathans (Mỹ) và Hamilton Smith (Mỹ) do đã có công khám phá ra các enzymes và những ứng dụng vào nghiên cứu di truyền học. Cho tới năm nay (1999) thì giải này vẫn được trao tặng cho một công trình mang nặng tính chất sinh học phân tử.

Nước nào được nhiều giải nhất? Có lẽ khỏi cần tính toán chắc ai cũng có thể đoán ra là Mỹ, một cường quốc về khoa học, đứng đầu danh sách các nước. Thực ra, chỉ tám nước Tây phương (Mỹ, Anh, Đức, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Úc, Đan Mạch và Bỉ quốc) chiếm hơn 85% giải Nobel Y khoa và Sinh lý học trong vòng 90 năm qua! Trong số 167 giải, Mỹ chiếm 77 giải (túc là 46%). Phần còn lại có thể chia làm ba nhóm: nhóm một gồm có những nước lãnh trên chín giải như Anh (21), Đức (15) và Pháp (10); nhóm thứ hai là Thụy Sĩ (6), Thụy Điển (5), Đan Mạch (4), Úc (4) và Bỉ (3); nhóm thứ ba là nghèo nhất, mỗi nước chỉ một tới hai giải như Ý (2), Hoà Lan (2), Nga (1), Nhật (1), Tô Cách Lan (1), Canada (1), Tây Ban Nha (1), Áo (1), và Á Căn Đình (1). Thực ra, cách đếm này cũng không chính xác, vì nó căn cứ trên quốc tịch của người được nhận giải, chứ không hẳn là nguyên quán, nơi sinh ra. Phần đông những người Mỹ được giải là từ Âu Châu. Chẳng hạn như ông Blobel (sinh ở Đức), ông Albert Claude (Nobel 1974; sinh ra ở Bỉ), George Emil Palade (1974; Lỗ Ma Ni), v.v. nhưng lại mang quốc tịch Mỹ và do đó được coi như người Mỹ. Do Thái chưa lãnh một giải Nobel Y khoa nào, nhưng trong thực tế nhiều người lãnh giải này ở các nước như Mỹ, Đức và Anh có gốc Do Thái.

Như nói trên, Mỹ là "đế quốc" chiếm nhiều giải Nobel nhất. Tuy nhiên, Mỹ chỉ nổi lên địa vị số một này sau Thế giới chiến lần II. Trong những năm trước 1945, Mỹ chỉ chiếm khoảng 16% trong tổng số giải, tương đương với Đức (16%) và Anh (16%), nhưng hơn Pháp (10%). Khoảng từ 1946 trở đi, các nhà khoa học Mỹ đã lần lược chiếm nhiều giải và nước Mỹ được xếp hàng số một, chiếm khoảng 60% trong tổng số giải Nobel Y khoa và Sinh lý học. Trong thời gian này, các cường quốc khác như Anh, Đức và Pháp bị lu mờ dần dần, chỉ chiếm khoảng 10% tới 20%.

Trong giới nghiên cứu khoa học nói chung, và Y khoa nói riêng, nam giới luôn chiếm địa vị hàng đầu cả về số lượng lẫn chức vụ khoa bảng. Do đó, cũng không ngạc nhiên, trong số 167 nhà khoa học được trao giải này, chỉ có sáu vị (tức khoảng 3%) là phụ nữ! Và trong số sáu vị này, năm là người Mỹ, chỉ có một là người Đức (bà Christiane Nusslein-Volhard, 1995). Trong sáu nhà khoa học nữ này, năm vị đoạt giải sau năm 1977 và chỉ có một người (bà Gerty Radnitz Cori) được trao giải vào năm 1947. Mỹ đúng là xứ của tự do từ xưa! Tuy nhiên, tính ra thì Mỹ vẫn còn đi sau Pháp, vì ngay từ 1903 họ đã có Marie Sklodowska Curie (người gốc Ba Lan) đoạt giải Nobel về vật lý. Sau này, bà này còn chiếm thêm một giải hóa học (Marie Sklodowska Curie, 1911) và con bà (Irene Joliot-Curie) cũng chiếm giải hóa học vào năm 1935.

Tuổi trung bình của những nhà khoa học được trao tặng giải Nobel về y khoa và sinh lý học là 55 tuổi. So với độ tuổi trung bình của những nhà văn và thơ đoạt giải Nobel (khoảng 64 tuổi), thì độ tuổi này tương đối "trẻ". Khoảng 55% có tuổi từ 41 tới 60, chỉ có 10% là dưới 40 tuổi, và 6% là trên 70 tuổi. Người trẻ nhất là ông Frederick Grant Banting, người Canada, sinh năm 1891 lãnh giải Nobel năm 1923, lúc mới 32 tuổi! Ông Joshua Lederberg (Mỹ), hiện là chủ tịch Hội New York Academy of Science (Hàn Lâm Viện New York), cũng lãnh giải năm mới 33 tuổi. Trong số trẻ này phải kể đến ông James D Watson (Mỹ; 34 tuổi), Archibald V Hill (người

Anh; 36 tuổi) và George J F Koehler (Ddức; 37 tuổi). Người lớn tuổi nhất là ông Peyton Rous (Mỹ) lãnh giải năm 1966 lúc ông đã 87 tuổi! Trong nhóm các cụ bát tuần này còn có ông Robert F Furchgott (Mỹ; 82 tuổi, giải thưởng năm 1998), và cụ bà Barbara McClintock (Mỹ; 81 tuổi, 1983). Phân tích độ tuổi theo quốc gia cho thấy những nhà khoa học Mỹ và Pháp có tuổi khá cao (56 tuổi), trong khi đó đồng nghiệp của họ người Anh và Đức thì trẻ hơn (50 tuổi). Sự thực là phần đông các nhà khoa học được giải Nobel nhờ vào các công trình mà họ đã công bố từ 10 tới 25 năm trước. Chẳng hạn như ông Peter C. Doherty (Úc) được giải Nobel Y khoa năm 1996 nhờ vào các công trình nghiên cứu mà ông làm từ thập niên 70s. Do đó, có thể nói rằng giai đoạn tuổi từ 25 tới 35 là một đỉnh cao trong trong sự nghiệp nghiên cứu.

Như đã đề cập trên, ngoại trừ một người Nhật, ông Susumu Tonegawa (giải Nobel 1987) thuộc trường MIT, Mỹ, chưa có người Á châu nào được tặng giải Nobel về Y khoa và Sinh lý học. Điều này cũng đáng ngạc nhiên, vì nói chung, người châu Á, nhất là Trung Quốc và Ấn Độ có mặt hầu như trong mọi bộ môn Y khoa. Nhiều người cũng rất xuất sắc, là những nhà khoa học hàng đầu trong chuyên ngành. Ấy thế mà sự hiện diện của người Á châu trong giải Nobel y khoa hầu như không đáng kể. Cũng như hầu hết các giải thưởng do bình bầu, giải Nobel cũng đôi khi lộ sự kém công bằng trong đó. Có nhiều người đáng lẽ phải được giải vì thành tích quan trọng nhưng lại không được bầu hay đề cử; ngược lại, có người kém hơn nhưng lại được đề cử và được trao giải. Cũng như mọi ngành hoạt động khác, sự thành công trong nghiên cứu Y khoa nói riêng và khoa học nói chung đôi khi cũng có những yếu tố chính trị (politicking) và móc ngoặc (networking) trong đó. Một nhà khoa học tài ba mà không biết tranh thủ hay vận động sự ủng hộ của đồng nghiệp thì xác suất được nhiều người biết đến cũng rất thấp. Chẳng hạn như giải Nobel về DNA được trao cho ba người (Francis H C Crick, James D Watson và Maurice H F Wilkins), nhưng sau này ông Watson lại được nhiều người nhắc đến và giữ chức to hơn hai ông Crick và Wilkins. Có người đã cho rằng phần đông các nhà khoa học Á châu không biết làm chính trị khoa học và "móc ngoặc" nên ít khi nào họ được đề cử vào hội đồng giải Nobel.

Người Việt Nam ta đã có cống hiến nào trong Y khoa? Trong hoạt động khoa học, số lượng những bài báo đã được công bố trên các tạp chí khoa học thường được xem là một trong những số đo về năng suất nghiên cứu và một thước đo về sự cống hiến cho kiến thức nhân loại. Căn cứ vào các bài báo được lưu trữ trong thư viện y khoa quốc gia (National Library of Medicine, USA), kể từ năm 1962 cho tới nay (10/1999), các nhà khoa học từ Việt Nam đã công bố được 248 bài báo khoa học liên quan tới Y khoa, Hóa học và Sinh vật học. Con số này rất khiêm tốn, nếu so với 5210 của Thái Lan, 2088 của Mã Lai Á, 6932 của Tân Gia Ba, 21,600 của Đài Loan. Càng khiêm tốn hơn nếu được đặt bên cạnh các cường quốc về khoa học như Mỹ (587,924 bài), Nhật (281,086), Anh (174,168), Đức (132,897), Pháp (137,872), Úc (67,058), Thụy sĩ (38,667), Thụy Điển (71,119). Các nước trong khối Đông Âu không có đóng góp nhiều (Nga 10,216 bài). Cần nói thêm rằng số lượng bài báo từ các nhà khoa học Mỹ chiếm gần 40% trong tổng số trên thế giới.

Rõ ràng, sự đóng góp của Việt Nam cho kiến thức Y khoa và Sinh học thế giới còn quá nhỏ nhoi, nếu không muốn nói là không đáng kể. Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là do chiến tranh và thiếu điều kiện nghiên cứu ở trong nước. Trong vòng hai mươi lăm năm qua, số lượng người Việt định cư ở các nước có nền khoa học tiên tiến càng ngày càng đông. Cho đến nay, đã có ước đoán cho rằng cộng đồng người Việt ở nước ngoài có khoảng hai triệu người. Trong số này, có khoảng 300 ngàn người có trình độ đại học; trong đó, có khá nhiều bác sĩ và khoa học gia người Việt hoạt động trong hầu như tất cả các ngành nghiên cứu khoa học. Chỉ cần đọc qua vài tờ báo ngoài nước, người ta sẽ không tránh khỏi những mẩu quảng cáo mà tên của hàng trăm, thậm chí hàng ngàn, tiến sĩ, bác sĩ, kỹ sư, khoa học gia được kèm theo với mọi thứ bằng cấp, danh xưng, giải thưởng, v.v. làm cho người đọc có ấn tượng là người Việt Nam ta rất tài ba, đã từng có nhiều đóng góp cho khoa học thế giới.

Thế thì sự thật ra sao? Trong vài bộ môn nghiên cứu hẹp, cũng có vài người Việt rất nổi tiếng và được đồng nghiệp trên thế giới nể trọng. Họ là những nhà khoa học hàng đầu, đã có nhiều cống hiến quan trọng trong Y khoa. Tuy nhiên con số này vẫn còn rất ít, và có thể

nói là chỉ "đếm đầu ngón tay." Cho tới nay, vẫn chưa có một thống kê chính xác nào về số lượng bài báo khoa học của người Việt Nam được công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế. Tuy nhiên, dựa vào những họ quen thuộc như Nguyễn, Trần, Lê, Đặng, Bùi, Phạm, Phan, Hoàng, Huỳnh, v.v. thì trong vòng 25-30 năm qua, những họ này đã cống hiến khoảng 12,500 bài. Cần lập lại là con số này không chính xác và có thể nói là thấp hơn thực tế, vì có nhiều người Việt Nam dùng tên (thay vì họ) trong các bài báo khoa học. Ví dụ như một anh bạn tôi quen biết tên là Nguyễn Đức Công, nhưng khi ký tên trên báo khoa học, anh dùng "N D Cong", thay vì "C D Nguyen" hay "D C Nguyen". Tuy nhiên, mức độ sai sót cũng không đến nỗi phải làm sai lạc đi tình hình chung. Như thế, mặc dù có vài cá nhân xuất sắc trong các nghành nghiên cứu Y khoa, nhưng với con số 12.5 ngàn bài báo khoa học, cộng đồng ta cũng chưa có đóng góp gì nhiều cho kiến thức y khoa thế giới. Thực ra, con số này rất ư là khiêm nhường nếu so với các cộng đồng khác như Trung Quốc hay Ấn Độ.

Những con số về bài báo khoa học còn cho thấy vài điều vừa thú vị, vừa bất ngờ. Chẳng hạn như họ Lê, một họ được xem là lớn ở Việt Nam, nhưng lại có cống hiến ít nhất (chỉ 27 bài) so với các họ tương đối hiếm như họ Nghiêm (237 bài, phần lớn là từ ông Nghiêm Đạo Đại) và họ Trịnh (156). Tất nhiên, họ Nguyễn là họ lớn, nên không ai ngạc nhiên khi thấy số lượng cống hiến của họ này đứng đầu trong người Việt (4718 bài). Ngoài họ Nguyễn ra, còn có các họ có đóng góp tương đối nhiều như Trần (1488), Phạm (986), Hoàng và Huỳnh (964). Các họ khác có đóng góp dưới 900 bài như họ Vũ và Võ (690), Đặng (706), Bùi (537), Trương (505) và Phan (423).

Câu hỏi cần được đặt ra là trong thế kỷ 21, thường được mệnh danh là thế kỷ của Á châu, người Việt Nam ta có cơ duyên đoạt giải Nobel về Y khoa & Sinh lý học không? Xác suất thì vẫn có đấy, vì người Việt Nam ta vốn có truyền thống hiếu học và có thể nói là khá thông minh. Nhưng có lẽ ta cần nhiều cố gắng hơn nữa, và nhất là xác định lại mục tiêu của học hành và nghiên cứu. Dường như trong người Việt chúng ta, trong cũng như ngoài nước, vẫn còn cái tâm lý vốn đã có từ bao đời là học để giật được một mảnh bằng, để thành ông bà tú, ông bà cử, ông bà đốc, ông bà nghè, để khoe hay hơn thua nhau cái danh xưng, để thỏa mãn nhu cầu vật chất trong cuộc sống, chứ ít ai nghĩ đến việc học để đóng góp cho kiến thức, hay mang lại những phúc lợi cho nhân loại. Thành ra, trong khi ta có nhiều học sinh, sinh viên thi gì cũng đứng đầu, thậm chí đứng đầu thế giới, nhưng khi ra đời thì chẳng có gì xuất sắc đặc biệt. Có lẽ vì cái tâm lý hám danh, chuộng bằng cấp đã làm cản trở sự dấn thân của giới trẻ Việt Nam vào nghiên cứu khoa học, và dẫn đến tình trạng hiện nay là ta không có nhiều đóng góp cho cộng đồng thế giới.

Lịch sử Y học và Sinh lý học cho thấy rằng sự tò mò về những điều cơ bản trong thiên nhiên thường mang lại những kết quả bất ngờ và được tưởng thưởng xứng đáng. Có nhiều nghiên cứu mà nếu chỉ nhìn phớt qua trên bề mặt người ta sẽ thấy thực là phản logic và cực kỳ thiếu thực tế, nhưng có thể mang lại nhiều lợi ích không ngờ và làm nên lịch sử y khoa. Chẳng hạn như khám phá về quang tuyến X (Wilhelm Conrad Rontgen, người Đức, giải vật lý 1901); khám phá về penicillin và ứng dụng của nó trong việc chữa trị các bệnh truyền nhiễm (Alexander Fleming, Mỹ, Ernst Boris Chain, Mỹ, và Howard Walter Florey, Úc, 1945); khám phá về polio vaccine đã mang về giải Nobel 1954 cho ông John Franklin Enders (Mỹ) và hai đồng nghiệp nhỏ tuổi hơn là ông Thomas Huckle (Mỹ) và Frederick Chapman Robbins (Mỹ), v.v.

Mặc dù đã có nhiều tiến bộ đáng kể trong nhiều thập niên qua, thế giới Y khoa vẫn càng ngày càng rộng mở. Ngày nay, nhiều môn học cần sự tương tác (interaction) giữa các bộ môn khác nhau. Một trong những bộ môn nghiên cứu đang càng ngày càng được nhiều chú ý là lĩnh vực psychoendocrinology, tức là sự liên đới giữa tâm lý học và hệ thống nội tiết. Có người cho rằng lĩnh vực này là một chìa khóa cho giải Nobel tương lai. Nhưng muốn mở cánh cửa này, qua kinh nghiệm của những người đoạt giải Nobel, người làm khoa học chân chính cần phải có quyết tâm cao độ; kiên trì theo đuổi một lý tưởng và ý tưởng từ đầu cho tới cuối; luôn luôn nghĩ về những cống hiến có giá trị cho nhân loại, thay vì để trọng tâm vào những danh xưng phù phiếm hay những vụ lợi về vật chất cho cá nhân.●

* Nguyễn Anh Tuấn, Tiến sĩ Y khoa, hiện là Giáo sư nghiên cứu chuyên về loãng xương tại Wright State University, Yellow Springs, Ohio.

THÚY VÀ DUNG

TRẦN QUÁN NIỆM

Thúy vào phòng như một cơn lốc, hai tay đưa lên trời, miệng chu chéo:

"Dung ơi, life is so wonderful."

Quen với lối diễn tả ồn ào cuả Thúy, Dung không ngạc nhiên cho lắm, rời mắt khỏi trang sách:

"Con quỉ nà, mi đi đâu suốt ngày, ta phone hoài không thấy."

Thúy không trả lời, tới gần bộ stereo, lựa đài, chuyển từ âm thanh êm dịu ra loại kích động với cường độ tối đa. Thúy đứng giữa phòng, nhún nhẩy theo điệu nhạc, uốn éo quần quại với tất cả sức sống, mái tóc tung bay. Thúy mặc quần jean trắng ôm sát cặp giò thon dài, áo pull mầu đỏ rực trẻ trung. Dung nhẩy tới hạ thấp âm thanh:

Mi làm như ở nhà mi không bằng. Mấy thằng giặc chung quanh nó qua nó chửi cho bây giờ. Toàn loại mọt sách đạng gạo thi chết bỏ.

Thúy vẫn nhún nhẩy, thân hình thon thon óng ả, cử động duyên dáng tự nhiên. Dung thèm được như Thúy. Khuôn mặt vuông, xương xương một vẻ đẹp Mỹ. Môi bầu bĩnh tươi mọng, hơi cong lên thật dễ thương, mái tóc man dại rối tung. ở Thúy toát ra một vẻ cuồng nhiệt vội vã. Dung hỏi to:

"Sao mi yêu đời thế? Bộ bắt được kép mới hả?"

Thúy lờ đi.Tức mình Dung tắt nhạc. Âm thanh đang tràn đầy, dẫy dụa đam mê, bỗng hụt hẫng, im lặng. Thúy gieo người trên nệm ghế:

"Dung à, chưa bao giờ ta thấy tuyệt vời như thế."

"Mi nói gì mà ghê thấy bà. Cái gì mà tuyệt vời với không tuyệt vời."

"Bọn tao đi chơi fun park. Leo lên roller coaster. Chao ơi là kinh khủng. Nó vút lên cao, đảo ngược rồi lao xuống như bay. Ta có cảm tưởng như đang rớt xuống vực sâu. Chới với kinh hoàng. Tim gan như biến đâu mất. Sợ muốn chết. Đã thế thằng quỉ sứ còn ôm chặt lấy tao. Vừa nổi da gà vừa sợ chết. Hai cảm giác dồn một làm tao điên đảo. Khó diễn tả quá mi ơi. Phải trải qua mới cảm thấy được."

Thúy lim dim mắt nhớ lại giây phút ở trên không lao xuống vun vút. Sức ép làm Thúy dán sát vào JIm. Bộ ngực rộng rãi vạm vỡ. Thúy thấy hơi thở hừng hực phả vào gáy. Rồi cặp môi nóng và mềm ép vào da cổ nàng. Jim ôm chặt eo ếch Thúy cười hăng hắc:

"Con nhỏ này cũng thỏ đế quá ta."

Xuống tới đất, Thúy còn ngất ngư, mặt tái xanh, choáng ngợp trong cái cảm giác vũ bão chưa bao giờ hưởng. Thót tim, dễ sợ mà vui. Thoáng cái, Thúy đã hoàn hồn, tung tăng như sóc. Trò chơi nào Thúy cũng thử, đặc biệt là những trò chơi gây cảm giác mạnh. Ở chỗ lái xe điện húc nhau, Thúy và Jim mỗi đứa một xe, chạy vòng vòng, húc nhau như điên. Sức chấn động làm Thúy chúi qua vật lại, nhiều lúc như muốn văng ra khỏi xe, nếu không có giây an toàn giữ chặt. Thúy cười như nắc nẻ, hồn nhiên tận hưởng những phút vui. Chung quanh Thúy ai cũng vui tươi yêu đời. Trọn ngày, Jim và Thúy đùa giỡn như đôi trẻ nít. Vô tình Thúy sờ tay lên gáy. Dung tinh mắt thoáng thấy dấu bầm trên làn da trắng:

"À há. Còn chối nữa thôi. Ta thấy dấu "bắt gió" kia rồi. Mi không sợ Hùng nó điên lên à."

"Ta cho lão rơi rồi."

"Giỡn hay thật đó. Mới trưa nay ta còn thấy lão đến tìm mi mà."

"Thật chứ. Mới sáng nay thôi. Lão giống ông cụ non. Chán ngấy."

Thúy chuyển hướng đột ngột:

"Ra ngoài kiếm cái gì ăn đi. Ta đói bụng quá rồi."

Dung ngần ngừ:

"Ta ôn bài chưa xong. Chút nữa được không?"

Thúy tiến đến, gập sách Dung lại.

"Tí nữa học tiếp. Ta đã có chữ nào trong đầu đâu."

"Lúc nào mi cũng nói thế, mà bài nào cũng 4 chấm không à."

Thuý cười. Dung thầm phục sự thông minh của Thúy. Học bài dễ dàng như đi chơi. Nhiều đêm 2, 3 giờ sáng, Dung còn cặm cụi học, Thúy đi party về, lật sách đọc qua loa một lúc, rồi ngủ khèo, thế mà sáng sau Thúy làm bài xong trước tiên, và bao giờ cũng có điểm cao hơn Dung. Tính tình Dung và Thúy cũng khác biệt hẳn, một đàng kín đáo chăm chỉ, một đàng ồn ào, ngổ ngáo. Thế mà không hiểu sao cả hai trở nên đôi bạn thân thiết.

Thảm cỏ xanh non. Bầu trời mùa Thu hình như trong hơn. Những tàng cây lớn, lá đã bắt đầu đổi mầu. Lá vàng lác đác rơi trên cỏ, Dung và Thúy đi bên nhau trên con đường nhỏ. Trong không khí, đã thấy len lén chút giá lạnh. Sân trường ngày chủ nhật vắng teo. Thúy nói:

"Mi muốn ăn gì, hay ta đãi mi một chầu Pizza nhé."

"Cũng được."

"Quên. Có cần gọi Phúc theo không hả Dung?"

"Mặc kệ lão. Để lão gạo bài."

Dung cười khúc khích, Dung ảnh hưởng lối ăn nói của Thúy lúc nào không hay. Hôm Dung dọn vào dorm, tiễn ba mẹ và các em về xong, thay vì lên phòng, Dung ngồi thừ trên ghế đá, im lặng nghe ngóng cái cảm giác đầu tiên xa nhà, tự lập. Trường rộng mênh mông làm Dung thấy cô đơn. Mấy chú sóc lông xám mượt, tò mò lại gần nhìn Dung. Cái đuôi bông lau phất phất, hai con mắt như hạt cườm, hai tay chắp lại như xin ăn thật dễ thương. Móc túi thấy còn mấy hột đậu phọng, Dung vứt cho sóc ăn, cảm thấy bớt lẻ loi phần nào.

"Bồ chọn major gì vậy."

Dung nhìn lên, thấy một khuôn mặt không đẹp nhưng hấp dẫn, hai mắt long lanh.

"Economic."

Thúy dáng cao, như con trai, tóc cắt ngắn, khỏe mạnh. Thúy đến gần Dung tự lúc nào.

"Tui cũng vậy. Bồ là Dung phải không?"

"Sao bồ biết?"

"Bố mẹ bồ và mấy đứa em kêu tên bồ tíu tít, ai mà không nghe."

"Đã biết sao còn hỏi."

Cả hai cùng cười.

"Phòng tôi ở trên phòng bồ một tầng. Tui đứng ở cửa sổ xem bồ dọn nhà. Tui dọn vào đây từ hôm qua. Bồ đói chưa. Để tui đãi bồ pizzar ở quán Xã Xệ nghe."

Dung ngơ ngác:

"Bộ quán của người Việt hả?"

Thúy cười diễu cợt, hàm răng trắng bóng:

"Không phải. Gã chủ quán người Ý béo ịch. Tui gọi thế để phân biệt với các quán khác."

Thúy làm quen với bạn mới thật dễ dàng.

Vừa ăn, Thúy vừa hỏi:

"Sao mi không hỏi ta về Jim?"

"Ta biết thế nào mi cũng phải phun ra, cần gì phải hỏi."

"Đồ mắc dịch. Sao ta không cool được như mi. Jim là alumnus trường mình. Đang làm cho một hãng accounting. Đẹp dễ nể. Ta quen ở party tuần trước."

"Bộ chán kép Việt rồi hả."

"Cù lần lửa. Kép Mỹ đông địa hơn. Đẹp trai hơn. Cao to hơn là cái chắc."

Dung lựa lời:

"Nhưng dù sao thì Mít mình cũng dễ thông cảm hơn chứ."

"Mi thích ta tặng mi hết đấy. Ta chán lắm rồi."

Vừa lúc đó Jim bước vào quán

"Hi, guys."

Quả như Thúy nói, Jim cao và đẹp. Như tài tử. Tóc vàng óng, bồng bềnh.

Ra tới ngoài, Thúy nhẩy tót vào chiếc xe mui trần đen bóng đậu sát vỉa hè.

"Jim tao lái nghe."

Jim đưa chìa khóa cho Thúy. Thấy Dung còn đứng xớ rớ, Thúy gọi to:

"Leo lên đi một vòng cho vui."

"Chịu thôi, ta còn phải về học bài."

Thúy nhẩy xuống xe kéo tay Dung:

"Thôi mà, chiều ta một chút đi. Đi một vòng là về liền đấy mà."

Dung do dự, nhưng cuối cùng cũng bước lên xe, sợ Thúy buồn.

Thúy lái xe bạt mạng. Lách qua lách lại giữa giòng xe cộ đông đảo, cúp cua bất chợt. Tiếng bánh xe rít trên mặt lộ, bỏ lại đằng sau mùi cao su khét lẹt và tiếng còi phản đối của xe khác. Nhiều lúc Dung sợ lên ruột. Ra tới xa lộ, Thúy say với tốc độ, xe lao vun vút, gió kêu phần phật, tóc Dung quất vào mặt, rát như ném cát. Dung la oai oái:

"Con khỉ, mi lái gì mà dữ vậy."

Thúy và Jim chỉ cười ngặt nghẽo.

Cả bọn quay lại thành phố. đậu xe rồi thả bộ trên con đường có nhiều hoạt động về đêm. Bar nào, Thúy và Jim cũng ghé vào, uống một chai bia, nhảy nhót như điên trong tiếng nhạc chát tai. Chán lại kéo sang bar khác. Lại uống. Lại nhẩy. Cả hai ôm lưng nhau, vừa đi vừa cười ròn trên đường phố. Dung lẽo đẽo theo sau như bà già trầu theo canh con gái.

Khi rời khỏi bar cuối cùng, Jim đề nghị về nhà Jim uống thêm, Thúy chịu liền. Đã mấy lần, Dung muốn bỏ về nhưng cuối cùng lại đổi ý, ở lại để canh chừng Thúy. Đến lúc Thúy viện cớ quá say, đòi ở lại nhà Jim thì Thúy chịu hết nổi:

"Thúy à, mi buông thả quá trớn như vậy không dược đâu. Tao đi về đây.

Dung nghe trong giọng nói mình cái nghiêm nghị của một người chị. Cái nghiêm nghị lạc lõng. Thúy cười trong cơn say, nói líu lưỡi:

"Giờ này khuya rồi. Jim và tao đều say quá, làm sao đưa mi về được. Thôi Dung chịu khó ngủ ở phòng khách này đi. Mai về sớm."

Nói xong, Thúy lảo đảo đi vào phòng Jim.

Mới đầu thì Dung giận Thúy, nhưng càng ngẫm nghĩ Dung lại càng giận mình nhiều hơn. Cái bản tính nhu nhược, luôn luôn chiều lòng bạn, khiến Dung đã nhiều lần bị lôi cuốn theo ý muốn của Thúy như mảnh lá bị cuốn hút vào triền gió mạnh. Nhưng lần này, Dung thấy mình ngu vô kể. Đang đêm bị kẹt trong phòng người đàn ông xa lạ. Dung đã từng nghe kể nhiều về sự dễ dãi và táo bạo của trai gái Mỹ trong thú vui nhục dục. Kinh nghiệm cô bạn Dung trải qua hồi năm ngoái còn rành rành như mới. Cô này chung phòng với một bạn gái người Mỹ. Nhân ngày lễ Phục Sinh, cô bạn về thăm nhà, còn cô sinh viên người Việt vì nhà xa, lại cần thì giờ ôn bài nên quyết định ở lại. Một đêm tên bồ của cô bạn Mỹ có chìa khóa riêng nên lẻn vào làm ẩu. Cô bạn Dung kháng cự kịch liệt, cào rách cả mặt tên nọ nên mới thoát. Thế mà mấy hôm sau cô bạn Mỹ trở về, tên con trai lì lợm trở lại, chào hỏi tỉnh bơ như không có gì xẩy ra, dù mặt hắn còn dán băng. Càng nghĩ Dung càng lo. Lỡ đêm khuya Jim mò ra dở trò thì sao? Dung ngần ngừ, định gọi taxi về nhưng lại thôi. Thành phố về đêm đầy rẫy nguy hiểm, ấy là chưa kể cái hành lang sâu hun hút, tối tăm nơi building Jim ở. Lần sau thì tởn đến già. Dung nằm dài trên ghế sopha, lấy mền quấn chặt quanh người, cố dỗ giấc ngủ. Được một lúc Dung thấy nóng bức, ngứa ngáy, trăn qua trở lại. Trong phòng vẳng ra tiếng cười rúc rích của Jim và Thúy càng làm Dung khó chịu. Dù

TRẦN HUY SAO

MÓN QUÀ SINH NHẬT

gởi Nhường và các Dì

Pomona chiều vàng nắng quê xa
Con kịp về mừng sinh nhật Mẹ
Cúc hoa vàng rộ đầy lối giữa
Mẹ chờ con vội vã xuống xe

Nụ cười vui mà rưng nước mắt
Tóc Mẹ giờ bạc xót lòng đau
Đời ly xứ, con tháng ngày tất bật
Dẫu rất gần nhưng ít dịp về thăm

Mẹ nắm tay con ra ngõ vườn sau
Cây xanh lá, trái no đầy sức trẻ
Đôi mắt Mẹ hằn nét vui không dấu
Con ngỡ ngàng như thấy lại vườn quê!

Giậu mồng tơi trổ lá xanh mơn mởn
Đám cà nâu bên vạt ớt đương thì
Giàn mướp ra hoa, dây lang xanh ngọn
Tưởng quê hương gần lắm, quanh mình!

Con hiểu thấu ý lòng riêng của Mẹ
Để quê hương gần gụi ngõ vườn sau
Sáng chăm bón, nâng niu gượng nhẹ
Chiều bâng khuâng ngồi nhớ xót xa...

Pomona chiều vàng nắng quê xa
Con kịp về mừng sinh nhật Mẹ
Ngõ vườn sau thoảng hương chanh, hương sả
Cứ ngỡ rằng đang về lại chốn quê...

Pomona 17/10/99

cố xua đuổi, nhưng hình ảnh hai thân thể đầy sinh lực quấn quít lấy nhau bên kia bức tường mỏng, vẫn lẩn quẩn trong óc Dung. Dung quay mặt vào thành ghế, ôm chặt lấy đầu, không muốn nghe tiếng drap sột soạt, tiếng trở mình, tiếng thở rõ mồn một trong đêm vắng lặng. Từ trong chăn nệm, lẩn quất mùi hương đàn ông nồng nàn. Da thịt Dung nóng bừng bừng, có lẽ bị ảnh hưởng bởi chút ít men bia uống hồi chiều. Dung lần vào phòng tắm, thầm nghĩ làn nước mát mẻ sẽ trút bỏ dùm những bứt rứt trên da thịt thanh xuân. Dưới ánh đèn, nền nhà tắm bừa bãi sách báo với những hình ảnh lộ lộ gợi tình làm Dung đỏ mặt. Dung tắm vội vàng. Dòng nước mát lạnh làm Dung dễ chịu.

Ra khỏi phòng, Dung liếc về phía cửa phòng Jim, đầu óc vẫn không cảm thấy yên ổn. Một ý nghĩ thoáng hiện, Dung nhẹ nhàng di chuyển mấy chiếc ghế chặn trước cửa phòng. Trên ghế, Dung cẩn thận kiếm mớ nồi niêu soong chảo chồng chất lên nhau trong cái thế bấp bênh nhất. Dung tính toán chỉ cần Jim mở nhẹ cánh cửa là những món đồ đạc lỉnh kỉnh sẽ rớt xuống gây tiếng động đủ lớn để cho Dung thức dậy và chuẩn bị đối phó. Sắp xếp xong Dung thấy an lòng phần nào, rồi ngủ thiếp lúc nào không hay.

Nửa mê nửa tỉnh, mơ hồ Dung cảm thấy một bàn tay lướt nhẹ nhàng trên da thịt, như vuốt ve, như mơn trớn. Trong giấc ngủ, ý thức Dung biến đâu mất, chỉ còn tiềm thức vật vờ đón nhận cái cảm giác nhột nhạt khó tả, nửa mời mọc, nửa quyến rũ. Từng phân vuông trên da thịt như bừng tỉnh, run rẩy xao xuyến trước cái cảm giác kỳ thú, chơi vơi. Thân hình Dung như sợi dây đàn căng sẵn, cong lên theo bàn tay mơn man nghệ thuật. Rất mơ hồ, Dung thấy bóng ai như đổ chụp xuống thân thể mình và trong một góc tối nào đó, khuôn mặt Thúy lóe lên, tinh quái ranh mãnh.

Sợ hãi, Dung bừng tỉnh, hốt hoảng. Định thần một lúc, Dung mới nhớ ra mình đang ở đâu. Chung quanh vắng lặng như tờ. Nhìn xuống thân thể, Dung thấy mền tung ra tự hồi nào, chỉ còn bộ đồ lót mong manh. Dung mơ hay tỉnh? Tất cả hiển hiện rõ ràng như thật. Dung thẹn thùng nhớ tới cái cảm giác xốn xang trên da thịt. Nhưng còn chồng ghế và mớ soong chảo trước cửa phòng. Tại sao tất cả vẫn y nguyên. Dung bối rối. Biên giới giữa mộng và thực mong manh, mơ hồ. Cũng như biên giới giữa cái đúng và cái sai. Làm sao phân biệt được Thúy đúng hay sai. Thúy buông thả chạy theo thú vui xác thịt hay Thúy tận hưởng sự giao hòa thân thể với người mình yêu. Còn Dung sợ hãi một thân thể khác phái vì cái mặc cảm tội lỗi, vì dâng hiến xác thịt cho người mình yêu trước khi được hợp thức hoá bởi hôn nhân là một tội phạm, hay là vì cái kinh nghiệm kia quá mới mẻ, quá xa khiến Dung sợ hãi. Nghĩ cho cùng Dung bảo vệ cái trinh trắng của mình để dành phần cho ai. Người Dung yêu có quyền đòi hỏi sự hy sinh đó không hay anh ta cũng đã chạy theo thú vui đó đã bao nhiêu lần vui những cô gái khác. Tại sao Dung không thoải mái hưởng thụ những giây phút tuyệt vời với người mình yêu mỗi khi có dịp. Không buông lung cũng không đè nén. Qua giấc mơ Dung thấy rõ da thịt Dung có đời sống riêng của nó, bị dồn ép dưới ý chí kiểm soát, lâu lâu mới có dịp vùng dậy. Nhưng dù sao chăng nữa, Dung vẫn không sẵn sàng chấp nhận tư tưởng bị người xa lạ cưỡng chiếm thân thể Dung trong lúc này. Và theo Dung, dù sao đi nữa hôn nhân vẫn phải là điểm mốc cuối cùng để hai kẻ yêu nhau giao hòa tình yêu xác thịt.

Giấc mơ kỳ quái làm Dung sợ hãi. Dung ngồi bó gối trong bóng tối nơi góc phòng run rẩy như con thú bị dồn vào đường cùng, mắt nhìn trừng trừng vào cánh cửa đóng im ỉm. Được một lúc Dung tỉnh trí lại, đến sopha xếp mền gối như có người đang nằm ngủ, rồi mặc nguyên quần áo, ngồi tựa bức tường gần cửa ra vào, tay thủ sẵn chai thuốc xịt cay mắt, thường xuyên Dung dấu trong ví, sẵn sàng xịt vô mắt Jim rồi tung cửa chạy ra ngoài. Trong tư thế ấy, Dung chập chờn suốt đêm.

Dung dậy thật sớm. Thở phào. Thoát nạn. Vừa hối hả dọn dẹp nồi niêu soong chảo, Dung vừa cười thầm. Dung nấu nước pha ly cà phê đặc sánh, ngồi nhấp từng ngụm nhỏ. Nắng mới lao xao bên khung cửa sổ. Tiếng xe cộ ồn ào bên dưới. thành phố đã thức giấc. Giòng đời nhộn nhịp hối hả. Một tuần lễ lại bắt đầu. Con phố ngái ngủ ngày cuối tuần đang lấy lại mạch sống bình thường.

Tiếng nước chảy rào rào trong phòng tắm, chắc Jim chuẩn bị đi làm. Thúy từ trong phòng bước ra đến gần Dung nhỏ nhẹ:

"Đêm qua bồ ngủ được không? Tôi nghe bồ xả nước tắm."

Dung gạt tay Thúy đang đặt trên vai Dung xuống:

"Người ta có bồ mới. Đâu lý gì tới con nhỏ này nữa. Còn giả bộ hỏi thăm làm gì."●

THỬ ĐI TÌM CÁI TƯƠNG ĐƯƠNG TRONG PHIÊN DỊCH

TRỊNH NHẬT

(Tiếp theo và hết)

4.5 Hai ngôn-ngữ khác nhau về mô-thức kết-hợp-ngữ (collocational patterns)

Kết-hợp-ngữ (collocation) là hiện-tượng trong đó "hai hay nhiều từ-ngữ thường đi chung với nhau một cách "vui vẻ", tự-nhiên trong một ngôn-ngữ nào đó." Thí dụ người Việt ta nói "trà đặc" (*dense tea), "gội đầu" (*wash one's head), "đánh răng" (*beat one's teeth), "đỡ đẻ" ("*assist in giving birth"), "xóm chị em ta" (*our sisters' district) thì nghe xuôi tai, trong khi tiếng Anh họ lại nói "strong tea" (*trà khoẻ), "wash one's hair" (*rửa tóc)", "clean one's teeth" (*làm sạch răng)", "deliver a baby" (*giao đứa bé), "red-light district" (*xóm đèn đỏ).

Tiếng Anh họ nói "break the law" (*bẻ gẫy/phá luật pháp), "beat shyness" (*đánh thẹn-thùng), "kick the habit" (*đá thói quen), "passport to recovery" (*hộ-chiếu/thông hành đi đến chỗ phục-hồi), hay thông thường hơn "passport to health" (*hộ-chiếu/thông hành đến sức khoẻ); trong khi người Việt ta nói "phạm luật", "chữa thẹn", "bỏ thói quen", "chiếu-khán đi đến chỗ phục-hồi," thì nghe mới quen tai. Khác biệt về mô-thức kết-hợp-ngữ giữa ngôn-ngữ gốc và ngôn-ngữ ngọn là mầm mống cạm bẫy đưa phiên-dịch-viên vào chỗ phạm phải lỗi lầm.

Tính-từ "giả" có hơn 10 từ tương-đương trong tiếng Anh như "fake, false, bogus, counterfeit, sham, imitation, reproduction, artificial, forged, assumed, replica, glass, prosthetic..." khi dịch ta phải tùy theo cái gì đi với "giả", nghĩa là từ nào kết-hợp hài hòa với ý-niệm "giả" trong tiếng Anh, để mà chọn từ tiếng Anh cho đúng, chứ không thể "râu ông nọ cắm cằm bà kia". Thí dụ "tiền giả" thì phải (counterfeit notes/coins), "nữ-trang giả" (imitation jewellery), "thuốc giả" (fake pharmaceutical products), "hôn-nhân giả" (bogus/sham/fake marriage), "giấy tờ giả" (forged/fake papers), "chữ kí giả" (forged/fake signature), "chân tay giả" (artificial/prosthetic limbs), "mắt giả" (glass eye), "răng giả" (false teeth), "tên giả" (assumed/false name), "cục vàng giả" (replica gold nugget), còn "bức tranh giả" thì là (reproduction painting). Báo chí Úc đã có lần nói về cuộc hôn nhân giữa Thái tử Charles và công nương Diana trước đây là "sham marriage".

Tính-từ "đen" trong tiếng Việt có thêm bảy dạng khác nhau tùy theo "đen" xuất-hiện, đi chung với danh-từ nào mà người nói có thể sử dụng đúng kết hợp ngữ, dù rằng đó là những kết hợp hạn chế. Thí dụ khi đi với "tóc" thì là "tóc huyền", với "mèo" là "mèo mun", với "chó" là "chó mực", với"ngựa là "ngựa ô", với "gà" là "gà ác", với "bò" là "bò hóng", với "áo" là "áo thâm". Riêng với "mun", "ô", "huyền", ta còn có kết hợp ngữ "đuã mun", "gà ô", "khói huyền" (như trong "khói huyền bay lên mây"); "hạt huyền" (như trong "răng đen hạt huyền").

Trong tiếng Việt khi nói về người mang nặng đẻ đau, có công sinh thành ra mình, ta chỉ nói người đó là "mẹ (ruột, đẻ)", trong khi tiếng Anh họ nói tới nào là "(biological, natural, genetic, birth) mother". Cũng từ thí dụ này ta lại học thêm được một điều nữa về

mô-thức kết-hợp-ngữ trong phiên-dịch. Khi gặp một từ như "mẹ ruột, mẹ đẻ" mà phiên-dịch-viên chưa có dịp tiếp cận nhiều với tiếng Anh đến độ biết được 4 từ vừa nêu để chọn một, thì cứ chiếu theo nghĩa tiếng Việt, may ra có thể chọn được một từ đúng cho từ "mẹ đẻ" là "birth mother", bởi vì "birth" liên hệ tới sinh đẻ, chứ còn "mẹ ruột" mà đem dịch là "*intestinal mother" vì "intestine" là "ruột", thì sẽ nghe không tự nhiên vì không phải là kết-hợp-ngữ điển hình trong tiếng Anh.

Tính-từ "instant" có khả-năng kết-hợp rất rộng rãi trong tiếng Anh như "instant + (cash, coffee, fame, lawn, love, noodle, Scratchies, sell-out, signs, success, boiling water...)" nhưng không có từ tương-đương duy nhất trong tiếng Việt, nên mỗi lần dịch tính-từ này lại là một lần phải suy nghĩ xem tiếng Việt nói thế nào. Đại loại thì người ta có thể tìm lối dịch tương-đương như "tiền mặt trả liền", "cà-phê bột/pha nhanh có liền", "nổi danh/tiếng liền", "thảm cỏ mua sẵn trải liền", "có tình/người yêu liền", "mì gói ăn liền", "vé/hàng-hóa bán ra hết liền", "vé số cạo trúng lấy tiền liền", "biển/bảng vẽ lấy liền", "thành-công liền/tức thì", "nước sôi nấu có liền".

Nói chung thì từ để dịch "instant" là "liền" nhưng ta không thể chuyển-ngữ máy móc được mà phải tùy nó kết-hợp với từ nào mà phải dịch theo lối cắt nghĩa, thêm thắt đôi chút cho hợp với lối nói, lối dùng ý, dùng tứ Việt-Nam, thì người Việt nghe mới quen tai. Hiện-tượng nghe quen tai có thể xảy ra theo "tiến trình giống lông giống cánh" (process of analogy) mà ta đã thấy trong Anh-ngữ. Từ những kết-hợp của tính-từ "heavy" với các danh-từ mà nó bổ-túc nghĩa như "heavy drinker" (sâu rượu), "heavy smoker" (hút liên tu bất tận), "heavy sleeper" (ngủ say như chết), "heavy eater" (ăn khoẻ như trâu) mà nay người bản-ngữ tiếng Anh đã chấp-nhận người ghiền cờ bạc có thể gọi là "heavy gambler", trong khi trước đây có thể họ chỉ chấp-nhận những kết-hợp điển-hình như "big gambler", "compulsive gambler", hoặc mới đây hơn "problem gambler", "addictive gambler", "excessive gambler".

4.6 Hai ngôn-ngữ khác nhau về cụm-từ cố-định và thành-ngữ (fixed and idiomatic expressions)

Cụm-từ cố-định (fixed expressions) là gì? Cứ chiếu theo chữ mà suy ra nghiã thì "cụm từ" là "nhóm từ ngữ", còn "cố định" là "không thay đổi", "khó thay đổi". Muốn định-nghĩa thì ta có thể nói "cụm-từ cố định là nhóm từ ngữ có mô thức kết hợp chặt chẽ, khó thay đổi". Thí-dụ "ruộng cả ao liền", "tóc rễ tre", "con gái rượu", "lên xe hoa", "có điều là", "khổ một nỗi", "khác nhau ở chỗ là", "nói tóm lại". Trong tiếng Anh ta có thể đan-cử nhưng thí-dụ về cụm-từ cố-định như "as a matter of fact" (thật ra), "Ladies and Gentlemen" (Thưa Quý vị), "all the best" (chúc bình an vô sự), " "crime does not pay" (thiên bất dung gian), "a leopard can't change his spots" (chứng nào tật ấy; chó đen giữ mực), "waste not want not" (phí của Trời mười đời không có), "as old as the hills" (xưa như trái đất), "to jump out of the frying pan into the fire" (tránh vỏ dưa gặp vỏ dừa).

Còn thành-ngữ (idiomatic expressions hay idioms) được định-nghĩa là "cụm-từ cố-định, nhưng có cấu trúc chặt chẽ hơn, và nghĩa của chúng có tính hình tượng hoặc gợi cảm". Thí-dụ "ba cọc ba đồng", "chó cắn áo rách", "nhà ngói cây mít", "ông nói gà bà nói vịt". Thí dụ về thành-ngữ trong tiếng Anh "to go to the dogs" (sa chân lỡ bước/lầm chân lạc lối), "to make a mountain out of a molehill" (chuyện bé xé ra to), "to carry coals to Newcastle" (chở củi về rừng).

Như định-nghĩa nêu trên, thành-ngữ dị-ứng, đối-kháng (resistant) mạnh mẽ lại với mọi đổi thay đem áp-đặt lên nó. Nó còn khác với cụm-từ cố-định ở chỗ là nó tối nghĩa, "tổng-hợp nghĩa từng phần của cụm-từ không phải là nghĩa toàn-thể của cụm-từ đó ". Thí-dụ "to have cold feet" nghĩa từng phần là "có bàn chân lạnh", nghĩa toàn-thể là "sợ sệt", hay "to drop a brick" nghĩa từng phần là "đánh rơi hòn gạch", nghĩa toàn-thể là "phạm lỗi".

Tiếng Việt có thành-ngữ "yêu chó chó liếm mặt" có nghĩa là "thương yêu, vồn vã kẻ dưới có thể bị họ lờn mặt, coi thường". Thành-ngữ này nếu được giảng-nghĩa đen cho người phương Tây vốn yêu súc vật, thì rất có thể sẽ bị họ hiểu lầm, vì họ nghĩ: "mình gần gũi thân mật với chó, mình vuốt ve nó, thì nó sẽ đáp lại bằng cách liếm mặt mình, tỏ cử chỉ mến yêu, có gì lạ đâu". Muốn dịch ý của thành-ngữ "yêu chó chó liếm mặt" sang tiếng Anh chắc ta có thể tìm thấy tương-đương gần nhất là "familiarity breeds contempt" (quen thuộc quá hóa khinh thường), mà trong tiếng Việt ta cũng còn nói "gần chùa gọi Bụt bằng anh".

Có ba trường hợp gây khó khăn cho phiên-dịch-viên khi dịch thành ngữ và cụm từ cố định: (1) Thành-ngữ hay cụm-từ cố-định không có tương-đương trong ngôn-ngữ ngọn; (2) Thành-ngữ hay cụm-từ cố-định giống với ngôn-ngữ ngọn, nhưng khác ngữ-cảnh sử-dụng; (3) Thành-ngữ trong ngôn-ngữ gốc được đem dùng với cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng cùng một lúc.

4.6.1 Thành-ngữ hay cụm-từ cố-định không có tương-đương trong ngôn-ngữ ngọn:

Vì mỗi ngôn-ngữ được tự-do chọn lối nói của mình, và mỗi ngôn ngữ tiềm ẩn trong mỗi nền văn-hóa một khác, nên từ-ngữ đặc-trưng văn-hóa cũng khác theo, ta không đòi hỏi, trông đợi ngôn-ngữ này sẽ dùng đúng lời lẽ diễn-tả trong ngôn-ngữ kia để ta có thể đơn-giản-hóa chuyện dịch, làm cho việc dịch trở nên dễ dàng là chỉ phải dịch "lời" mà khỏi phải dịch "ý". Muốn dịch thì ta phải moi lại trong trí nhớ, lục lại trong sách vở, từ-điển tục-ngữ, thành-ngữ, phương-ngôn xem có tìm được cái "ý" tương-đương không. Trong câu "to carry coals to Newcastle" ta sẽ thấy phiên-dịch-viên mỗi nước dịch "ý" một kiểu. Việt-Nam ta thì dịch theo lối nói của người Việt là "chở củi về rừng", Pháp thì họ dịch là "porter de l'eau à la rivière" (to carry water to the river), "chở nước ra sông", Đức thì lại nói "Die Eulen nach Athen tragen" (to carry owls to Athens), "chở chim cú về Nhã-điển". Nhưng cũng có trường hợp không có tương-đương cả về "lời" lẫn "ý". Thí-dụ như ta nói "nợ sách đèn", "tiên học lễ hậu học văn", "phi cao đẳng bất thành phu phụ" thì ta đành phải dịch diễn nghĩa (paraphrase) những câu đó sang tiếng Anh.

4.6.2 Thành-ngữ hay cụm-từ cố-định giống với ngôn-ngữ ngọn, nhưng khác ngữ-cảnh sử-dụng (context of use):

Ta có thí-dụ trong tiếng Anh,"to go to the dogs", có nghĩa là "to lose one"s good qualities", tức là "làm mất đi cái hay, cái tốt của mình". Trong tiếng Đức họ cũng có thành-ngữ giống như thế "Zum Teufel gehen", nhưng trong khi thành-ngữ tiếng Anh dùng để nói về một người hay một nơi chốn nào, thì thành-ngữ tiếng Đức lại có ngữ-cảnh sử-dụng khác, nghĩa là họ chỉ dùng cho người, chứ không cho nơi chốn, mà lại thường có nghĩa là "chết" (to die), hay "bỏ mạng, bị hủy diệt" (to perish). Nói nôm na theo kiểu Việt Nam thì, nếu là người, ta có thể bảo "thằng/con đó như thế là coi như tiêu đời rồi", hoặc, nếu là nơi chốn, thì có thể nói "nơi/khu đó bị mang tiếng quá rồi".

Trong tiếng Việt mình có thành ngữ "cháy nhà ra mặt chuột", nghĩa đen là khi nhà cháy rụi rồi thì chuột chui rúc đâu đó trong nhà nóng quá mà phải chạy ùa ra, không còn ẩn nấp được gì nữa", nghĩa thành ngữ là "do có biến động xảy ra mà phơi bày, lộ tẩy sự thật vốn có, không còn che đậy giấu giếm được nữa". Tiếng Anh họ nói "rats desert a sinking ship", nghĩa đen là "chuột bỏ tàu khi tàu đắm", nghĩa thành ngữ là "người xấu nết khi hữu sự thì bỏ chạy lo lấy mình, không màng ở lại giúp đỡ, yểm trợ cho người khác". Cả hai thành ngữ Việt Anh giống nhau ở chỗ cùng nói về "chuột", hàm ý người xấu, cùng nói về "khi gặp nguy biến", cùng nói về "để lộ tẩy", nhưng câu thành ngữ tiếng Việt không nói rõ là "giấu giếm bản chất người xấu nết thì nết xấu đó là gì", trong khi câu thành ngữ tiếng Anh cho ta thấy rõ "nét xấu đó là tính ích kỉ, chỉ biết lo lấy mình, khi gặp nạn bỏ người khác sống chết mặc bay". Vậy là ngữ cảnh sử dụng cuả hai câu thành ngữ có hơi khác.

4.6.3 Thành-ngữ trong ngôn-ngữ gốc được đem dùng với cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng cùng một lúc:

Đây là trường hợp khó khăn thứ ba. Lấy thí dụ phiên-dịch-viên phải dịch sang tiếng Việt một đoạn tiếng Anh đăng trên báo Anh-ngữ đại-khái có ý như sau: "Sau khi em bé gái 9 tuổi, tên là Mary, ở Luân Đôn bên Anh, bị khám-phá ra là mắc bệnh AIDS, em này đã bị phụ-huynh học-sinh có con em học cùng trường với em tẩy chay, phản-đối với Hiệu-trưởng và Ban Giám-hiệu không cho em vào học vì sợ em sẽ lây truyền bệnh cho con em của họ. Trước sự phản-đối rầm rộ đó, nhà trường đã quyết-định "to send Mary to Coventry", một thị-trấn mạn Tây Bắc Luân-Đôn".

Thành-ngữ "to send someone to Coventry" (đưa người nào tới Coventry) được người ta dùng theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa thành-ngữ, và như thế nó có cả hai nghĩa là: (1) em bị chuyển trường đến thị-trấn Coventry; (2) em bị tẩy chay, không cho đến trường. Trong trường hợp như vậy, vì Việt-ngữ không có thành-ngữ cùng diễn-tả hai nghĩa như trên nên người dịch coi như bị bó tay, không lột tả được "ý" muốn chơi chữ của người viết trong tiếng Anh. Trong chuyện vui cười, tiếu-lâm,

nếu phải dịch chuyện cười nào mà người kể chuyện lấy kiểu chơi chữ làm cơ-bản, chủ chốt, thì phiên-dịch-viên coi như sẽ "lãnh đủ", chỉ còn có nước "cười ra nước mắt" mà thôi.

5. Giải-pháp dịch-thuật

Nhìn chung, trong một số nhưng trường-hợp hiển-nhiên ta thấy có một số tương-đương một-đối-một, tương-đương tuyệt-đối (absolute equivalence), còn lại thì thực-tế cho thấy khác biệt về kinh-nghiệm, văn-hóa, văn-minh, chính-trị, tiến-bộ khoa-học, kỹ-thuật của hai cộng-đồng nói ngôn-ngữ khác nhau là nguyên-nhân khiến cho phiên dịch-viên, trong nhiều trường-hợp, phải đi tìm cái tương-đương tương-đối (relative equivalence), cái tương-đương gần nhất (nearest equivalence), song không phải vì thế mà không phản-ảnh trung-thực mục-đích của tài-liệu ngôn-ngữ gốc. Trong kho tàng khá mới mẻ về chiến-lược chiến-thuật phiên-dịch, mà tiếng Anh họ quen gọi là "translation strategies", hoặc "translation procedures", ta có thể nói đến các giải-pháp dịch-thuật như sau:

5.1 Chuyển-nguyên-ngữ (transference)

Thông-thường khi phải dịch từ Anh sang Việt cho độc-giả là những người đang sống ở nước nói tiếng Anh, người ta dùng lối chuyển-nguyên-ngữ (transference), tức là dùng nguyên chữ tiếng Anh trong bản văn tiếng Việt. Thí-dụ "đi shop", "đi pub", "ở flat", "bán sale", "lãnh lump sum".

Tuy nhiên, một bản văn quảng-cáo gọi một dịch-vụ là "dịch-vụ Break even" thì tôi sợ rằng chuyển-nguyên-ngữ như thế là mình đã đi quá xa, vì không mấy ai hiểu "break even" là gì. Tôi nhớ mang máng đã nghe được quảng-cáo này trên đài phát-thanh ở Melbourne về dịch-vụ giúp đỡ những người ghiền cờ bạc. Liệu có phải dịch-vụ này nhằm giúp người ghiền cờ bạc "không bị thua xiểng liểng nếu đi đánh bạc" hay "đánh thua đậm rồi thì được

MINH HÂN

BA MƯƠI NĂM

Thân tặng các bạn
cựu sinh viên Viện Đại Học Đà Lạt

Ba mươi năm, có phải
Sao tựa áng mây bay?
Ba mươi năm, có phải
Sao lòng mình chưa thay?

Ba mươi năm, có phải
Úp mặt đôi bàn tay
Thấy một trời Đà Lạt
Nghiêng ngả cành thông lay.
Bùi Thị Xuân dáng nhỏ,
Thẹn thùng má hây hây.

Ba mươi năm, có phải
Dốc lên Viện còn đây.
Còn đâu hoa bướm cũ,
Quấn quít bước chân này?
Còn đâu hồ im vắng
Mặt nước gợn bóng mây?

Ba mươi năm, có phải
Nhớ phiến đá, hàng cây
Nhớ hoa đào bừng nở
Đại Học Xá xum vầy.
Chuông giáo đường rền đổ,
Ấm áp tay trong tay.

Ba mươi năm, có phải
Rượu chẳng uống mà say
Nhớ buổi chiều Võ Tánh
Nhớ Hòa Bình ban mai,
Mù sương trùm dãy phố
Mưa lạnh ướt vai gầy.

Ba mươi năm, có phải
Ta vẫn còn nhau đây...

giúp đỡ về mặt y tế, tài-chánh để không bị ảnh-hưởng nặng nề đến cá-nhân mình và những người thân yêu" hay không? Nếu bảo rằng mình cố ý để nguyên chữ, hay chuyển-nguyên-ngữ tiếng Anh như thế để thu hút tò mò của người đọc, người nghe, trong trường-hợp này, thì tôi lại sợ rằng lập-luận đó không vững, vì từ "break even" vừa khó đọc vừa khó nhớ. Tôi cũng đã thấy "dịch-vụ Lifeline" (để nguyên không dịch hay có thể nói là đã dịch chuyển-nguyên-ngữ) cũng là dịch-vụ giúp người ghiền cờ bạc, liệu xem dịch ra là " dịch-vụ Mạch sống (Lifeline)", còn "dịch-vụ Break even" là " dịch-vụ Thủ hòa (Break even)" hay dịch-vụ Thủ huề (Break even)" có phải là giải-pháp hay hơn không, có đúng với mục-đích của dịch-vụ không?

5.2 Chuyển-âm (naturalisation)

Một lối khác tạm gọi là lối chuyển-âm (naturalisation), tức là nhái theo cách phát-âm tiếng Anh, rồi phiên-âm ra tiếng Việt. Thí dụ "lane" chuyển dịch thành ra "lên", "gay (đồng-tính luyến-ái)" thành ra "ghê", "compo" (chữ tắt của "compensation" nghĩa là "tiền bồi-thường") thành ra "com bồ", "lãnh redundancy package" (nghĩa là lãnh trọn gói tiền bồi-thường khi bị cho thôi việc) thành "lãnh bách-kệt", "đánh theo system" (tức là dùng "phương-pháp" đánh bạc nào đó mà người ta nghĩ là có nhiều hy vọng thắng), thành "đánh theo xít-tầm," "bán sale" thành "bán xeo", "làm nail" thành "làm nêu", "thịt kangaroo" thành "thịt căng-gu-ru".

Người ta đã thấy tên người, tên thành-phố, tên quốc-gia đã được dịch theo lối này. Khi chiến-tranh Việt-Nam còn ở giai đoạn đầu, một Bộ-trưởng Quốc-phòng xa xưa của Mỹ đã được đài "Tiếng Nói Mặt-trận Giải-phóng Miền Nam" gọi là tên "Cờ-lác Cờ-líp-phớt" (Clark Clifford). Người Miền Bắc trong nước chỉ biết tới thủ-đô của nước Pháp gọi là "Pa-ri" (Paris) chứ không phải là "Ba-lê". Tòa đại-sứ Úc tại Hà-nội có bảng hiệu đề trước cửa là "Đại-sứ Quán Ốtx-trây-li-a "(Australia).

5.3 Tương-đương văn-hóa (cultural equivalence)

Với những từ biểu-hiện đặc-trưng văn-hóa (culture-specific terms) thì ta dịch bằng từ tương-đương văn-hóa. Thí-dụ "HSC" (viết tắt của Higher School Certificate dùng trong Tiểu-bang NSW) hay "VCE" (viết tắt của Victorian Certificate of Education dùng trong Tiểu-bang Victoria) đã được dịch là "Tú-tài Úc", hoặc "Tú-tài HSC", hay "Tú-tài VCE", hoặc cũng có thể dịch là "Bằng Tốt-nghiệp Phổ-thông Trung-học Úc", nếu muốn nhắm vào độc-giả đã hoặc đang sống dưới chế-độ Cộng-sản ở Việt-Nam.

Có điều trớ trêu là một chức-vụ trong đại-học Anh Úc là Vice Chancellor mà nếu dịch theo tương-đương văn-hóa. thì có lẽ phải dịch là "Viện-trưởng" mới đúng, thay vì "Phó Viện-trưởng", bởi lẽ nhân-vật này là trưởng-nhiệm đại-học, quản-lý cả về học vụ lẫn hành-chánh. Nếu dịch là "Phó Viện-trưởng", thì sẽ bị hiểu sai vai-trò của người giữ chức-vụ đó. Đối với người Việt làm "Phó" cho ai là mình chỉ đóng vai-trò thứ yếu, không có quyền-hành gì, như có lần hồi còn nền Đệ-nhị Cộng-hòa ở Miền Nam, cựu Thiếu-tướng Không-quân Nguyễn Cao Kỳ, nguyên Chủ-tịch Ủy-ban Hành-pháp Trung-ương (tức là Thủ-tướng), đã chua xót, mỉa mai gọi là chức-vụ "Phó Tổng-thống" mà ông đảm-nhiệm sau này là chức-vụ "ngồi chơi xơi nước". Còn "Chancellor" thì có lẽ phải dịch là "Viện-trưởng Danh-dự" vì nhân-vật này không trực-tiếp điều-hành đại-học, chỉ có tên trên danh-nghĩa, đảm-nhiệm một chức-vụ danh-dự.

Khi nói về chuyện sinh đẻ, tùy theo kiến-thức văn-hóa của độc-giả mà ta phải dịch thời-gian có bầu, mang thai của phụ-nữ bằng "ngày tháng" thay vì bằng "tuần-lễ". Thí dụ với câu tiếng Anh "She's 20 weeks pregnant" (Cô ấy có bầu được 20 tuần), ở Úc, ở Việt-Nam có khi ta phải dùng tương-đương văn-hóa mà dịch là "Cô ấy có bầu được năm tháng". Tương-tự "The baby weighs six pounds" (đứa bé cân được 6 cân Anh) phải dịch là "đứa bé cân được hơn 2 kí 7". Hoặc "The two houses are 100 yards apart" (Hai nhà cách nhau 100 mã Anh) phải dịch là "Hai nhà cách nhau chừng 100 thước". Nếu dịch cho độc-giả Việt-Nam ở Mỹ, tức là những người đã quen với hệ-thống đo-lường của Anh Mỹ, thì ta phải tính chuyện khác. Chúng ta cũng đừng quên là người Việt ở Mỹ nay đã quen dùng "miles" để nói về khoảng cách đoạn đường xa gần và dùng độ Farenheit để chỉ nhiệt độ thời tiết.

Nói chung là ta phải biết mình đang dịch cho ai và họ hiểu được đến đâu, họ quen nghe lối nói nào. Người Anh, người Úc, người Mỹ họ gọi cái nhận-thức đó là "common sense" mà họ đã định-nghĩa ra là "năng-khiếu

tự-nhiên khiến người nào có phán-đoán thích-ứng, có hành-động thực-tiễn và hợp lý", mà tôi quen gọi nó là "nhận-thức thông thường".

5.4 Tương-đương chức-năng (functional equivalence)

Cũng lại với nhưng từ-ngữ biểu-hiện đặc-trưng văn-hóa, ta còn có thể phải áp-dụng lối dịch tương-đương chức-năng, tức là dùng một từ chung, tổng quát cộng thêm với một từ hay cụm-từ mới mô-tả chi-tiết nhiệm-vụ, chức-năng. Thí-dụ "Shadow Cabinet' dịch là "Nội-các đối-lập' (chữ "Cabinet' dịch là "Nội-các' còn chữ "Shadow' nghĩa đen là "Bóng tối', nhưng nếu dịch sát nghĩa sợ người đọc không hiểu, nên phải dịch là "đối-lập'). Tôi đã được nghe thông dịch viên hội nghị quốc tế của Hà Nội dịch 'Shadow Cabinet' là 'Nội các Bóng'. Tôi không hiểu từ này đã được dịch như thế ở Việt Nam hay là vì tính cấp thiết do công tác đòi hỏi mà thông dịch viên, người tôi thấy đã chứng tỏ có đầy đủ khả năng và nhiều kinh nghiệm, phải vội ứng biến như vậy.

Một kiểu khác nữa là cắt nghĩa chức-năng cộng thêm với chuyển-nguyên-ngữ đặt trong hai ngoặc đơn. Thí dụ "Open Day' thì dịch là "Ngày nhà trường mở cửa giới-thiệu sinh-hoạt, tiện-nghi cơ-sở cho công-chúng vào xem (Open Day)'.

Hay có thể dịch ngắn gọn hơn là 'Ngày giới thiệu trường/cơ cở'(Open Day)' cũng đâu có sao? Tương-tự ta có từ "Red-Nose Day', đem dịch ra thành "Ngày quyên tiền/yểm-trợ cho công-cuộc nghiên-cứu hiện-tượng trẻ em chết trong nôi (Red-Nose Day)', mặc dầu còn thiếu yếu-tố "mua mũi nhựa tròn màu đỏ bằng plastic đeo vào mũi'.

THÔNG BÁO VỀ VIỆC THAY ĐỔI SỐ ĐIỆN THOẠI VÀ FAX

Kể từ tháng Chín năm 1999, báo Thế Kỷ 21 thay đổi số Điện thoại và số Fax như sau:

Dùng chung cho Telephone và Fax: (714) 839-8746

Địa chỉ vẫn như cũ.

5.5 Tương-đương miêu-tả (descriptive equivalence)

Ngoài lối dịch tương-đương chức-năng, ta còn có thể dùng lối dịch tương-đương miêu-tả, nhưng tùy theo mục-đích của tài-liệu ngôn-ngữ gốc mà ta phải cân đo chọn giữa miêu-tả (description) và chức-năng (function). Thí-dụ "boomerang" được miêu-tả là "cái khúc cây cong cứng, đẽo thành hình giống như cái lưỡi liềm của Thổ-dân Úc", còn chức-năng của nó là "dùng làm vũ-khí phụ-gia để săn bẫy chim muông". Khi dịch chư "Continental breakfast" ta phải miêu-tả như sau: "bữa điểm-tâm nhẹ gồm có bánh mì (hay bánh sừng bò) ăn với mứt ướt (công-phi-tuya), uống cà-phê hay trà". Lối dịch giảng-nghĩa này có thể dùng làm cước chú (footnote), trong trường-hợp dịch một đoạn truyện ngắn hay tiểu-thuyết mà chi-tiết này không cần-thiết, còn trong truyện thì có thể chỉ để "bữa điểm-tâm nhẹ" là đủ, mặc dù không thấy nói gì đến chuyện phân-biệt giữa "Continental" nghĩa là "Âu-lục" với "Quần-đảo Anh" (The British Isles).

Từ "hitch-hiking backpackers" dịch theo lối miêu-tả là: "khách du-lịch đeo ba-lô thường đứng bên đường vẫy xe hơi/xe vận-tải xin đi quá giang". - Việt-Nam nay họ gọi những anh chàng này là "khách du-lịch ba-lô" hay "Tây ba-lô", có thể là yếu-tố "vẫy xe đi quá giang" không xẩy ra. Từ "chemical castration" nghĩa là "trích cho tội-phạm chuyên-trị hiếp-dâm bằng những hoá chất để khiến cho họ không còn thấy hứng tình nữa". Ý niệm "castration" thì người Việt ta có, vì ta quen với việc "thiến chó", "thiến mèo", "thiến gà", "hoạn lợn", nhưng ta chưa thấy ai nói "dùng thuốc để thiến", mà nếu nói "dùng thuốc để diệt dục" thì liệu có sợ bị hiểu lầm là theo triết-lí nhà Phật mà diệt mọi thứ dục-vọng trên đời, mầm mống của mọi khổ đau, hay không?

5.6 Dịch phóng-từ (calque)

Lối dịch phóng-từ này (tiếng Pháp quen gọi là "calque") còn gọi là lối dịch suốt (through translation), lối dịch vay mượn (loan translation), lối dịch ngữ nghĩa (semantic translation), hay lối dịch trực-nghĩa (literal translation). Động từ "calquer" trong tiếng Pháp nghĩa là "căn-ke", "tô lên", "phóng lên", "đồ theo". Lối dịch phóng-từ được áp-dụng khi dịch nhưng kết-hợp-ngữ thông thường (collocations), tên các tổ-chức, cơ-quan, thành-phần của những từ-kép thông thường.

Thí-dụ ta dịch "galloping inflation" là "lạm-phát phi-mã", "European Union" là "Liên-hiệp Âu Châu", "International Monetary Fund (IMF)" là "Quĩ Tiền-tệ Quốc-tế (IMF)", "call girl" là "gái gọi", "eyeball" là "nhãn cầu", "superman" là "siêu-nhân". Nhìn chung ta thấy từ nào cũng được dịch "đồ theo" theo nguyên-nghĩa của từ ấy, còn thứ-tự, vị-trí của từ thì được sắp xếp lại theo cú-pháp tiếng Việt. Ngoại trừ trường-hợp dùng tiếng Hán-Việt, thì vị-trí của từ không thay đổi, chẳng hạn như "nhãn cầu," "siêu-nhân". Trong từ "siêu-nhân" thì "super" phóng ảnh nghĩa của nó ra là "siêu", "man" phóng ảnh nghĩa của nó ra là "nhân", thay vì dịch theo thứ-tự tiếng Việt là "*người đàn ông siêu đẳng" là từ mà người Việt ta chưa quen nói.

Là người phiên-dịch, ta cũng phải thận-trọng trong lối dịch phóng-từ này, chớ tự sáng-tác phóng tay. Từ dịch phóng phải là nhưng từ đã nghe quen tai, bằng không ta sẽ có những cấu-trúc, lối nói đầy dịch-tính (translationese) mà diễn-nghĩa nôm na là văn Ta thì sặc mùi phô-mai, văn Tây thì sặc mùi nước mắm. Tỉ dụ như "Season's Greetings" mà dịch là "*Những Lời Chào Mừng của Mùa", thay vì "Cung Chúc Tân Xuân", hay "Chúc Mừng Năm Mới", hoặc "body language" dịch là "*ngôn-ngữ thể-xác", thay vì tùy trường-hợp, ngữ-cảnh, văn mạch mà phải dịch là "cử chỉ", "bộ điệu", "vẻ mặt", "thái-độ", "hành-động", "ứng-xử không lời" (non-verbal communication) hay "ngôn-ngữ không lời".

Có người sẽ không chấp-nhận dịch "body language" là "ngôn-ngữ không lời" vì lí do giản-dị là "đã là ngôn-ngữ thì phải có lời" và sẽ kết-luận rằng " dịch như thế là sai, là mâu-thuẫn, không hợp-lí". Đối với những người này, ta có thể viện-dẫn hai điểm: (1) không thể đòi hỏi ngôn-ngữ phải hợp-lí, phải có lô-gích, nhiều khi ta tưởng là cái hợp-lí đối với ngôn-ngữ này, thì lại không hợp-lí với ngôn-ngữ kia, hoặc ngay trong cùng một ngôn-ngữ chỗ này hợp-lí mà chỗ khác thì không; (2) tiếng Anh họ đã nói "human language" mà mình đã dịch là "ngôn-ngữ loài người", trong sách vở họ đã viết "animal language" mà mình đã dịch đâu đó là "ngôn-ngữ loài vật" và nghe coi bộ xuôi tai, có thể chấp-nhận được, mặc dù biết rằng loài vật đâu có nói thành lời, đâu có ngôn-ngữ, có chăng là thứ ngôn-ngữ được ta hiểu là tiếng kêu, tiếng gọi, hoặc điệu vũ ra hiệu cho nhau. Dịch "body language" là "*ngôn-ngữ thể-xác" mà tôi đã được nghe, có thể bị người ta hiểu lầm vì chữ "thể xác" gợi ý "nhục dục của thân thể".

Trong ngôn ngữ học có môn ngữ-dụng-học (pragmatics) là môn nghiên-cứu về ý định của người nói và ý lãnh-hội được, ý hiểu được của người nghe. Nếu bản văn gốc trong đó "ông nói gà", mà trong bản văn ngọn "bà hiểu vịt" thì như thế tức là phiên dịch viên đã không thực hiện được cái "tương đương ngữ dụng" (pragmatic equivalence). Áp-dụng máy móc lối dịch phóng-từ để dịch "Rape Centre" thành "Trung-tâm Hiếp-dâm" thì chỉ tổ vô tình "nối giáo cho giặc". Còn "Justice of the Peace (JP)" (ở Úc nghĩa chính của cụm từ này là người kí tên chứng nhận công chứng thư) mà đem dịch là "Thẩm-phán Tòa-án Công-lí Hòa-bình" vào tấm danh-thiếp của mình khi giao dịch với đồng bào ở quê nhà là cố ý "nhập nhằng đánh lận con đen".

6. Kết luận

Trong việc dịch thuật nó có cái bất-công ở chỗ là khi mình dịch hay, dịch đúng thì cũng không mấy ai biết mà khen vì họ đâu có bản văn gốc đem đối chiếu để mà biết những cam go, cạm bẫy mà người dịch đã trải qua, đã tháo gỡ. Độc-giả coi đó như là chuyện tự nhiên, không thắc mắc. Chỉ khi nghe thấy cái gì lạ tai, đọc thấy cái gì gai mắt thì lúc đó người nghe, người đọc mới nhăn mặt, cau mày, chê lấy chê để. Chuyện dịch thuật, nhất là trong lúc bị công việc thúc bách, đòi hỏi ứng phó tức khắc, hoặc trong lúc phải dịch liên miên, ngày này qua ngày khác, thì "đi đêm lắm cũng có ngày gặp ma". Ai mà chả vậy. Kể cả những dịch-giả "số dzách" hoàn vũ, chắc là họ cũng biết trọng chữ thành chữ tín để không ngần ngại mà nhìn nhận rằng mình đã có hơn một lần lầm lỗi.

Tôi nhớ lại gần hai chục năm về trước trong Ban Việt-ngữ Đài BBC Luân-đôn, vào đầu năm 1980, khi Chủ-tịch Nhà Nước Cộng-sản Việt-Nam Tôn Đức Thắng từ trần, thì bỉnh bút Đài BBC thời đó là bà Judy Stowe có viết bài ai khải (obituary) nói về công-đức và sự-nghiệp của ông này để cho phát thanh về Việt-Nam. Trong bài viết, nữ kí giả người Anh này có dùng chữ "figurehead" để mô-tả vị Chủ-tịch họ Tôn. Từ "figurehead" này đã được

một người bạn đồng-nghiệp của tôi thời đó dịch là "bù nhìn", thì bị một đồng-nghiệp khác phản-đối, cho rằng dịch như thế là không đúng, vì "bù nhìn" nghĩa là "puppet". Tôi không nhớ là anh đồng nghiệp tố giác bạn mình dịch sai đã đề nghị chữ nào mới là dịch đúng, mà chỉ còn nhớ là nội vụ sau đó được đem ra trình với anh Trưởng ban Việt ngữ người Ăng-lê. Tưởng cũng nên nhắc lại ở đây là Chính-phủ Hà-nội đã gọi Chính-phủ Việt-Nam Cộng-hòa trước kia là "Chính-phủ Nguỵ" mà tiếng Anh đã được dịch ra là "Puppet Government", có nghĩa là "Chính-phủ bù nhìn".

Nếu gọi ông Tôn Đức Thắng là "bù nhìn", dịch từ chữ "figurehead" ra, có đúng không? Theo tôi nghĩ, nếu chúng ta được dịp đọc kĩ lại bài viết của bà Judy Stowe để xem thêm giọng điệu, chê hay khen, của bà trong toàn bài ai khải thì may ra ta có thêm ý kiến để có thể quyết-định chọn chữ nào dịch cho đúng, mà chữ đó chưa biết chừng trong từ điển chưa có, hoặc không có liệt-kê dùng để dịch chữ "figurehead".

Nói tóm lại, khi đi tìm cái tương đương để dịch sao cho đúng, sao cho chính-xác, hay nói đúng hơn sao cho thích-hợp (appropriate), không phải là chuyện dễ. Nó tùy thuộc vào nhiều yếu-tố, chẳng hạn như mục-đích tài-liệu, thể-loại tài-liệu, đối-tượng độc-giả, thực thể cuả hai ngôn ngữ mục tiêu ..., mà nếu nói hết ra thì loạt bài này còn có thể phải kéo dài thêm được ít nhất là 10 bài nữa và như thế chắc sẽ nhàm tai, mỏi mắt quý vị độc giả, nhất là đối với những vị nào không màng nhiều đến chuyện dịch thuật, đến chuyện tiếng Tây tiếng Ta.

Vì khuôn khổ hạn hẹp cuả tờ báo, nên cuộc hành trình "đi tìm cái tương đương trong phiên dịch" tới đây vẫn chỉ là cuộc lặn lội đi tìm, mà chưa thực sự là đã tìm thấy hết nơi hết chốn. Âu cũng là dịp để dành cho quý độc giả nào mê thơ cuả Hồ Dzếnh khỏi phải thất vọng vì "Đời hết vui khi đã vẹn câu thề".●

Tài liệu tham khảo

Baker, M. *In Other Words: A Course Book on Translation.* London: Routledge, 1992.

Benson,M., E. Benson, R. Ilson. *The BBI Combinatory Dictionaryof English. Amsterdam: John Benjamins, 1993.*

Carter, R. Vocabulary: Applied Linguistic Perspective. London: Allen & Unwin, 1987.

Collins Cobuild English Dictionary. London: HarperCollins, 1995.

Đào, Duy Anh. *Hán Việt Từ Điển* (ấn bản in lại). Hồ Chí Minh: NXB TP HCM, 1996.

Fernando, C. *Idioms and Idiomacity.* Oxford: Oxford University Press, 1996.

Hoàng, Phê. *Từ Điển Tiếng Việt.* Hà-Nội: NXB Giáo-dục, 1996.

Kirkpatrick,E.M. and C.M. Schwarz (eds). *Idioms.* Edinburgh; Chambers, 1991.

Mai, Ngọc Chữ, V.Đ, Nghiệu, H.T. Phiến. *Cơ sở Ngôn ngữ học và tiếng Việt.* Hà Nội: NXB Đại học và Giáo dục Chuyên nghiệp, 1991.

Nattinger, J.R. and J.S. DeCarrico. *Lexical Phrases and Language Teaching.* Oxford: Oxford University Press, 1992.

Newmark, P. A *Textbook of Translation.* London: Prentice Hall, 1988.

Nguyễn, Đình-Hoà. *Vietnamese (Tiếng Việt không son phấn).* Amsterdam: John Benjamins, 1997.

Nguyễn, Như Ý, N.V. Khang, P.X. Thành. *Từ điển Thành ngữ Việt Nam.* Hà Nội: NXB Văn Hóa, 1993.

Thompson, L.C. *A Vietnamese Grammar.* Seattle: University of Washington, 1965.

Tiếp tục phát hành bộ

VĂN HỌC MIỀN NAM

của VÕ PHIẾN

Sau khi *Văn Học Miền Nam* phần Truyện gồm ba cuốn đã ra mắt bạn đọc trong tháng qua, phần còn lại

VĂN HỌC VIỆT NAM

- Ký (hai cuốn)
- Kịch - Tùy bút (một cuốn)

đã in xong và vừa phát hành.

Nhà xuất bản

VĂN NGHỆ

P.O. Box 2301

Westminster CA 92683 - USA

Tel & Fax: (714) 527-5761

(Ngân phiếu, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ)

CHÂN DUNG ÔNG TỐ HỮU

(Bài hai)

THANH PHONG

Thực ra, người viết đã nghĩ là sẽ không ghi chép, bình luận thêm gì về chân dung ông Tố Hữu nữa. Nhưng đọc báo trong nước, lại thấy ông Tố Hữu tự tô đậm thêm chân dung của ông một lần nữa, nên cũng xin chép lại để giới thiệu với các bạn. Số là, sau khi cuốn "Chân Dung Và Đối Thoại" của Trần Đăng Khoa ra mắt độc giả, dư luận trong nước khá xôn xao, bạn đọc kẻ khen người chê, người thì cho là Trần Đăng Khoa mạnh dạn "xé rào" dám đưa ra một phần sự thật về các nhà văn, kẻ lại chê là tác giả "láo lếu" dám "xỏ ngầm" các bậc đàn anh khả kính. Tờ "An Ninh Thế Giới" (ANTG) quan tâm đến "an ninh văn hóa" nước nhà, đã cử nhà báo N.N.P. phỏng vấn ông Tố Hữu để xin ý kiến của ông về bài Trần Đăng Khoa viết về ông. Trong ANTG số 117, có đăng bài phỏng vấn đó.

Trả lời câu hỏi của nhà báo công an, ông Tố Hữu nói:

"Chú chưa có ý kiến gì đâu. Cứ để các nhà phê bình, bạn đọc lên tiếng đã. Rồi sau đó chú sẽ có tiếng nói chính thức. Mà có lẽ tốt hơn cả là chú gọi Khoa tới... như ngày xưa Khoa còn bé tý. *Mà này, cháu ở Văn hoá - Văn nghệ Công an hả. Chà chà, phải cẩn thận khi phát ngôn đấy. Kẻo người ta bảo ông Tố Hữu dùng "Công an đánh Khoa" thì gay. Cháu cứ ghi ý kiến của chú, đăng báo nào thì tuỳ, nhưng đăng ở Công an... Từ từ nhé!"*

Quả là ông nhà thơ tỏ ra... "khôn" thật. Ông dặn anh nhà báo công an phải cẩn thận... "Kẻo người ta bảo ông Tố Hữu dùng "Công an đánh Khoa" thì gay"! Tố Hữu làm như tuồng ông chưa hề bao giờ dùng công an "đánh" một văn nghệ sĩ nào cả! Chưa hề bao giờ bắt bớ, giam cầm và bỏ tù văn nghệ sĩ cả! Các văn nghệ sĩ là nạn nhân còn sống sót sau bao cuộc đàn áp - mà ông Tố Hữu là một trong những người phải chịu trách niệm chính - nghĩ thế nào khi nghe ông nói thế?

Rồi ông Tố Hữu nói tiếp:

" ... Tôi và anh Xuân Diệu phát hiện ra Khoa, bồi dưỡng Khoa. Tập thơ "Góc sân và khoảng trời" đến bây giờ vẫn giữ nguyên giá trị... Sau này, Khoa không được như trước nữa, có lẽ là vì "đứt rễ", vì phải xa cái sân gạch nhà mình, xa cây na ngày gọi chim, đêm gọi trăng... Nhà văn, nhà thơ mà xa mảnh đất đã làm nên mình là hỏng. *Đặc biệt sai lầm là cái việc đưa Khoa đi học Trường viết văn Goócki. Làm gì có trường dạy viết văn. Nghề văn không dạy được. Nhà văn hình thành là do cuộc sống, do một năng khiếu bẩm sinh. Nhà văn là phải học ở trường đời. Tôi cho Trường viết văn Nguyễn Du là thứ tào lao, không nên có. Chỉ nên mở lớp bồi dưỡng khoảng một năm."*

Đúng quá! "Làm gì có trường dạy viết văn. Nghề văn không dạy được. Nhà văn hình thành là do cuộc sống, do một năng khiếu bẩm sinh. Nhà văn là phải học ở trường đời." Điều này trước đây nhiều người đã nói, nhưng ông Tố Hữu cũng như các vị lãnh đạo khác của Đảng có chịu nghe đâu?! Còn... bây giờ thì ông nói thế, một lần nữa ông lại "phịa như thật"! Làm như tuồng trước đây ai đấy đã quyết định làm cái "thứ tào lao" đó, tức là bày ra Trường viết văn Nguyễn Du, là cử sinh viên đi học ở Trường viết văn Goócki, chứ không phải ông Tố Hữu, người đã "thống lĩnh" văn học nghệ thuật Việt Nam xã hội chủ nghĩa suốt mấy chục năm trời! Ông cũng cố lờ đi cái mục đích chính của trường viết văn do Đảng của ông bày ra. Đảng mở ra trường viết văn đâu có phải để dạy viết văn - như ông nói bây giờ - mà chính là để nhồi sọ cho các nhà văn tương lai cái đầu óc tuyệt đối phục tùng Đảng, hết lòng hết sức phục vụ cho đường lối của Đảng. Những thứ đó các ông lãnh đạo Đảng thường gọi là "tính đảng trong văn học nghệ thuật"! Hay là "trau giồi thế giới quan mác-xít lê-nin-nít"!

Đọc câu trả lời của Tố Hữu, tôi bỗng liên tưởng đến một chuyện thật chua xót thế này: sau khi đã giam cầm, bỏ tù một loạt văn nghệ sĩ hoàn toàn vô tội, hay chỉ có cái "tội" tha thiết ước muốn tự do, trong cái gọi là "vụ án Nhân Văn Giai Phẩm", ngày 25.7.1961, ông Tố Hữu đọc một bài diễn văn quan trọng, nhan đề "Đào tạo những nghệ sĩ mới của dân tộc", trong đó ông nói: "Chúng ta giàu cái gì nhất? *Giàu tự do.* Tự do là điều kiện thiết yếu của nghệ thuật. Tự do là nước, nghệ thuật là cá. Không có tự do, nghệ thuật không sống được và sẽ chết. Nếu không có ý thức đầy đủ về điều đó, thì nghệ thuật không thể phát triển được" (chép đúng nguyên văn, xem tr. 261 sách "Xây dựng một nền văn nghệ lớn xứng đáng với nhân dân ta với thời đại ta" của Tố Hữu, Hà Nội 1973). Xin nhắc lại: cái chúng ta giàu nhất là tự do!!! Đấy, cái tài - có thể gọi là nghệ thuật - "phịa như thật" của Tố Hữu là như thế đó: cái đúng và cái bịp, cái thật và cái phịa xen kẽ nhau, xoắn quyện nhau, khó mà "lần" cho ra... Nhắc lại điều này để thấy chân dung ông Tố Hữu gần 40 năm trước và bây giờ về cơ bản không có gì thay đổi mấy!

Ông Tố Hữu nói tiếp với nhà báo công an:

" ... *Nhưng mà này, tôi có cảm giác Khoa đang sống xa dân, xa cuộc sống thật... Nguy đấy.* Gần đây, văn học nước nhà không có cuốn tiểu thuyết nào gây ấn tượng. *À, tôi thấy có câu này không ổn. Khi nói đến Đảng, đến Bác là chúng ta hay nói "ơn Đảng, ơn Bác Hồ". Nói thế Bác buồn đấy. Phải là "ơn dân" rồi mới đến Đảng, đến Bác."*

Một lần nữa, ông Tố Hữu lại tỏ rõ biệt tài "phịa như thật". "Nói thế Bác buồn đấy"! Đạo đức giả làm sao! Tố Hữu làm như hồi sinh thời, ông Hồ coi trọng dân hơn Hồ Chủ tịch, coi trọng dân hơn đảng cộng sản. Lẽ nào ông trưởng ban tuyên huấn của Trung ương Đảng lại không biết chuyện ông Hồ đã dùng tên giả, tự tay mình viết sách (không phải chỉ một cuốn!), viết báo (không phải chỉ một bài) để ca tụng mình? Lẽ nào ông lại không biết là trong sách do ông Hồ viết, chính ông Hồ đã tự tôn vinh "Hồ Chủ tịch là Cha già dân tộc"? Nếu ông biết thì xin ông trả lời thành thật: "Thế thì Bác Hồ của ông đặt dân trên Bác hay Bác trên dân"?

Ông Tố Hữu cố tình quên là trước đây chính ông và "đội quân" tuyên huấn của ông là những kẻ gieo rắc tệ sùng bái cá nhân ông Hồ tích cực nhất, lắm khi đến lố bịch. Chắc ông Tố Hữu cố quên chuyện thật này: hồi đầu năm 60, một số người Hà Nội đã đề nghị dựng tượng các anh hùng dân tộc Lê Lợi và Nguyễn Trãi tại thủ đô Hà Nội, thì chính ông Tố Hữu đã bác đi và nói: "Chỉ khi nào ở thủ đô dựng tượng Bác Hồ rồi thì lúc đó mới được dựng các tượng khác của các anh hùng dân tộc"!

Mà thực ra, chẳng đợi ban tuyên huấn đảng làm chuyện gieo rắc tệ sùng bái cá nhân ông Hồ, chính bản thân ông Hồ cũng đã tự mình làm việc đó thật hăng say. Chuyện đó không còn là điều "tối mật" nữa.

Biết rằng cái thế của mình không còn "hét ra lửa" như xưa, ông Tố Hữu tỏ ra dịu dàng, "độ lượng" (chữ này của nhà báo N.N.P.) đến cảm động khi nhận xét bài viết của Trần Đăng Khoa:

" ... Nhưng thôi, bài viết thế là tốt... *Viết như thế có gì đâu mà không phải với tôi. Ở, mà tại sao có người lại tức giận hộ cho tôi nhỉ...* Khoa phải cẩn thận lắm mới có thể vượt qua "Góc sân và khoảng trời" nhà mình. Từ đó đến nay đã 30 năm rồi còn gì. *Vậy mà sau lưng Khoa trống đấy. Cháu là công an hả, phải thổi còi cho Khoa thôi. Nhưng đừng để nó giật mình, ngã xe nhé!"*

Và anh công an đã thổi còi... Còn chúng ta được thấy thêm vài nét nữa trên chân dung của Tố Hữu.

*

Tiếng Vọng về bài CHÂN DUNG ÔNG TỐ HỮU (TRANH KHẢM)

Sau khi "Chân dung ông Tố Hữu" (bài 1) được đăng báo, người viết nhận được hồi âm của khá nhiều bạn đọc từ các nơi gửi đến góp ý kiến và bổ sung thêm nhiều chuyện mới khắc họa thêm những nét sống động cho chân dung. Người viết xin chân thành cảm tạ các bạn và xin phép chép ra đây mấy bài. Chúng tôi cố giữ nguyên phong cách, ngôn từ của các bạn gửi bài.

Cây táo ông Lành

Một bạn trong nước nói rõ bài "Tên Lành mà dạ chẳng lành..." lưu truyền từ hồi cuối những năm 70 và kể thêm một chuyện sau:

Năm 1974, nhân dịp ngày quốc tế thiếu nhi (ngày 1/6), tuần báo Văn nghệ có đăng truyện ngắn "Cây táo ông Lành". Chuyện kể về một ông già tên là Lành, có cây táo mọc trong

vườn sát đường đi học của lũ trẻ trong làng. Bọn học trò thường vít cành bứt quả khiến ông bực tức và dùng vải đen tạo ra một ổ kiến lửa trên cây, dọa trẻ con. Lũ trẻ con trông tổ kiến giống đầu lâu đen sợ hãi, và tránh, đi lối khác, "không đi theo con đường ông Lành nữa". Lão Lành giữ được cây táo thì mất lũ trẻ con ríu rít hàng ngày qua lại. Lão tìm cách giải thích cho trẻ con đấy không phải là đầu lâu đen, nhưng chẳng đứa trẻ nào tin.

Tên cúng cơm của ông Tố Hữu là Lành. Hồi đó, ông đang ở trên "đỉnh cao muôn trượng" của quyền lực, thế là họ truy tìm lý lịch người viết. Lũ bồi bút "phê bình" văn học mang kính lúp ra soi, nào là "đầu lâu đen" viết tắt là ĐLĐ, ám chỉ Đảng Lao động Việt nam, nào là "không đi theo con đường ông Lành nữa," nghĩa là không đi theo con đường của Đảng... Tác giả bài báo phải "chịu sóng gió" một thời, nhưng may thay, anh là một thương binh có hạng, không thì cũng khó sống yên với họ.

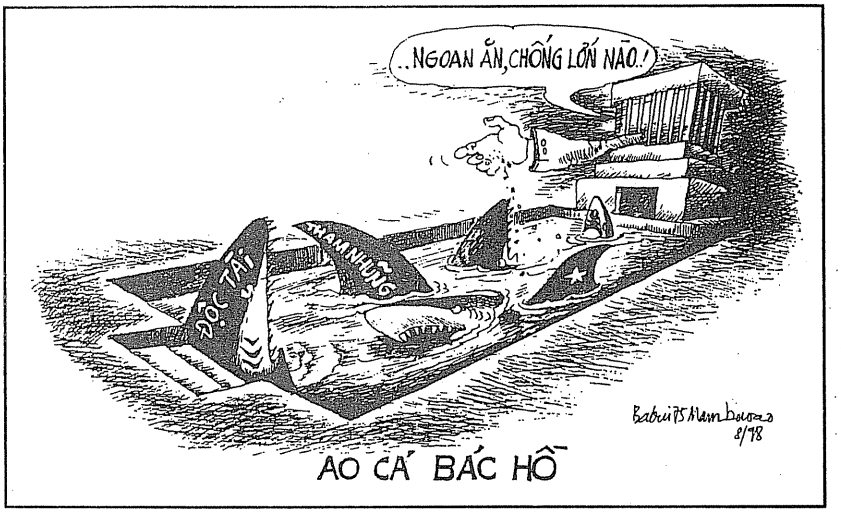

"Khơi lại những ý thích tầm thường"

Một bạn khác cũng ở trong nước kể lại:

Dạo ấy, Nguyễn Tuân bị Tố Hữu phê phán nặng vì bài "phở" và "giò lụa" với tội danh "tư tưởng hưởng lạc," "tầm phào," "khơi lại những ý thích tầm thường." Chuyện đó xảy ra sau khi quân ta vào Hà Nội vài năm, nên cái "tội" có "tư tưởng hưởng lạc," "khơi lại ý thức tầm thường" là nặng lắm, vì nó thuộc về lập trường giai cấp, đó là biểu hiện tư tưởng tư sản, tiểu tư sản, biểu hiện sút kém tinh thần cách mạng, điều mà Lê Duẩn thường "lên gân" nhắc nhở cán bộ.

Thế nhưng, vào thời đó ở Miền Bắc, người ta (cụ thể là ban bảo vệ sức khỏe lãnh đạo, được lập nên do sáng kiến của Lê Đức Thọ và Trần Quốc Hoàn) cũng đã bí mật... "khơi lại những ý thích tầm thường" và "tư tưởng hưởng lạc"... cho "các cụ" lãnh đạo. Không phải bằng văn học như Nguyễn Tuân, mà "bằng công việc thiết thực," tức là tuyển dụng các cô gái trẻ để thành lập khoa "lý liệu pháp" hay về sau đổi tên là "vật lý trị liệu" (tiền thân của massage - xoa bóp - sau này) chuyên "phục vụ" cho "các cụ" lãnh đạo. Bọn quân sư lý luận rằng "cơ thể là một khối thống nhất" cho nên phải làm "thức tỉnh" tất cả các cơ quan chức năng của "các cụ" để các cụ minh mẫn đưa dân ta ra khỏi con đường lầm than.

Đứa con trai nhỏ "ngoài giá thú" của Ba Duẩn sinh hạ chính là trong dịp này. Chuyện ồn lên ở Hà Nội một dạo. Sau phải đưa cả hai mẹ con đứa bé vào Miền Trung bộ Việt Nam sống. Nghe nói năm 1986 khi Lê Duẩn chết, cô ta ra dự tang và xuất hiện trên màn ảnh TV.

Ao cá Bác Hồ

Chuyện này cũng do một bạn trong nước gửi cho:

Năm 1979, trong nước rộn lên phong trào "Ao cá Bác Hồ," tác giả chính là Tố Hữu. Chuyện thế này: ở các vùng thôn quê, người ta huy động thanh thiếu niên đào ao cá Bác Hồ, cá giống được các bô lão thuê xe ca "Ba Đình" gióng trống mở cờ lên tận nhà sàn Bác nhận cá giống. Đúng là cá "thần" thật, chỉ một vài chục con thả xuống, sau thời gian ngắn đàn cá sinh sôi nảy nở phục vụ cho dân làng lễ Tết. Trước đó, từng gia đình người ta thả cá ở ao nhưng... ít khi được xơi. Lý do thì nhiều: nào là mưa to, cá trôi sạch, nào là bọn đạo chích câu trộm, nào là cá chết vì bệnh... Vì thế sáng kiến của Tố Hữu được báo chí khen rầm rộ. Lạ lùng thế này: trường đại học thủy sản, đào tạo các kỹ sư nuôi cá nước mặn, nước ngọt, nước lợ... mà không con nào sống cả, nhưng

chỉ vài con cá "thần" lấy từ ao ông Hồ về thì cá lớn nhanh, khoẻ re. Sao không đóng mẹ nó cửa cái trường đào tạo ra rặt bọn ăn hại đái nát ấy đi? Hay là duy tâm thắng duy vật rồi?

Nhưng Tố Hữu đâu có biết rằng (hoặc biết mà lờ đi? - người đánh máy) sau khi thả "cá giống Bác Hồ" thì chủ nhiệm hợp tác xã cũng phải xuất thóc mua hàng tạ cá giống khác ném tiếp xuống ao, cử một xã viên ăn công điểm hẳn hoi ngày ngày giã cám vứt xuống ao nuôi chúng. Dân quân được lệnh 24/24 giờ trông coi ao cẩn thận. Nếu mưa to, cá bỏ đi mất thì... xuất tiền mua bù bỏ vào để khỏi bay cái chức chủ nhiệm.

Tại ao cá Bác Hồ nằm phía sau Nhà hát nhân dân thành phố Hải phòng, giáp với ngõ Đồng Lùn (quê hương của anh bạn tôi) đã xảy ra thảm cảnh. Tự vệ trông hồ cá đã nổ súng vào bọn đánh cá trộm ban đêm. Không trúng trộm, mà trúng ngay bà cụ 70 tuổi nằm hóng mát ven hồ. May mà lũ con bà cụ không làm to chuyện, sáu mâm cỗ và cỗ quan tài là... xong việc.

Giá như Bác Hồ, ngoài việc biết nuôi cá, lại biết làm thêm xe máy, ôtô, máy bay, TV ... để Tố Hữu "vận dụng" theo kiểu "ao cá Bác Hồ" thì... chắc dân ta không mạt vận như thế này!

Tố Hữu thương thanh niên Pháp

Một bạn hiện đang tị nạn ở Đức gửi thư kể chuyện này:

Sau khi dự đại đại hội Đảng cộng sản Pháp, về nước Tố Hữu thường tỏ lòng thương thế hệ trẻ Pháp. Trong buổi gặp mặt thanh niên ở Hà Nội, ông nói như sau: "Thật thương cho thế hệ trẻ ở Pháp có cuộc sống vật chất đầy đủ, nhưng còn thiếu ánh sáng của chủ nghĩa xã hội soi rọi để sống có lý tưởng." (!)

Thế mà bây giờ con gái Tố Hữu tên là Hoa, phó tiến sĩ sinh vật học đang cùng chồng là Châu (tiến sĩ cơ học) mang con cái sang ở Đức, chỗ tăm tối thiếu ánh sáng của chủ nghĩa xã hội và có ý định sống lâu dài ở đó. Không thấy Tố Hữu thương con, thương cháu gọi chúng về nước... sống dưới ánh sáng của chủ nghĩa xã hội!

Chỉ sợ các Bác không buông quang gánh ra thôi

Một bạn đã từng đi học ở Czechoslovakia (Tiệp Khắc) kể lại chuyện thật mà anh đã chứng kiến sau đây:

Hè năm 1981, Tố Hữu lúc đó là Phó thủ tướng thường trực, sang thăm một số nước Châu Âu. Hồi đó, Tố Hữu thay quyền hạn Phạm Văn Đồng, nên kiêu lắm. Tại Prague (thủ đô của Czechoslovakia), có cuộc gặp gỡ và nói chuyện với sinh viên. Khi ra về, Tố Hữu lên giọng "lãnh tụ" cũng tự xưng là "bác" như... ai: "Bác và các đồng chí lãnh đạo đang gồng mình gánh vác gánh nặng khó khăn của đất nước, các cháu cần phải học hành chăm chỉ để sau này thay thế các Bác gánh vác gánh nặng ấy. Các cháu đã sẵn sàng chưa?"

Một sinh viên lớn tuổi nhất trong đám đông trả lời ngay tắp lự: "Chúng cháu đã sẵn sàng cả rồi, chỉ sợ các Bác không buông quang gánh ra thôi." Tố Hữu tím mặt, tọt ngay vào xe, chuồn thẳng. Khốn khổ cho anh chàng bạo miệng! Tố Hữu về đến Hà Nội thì anh này bị sứ quán gọi lên và trục xuất về nước ngay.

Cái nhầm... đáng yêu

Một cụ già về hưu đã gửi cho mẩu chuyện này:

Vào những năm 70, nhà thơ "mẹ mìn" của chúng ta bỗng dưng sáng chói trên chính trường Việt Nam, với chức Phó thủ tướng thường trực. Theo lời đồn đại của dân chúng thì ông còn được "dự kiến" làm Tổng bí thư Đảng, kế vị Lê Duẩn. Thế mà sau cái chết của Lê Duẩn vào năm 1986, khúc sông chính trị bỗng nhiên nổi sóng, khiến cho Tố Hữu lặn mất tăm, không còn vai vế gì trong Đảng. Tố Hữu sống ở ngôi nhà khá đẹp trên phố Phan Đình Phùng. Đã thấu hiểu phương châm "sóng trước vỗ đâu, sóng sau vỗ đó" của các "chiến hữu," Tố Hữu lo xa đến ngày phải rời tổ ấm chuyển đi căn hộ "lắp ghép" với "song sắt chuồng cọp," bèn nẩy kế xin một khoảnh đất đẹp ở Hồ Tây để... xây nhà trong lúc tình cảm đồng chí còn chưa hết hơi nồng.

Tố Hữu đã nhầm to, chẳng có ai "thu" lại ngôi nhà to đùng ở phố Phan Đình Phùng, như ông nghĩ, nên ông vẫn ung dung "tọa lạc" ở đó. Còn ngôi nhà to đùng mới xây "thừa ra" ở Hồ Tây đành phải cho thuê lấy 2000USD/tháng, phụ thêm khoản rau dưa cho bà Thanh (1) đi chợ.

Cái nhầm đáng yêu của ông Lành không ngờ mang lại hiệu quả lớn!

*

Những mẩu chuyện trên đây ghép lại thành bức tranh khảm, xin gửi tặng các bạn.●

1. Tên vợ ông Tố Hữu.

NHỮNG MƯƠI NĂM ẤY
BIẾT BAO NHIÊU TÌNH

PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN

Kính tặng bác Hoàng Khoa Khôi,
quà nhỏ nhân sinh nhật thứ 82

(Tiếp theo)

Vừa thành lập xong, Tổng Ủy Ban Đại diện bị nhà cầm quyền Pháp liên tục đàn áp khủng bố từ tháng giêng năm 1945: bắt bớ, giam cầm các công binh, bắt cả đại diện trong đó có ông Trần Đức Thảo, (lính Pháp) thậm chí bắn chết một công binh. Cuối cùng, ngày 19 tháng 10 năm 45 nhà cầm quyền Pháp ra lệnh giải tán Tổng Ủy ban. Để đối phó, tháng 11/45 các công binh tổ chức hội nghị thành lập một đoàn thể khác thay thế : *Việt kiều liên minh* (Rassemblement des ressortissants annamites) ra đời tại Marseille với ban lãnh đạo trong đó trí thức, sinh viên trở nên *thiểu số*. Với nhiệm vụ

giao thiệp và thương lượng với nhà cầm quyền để thi hành các quyền nghiệp đoàn cho thợ Việt kiều và (...) chiến binh Việt Nam được mãn lính để đi học nghề , vì không còn viện lẽ gì về chiến tranh để giữ lính (...) mãi trong trại (...) *phản đối việc giải tán Tổng Ủy Ban Đại diện Việt Nam và những vụ đàn áp, khủng bố (...)* đòi áp dụng ngay ở xứ Đông Dương những nguyên tắc trong bản Đại Tây dương hiến chương đã đề nghị rằng các dân tộc có quyền định đoạt lấy vận mệnh của mình. *(NVOP 1940-1954 tr.66)*

Cũng trong năm 1945 những người Đệ Tứ lại vận động trong lính chiến và lính thợ thành lập *ban Trung ương* cho mỗi giới để điều khiển sinh hoạt nội bộ và liên lạc với các giới khác (NVOP 1940-1954 tr.120).

Ngày 10 /3/46 *Trung Ương Chiến binh* ra đời, đại diện cho 11 800 lính chiến (trong đó 6000 đã/đang sửa soạn về nước) tất cả nhân viên ban lãnh đạo đều là thành viên hay cảm tình viên của nhóm Tranh đấu.

Ngay từ lúc tuyệt thực và đình công phản đối việc Tổng Ủy Ban Đại diện bị nhà cầm quyền Pháp giải tán, cho đến khi phái đoàn đại diện Trần Ngọc Danh (44) có mặt tại Pháp, đoàn thể Chiến binh cũng không ngừng bị nhà cầm quyền Pháp khủng bố, đàn áp: tiền bạc, đồ đạc bị tịch thu, đại diện bị nhốt, bị cấm treo cờ, cấm hát quốc ca Việt Nam,... Khi đại biểu Chiến binh đến hỏi về việc có nên tuân lệnh chính phủ Pháp trở về Đông dương trong khi còn chiến tranh giữa đôi bên, phái đoàn Đại diện đã trả lời các chiến binh Việt Nam như sau :

Tạm thời *không nên làm ngược lại ý định của người Pháp (...)*

Cụ Hồ đã khuyên đồng bào *cứ đi nhưng trong bụng không đi là tốt.* (NVOP 1940-1954 tr 123)

Sau đó hàng ngàn người về nước và một số không nhỏ bị đối xử tàn tệ (cưỡng ép xuống tàu, bị tù khi về đến Việt Nam v.v...) Đến 1947, đoàn thể Chiến binh không còn, mặc dầu ảnh hưởng chính trị của những cuộc tranh đấu bằng máu của chiến binh đã ghi trang đầu cuốn sử Phong trào Việt kiều phản đế tại Pháp (NVOP 1940-1954 tr 126).

Từ tháng 1 /45 nhóm Tranh đấu ("tuy gần Đệ Tứ, nhưng không phải là Đệ Tứ") chính thức ra đời với cơ quan ngôn luận cùng tên, tổ B.L cũng sinh hoạt trong nhóm này. Lập trường chính trị của nhóm lúc ban đầu là chống đế quốc chủ nghĩa và đấu tranh giai cấp. Nghĩa là

công cuộc giải phóng quốc gia chỉ mới là màn đầu của quá trình cách mạng xã hội.

Nhưng vì

Bị trào lưu và thời cuộc xô đẩy, lại non nớt về chính trị, nên không theo được phương hướng mà chính mình đã chọn. Những tài liệu và báo chí của nhóm Tranh đấu nửa giọng quốc gia nửa giọng giai cấp. Đó là nhược điểm của nhóm Tranh đấu không đủ sức giới hạn và đối phó với chính trị Việt Minh *(NVOP 1940-1954 tr 78,79,80)*

Những lời này nhằm giải thích sự khủng hoảng chính trị của nhóm vào thời điểm sau hai hiệp định kí kết giữa chính phủ Hồ Chí Minh và chính phủ Pháp năm 1946. Một tháng sau Trung Ương Chiến binh đến lượt *Trung Ương công binh* ra đời, đại diện cho 11 000 lính thợ. *Trong các quyết nghị nói về tư tưởng, chương trình hành động v.v... có quyết định sẽ giải tán Việt kiều liên minh khi chính phủ Hồ chí Minh gửi phái đoàn Đại diện sang Pháp để giao quyền đại diện Việt kiều cho phái đoàn này.*

Trong khoảng thời gian từ 1944 đến 1949 , những người công binh đã thanh toán nạn mù chữ, hoàn chỉnh hệ thống tổ chức nội bộ, tăng cường thông tin liên lạc. Tờ báo công khai thứ nhất của đoàn thể lính thợ là tờ Việt Nam công đoàn, tờ thứ hai là Vô Sản của nhóm Trốt kít, tờ *Tranh Đấu, Tiếng Thợ* và các tờ *Thông Tin* của mỗi đạo. (NVOP 1940-1954 tr 208-211) (45)

Hiệp định sơ bộ do chính phủ Hồ Chí Minh ký ngày 6 tháng 3 với Sainteny và Thoả hiệp án (Tạm ước) 14 tháng 9 với Moutet tại Fontainbleau (46) mở đầu cho cuộc khủng hoảng (chính trị) của đoàn thể Việt kiều.

Sau khi *Việt kiều liên minh* giải tán, nhóm *Tranh đấu* cũng tự động giải thể. Trước đó nhóm đã tổ chức cho Công binh các lớp học giảng về ba phần: triết lý, chính trị và kinh tế của chủ nghĩa Mác. Cuối tháng 6 năm 1946 nhóm *Trốt kít Việt Nam* (Đệ Tứ quốc tế Cộng sản, phân bộ Việt Nam) được thành lập với chưa tới 20 đảng viên. Tờ Vô sản (bộ mới) là cơ quan thông tin của nhóm Đệ Tứ tại Marseille. Số 1 đăng Tuyên ngôn và Lá thư không niêm nhóm Trốt kít Việt Nam gửi cho phái đoàn đại diện chính phủ Trần Ngọc Danh. Tuyên ngôn phản đối Hiệp định và thư không niêm để trách cứ thái độ của phái đoàn này đã dung túng khuyến khích các đoàn thể và tổ chức khác chia rẽ đoàn thể Công binh.

*

Thật vậy, Hiệp định Sơ bộ có ba khoản: Pháp công nhận nước VN tự do trong Liên Hiệp Pháp, Việt Nam sẵn sàng tiếp đón thân thiện quân đội Pháp khi họ đến thay thế [quân tiếp phòng Trung Hoa], Trưng cầu dân ý về chuyện thống nhất với Nam bộ. Nhận xét rằng đây là những điều nhân nhượng quá mức cho Pháp, sau một tuần hội họp bàn cãi, công binh trại Việt Nam , hôm 17/3, tiểu tổ tranh đấu cơ 12 đã phát cho các bạn tờ truyền đơn dài phân tích, phê bình từng điều khoản và kết luận: Đứng về phía trận địa nhân dân chống đế quốc, chúng tôi xin nói với toàn thể đồng bào rằng chúng tôi *hết lòng hết dạ ủng hộ Chính phủ ông Hồ Chí Minh* (...) Nhưng chúng tôi cũng *không bao giờ chịu làm đồng lõa với cái lối ngoại giao nhân nhượng của Chánh Phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa* (NVOP 1940-1954 tr. 101)

Nhưng sau đó báo Tranh đấu đăng nhiều ý kiến trái ngược nhau.

Chính lúc này các tờ báo Việt kiều theo phe Phái đoàn Trần Ngọc Danh và được Phái đoàn này ủng hộ, ráo riết giải thích chiến lược ngoại giao và văn hoá của chính phủ Hồ Chí Minh.

Tại Việt Nam, đa số dân chúng cũng hoang mang, Việt Minh phải tổ chức mít tinh giải thích cho đồng bào ngay vào ngày 7/3/46 tại Hà Nội. Hồ Chí Minh phải thề trước đồng bào: "tôi không bán nước!" Ngày 18/3/46 tướng Leclerc và quân lính Pháp đến Hà Nội Ở

miền Nam, ngay sau lời tuyên bố của Đô đốc D'Argenlieu, vào tháng 4/46, nước Nam kỳ tự trị trong Liên bang Đông Dương và Liên hiệp Pháp ra đời với Hội đồng Cố vấn gồm tám người Việt với bốn người Pháp.

Việt kiều tại Pháp tổ chức hội họp và gửi quyết nghị phản đối việc này cho báo chí và nhà cầm quyền Pháp.

Hồ Chí Minh ký Thoả hiệp án (Tạm ước) với Moutet ngày 14/9/46. Qua ngày 17/9/46, các đoàn thể công binh tổ chức tiếp đón chủ tịch Hồ Chí Minh tại Marseille trước khi ông về nước. Họ trình bày *nguyện vọng tha thiết của 3000 kiều dân Nam bộ về vấn đề thống nhất Việt Nam, tinh thần tranh đấu kiên quyết của đoàn thể công binh chống đế quốc Pháp* và đồng thời tỏ (...) "nỗi lo ngại và đau đớn đối với hai bản hiệp định" cũng như sự "triệt để ủng hộ vị Chủ tịch nước VN dân chủ cộng hòa." Trả lời của chủ tịch : (...) Không thành, nhưng hội nghị Fontainebleau là một thắng lợi của nhân dân ta, của toàn thể nhân dân yêu chuộng hoà bình ở khắp thế giới (...) *tôi khuyên kiều bào là công việc chính trị để cho những người chuyên môn giải quyết (...) nước ta như người có ruộng mà không có thóc, nước Pháp là người có thóc mang sang trồng ở ruộng ta, đến vụ gặt hái, đem ra chia đôi, đôi bên cùng có lợi, có phải như thế không? Kiều bào hiểu chưa ?*

Không một tiếng trả lời. Hồ Chí Minh nhắc lại " Kiều bào hiểu chưa ?". Hơn 3. 000 người vẫn im phang phắc ngoài một tiếng phía gần cuối hàng vút lên "hiểu rồi". (NVOP 1940-1954 tr 116-118)

Tại trại Việt Nam, vào cuối tháng 10, 30 công binh thuộc ba rắc 38, cựu cán bộ nhóm Tranh đấu chuẩn y một bài Phê bình hai bản Hiệp ước trong đó có câu: Họ (thực dân Pháp) lấn được một bước sẽ tìm cách lấn thêm bước nữa.

Quân Pháp đổ bộ lên Việt Nam an toàn và bắt đầu nổ súng gây sự, tấn công khắp nơi. Khi đó chính phủ Hồ Chí Minh ra lệnh toàn quốc kháng chiến.

Đoàn thể Công binh tại Pháp không đồng ý với chính phủ Hồ Chí Minh về đường lối chính trị trong vấn đề giành độc lập cho đất nước. Cũng như các người Đệ Tứ ở Việt Nam, họ trách đảng Cộng Sản Hồ Chí Minh hô hào bỏ đấu tranh giai cấp, tuyên bố giải tán đảng cộng sản, và hoà hoãn với (đế quốc) Pháp chính vì áp lực của đảng CS Pháp và Staline, chứ không phải là chiến lược của riêng đảng (Cộng Sản Việt Nam) như đảng đã giải thích sau này, là chống phát xít là việc ưu tiên phải làm, đồng thời củng cố lực lượng kháng chiến vì đảng đã nhìn thấy trước ý đồ trở lại Đông Dương của Pháp.

Trong bài đấu tranh tư tưởng và chính trị giữa đảng Cộng sản và Tờrốtkít trong những năm 30, ông Trần Văn Giàu viết :

(...) Cuộc đấu tranh giữa tư tưởng và chính trị giữa đảng Cộng sản và các nhóm Tờrốtkít là một cuộc đấu tranh lâu dài, mạnh mẽ và liên tục suốt những năm 30, bao gồm lí luận và tổ chức, bao gồm hầu hết các vấn đề chiến lược và chiến thuật cách mạng trong nước, dĩ chí cả vấn đề công nhân và cộng sản trên thế giới. (...) Từ 1936 thì cuộc đấu tranh đó phát triển một cách công khai, trên sách báo phát hành rộng rãi, cả tiếng Việt lẫn tiếng Pháp, ở các cuộc mít tinh và biểu tình, bãi công và vận động bầu cử Hội đồng thành phố Sài Gòn hay Hội đồng quản hạt Nam Kỳ. Tờrốtkít (từ 1936 đến 1939) là nhóm chính trị duy nhất có ít nhiều khả năng thách thức quyền lãnh đạo của Đảng Cộng Sản, nhưng cuối

HẠ ĐỎ

DẤU BUỒN

Trong khoảnh khắc ai xây thành đắp núi
Cánh thời gian nghiêng đá vỡ quanh ta
Gió hoài nghi, cây khép lá rơi hoa
Mây hờn tủi bay hồn về xứ lạ

Hoàng hôn chi! sông nhạt nhòa hư ảo
Mặt nhân gian nghiêng dấu lặng, bàng hoàng
Bến cô đơn thuyền mất dạng phương nao
Con nước đứng, ôi! nghẹn ngào bóng loãng

Trong khoảnh khắc đêm không còn hương thoảng
Cửa không gian nghiêng hạnh phúc, trăng tan
Người và ta như hai dấu chấm than (!!)
Rơi rất chậm trên mặt đời nứt rạn

cùng thì họ bị thất bại hoàn toàn. (Giáo sư, Nhà giáo Nhân Dân Trần Văn Giàu (tr. 304-333)

Theo ông, tại miền Nam, người Đệ Tứ chỉ là những *nhóm nhỏ mượn danh nghĩa Mác xít, không biết tổ chức, không biết tự đoàn kết, không hoạt động nhiều, chỉ biết dồn sức vào việc vận động công khai, hợp pháp, viết báo, tranh cử ,(...) Suốt bốn, năm năm chiến tranh thế giới thứ hai, khi cần làm cách mạng trực tiếp thì không thấy các nhà "cách mạng" Tờrốtkít ở đâu cả.* (48) Ông còn viết rằng ảnh hưởng của Đệ Tứ trong nhân dân miền Nam không nhiều. Điều cần xem lại.

4.

Năm 1939, ông Hồ Chí Minh, trong báo cáo (cho ban Chấp hành cộng sản quốc tế - Komintern-) và thư từ cho ý kiến, chỉ đạo về Việt Nam (LSVN, tr291), gọi những người Đệ Tứ là *chó săn, tay sai phát xít, tay sai đế quốc, kẻ thù của chủ nghĩa cộng sản và kẻ thù của nền dân chủ và tiến bộ, là mật thám, phản bội, gián điệp.* Những tội danh, từ ngữ này *giống chữ dùng của Staline trong một bài báo Pravda năm 1937.* "Bằng chứng" của ông :

bọn trốtkít Nhật dụ dỗ thanh niên vào đồng minh rồi đi tố cáo với cảnh sát. Sở mật thám Nhật thì cam kết sẽ trả cho nhóm trốtkýt mỗi tháng 300 đô la cùng các khoản tiền. Bọn trốtkít ở Thượng Hải được lĩnh 300 000 đô la để làm việc ở miền Trung và miền Nam (...) Bọn Thiên Tân và Bắc Kinh (...) 50 000 đô la. (49)

Sáu mươi năm sau, người ta gặp lại những tội danh này gán cho tất cả những ai dám đặt vấn đề về đường lối của đảng, kể cả những đảng viên đã từng tranh đấu dài lâu cho độc lập Việt Nam dưới sự lãnh đạo của đảng (Bùi Minh Quốc, Hà Sĩ Phu, Trần Độ, Nguyễn Thanh Giang...)

Đó là: *tiêu diệt chúng (bằng chính trị?) theo lời dặn của chủ tịch Hồ Chí Minh? (50)*

Trong bài, giải quyết vấn đề (Trương Tửu là) Lê-nin-nit hay phản Lê-nin-nit hay (...) tơ-rốt- kít tại Việt Nam năm 1958, Hồng Vân (Hoàng Trung Thông) đã cố gắng tiêu diệt những người Đệ Tứ về mặt chính trị. Những khác biệt then chốt giữa hai khuynh hướng đều được tác giả nhắc đến: cuộc cách mạng thường trực với xây dựng xã hội chủ nghĩa trong một nước, xây dựng nền văn hoá vô sản, về lương tâm nghệ thuật v.v... Nhưng trong suốt cả bài dài, người đọc gặp nhiều chửi bới, mạ lỵ hơn là những lý lẽ hay chứng cớ khả dĩ giúp tác giả phản bác được những dòng ngắn ngủi do chính tác giả trích dẫn Trotski hay Trương Tửu, Nguyễn Hữu Đang.

Những phần tử không biết gì về chuyên môn *như Nguyễn Hữu Đang, Trương Tửu, Phan Khôi, Trần Duy, Trần Đức Thảo nhưng lại rất phản động về ý thức chính trị. Vì thế cho nên có thể nói phản động và bịp bợm là loại "biệt tính" của lý luận Nhân văn Giai phẩm, lý luận tơ-rốt-skít ... đảng ta không thể trả "chuyên môn" cho ai hết. Vì chuyên môn và chính trị là hai bộ phận khăng khít trong sự nghiệp cách mạng nói chung (...)* "chính quyền xô viết sẽ vỡ tan và chế độ xã hội chủ nghĩa không thể đứng vững được" chúng hô hào như vậy và chúng hành động cho đạt được âm mưu như vậy. Cuối cùng Tơ-rốt-ski và bè lũ chỉ còn là một bọn phản cách mạng ti tiện nữa mà thôi *(...) Bị thất thế về chính trị, bọn Tơ-rốt-skít vội vàng tìm cách gây ảnh hưởng của chúng trước tiên trên* lĩnh vực văn hoá. (...) *Tơ-rốt-ski viết khá nhiều về lý luận. Quyển Văn học và cách mạng của hắn có một ảnh hưởng nhất định trong đám văn nghệ sĩ tư sản. (...) Ngoài lý luận ra, bọn Tơ-rốt-skit còn* hoạt động bằng sáng tác *(...) Luận điểm chính của bọn này là* phủ nhận việc xây dựng một nền văn hoá vô sản vì chúng quả quyết không thể xây dựng xã hội chủ nghĩa trong một nước (...) Chúng đối lập văn nghệ với sự lãnh đạo của đảng, đòi tự do tuyệt đối cho văn nghệ...(..) (chúng cho rằng) văn hoá vô sản không những bây giờ không có mà tương lai cũng không thể có được... *(tạp chí Văn Nghệ năm 1958)*

Thành quả quốc tế: Trotski bị ám sát tại Mexico; Andres Nin, lãnh tụ đảng Poum ở Espagne bị sát hại bởi NKVD (tiền thân của KGB); một số người Ba Lan sang Liên Xô dự hội nghị bị Staline ra lệnh thủ tiêu, vụ án László Rajk ở Hongrie; thủ lãnh Đệ Tứ Tạ Thu Thâu bị giết tại Quảng Ngãi, Phan Văn Hùm và các đồng chí của ông tại Biên Hoà, Hóc Môn v..v

Những sự thật về Staline được đưa ra ánh sáng tại các nước... tư bản (rất sớm, bắt đầu từ Trotski, và bán chính thức do báo cáo "mật" của Khrouchtchev, từ năm 56). Hàng triệu, hay hàng chục (trăm?) (51) triệu nạn nhân. Người Việt Nam bị thiệt thòi vì những sự thật này vẫn chưa được phổ biến tại Việt Nam, họ cũng không biết thủ phạm giết người Đệ Tứ Việt Nam là ai.

(Còn tiếp)

Chú thích:

Vì những trục trặc kỹ thuật, các chú thích của bài này đăng trong số 126 (Tháng Mười 1999) đã không xuất hiện. Sau đây chúng tôi xin đăng lại các chú thích ấy, từ số 17 đến số 43 (xin theo dõi trong bài số trước, tháng Mười 1999):

17. [trang 88, cột 2, dòng 21 từ trên xuống, sau chữ *Trung Việt Nam*]: Lính thợ O.N.S tr. 230-240

18. [trang 90, cột 1, dòng 14 từ dưới lên, sau chữ làm tạp dịch]: Lính thợ O.N.S tr. 414-419 *Người Việt ở Pháp 1940-1954* tr25-28

19. [tr 90, c 2, d 15, từ trên, sau chữ *người cộng sản*]: Tuyên ngôn đảng cộng sản ra đời năm 1848

20. [tr 90, c 2 d 28 từ trên, sau chữ *thế giới*]: Đệ Nhất quốc tế (do Marx và Engels chủ trương tại Luân đôn năm 1864) giải tán năm 1876, Đệ Nhị (thành lập năm 1889, tại Paris) hiện nay vẫn giữ một hình thức tổ chức trao đổi ý kiến chứ không có kỷ luật tổ chức và không hoạt động. Đệ Tam thành lập năm 1919 (Moscou), tự giải thể năm 1943. Sự khác biệt giữa Đệ Tam và Đệ Tứ đã được Hoàng Khoa Khôi giải thích cặn kẽ, rõ ràng qua các bài viết trong Đối Thoại, Thông Luận v.v...

21. [tr 90 c 2 d 18 từ dưới, sc *Phan Văn Trường*]: **Phan Văn Trường** (1876-1933) quê Từ Liêm, Hà Nội, tốt nghiệp trường thông ngôn Hà Nội, sang Pháp năm 1908 học văn chương và luật khoa (và đỗ hai cử nhân). Năm 1918, ra tù ông làm luận án tiến sĩ luật. Năm 1922, cùng với Nguyễn Tất Thành, lập tờ Le Paria. Ông viết nhiều bài lên án chế độ thuộc địa và chủ nghĩa đế quốc. Về Việt Nam, ông cùng với Nguyễn An Ninh cho tục bản tờ La Cloche fêlée, đình bản năm trước vì thiếu tiền. Trong suốt một tháng, báo đăng bản "Tuyên ngôn của đảng cộng sản" của Marx- Engels. Năm 1926, tờ La Cloche fêlée đình bản, ông thay thế bằng tờ L'Annam (tục bản). Hai ông Phan Văn Trường và Phan Chu Trinh người dạy tiếng Pháp, người dạy nghề ảnh cho Nguyễn Tất Thành. Đầu năm 1919, Nguyễn Tất Thành và Phan Văn Trường gia nhập đảng Xã hội Pháp (Đệ Nhị quốc tế). Ông không vào đảng Cộng Sản Pháp (Đệ Tam quốc tế) trong khi Nguyễn Tất Thành, dưới tên Nguyễn Ái Quốc là đảng viên từ 1921.

22. [tr 90 c 2 d 11 từ dưới, sc *Nguyễn Tất Thành*]: Xin miễn ghi tiểu sử Phan Chu Trinh và Nguyễn Tất Thành, hai nhân vật quan trọng này có trong nhiều sách sử Việt Nam hiện đại.

23. [tr 90 c 2 d 10 từ dưới, sc *Nguyễn Thế Truyền*]: **Nguyễn Thế Truyền** (1898-1969), sang Pháp năm 1920, vào đảng Cộng sản Pháp và hội Liên Hiệp các thuộc địa.

24. [tr 90 c d 10 sc *Nguyễn An Ninh*]: **Nguyễn An Ninh** quê Hốc Môn, Gia Định, đậu cử nhân luật tại Pháp năm 1920, lúc ông vừa 21 tuổi. Về Sài Gòn năm 1922, lập tờ báo La Cloche fêlée (Cái chuông rè), bị thực dân Pháp bỏ tù năm 1926, ra tù ông sang Pháp học tiến sĩ luật, về lại Sài Gòn năm 1928. Là người có lập trường thân cộng sản, đứng giữa Đệ Tam và Đệ Tứ, nhưng không ở trong đảng CS nào.

25. [tr 90 c 2 d 5 từ dưới sc *Hồ Hữu Tường*]: **Hồ Hữu Tường** :(1910- ?) sinh quán Cần Thơ, sang Pháp năm 16 tuổi, nổi tiếng giỏi toán. Kết bạn với Tạ Thu Thâu và Phan Văn Hùm, vào đảng Đệ Tứ quốc tế. Năm 1930 về nước, bỏ dở cuộc thi Thạc sĩ toán, lý thuyết gia cho nhóm Đệ Tứ từ 1931-1839. Bị Pháp đày ra Côn đảo với Nguyễn An Ninh và các bạn Đệ Tứ từ 1939 đến cuối 1944. Năm 1939 ông trời hàng ngũ Đệ Tứ và đoạn tuyệt với chủ nghĩa Mác-Lê. Bị chính quyền Ngô đình Diệm bắt và tuyên án tử hình. Ông viết nhiều sách và nổi tiếng với những tác phẩm *Tương lai văn hoá Việt Nam, Phi Lạc sang Tàu, Chị Tập, Thằng Thuộc con nhà nông, Thuốc trường sanh, Trầm tư của một tên tội tử hình.*

41 năm làm báo (có lẽ in vào năm 1967 hay 1968, nxb Trí Đăng ở Sài gòn, Sudestasie in lại 1984 tại Paris)

26. [tr 91 c 1 d 12 từ trên, sc *đáng chém*]: Chủ trương của Phan Chu Trinh (1872-1926) là Chấn dân khí, Khai dân trí, Hậu dân sinh, không dùng bạo lực để đòi độc lập và dựa vào sự giúp đỡ của Pháp.

27. [tr 91 c 1 d 22 từ trên sc *dân chủ*]: *41 năm làm báo* tr. 24

28. [tr 91 c 1 d 24 từ tren, sc *ở Nga*]: Nhưng trong tập *Họ Phan trong cộng đồng dân tộc Việt,* nxb VHTT-Hà Nội, 1997, theo tác giả Phan Tương, đề tài luận án của ông Trường là "Lược khảo về bộ luật Gia Long."

29 [tr 91 c 1 d 27 từ trên, sc *Á đông mình*]: *41 năm làm báo* tr. 24

30. [tr 91 c 1 d 9 từ dưới, sc *Trần Văn Giàu*]: **Tạ Thu Thâu**, sinh năm 1906, quê Long Xuyên, học trường Chasseloup-Laubat ở Sài Gòn, năm 1927, cùng làm báo Le Nhaque với Nguyễn Khánh Toàn, báo bị thực dân Pháp dẹp, ông sang Pháp học toán (Sorbonne), năm 1930 ông gia nhập nhóm Tả đối lập của Trotski, bị Pháp trục xuất về Sài Gòn năm 1930. Thành lập phong trào Tả đối lập trotskiste và là thủ lãnh Đệ Tứ ở miền Nam Việt Nam, ông cùng các bạn làm báo La Lutte. Cũng như Nguyễn An Ninh, Tạ Thu Thâu bị thực dân Pháp bắt và bỏ tù nhiều lần.

Phan Văn Hùm là bạn thân của Nguyễn An Ninh, đảng viên trốt kít, sinh năm 1902, quê Lái Thiêu, tốt nghiệp ngành công chánh ở Hà Nội, bị Pháp bắt bỏ tù năm 1929, ông viết quyển sách nổi tiếng *Ngồi tù khám lớn,* ra tù năm 1930, ông sang Pháp học triết (Sorbonne), tốt nghiệp năm 1933, ông về

nước làm báo La Lutte (Tranh đấu), Đồng Nai. Xin đọc các chương sáu và bảy từ tr. 67 đến 97 *41 năm làm báo,* HHT kể lại chuyện làm báo và chuyện thành lập chiến tuyến duy nhất cũng như mối giao tình Đệ Tam và Đệ Tứ ở nam VN trong giai đoạn chống Pháp này.

Trần Văn Thạch, sinh năm 1905, quê Phú Lâm, du học Pháp (Toulouse), cùng viết cho các báo đã kể trên, ông đắc cử vào Hội đồng Thành phố Sài Gòn cùng với các bạn Thâu, Hùm, Tạo,.. cũng từng bị người Pháp bắt giam.

Hồ Văn Ngà, kỹ sư, năm 1927 là chủ tịch Tổng hội sinh viên Đông Dương (Việt Nam) tại Paris, trong Việt Nam độc lập quốc gia đảng.

Trần văn Giàu, sinh năm 1911, quê Tân An, học trường Chasseloup Laubat, sang Pháp năm 1928, học ở Toulouse, vào đảng Cộng sản Pháp, sau vụ biểu tình trước điện Élysées, bị trục xuất về Việt Nam, sang năm 1931, được cử sang Moscou học trường Đại học Đông Phương, về nước 1933. Bị thực dân Pháp bỏ tù bảy năm. Tháng 8 năm 1945, chủ tịch Ủy ban hành chánh lâm thời Nam bộ, lãnh đạo cuộc Tổng Khởi nghĩa giành chính quyền ở Sài Gòn. Từ 1951 đến 1960, giáo sư sử học các trường Dự bị đại học, Sư phạm, Văn Khoa, Tổng hợp Hà Nội... Ông viết rất nhiều sách (hàng chục ngàn trang: 65 quyển về lịch sử, 28 về văn học, trên 50 quyển về Triết học, tư tưởng Hồ Chí Minh và danh nhân v.v.) theo *Giáo sư, Nhà giáo Nhân Dân Trần Văn Giàu* của Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, nxb Giáo Dục, 1996,TP Hồ Chí Minh.

Nguyễn Văn Tạo, sinh năm 1908, quê Bến Lức, Long An, sang Pháp học năm 1926, trong đảng Việt Nam độc lập và đảng cộng sản Pháp, bị trục xuất về Sài Gòn cùng với các ông Trần văn Giàu, Tạ Thu Thâu, Hồ Văn Ngà... Sau ngày Nhật đảo chánh Pháp, tháng 3/1945, cùng với ông Trần văn Giàu trong ban lãnh đạo Cách mạng tháng Tám tại Sài Gòn và các tỉnh Nam Bộ.

Dương Văn Giáo, luật sư, tốt nghiệp và hành nghề luật sư ở Pháp, về Sài Gòn năm 1925, trong đảng Lập Hiến của Bùi Quang Chiêu, ông viết báo và làm luật sư biện hộ cho Tạ Thu Thâu, và các báo La Lutte, La Cloche fêlée...

31. [tr 91 c 1 d 3 từ dưới sc *chính phủ Pháp*]: Vì người Pháp đã đàn áp dã man cuộc khởi nghĩa Yên Bái, dội bom Thái Bình Hải Dương, xử tử ông Nguyễn Thái Học và 13 đồng chí. Chính Tạ thu Thâu tổ chức cuộc biểu tình này.

32. [tr 91 c 2 d 2 từ trên sc *Bùi Văn Thủ*]: Các tiểu sử trên đây phần lớn trích từ Từ điển Nhân vật lịch sử Việt Nam của Nguyễn Quyết Thắng và Nguyễn Bá Thế, nxb khoa hoc xã hội, tp Hồ Chí Minh 1992.

33. [tr 91 c 2 d 22 từ dưới sc *cộng sản đảng*]: Theo Hồ Hữu Tường thì chính ông là người "giựt dây dọi" trong việc thành lập tổ chức Tả đối lập. Xin xem từ tr. 81-96, HHT kể chi tiết nguyên nhân hợp tác cũng như lí do chia tay giữa Đệ Tam với Đệ Tứ, việc làm báo La Lutte và ứng cử vào Hội đồng Quản hạt.

34. [tr 91 c 2 d 9, sc *trung lập*]: Lịch sử Việt Nam-LSVN- tập II, tr. 245 (nxb KHXH, Hà Nội 1984)

35. [tr 92 c 1 d 19 từ dưới sc *Dương Văn Giáo*]: Tài liệu "Tôi thấy Tạ Thu Thâu chết" ký tên Nguyễn Văn Thiệt trong *Người Việt ở Pháp 1940-1954* tr. 477- 481, *Những nhân chứng cuối cùng,* Trần Ngươn Phiêu, Thế kỷ 21; số 121, 5/1999, USA. Trong *Từ điển Nhân vật lịch sử Việt Nam* của Nguyễn Quyết Thắng và Nguyễn Bá Thế, tất cả các nhân vật bị Việt Minh giết (Tạ Thu Thâu,Phan Văn Hùm, Trần Văn Thạch...) chú thích **bị kẻ lạ giết hoặc bị giết.**

36. [92 c 2 d 20 từ dưới sc *coi như em*]: Trần Ngươn Phiêu, *Những nhân chứng cuối cùng,* và *Ai đã ám sát Tạ Thu Thâu và những người trốtkýt Việt Nam?* của Hoàng Khoa Khôi trong Hồ sơ phong trào Đệ Tứ, tập I, Tủ sách nghiên cứu, Paris, France.

37 [tr 92 c 2 d 9 từ dưới sc *Nguyễn Văn Trấn*]: **Nguyễn Văn Trấn** sinh năm 1914 mất năm 1998, quê Chợ Đệm, Tác giả *Chúng tôi làm báo* (1977, ?), *Chuyện trong vườn lý (?) Chợ Đệm quê tôi,* (1985), *Trương Vĩnh Ký, con người và sự thật* (?), và *Viết cho mẹ và Quốc hội,* nxb Văn Nghệ, California, 1995, Trong quyển sau cùng này, có nhiều đoạn nói đến việc làm báo (Dân Chúng, La Lutte..),cũng như chuyện hợp tác (và chia tay) với nhóm Đệ Tứ, ông gọi những người trotskistes là gà (phát xít) Nhật. *Tôi và Mười Trí sẽ giải quyết đám Lai Hữu Tài* (ở trên có nhắc: Lai Hữu Tài, là một người trí thức tờ rốt kít... tr. 138). Xin so sánh với *41 năm làm báo.*

38. [tr 92 c 2 d 4 sc *xét nhà*]: Viết cho mẹ và Quốc hội, tr 29.

39. [tr 93 c 1 d 20 từ trên sc *tiếng oan*]: *Bước nhảy của nhà triết lý Trần Đức Thảo*, Thanh Bằng, trong Hồ sơ Về phong trào Đệ Tứ Việt Nam, tr. 77

40. [tr c 2 d 1 từ trên sc *Liên Hiệp Pháp*]: Tháng 3/45, bộ trưởng bộ Thuộc địa Jacobi đọc lời tuyên bố về lập trường của Pháp về các thuộc địa.

41. [tr 94 c 2 d 21 từ trên sc *Đại Diện*]: Nhân vì Tổng Uỷ Ban đại diện bị Pháp ra lệnh giải tán, một số, cùng với vài người trong Tổng Ủy Ban, vào tháng 11/45 thành lập một hội đoàn mới là Việt Minh đồng chí tại Pháp, tự nhận là phong trào đã đi một đoạn đường dài với Việt Minh, đã nhận trách nhiệm khó khăn truyền bá tư tưởng Việt Minh (...) hiệu triệu đồng bào, đồng tâm hiệp lực, đi sau chính phủ Lâm thời.
Hội đoàn này bị Công binh phản đối nên sau đó phải tuyên bố giải tán. (tr 70) Và sang năm 1947 họ lại thành lập Việt kiều cứu quốc (NVOP 1940-1954 tr 140-141)

42. [tr 94 c 2 d 29 từ trên sc *Hồ Chí Minh*]: Ngày 9/3/45 Nhật đảo chính Pháp và tuyên bố:Người Nhật trao trả độc lập cho Việt Nam để cùng nhau lập khối Đại Đông Á, ngày 11/3 vua Bảo đại tuyên bố hủy bỏ mọi hiệp định ký kết với Pháp. Chính phủ Trần Trọng Kim được thành lập ngày 17/4 Các đảng phái sống lại, đa số công khai dựa vào thế lực của Nhật (Phục Quốc, Đại Việt, Hoà hảo, Cao Đài..) Vì hai quả bom nguyên tử, Nhật đầu hàng. (Được Đồng minh tiếp tế vì là phong trào kháng Nhật) Mặt trận Việt Minh tuyên bố Tổng Khởi Nghĩa ngày 10/8/45. Ngày 14/8 tại miền Nam, Mặt trận Liên Hiệp Quốc gia với đại biểu là Hồ Văn Ngà, Trần Văn Ân và Nguyễn Văn Sâm đã đồng ý cho Việt Minh đại diện tiếp thu khí giới của Nhật khi Đồng Minh tới. Ngày 19/8 tại Hà Nội, khâm sai Phan Kế Toại trao quyền cho Ủy ban Khởi nghĩa. Ngày 24 vua Bảo Đại thoái vị, với ba điều mong ước chính phủ mới: *thứ nhất giữ gìn tôn miếu lăng tẩm, thứ hai đối xử ôn hoà với các đảng phái (đã từng tranh đấu cho độc lập) quốc gia (nhưng không đi sát với phong trào dân chúng) để cùng (kiến thiết quốc gia) và cũng để tỏ tình đoàn kết với toàn thể quốc dân; thứ ba, vua kêu gọi toàn dân triệt để ủng hộ chính phủ mới.* Ngày 2/9/45 chủ tịch kiêm ngoại giao Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên Ngôn Độc lập và giới thiệu với toàn dân Chính Phủ Lâm Thời (đại đa số là người của Việt Minh). Sau cuộc bầu cử Quốc hội vào tháng giêng năm 46, chính phủ lâm thời giải tán nhường chỗ cho chính phủ (liên hiệp quốc gia) vẫn do chủ tịch Hồ Chí Minh cầm đầu, thành phần chính phủ có thêm người của đảng phái khác. Thay đổi này vì có sự phản đối của các đảng phái quốc gia. Kẻ thù trước mắt của Việt Minh lúc đó là Trung Hoa của Tưởng Giới Thạch với những đảng phái quốc gia Việt thân Tàu, theo sau đoàn quân giải giới Lư Hán trở về quê hương. Nhưng thành phần chính phủ liên hiệp này sẽ lại thay đổi để chỉ còn người Việt Minh vào cuối năm 46 (*Việt Nam máu lửa*, Nghiêm Kế Tổ, nxb Xuân Thu,USA).

43. [tr 94 c 2 d 3 từ dưới sc *1951*]: *Vấn đề Việt Nam dưới con mắt Trốt-kýt,* (NVOP 1940-1954 tr. 228-234).

ĐẾN ĐÂY BẮT ĐẦU CÁC CHÚ THÍCH CỦA BÀI TRONG SỐ NÀY:

44. Sau khi kí kết HĐ sơ bộ và Tạm ước, để "áp dụng các điều khoản" phái đoàn đại diện cho Chính phủ Việt Nam dẫn đầu là dân biểu (Cần Thơ) Trần Ngọc Danh ở lại Pháp (ông Dương Bạch Mai bị trục xuất về nước vào tháng 3-1947). Văn phòng đại diện được sự cộng tác của một số trí thức Việt kiều (Phạm Huy Thông, Phan Nhuận...)

45. Từ lúc Tổng Ủy ban Đại diện thành lập cho đến những năm 46,47, 48, 49 có các lớp học (kể cả dạy chữ) với các chương trình và tài liệu giáo dục (gọi là Công binh Học báo) gồm ba mức: sơ, tiểu và trung cấp, với các môn cách trí, công dân giáo dục, toán, sử ký, địa dư (môn này do Nguyễn Khắc Viện biên soạn) và cả triết học, kinh tế, chính trị nữa. Trong *Người Việt ở Pháp 1940-1954,* từ tr459 đến 463 có đăng danh sách các thí sinh các cơ, đạo thi đậu mãn khoá các lớp sơ và tiểu cấp. Qua các chương trình dạy, người học có khoảng cách về trình độ kiến thức giữa các cấp nhưng ngang nhau về lý luận chính trị Các Mác. Trình độ hiểu biết, cách lý luận đã được biểu hiện qua những nhận định của họ về những biến cố chiến tranh và chính trị xảy ra trong suốt thời gian từ Hiệp định sơ bộ tháng 3 năm 1946 đến hiệp định Genève tháng 7 năm 1954.

46. Xem Nguyên văn bản Tạm ước Modus vivendi ký ngày 14/9/45 tr. 108) gồm 11 khoản, đại ý, tạm thời ngưng chiến, mọi quyền lợi, tài sản Pháp phải được tôn trọng (thí dụ trả lại viện Pasteur cho Pháp), về giao thông, kinh tế, ngoại giao... phải do một ủy ban Pháp Việt định đoạt (thí dụ Đông Dương phải thuộc vào phạm vi đồng phật lăng quan Pháp- v.v.)

47. Ngày nay, ông Nguyễn Văn Trấn, tướng Trần Độ xin ra báo không được bởi đảng không thể dân chủ bằng thực dân Pháp hay vì đảng nghĩ các ông sẽ thiếu "khả năng tranh luận và thách thức" đảng, hay hơn thế nữa, vì mọi sự đã được đảng định (như thiên định) chẳng còn gì để nói nữa?

48. *Giáo sư, Nhà giáo Nhân Dân Trần Văn Giàu* (tr 315): Đây là một câu (bề ngoài) đầy vẻ lạ lùng, mâu thuẫn: nếu vế đầu nói lên được phần nào tinh túy chủ trương và hoạt động Đệ Tứ tại Sài Gòn lúc đó, vế thứ nhì kết tội ông Giàu: chính ông viết trước đó một chút, rằng kể từ 1939 các thủ lãnh Đệ Tứ đều bị tù ở Côn Đảo - và sách Từ điển Nhân vật lịch sử Việt Nam có ghi cho đến 1944 - vậy thì ngoài các vị Đệ Tam cùng ở tù lúc ấy và bọn chủ ngục, ai có thể "thấy" mặt họ ? Ông Giàu giới hạn bốn, năm năm chiến tranh thế giới thứ hai vì ông biết rõ chẳng ai còn có thể thấy được người hay nhóm nhỏ Đệ Tứ nào sau đó vì họ đã bị Đệ Tam sát hại từ sau tháng 8/1945.

49. Về phong trào Đệ Tứ Việt Nam, bài phát biểu của ông Hoàng Khoa Khôi trong cuộc họp ngày 15 tháng 12 với báo Thông Luận tại Paris và *Ai đã ám sát Tạ Thu Thâu và những người trốtkýt Việt Nam?* của Hoàng Khoa Khôi trong Hồ sơ phong trào Đệ Tứ, tập I.

50. Hoàng Văn Hoan trong *Giọt nước trong biển cả,* hồi ký 1991, tập I tr. 128 cho biết tại Trung Quốc, năm 1939 chúng tôi cũng đã đả thẳng cánh một nhóm tờrốtkít ba bốn tên, cầm đầu là một anh có trình độ văn hoá (...) *Giọt nước trong biển cả,* hồi ký 1991, tập I tr. 128.

51. *Le livre noir du communisme*, một nhóm tác giả, nxb R.Laffont, 1997, Paris.

THƠ TÌNH HOÀNG LỘC

TRẦN DOÃN NHO

Tôi đọc thơ Hoàng Lộc từ những năm cuối thập niên 60 và đầu thập niên 70 trên một số tạp chí văn học hàng đầu ở Sài Gòn như Văn, Bách Khoa, Khởi Hành. Thời gian đó, nói không ngoa lắm, là thịnh thời của những nhà văn, nhà thơ đất Quảng. Nhiều tên tuổi nổi bật trên văn đàn như Thái Tú Hạp, Nguyễn Nho Sa Mạc, Luân Hoán, Đinh Trầm Ca, Hà Nguyên Thạch, Thành Tôn, Nguyễn Nho Nhượng, Hoàng Thị Bích Ni bên cạnh tên tuổi của những nhà văn, nhà thơ ở nhiều vùng khác nhau như Trần Hoài Thư, Hồ Minh Dũng, Nguyễn Bắc Sơn, Lâm Chương, Lê Bá Lăng, Lương Thái Sĩ, Mường Mán, Cao Thoại Châu, Chinh Yên, Trần Dzạ Lữ. Tất cả đều là những khuôn mặt mới toanh trên văn đàn miền Nam. Họ là những người thuộc thế hệ trẻ lớn lên trong không khí văn học khá tự do của chế độ miền Nam đang trên quá trình dân chủ hóa. Hầu hết trong số họ là những người lính, đang cầm súng hay cầm bút để bảo vệ chế độ VNCH. Tuy trong tình trạng chiến tranh, trong tư thế phải chọn một lập trường chính trị, nhưng các tác phẩm của họ thường không mang màu sắc chính trị. Họ vẫn chiến đấu như những người lính và vẫn viết văn, làm thơ như những con người. Khác hẳn với thanh niên miền Bắc hồi đó, "nhắm thẳng quân thù mà bắn" và chỉ biết có thế, ở đây họ bắn quân thù trong lúc vẫn suy tư về cuộc đời, về sự nghiệp và về chiến tranh theo trái tim riêng của họ đồng thời thể hiện chúng qua những bài thơ và giòng văn. Chính vì thế, mà cuối cùng, tuy chiến bại, những tác phẩm của họ vẫn góp phần tạo nên một nền văn học thực sự cho miền Nam cũng như cho đất nước.

Nói riêng về thơ, mỗi người trong số họ có một phong cách riêng, có một cách nhìn ngắm cuộc đời và cách đưa vào văn chương riêng, nhưng vô hình chung, họ cùng nhau tạo nên một giòng thơ khá riêng biệt trong nền văn học, nhất là thơ tình. Giòng thơ đó không quá mới mẻ, đôi khi bí hiểm hay đầy chất trí tuệ như xu hướng của một số nhà thơ tự do, không cổ điển như kiểu Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, và cũng không đến nỗi "tiền chiến," sáo mòn như kiểu thịnh thời Thơ Mới. Có thể nói, thơ của họ phảng phất chút thơ tự do, chút thơ cổ điển, chút thơ tiền chiến. Chúng ta hãy đọc thử một số đoạn thơ trích từ

một số bài thơ của nhiều người khác nhau trong số họ:

Chiều cuối năm, ngồi trên tầng phố cũ
Trời quê hương nhiều mây trắng sa mù
Hai mươi tuổi những ngày nuôi mộng đỏ
Đã xanh rồi cây trái mọc suy tư
(Nguyễn Nho Sa Mạc)

Có bao giờ thích tiễn đưa ai
Đưa tiễn vốn chỉ hay nhàm chán
Đời trăm năm mập mờ như bóng nắng
Đưa một người làm trống phía sau lưng
(Cao Thoại Châu)

Em đừng hỏi ở rừng có chi lạ
Có gì đâu bia mộ dựng trong hồn
Bạn bè ta ưu tư ngủ gục
Với rừng già rách nát thương tâm
(Trần Dzạ Lữ)

Núi mờ, những sợi mưa bay
Nghiêng nghiêng mái cũ, lạnh đầy hồn không
Bước theo những giọt vô cùng
Mưa. Mưa. Hạt lệ mù trong đất trời
(Hồ Ngạc Ngữ)

Hãy tưởng tượng mỗi lần nói đến Huế
Về những căn nhà ma
Ngõ vào hai bên là hai hàng cây kiểng
Tường những rêu phong
Đẹp như tranh tĩnh vật
Đời như cỏ cây
Đời sống mịn màng
(Sương Biên Thuỳ)

Hồn ta đã mấy lần mây trắng
Phảng phất đời em tấm bến xưa
Hồn ta có một thời phiêu lãng
Trú thân buồn vương ngọn lưa thưa
(Từ Hoài Tấn)

Những sớm mai, những sớm mai hồng
Bên đồi tây, anh nhớ đồi đông
Nhớ đôi mắt biếc màu thu ướt
Nhớ tóc đuôi gà em trước sân
(Hoàng Đình Huy Quan)

Dường như đứa trẻ nghìn năm trước
Bây giờ đây vẫn trẻ trong ta
Khi về râu tóc còn nguyên vẹn
Một ngày loáng thoáng một ngày qua
(Nguyễn Bắc Sơn)

Có phải em Sài Gòn
Kiêu sa và hoa lệ
Hồn nhiên và tươi trẻ
Chưa biết gì chiến tranh
Chiến tranh thì mặc, em đừng sợ
Trò chơi cầm súng vẫn còn dài
Cứ liếc nhìn anh rồi cắn miệng
Hay cúi đầu như thể hổ ngươi
(Trần Hoài Thư)

Từ em đi, những tháng ngày xa lạ
Những tháng ngày máu đỏ chẳng về tim
Tôi vẫn đứng trong khu vườn thương nhớ
Nghe mưa bay hiu hắt lạnh trong hồn
(Lâm Chương)

Tứ thơ, không khí thơ phảng phất cũ, phảng phất mới. Ý thơ dung dị, chơn chất. Hiện thực đời thường chan hòa trong những suy gẫm nhân sinh và những rung động tinh tế của trái tim trước cuộc sống, tạo nên những hình ảnh khiến chúng ta bâng khuâng, buồn buồn. Nó gây cho ta một chút gì dịu nhẹ, êm đềm nhưng thấm thía. Giòng thơ đó, qua nhiều biến động long trời lở đất của đất nước, vẫn còn tồn tại ở lớp người làm thơ đó và truyền lại sức sống cho những thế hệ làm thơ sau. Theo nhận định khá chủ quan của tôi, nó vẫn còn ảnh hưởng khá mạnh mẽ trên văn đàn hải ngoại - và một phần nào đó, cả ở trong nước.

*

Hoàng Lộc làm thơ trong không khí đó, trong giòng thơ đó. Anh đã đeo đẳng nó, ôm ấp nó từ thuở đầu làm thơ cho tới bây giờ. Anh viết hoài viết mãi cùng một hơi thơ, một giọng điệu y như thể anh vẫn chưa nói hết những điều anh muốn nói. Những bài thơ trong tập "Qua mấy trời sương mưa" (QMTSM) (1) in theo thứ tự thời gian. Đó là những bài thơ chắt lọc trong ba mươi năm làm thơ, trải qua bao nhiêu thăng trầm của số phận một đời người. "Thơ trải dài qua ba thập niên, mà thi tập như một khối nhất quán, như tác giả vừa chụp lấy bút viết một mạch trong một đêm" (Văn Học). Bài thơ đầu tiên đề năm 1969 và bài thơ cuối đề năm 1999. Tuy đề cập tới nhiều chủ đề khác nhau, QMTSM rõ ràng vẫn nặng về tình. Hầu hết các bài thơ đều nói lên những bâng khuâng, e ấp, những day dứt, những sầu, những nhớ, những giận hờn, tiếc nuối, những rung động về tình yêu. Anh làm thơ tình trong bất cứ hoàn cảnh nào, ngay cả trong hoàn cảnh thân tàn ma dại của một tù nhân, của một người lính thất trận hay

trong thân phận lưu lạc xứ người. Cái tình đeo đẳng lấy anh như một loại "sinh tử phù."

Một đoạn thơ làm năm 1972:

Khi anh về bất ngờ anh biết khóc
Qua hiên nhà người bé vào lớp học
Bé đâu hay thành phố đã lên sương
Là khi anh cúi xuống một đời buồn

Năm 1987, khi ở tù về:

Em có bàn tay dịu dàng mấy ngón
Có ngón nào của cô bé ngày xưa
Chỉ một lần vuốt nhẹ trái tim thơ
Mà vết xước đủ một đời ứa máu

Khi ở Hoa Kỳ:

Em phía hoàng hôn, anh bình minh
Hai bìa trái đất gió chênh vênh
Một sao lấp lánh đôi bờ lệ
Từng sớm hôm soi một chữ tình

Chúng ta vừa đọc qua ba đoạn thơ của Hoàng Lộc qua ba chặng đời khác nhau: một Hoàng Lộc trẻ, một Hoàng Lộc ở tù về và một Hoàng Lộc lưu lạc. Ý thì có khác, dĩ nhiên. Nhưng tứ thơ, không khí thơ và trái tim nhà thơ thì dường như vẫn thế: yêu. Chan chứa yêu, đằm thắm yêu, say sưa yêu. Yêu không biết mệt mỏi. Ta có thể nói, anh bày ra "cuộc yêu" trong đời của anh và trong thơ của anh. Ở hoàn cảnh nào, Hoàng Lộc cũng có thể làm thơ tình một cách hồn nhiên, một cách bình thường, y như thể thế giới này không có gì khác hơn ngoài tình yêu trai gái, bởi vì suốt đời anh là một "đời tình":

Ta mãi lơ mơ suốt một đời tình
Mãi lưu lạc những hiên nhà gái đẹp

Tôi không rõ nhà thơ đa tình Hoàng Lộc đã trải qua bao nhiêu hiên nhà gái đẹp, nghĩa là trải qua bao nhiêu lần yêu và thất tình và yêu và thất tình, nhưng rõ ràng là tình anh bao giờ cũng nóng hôi hổi. Yêu một lần nóng đã đành, yêu lần hai lần ba lần bốn cũng cứ nóng. Nóng, và da diết. Bài thơ đầu trong tập:

Mịt mù cõi thế
Ngơ ngẩn đường chim
Công hầu coi nhẹ
Nhớ màu mắt em

Bài thơ cuối tập:

Đã yêu ở Hội An
Tình đã ra cửa Đợi.

Lúc chừng hăm mấy tuổi:

Trải cho em cả tấm lòng
Mất toi đến cái khốn cùng của ta

Lúc chừng năm mươi mấy tuổi:

Để biết yêu em từ thuở ấy
Đời ta rồi nỗi khổ vô lường
Biết, ta biết trước mà hay vậy

HOÀNG LỘC

NÓI VỚI DÒNG MISSISSIPPI

ngươi trôi tới đây từ phương bắc
ta giạt về đây từ phương đông
ta với ngươi cùng nhau trôi giạt
đời ta buồn đời ngươi buồn không?

ngươi buồn ư? sao còn chảy xiết?
càng đi xa ngươi càng rộng sâu
ta buồn quá ngó ngươi chóng mặt
ngàn trùng quê - nhớ - ta cúi đầu

đường ngươi đi phù sa rải khắp
sông xa quê sông biết nuôi người
đường ta đi tha phương cầu thực
muốn nuôi mình mà hết niềm vui

quê ta có sông Thu không cầu danh
cũng biết nuôi người và thương mình
cả đời ta ước như sông ấy
chảy giữa tình yêu chảy quẩn quanh

vậy mà ta một ngày ra đi
tới đây là đã biệt đường về
càng xa nguồn sông càng ngầu đục
chỉ khổ dòng trong thuở trước kia

ta với ngươi cách quê đều xa
đáng khi tâm sự phải sa đà
ngươi chẳng buồn chi ngươi chảy xiết
bỏ trời lưu lạc một mình ta...

1994

Không có em càng sợ khổ hơn
...Bởi chỉ vì em
Ta dính dáng với đời này

Trong những ngày thua trận:
Đã vắng đầu lâu treo cổ ngựa
Mất em, cũng ý lạnh sa trường
Khi về tình rã theo tay mỏi
Nhìn bóng tàn quân rủ khói sương

Lúc ở tù về:
Về, ta gặp phố sầu u
Ta yêu em với ta tù tội đây

Như thế, cũng như nhiều nhà thơ khác, tình yêu của anh không hề có tuổi. Có lẽ vì người yêu (hay nhiều người yêu) của Hoàng Lộc dường như không có tuổi. "Em" có thể lớn lên, khác đi, nhưng không già. Em bao giờ cũng thế, lãng đãng nhưng mặn mòi. "Em" (hoặc được "cá thể hóa" như Hoàng Thị Ngọ của Phạm Thiện Thư, Tố của Vũ Hoàng Chương) là một hình tượng vĩnh cửu. "Ta" hay "anh" cũng thế. "Em" hay "ta" hay "anh" được đẩy lên thành một mẫu, một dáng, một nét, một tính cách. "Em" là một cái khác của "ta," của "anh." Bắt chước lối nói của Mai Thảo, ta có thể cho rằng "em" trong thơ Hoàng Lộc là một hoài hoài tìm kiếm, một hoài hoài đuổi bắt, một hoài hoài lạc nhau và một hoài hoài tiếc nuối.

Bởi thế mà tình của Hoàng Lộc dường như lúc nào cũng là một thứ tình lỡ, tình trễ, tình mất, tình phụ. Anh viết:
Muôn năm, anh là người đến trễ

Chỉ vì:
Ta kiếm quẩn quanh trời cố xứ
Hồng nhan, hồng nhan - ta chiêm bao

Tình anh, rốt cuộc, bao giờ cũng quạnh vắng, hiu hắt:
Em hãy đốt lên giùm anh ngọn lửa
Thử ngọn tình hiu hắt tới bao lâu

Cho nên, cuối cùng:
Yêu vô vàn cũng rớt giọt tình không

Tình yêu đó là "ngọn tình," "giọt tình." Ngọn hay giọt là một cái gì mong manh, chập chờn, thoáng chốc. Tất cả chỉ vì người tình của anh luôn luôn trốn chạy, luôn luôn có đó và không đó, luôn luôn không bao giờ bắt được, luôn luôn thoát khỏi anh:
Mưa ngày xưa bây giờ chưa biết
Buồn đời ta, không đời ai bằng
Ngày xưa, ôi cái ngày xa lắc
Mà em đi chẳng nói chẳng rằng

hoặc
Đã tới ngày em bỏ quên ta
Che tay kỷ niệm ngó mơ hồ
Nắng gió trong lòng em bất chợt
Em vừa giết một đứa làm thơ (32)

Không những chỉ thế. Thử nghe Hoàng Lộc tâm sự trong những giọng khác:

Những sớm qua cầu, ta gọi bớt hơi sương
Những trưa khô che dùm tóc mỏi
Con đường quen bụi lầy cố xứ
Em về, ta lặng lẽ mưa bay
và:
Áo trắng em qua trời phố nhỏ
Khi lòng ta còn muốn làm mây
Dẫu nhiều năm cùn mòn vó ngựa
Vẫn hí tương tư những tiếng đầy

Vậy thì đã rõ, đâu phải chỉ mình em trốn khỏi tôi, mà ta cũng trốn khỏi em. Nói đúng hơn, anh và người tình của anh luôn luôn trốn khỏi nhau. Trên sân khấu cuộc đời, hình như họ luôn luôn đánh mất nhau. Và có thể vì vậy mà họ yêu nhau, cần phải yêu nhau. Hay nói một cách khác nữa, tình yêu vốn ở chỗ hoài hoài thất bại:

Về, ta sững cuộc đổi đời
Đổi đời ta nhỏ hơn đời đổi em
Còn nhau đâu mà trông tìm
Mất nhau từ thuở chưa chìm nổi kia

*

Tình của Hoàng Lộc còn dính dáng đến rượu. Có lẽ ít tập thơ tình nào có nhiều rượu như tập thơ tình HL. Tôi hơi tò mò: toàn tập thơ có 12 bài có tựa đề mang từ "rượu." Và ít nhất 12 bài khác có "hơi rượu." Tất nhiên, hầu hết là "rượu tình" (hay là tình rượu?). Theo tôi, những bài thơ có hơi rượu nằm trong số những bài hay nhất trong tập thơ của Hoàng Lộc. Tình nhiều. Mà rượu cũng lắm!

Đối với người đông phương, rượu mang nhiều ý nghĩa. Và do đó, nó đã đi vào văn chương từ ngàn xưa:

Bồ đào mỹ tửu dạ quang bôi
Dục ẩm Tỳ bà mã thượng thôi
Túy ngọa sa trường quân mạc tiếu
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi.

Và nay:

Chén tiễn chén đưa
Cho rã rời một đêm hẹn ước
Xếp áo tìm vui nơi chiến trường có bạn có thù

("Đưa em vào hạ," ca khúc của Trầm Tử Thiêng)

Rượu, hay chén rượu đã thành tập tục, hơn thế nữa, một nghi lễ, một sinh hoạt khá thiết thân: rượu khi vui, rượu khi buồn, rượu dành lúc tiễn đưa, rượu mừng ngày hội ngộ. Nhiều khi chén rượu được rút gọn thành chén: chén quan hà, chén ly bôi, chén hoàng hoa, chén tiễn chén đưa, đánh chén. Rượu giúp con người hưng phấn, quên buồn và đa tình như Hoàng Lộc. Rượu của anh dính với tình, quanh quẩn với tình. Anh uống khi chia xa, lúc gặp gỡ, khi tiếc nuối, lúc buồn phiền, khi thất chí. Anh uống một mình hoặc với bạn hoặc với người yêu. Nhiều lúc anh uống... tưởng tượng và say... tưởng tượng. Ta chẳng biết anh uống rượu hay uống tình, anh say rượu hay say tình. Tôi tò mò tìm xem cái loại rượu của anh là loại gì và cách anh uống như thế nào. Này nhé, ta có: rượu hồng nhan, rượu hoàng hoa, rượu tàn đông, rượu tống mùa thu, rượu buồn, rượu đắng, rượu nồng, rượu thất tình, rượu chiều, rượu tàn niên, rượu khốn cùng, rượu điêu tàn... và có lẽ còn nữa, nhưng tôi tìm chưa hết.

Vài đoạn thơ có rượu:

Đời nhỏ tưởng chừng dăm hớp rượu
Ai hay sầu chật một hồn đời
Ta kiếm quẩn quanh trời cố xứ
Hồng nhan, hồng nhan, ta chiêm bao

Hoặc:

Mặc những lần xuân tuyệt mù trước ngõ
Mặc những loài chim không hề hót nữa
Rót rượu buồn đi - hồng nhan, hồng nhan
Anh uống giùm cô chỗ rượu điêu tàn
... Bữa rượu chiều ta,em ở đâu?
Mang mang lưng chén cái thương sầu
Giá có em cùng chia chút rượu
Dễ khi gió đã lặng bên trời

*

Hoàng Lộc yêu, Hoàng Lộc thất tình, Hoàng Lộc uống rượu. Yêu đủ cách mà uống rượu cũng đủ cách. Đa đoan quá chăng? Nát rượu quá chăng? Tôi ngờ rằng không! Anh có yêu đấy, có uống đấy, nhưng đọc xong hàng chục bài thơ tình của anh, ta vẫn thấy bên dưới những tình, những rượu đó chứa đựng một cái gì khác.

Rượu và tình có vẻ như một biểu hiệu cái khắc khoải miên tục trong anh. Bởi thế, ở một mặt nào đó, tôi ghi nhận những bài thơ của Hoàng Lộc, rốt lại, y như một tiếng thở dài sâu lắng trước cuộc tồn sinh. Tình của anh, như anh có lần bảo, đâu chỉ là tình, mà còn là một "nhịp thở trần ai":

Chia cho nhau từng nhịp thở trần ai.

Những cô em mười sáu tuổi hay những cô em "đổi đời" không có tuổi, những mối tình thấp thoáng hay mặn nồng, những gặp gỡ và dang dở tình cờ hay những chén rượu tình nồng chỉ là hình ảnh hiện thân cho nỗi bất an trước những đổi thay liên tục, trước định mệnh, trước những phù phiếm, hư huyễn của thời gian, của cuộc lữ. Chả thế, mà nhiều lần HL nhắc đến chữ "biển dâu" trong thơ. Đời biển dâu mà tình cũng biển dâu

Lúc anh về bé vừa lên mười sáu
Rất dịu dàng nhưng rất lạ đời anh
Khi đưa tay gõ vội trái tim mình
Nghe sai lỡ như một lần dâu bể
... Gió bên đời bỏ mặc lá thu bay
Rồi nếu cần em sẽ biển dâu ngay (...)

Tình và rượu chứa đựng cái mất, cái còn:

Dễ những nương dâu bảo dừng biển lại
Mà cái mất cứ xui lòng khổ mãi
... Giá có em ngồi, ta kể lại
Mỗi biển xanh từng hóa ruộng dâu

Cũng là dâu biển, nhưng trong một bài thơ khác, anh nói đến cuộc thăng trầm:

Rượu tàn niên chừ gió xa xăm
Gió chi thổi riết mấy mươi năm
Quán cô hồn một ta chớ mấy
Sợ - mà khinh - những cái thăng trầm

Thăng trầm, biển dâu, đó là ám ảnh không nguôi chuyên chở trong những giòng thơ tình ngấm rượu của nhà thơ đất Quảng Hoàng Lộc, một "hào sĩ" như anh tự nhận trong một lần say khước ở Hội An, quê anh:

Nhớ em, nhớ buổi trăng tàn khuyết
Quán cuồng, hào sĩ cũng rưng rưng
Như ta, dễ một lần ta khóc
Em hát liêu trai khúc nguyệt cầm

9/1999

(1) "Qua mấy trời sương mưa," thơ Hoàng Lộc, Văn Mới xuất bản, 1999.

THỊ TRẤN

NGUYỄN CHÍ KHAM

Vừa bước vào cửa, Nguyện có đôi chút ngỡ ngàng, khựng lại trước không khí mọi người đang chăm chú làm việc. Viên Đại Úy có mái tóc đã bạc, đang ngồi trên chiếc ghế bành, ông ta cầm trên tay một bản giấy đánh máy, vừa nói chuyện với một phóng viên. Anh chàng này có dáng cao lớn, ngồi ở bàn viết gần cửa sổ. Những sợi khói thuốc trườn lên, lởn vởn lan dần một khoảng rộng. Nguyện thả túi quân trang xuống, cho dựa vào tường rồi mở nắp túi áo lấy tờ SVL. Viên Đại Uý ngừng câu chuyện, cầm tờ giấy Nguyện vừa đưa. Ông cúi mắt, đọc thật kỹ, một lúc lâu mới nhìn Nguyện hỏi:

"Anh đã nghỉ phép chưa."

"Thưa Đại Uý, tôi đi rồi."

"Anh có gia đình đi theo không ?"

"Dạ không. Tôi lên đây một mình."

"Anh có cần một ít ngày nghỉ để thu xếp chỗ ở không?"

"Cám ơn Đại Uý. Thưa Đại Uý, Quân Đoàn có khu cư xá độc thân không."

"Có. Anh qua liên lạc với Tổng Hành Dinh."

"Tôi muốn nhờ Đại Uý giúp."

"Được, anh tạm ở phòng ngồi nghỉ đi."

Viên Đại Uý lật qua trang thứ hai, đọc nhấn mạnh một đoạn tin trong đó, rồi tiếp câu chuyện với phóng viên. Nguyện kéo một chiếc ghế, ngồi hơi xa một chút, thoáng nghe những điều ông Đại Uý nói, vừa chú ý những anh em khác đang làm việc trong phòng.

Khi ông Đại Uý xong việc, đứng dậy đi vào phòng bên trong, anh phóng viên nhìn sang Nguyện nở một nụ cười hết sức thiện cảm. Anh cầm gói thuốc Capstan, kéo ra khỏi bao một điếu, rồi với người tới đưa mời Nguyện.

"Thiếu Uý ở ngoài vùng I?"

"Vâng."

Anh ta bật que diêm cho Nguyện đốt thuốc. Nguyện hít một hơi, nhả khói, rồi quay lưng kéo chiếc ghế lại gần người phóng viên. Nguyện dè dặt hỏi:

"Xin được biết cấp bậc của anh để gọi."

"Tôi làm phóng viên, nhưng là lính thường thôi."

"Vâng. Anh chắc phải đi làm phóng sự nhiều nơi."

"Tôi đi luôn, Thiếu Uý."

Nguyện nói:

"Cấp bậc tôi còn nhỏ, mình gọi nhau thân mật đi."

Anh chàng phóng viên nở một nụ cười. Có vẻ anh hút thuốc nhiều, nơi hai ngón tay thâm vết vàng ố. Nguyện nói:

"Anh có viết cho các báo ngoài không?"

"Thỉnh thoảng thôi."

Nguyện với tay qua cái gạt tàn, rảy thuốc xuống. Anh chợt để ý đến chồng sách đặt một bên, cuốn nằm ở giữa là một tác phẩm bằng Anh Ngữ.

"Trước đây, ở ngoài chắc Thiếu uý cũng viết báo."

Nguyện cười, đáp:

"Không, anh."

Nãy giờ, trong lúc hai người đang trò chuyện, ở bàn viết chính giữa, tiếng máy đánh chữ gõ đều, Nguyện thấy viên Trung Uý ngồi làm việc rất chăm chú. Xong bản đánh máy, anh ta đứng dậy, Nguyện được nhìn thấy một khuôn mặt hơi rám nắng, nhưng đôi mắt sáng, và mái tóc để dưỡng rẽ.

Anh ta đi về hướng hai người đang ngồi. Đến gần,

Nguyện vừa đứng dậy để chào, anh ta bắt tay trước, thân mật hỏi:

"Thiếu Uý mới đến."

"Vâng, chào Trung Uý."

Anh ta đặt một bàn tay lên vai Nguyện, cử chỉ như đã thân thiện, quen biết.

"Ở đây, ít người, mình sẽ làm việc chung với nhau."

"Cám ơn, Trung Uý."

Anh phóng viên giới thiệu:

"Đây là Trung Uý Văn Tiến, phụ tá Trưởng Ban."

Nguyện ngạc nhiên:

"Thì ra, tôi đã có đọc bài của Trung Uý, bây giờ mới biết.

Văn Tiến cười hơi lớn, rồi chỉ vào phóng viên.

"Người viết nhiều nhất ở đây là anh Hoài Vinh."

Nguyện nhìn sang người bạn, bỗng nói đùa:

"Vậy mà, anh này cứ giấu tên, không nói cho tôi biết."

Không khí vui, cho Nguyện những giây phút tự nhiên hơn. Văn Tiến nói:

"Còn hai người nữa, anh sẽ gặp sau. Giờ, tụi mình kiếm cà phê uống."

Buổi gặp gỡ đầu, câu chuyện dòn như pháo Tết. Họ trở nên thân, như đã sống ở đây lâu ngày. Ngồi một lúc, ba người trở lại phòng làm việc.

Vừa bước vào cửa gặp viên Đại Uý, Nguyện đã nhận ngay tin vui về chỗ ở của mình. Rất sốt sắng, Tiến lấy xe Jeep đưa Nguyện qua Tổng Hành Dinh để làm thủ tục. Trên đoạn đường đi, Nguyện và Tiến nói chuyện với nhau về tình hình cuộc chiến, mà qua đó, theo Tiến dự đoán có khả năng sẽ được chấm dứt bằng Hiệp định Paris vào đầu năm tới. Những điều Tiến lập luận cho thấy sự sắc bén, chính xác của một người rất am hiểu tình hình.

Đến nơi, mọi sự đều suông sẻ. Ký giấy tờ, nhận chìa khóa phòng xong, Tiến đưa Nguyện đến khu vực cư xá. Xe ngừng, Nguyện kéo chiếc sac marin xuống, rồi cùng đi với Tiến tìm phòng ở. Nguyện thật may mắn, anh được hưởng một căn phòng trống ngoài cùng, trước đây là của một viên Trung Uý nay đổi về làm việc ở Sài Gòn. Căn phòng, cánh cửa mở ra bên lối đi dọc hành lang, đứng ở bậc thềm tam cấp, ngay trước mặt là một khoảng sân rộng, và lần đổ theo triền dốc đi lên các ngọn đồi. Nơi xa hơn nữa, thấy trùng điệp bóng dáng những ngọn núi.

Tiến trở lại làm việc, một mình Nguyện ở lại với căn phòng yên tĩnh. Nguyện thư thả thu dọn, rồi giặt quần áo, tắm rửa, và cảm thấy một nỗi vui lan rộng quanh tâm hồn mình.

Buổi chiều, ở đây có tiếng còi hụ thật dài để báo giờ tan sở. Nguyện đi theo xe của phòng ra phố. Từ trên ngọn đồi cao, nhiều đoàn xe hướng ra cổng trước, cổng sau, và đổ xuống thị trấn bằng con đường ven theo bìa thung lũng chạy ngang qua khu vực căn cứ của phi trường. Tới trạm ngừng, Nguyện và Vinh cùng xuống. Nguyện nhìn thấy khung cảnh thị trấn có vẻ lạ lùng, mới mẻ. Khi chưa biết đến, Nguyện cứ nghĩ lên đây vắng lạnh, buồn tẻ lắm. Nhưng không, một buổi chiều đầu tiên nơi xứ lạ, Nguyện đã sống trong tiếng động đang dồn dập đổ tới. Nhiều ngả phố, trong tiệm ăn, quán cà phê, bi da, rạp hát, chỗ nào cũng đầy đặc lính. Vinh đưa Nguyện về nhà ở đường Phan Bội Châu. Ngôi nhà khá rộng nằm giữa một dãy phố buôn bán nhộn nhịp. Gian trước, vợ Vinh ngồi bán hàng, cửa hàng bán gồm đủ loại mỹ phẩm và quần áo ấm mùa đông. Chị còn rất trẻ, tiếng nói tuy biết là ở miền Nam nhưng có pha một chút giọng của người miền Bắc. Bỗng dưng, Nguyện cảm thấy mình có chút ngượng ngùng đối với cuộc sống sung túc của một người bạn mình mới quen.

Vào bên trong, qua khỏi phòng khách, nhà có một lối đi sâu như hành lang dẫn ra tới phía sau. Vinh nói chuyện với Nguyện một cách thân mật thực sự, thỉnh thoảng đi dỏm một vài câu nói đùa rất tự nhiên. Hai người dừng lại ở khoảng sân sau có mái che, có một vài chậu hoa, mấy bức tranh treo dựa vào các bản gỗ, tưởng như chỗ này là một quán cà phê. Vinh không cần nói hết, Nguyện cũng nhận ra ngay, khoảng sân này là nơi Vinh dùng làm chỗ anh em văn nghệ gặp nhau với trà, cà phê, thuốc lá, đôi khi còn có cả cuộc rượu kéo dài qua hết đêm.

Vinh trút bỏ bộ đồ lính, mặc vào bộ quần áo xi vin khá chải chuốt, rồi rủ Nguyện đi bát phố chơi. Hai người thả bộ từ nhà, đi lên phố khác bằng một con dốc. Nguyện chợt nhớ mấy câu hát từ trong một bài thơ phổ nhạc. Và lúc này, có vẻ Nguyện đang thấy mình sống thực với hồn những câu thơ đó.

Nguyện chợt quay sang Vinh, nói:

"Đọc thơ anh, tôi bỗng nhớ rất nhiều đến những ngày đã sống ở Đà Lạt."

Vinh cười:

"Tôi cũng có khá nhiều kỷ niệm ở đó."

"Cũng lạ, thơ anh hết sức thơ mộng, hồn nhiên. Vậy mà, đọc những bài phóng sự chiến trường anh viết, tôi như nghe thấy tiếng súng đạn, và chất lửa cháy thật dữ dội."

Vinh đưa qua cho Nguyện một điếu thuốc. Hai người dừng lại trên đường, Vinh bật que diêm cháy sáng. Bằng cái phong cách của một nhà văn, Vinh nói:

"Chiến tranh là một đề tài lớn. Bởi vậy, khi viết, tôi muốn mình phải thực sự đã được sống bằng mùi vị của thuốc súng."

"Tôi hiểu, nhưng điều tôi thấy lạ, thơ tình của anh nó mơ mộng, dễ thương quá."

"Có lẽ, trong thơ tôi không thể nào xa được những hình ảnh các thiếu nữ."

"Lãng mạn quá. Có mối tình nào hay, kể nghe đi."

"Anh có nhớ bài thơ Hoa Vàng không?"

"Phải nhớ, vì đã có phổ nhạc. Bài đó, cứ đến Xuân về là ở đâu cũng được nghe hát."

"Tôi làm bài đó, từ chuyện tình của một cô bé."

"Cô bé thôi."

"Nói là cô bé, nhưng cũng là thiếu nữ rồi."

Và Vinh bắt đầu kể. Quả thực, cách Vinh gọi cô nàng là cô bé cũng đúng. Điều bất ngờ hết sức thú vị, là mối tình thơ mộng của Vinh, phần nào nó giống như cốt truyện trong phim Les dimanches de ville d'Avray.

Truyện kể vắn tắt, nhưng có nhiều chi tiết thú vị. Khi Vinh vừa ngừng, Nguyện nói ngay:

"Tôi nghĩ anh còn nhiều nàng nữa, đúng không?"

"Bạn thì sao?"

"Ờ, thì cũng có một chút để làm thơ."

"Đọc nghe đi."

Nguyện im lặng ít giây để nhớ, rồi nói:

"Tôi không nhớ hết bài, chỉ được bốn câu này:

năm ấy cây xanh trồng phố cũ
chắp nối những ngày tôi đã quên
bây giờ giữa nụ cười thân thiết
sống được một thời trong mắt em."

Vinh thốt lên:

"Hay quá. Tôi xin đề nghị anh thay một chữ được không?"

"Anh nói đi."

Vinh nói:

"Ba câu đầu, được rồi. Câu chót, tôi nghĩ dùng chữ lần thay cho chữ thời, anh nghĩ sao?"

"Hay đấy, cám ơn bạn."

Hai người đi bộ loanh quanh qua những đoạn phố ngắn, có nhiều quãng dốc. Buổi chiều, thị trấn sinh hoạt ồn ào, với tiếng xe cộ, nhưng rồi bỗng dưng, thấy nó rơi lắng xuống như một nỗi nhớ mỏi mệt, êm đềm. Hôm nay, một buổi chiều đầu tiên nhưng Nguyện đã nhìn thấy được Pleiku là một thành phố của chiến tranh. Những người lính đã sống ở đây, hay vừa đặt chân đến, dường như họ đang mang trong tâm thức của mình một thứ quê nhà khác. Ở đây, và ở đó, cứ tưởng xa cách, nhưng mà thấy gặp nhau, hoài hoài nhớ đến nhau. Nơi quê nhà ở đây, chiến tranh lại nói đến rất nhiều về cuộc sống. Nơi quên nhà ở bên kia, thì luôn luôn nó đeo đẳng vào tâm trạng của mình như ám ảnh bởi một sự ly biệt, trông chờ, đôi khi ám ảnh bởi sự chết chóc nữa. Bởi vậy, nên nhiều người đã sống ở đây, họ không còn muốn trở về, hoặc đi nơi đâu khác. Khi nghe tiếng bước chân người trên những con phố, tiếng máy nổ khô đặc của những chiếc lam xe cũ kỹ chạy trên con đường đất bụi đỏ, thảng hoặc chợt thấy núi rừng, sương mù hiện ra dáng hình của bầy thú dữ, hay gợi nên một vẻ ma quái, thì với từng thứ một đó, nó tự phơi bày cách sống, sinh hoạt đặc biệt của thị xã này. Mỗi ngày, chập chờn trong ánh nắng, trong cơn mưa, trong buổi hoàng hôn đều thấy có bóng dáng của những người lính, và sự chờ đợi lâu dài của chiến tranh.

Nguyện được Tiến cắt cử trong phần việc viết tin và điểm báo. Buổi sáng, bản tin phải được viết xong trước chín giờ. Buổi chiều, một người trực ở Sài Gòn đọc qua điện thoại về tin tức các báo, Nguyện ghi chép, sau đó chọn lọc lần nữa những tin cần biết, nhất là các loại tin sinh hoạt lãnh thổ, xong tự đánh máy đem Trưởng ban duyệt, rồi chuyển lên cho văn phòng Tư Lệnh. Những tuần lễ đầu, do chưa quen lối viết tin, bản viết của Nguyện thường được Hoài Vinh và Văn Tiến, đọc, sửa lại nhiều câu chữ, và Nguyện nhận ra ngay, nó có được sự nổi bật, sinh động hơn.

Hoài Vinh là một phóng viên chuyên nghiệp, nên mỗi ngày khi tập viết tin, Nguyện được học hỏi thêm nhiều. Vinh có óc hài hước, trong cách nói chuyện, lúc nào cũng để cho người khác nghe mình, và tự cười thoải mái. Thời trước chưa vào lính, anh đã là Trưởng đoàn của một ban kịch lưu động. Khi có chuyến công tác, Hoài Vinh luôn sẵn sàng trong túi xách lớn của mình, giấy bút, máy ảnh, máy cassette, đợi một cú điện thoại chót

báo tin là lên đường ngay. Mỗi chuyến đi đều cho Hoài Vinh những đề tài rất phong phú và khi về, có Vinh, cả phòng lúc nào cũng vui nhộn đủ thứ chuyện cười.

Thấm thoắt, Nguyện ở Pleiku được hai tháng. Mỗi buổi chiều tối, trước khi đón xe trở lại Quân Đoàn, anh được vui sống không khí sinh hoạt trong thị xã, lúc ngồi ở quán cà phê, lúc ở các bàn bi da, và cuộc sống lưu lạc ở nơi đây, núi đồi Pleiku màu đất đỏ, ít ra, cũng đã đến khoác lên áo nhà binh một lớp bụi phong trần của đời lính, của thời gian, và còn cho Nguyện khởi đầu của một thời tuổi trẻ khác. Nguyện rất dễ xúc động, khi thấy lúc này, quanh mình luôn có được tình chiến hữu, tình đơn vị, tình gia đình nơi mỗi người bạn lính. Buổi chiều cuối tuần ra phố, lúc Nguyện ngủ lại đêm ở nhà Tiến, lúc ở nhà Hoài Vinh, rồi ít lâu sau đó, Nguyện quen thêm một người bạn làm thơ nữa, đó là Vũ, anh là người lính thuộc binh chủng Thiết Giáp.

Rồi đến một ngày, suýt nữa, Nguyện và Hoài Vinh, đôi bạn này trở thành hai chàng Sơn Tinh, Thủy Tinh. Cô Nguyệt, một hình bóng ở xa, bất ngờ làm rung động trái tim của hai chàng. Mới đây thôi, cô từ một thành phố khác đến Qui Nhơn cư ngụ. Cô Nguyệt vừa dạy học, vừa đảm trách thêm công việc làm xướng ngôn viên ở Đài.

Thường lệ vào mỗi buổi sáng, sau chín giờ, bản tin viết xong là Hoài Vinh bắt đầu phone đi cho các Đài địa phương thuộc lãnh thổ Quân Khu 2. Khi xong nhiệm vụ đọc hết tin cho các Đài, một đám anh em trong phòng kéo nhau xuống Câu Lạc Bộ pháo binh ăn sáng, uống cà phê.

Nhưng rồi, đến một buổi sáng bất ngờ gặp cô Nguyệt qua điện thoại, Hoài Vinh không thèm nhập bọn nữa, đọc xong hết phần bản tin, anh ra dấu cho mọi người cứ đi, một mình ở lại rề rà tán tỉnh nàng.

Hai người, nói chuyện qua điện thoại chừng như đã chịu nhau lắm. Vậy rồi, mỗi buổi sáng, xong bản tin Nguyện đưa, Hoài Vinh ưu tiên đọc trước cho Đài Qui Nhơn. Luôn luôn, có tiếng của cô Nguyệt đầu dây. Và mỗi cuộc nói chuyện, không biết hai anh chị đã nói gì, nhưng luôn thấy vẻ mặt Hoài Vinh, mắt sáng, nụ cười rất tươi.

Trước khi cúp máy chàng nhỏ nhẹ nói với nàng:

"Thôi, hẹn mai nhé."

Có thể, nàng cười sung sướng, không cần đáp lời nữa.

Hôm đó, có một bạn phóng viên ở báo Sài Gòn lên chơi. Tiến, Vinh, cùng anh em mời anh ta xuống Câu Lạc Bộ. Nguyện có vẻ hơi khó chịu về cái kiểu cách làm dáng của anh ta nên không đi. Khi nãy, có mặt người đó, anh cũng ngồi khoảng cách xa, không thân mật chuyện trò. Không tỏ lộ ra mặt, nhưng lối nói chuyện của anh ta có một chút phô bày, kiêu ngạo, thêm cái sự coi thường những anh em làm văn nghệ ở các tỉnh nhỏ. Tuy nhiên, với Hoài Vinh, anh ta phải kính trọng, bởi Vinh đã sáng chói một thời trong làng báo Sài Gòn trước anh ta nữa.

Bỗng chuông điện thoại reo, Nguyện nhấc máy, đài Qui Nhơn xin tin, và bắt đầu nghe tiếng, Nguyện nghĩ ngay đấy là cô Nguyệt, nàng tình mới của Hoài Vinh. Nguyện nói:

"Anh Vinh bận đi chút việc. Lát nữa cô gọi lại được không?"

"Ờ..., nhưng đã có bản tin rồi phải không?"

"Vâng, có."

"Ông đọc giúp tôi được không?"

"Được, cô."

Nguyện chợt cảm thấy hồi hộp, bối rối. Nguyện đọc, nhưng giọng nặng, khó nghe, khiến cô Nguyệt đầu giây cứ phải ngắt lời, hỏi lại nhiều lần. Nguyện cảm thấy khó chịu, vừa bối rối, có chữ đọc không rõ, anh phải đánh vần để cho cô bạn ghi.

"Vâng, xin cám ơn ông."

Nguyện nghe câu chào xã giao có chút lạnh lùng. Khi cúp máy, Nguyện cảm thấy hổ thẹn vì giọng nói quê mùa của mình, mặt váng đỏ như một người vừa mới uống rượu. Nhưng thế đó, Nguyện không thể quên được, anh lại còn muốn được cất giấu những âm thanh trong giọng nói của nàng.

Đám anh em xong cử cà phê trở lại phòng. Họ tiếp tục câu chuyện, nhưng Nguyện ngồi yên ở bàn của mình không qua tham dự. Bỗng nghe chuông điện thoại reo. Vinh nhấc điện thoại, anh cười reo lên một tiếng để chào nàng. Thì ra, cô ấy lại gọi lên hỏi chuyện. Nguyện đưa mắt nhìn sang Vinh, chợt nhận ra trên vẻ mặt của bạn mình có vẻ hơi ngạc nhiên. Tiếng Vinh đáp:

"Anh bạn mới ở xa đổi tới."

"Đúng, nơi đó là vùng biển."

Rồi Vinh cầm bản tin đã viết xong, đọc lại. Vừa đọc, Kim vừa nói đùa với nàng. Nguyện nghe, tưởng như có một chút đau đớn, nhức nhối trong đầu óc. Nhưng sau đó, khi bản tin

kết thúc, cô ta muốn trở lại câu chuyện của anh. Qua cử chỉ thân mật của Vinh, Nguyện đọc hiểu được điều phân trần của cô nàng, ý hẳn, cô không có điều gì phiền trách, muốn cho người kia biết rằng, cô chưa quen được tiếng nói địa phương nơi vùng quê anh ở thôi.

Từ đó, Nguyện giữ một khoảng cách yên lặng, không vội vã cầm phone đọc tin cho các Đài nữa. Ngay trong lúc gặp tình huống, anh cũng gọi người khác nhờ đọc tin. Và, Nguyện chợt nghĩ đến Miêng, cảm thấy thương nàng hơn hết. Dù thời gian đến mau, hoặc lâu hơn nữa, Miêng cũng sẽ là người vợ của anh.

Giữa Vinh và Nguyệt, hai người đã trở thành đôi tình nhân qua điện thoại. Tuy nhiên, nàng ta cũng đã biết khá rõ đời tư của chàng rồi. Và thực sự, có lẽ Vinh chỉ vui chuyện, tán tỉnh thôi, anh không có vẻ muốn tiến sâu. Bởi thế, anh luôn nói chuyện đùa rất thoải mái với nàng. Nguyện được nghe Vinh kể về Nguyệt, trước đây cô học ở Đà Lạt. Nhà cô có hiệu sách, nằm bên dưới con đường Duy Tân, như vậy, từ chỗ đó, trông qua ngôi trường Việt Anh xa khoảng chừng hai trăm mét. Có thể, Nguyện đã có gặp cô nàng một lần, hoặc nhớ thấp thoáng cái bóng dáng của thiếu nữ, vì hồi đó, học ở Đà Lạt, Nguyện vẫn hay ghé vào hiệu sách đọc báo cọp vào buổi trưa. Người thường có mặt là ba của cô. Ba cô làm việc trong ngành Toà án, còn cô, phải rời xa gia đình vì mới ra trường. Nguyện còn được biết thêm, cô có một người chị, hai cậu em trai, và cũng đã có một vị hôn phu, nhưng anh ta bị mất tích trên quãng đường chuyến xe đò từ Sài Gòn lên Đà Lạt. Đã nhiều năm, cô Nguyệt vẫn chờ đợi anh ta trở về.

Nguyện cười nói với Vinh:

"Câu chuyện có vẻ lạ, anh viết một truyện ngắn đi."

"Ý kiến hay đấy, để hôm nào viết ra thử."

"Viết đi, tôi nghĩ anh viết được."

Báo ngày, cũng như các tuần báo và tạp chí ở Sài Gòn, Vinh thường có thơ, tuỳ bút, và truyện ngắn đăng khá nhiều. Nhưng từ hôm gợi ý, Nguyện chưa thấy truyện ngắn viết về cô Nguyệt xuất hiện. Có lẽ truyện đã có ấp ủ, nhưng Vinh viết chưa hoàn tất. Nguyện nghĩ, thường tìm một đề tài thì dễ, nhưng viết ra, có lúc rất khó. Cũng mang tâm trạng của người viết văn, nên Nguyện dễ hiểu chuyện sáng tác của người cầm bút. Nhiều chuyện được cho là rất thật, xúc động, nhưng viết không ra được. Đôi khi viết ra rồi, lại thấy có nhiều kịch tính, giả tạo, không thực, không hay. Khi làm văn chương, hầu như, người ta muốn nói đến sự phong phú của trí tưởng tượng và sáng tạo, không phải chỉ ở cốt truyện thực hay không. Nhiều chuyện đơn giản, tầm thường, nhưng đột nhiên trở thành độc đáo. Các truyện như vậy, Nguyện thường gặp nơi nhà văn Nga Antoine Tchékhov.

Hiệp định Paris ký kết sau một mùa Giáng Sinh mà quân Đồng Minh Mỹ thực hiện một cuộc ném bom khốc liệt bằng B52, làm rung chuyển Hà Nội, và buộc Hà Nội phải ngồi vào bàn hội nghị để ký kết. Dịp Tết, mọi quân nhân đều được cho thêm một tháng lương. Nguyện lãnh tiền, ra chợ mua một ít quà thổ sản gởi cho bên gia đình mình và cả bên Miêng nữa. Anh cũng được Miêng gởi qua người bạn quen một ít quà ở Huế, trong đó, có một chiếc áo len màu thuốc lá mà nàng tự đan lấy. Nguyện đã quen cuộc sống xa nhà, nên anh không nghĩ ngợi nhiều. Hơn nữa, dù độc thân, nhưng chung quanh có nhiều gia đình bè bạn, người nào cũng sẵn lòng mời anh ra ăn Tết. Không chỉ vậy, anh còn được vợ chồng Vinh, vợ chồng anh Tiến và gia đình ông Đại Uý cho mứt bánh, đồ ăn, có thể ăn kéo dài đến mười ngày, nửa tháng.

Sau buổi chiều liên hoan tại đơn vị, anh em về gia đình đón Tết. Nguyện cũng ra phố chơi, xong trở về chỗ của mình, vì anh không muốn tối ba mươi, hoặc đầu mồng một Tết đạp đất nhà ai. Về trại cũng vui, anh ghé vào Câu Lạc Bộ chơi bi da với mấy người bạn độc thân đến giờ Giao Thừa, mới về phòng chờ đón năm mới.

Buổi sáng mồng một, Nguyện ghé Trung Tâm Hành Quân lấy tin rồi xuống phòng làm việc. Anh viết sơ lược bản tin 24 giờ qua, với những vùng có dữ kiện về các vụ vi phạm ngưng bắn. Nhưng viết vậy thôi, anh nghĩ sáng mồng một chắc các Đài cũng nghỉ việc không có ai gọi.

Bất thần, đang ngồi một mình hút thuốc, nhấm nháp ly cà phê còn nóng mua ở Câu Lạc Bộ lên, anh nghe tiếng chuông điện thoại reo. Với tay cầm ống nghe, Nguyện vẫn nghĩ là một người bạn nào đó gọi, nhưng không phải. Nguyện hơi bối rối, vì đó là tiếng của cô Nguyệt:

"Ông cho xin bản tin đi ông."

Hơi gượng, Nguyện mới ấp úng nói:

"Anh Vinh hôm nay không vào, tôi có bản tin nhưng viết sơ lược lắm."

"Không sao, ông cho tôi một ít dữ kiện, tôi viết lại được."

"Vâng, có đây. Cô sẵn sàng chưa."

"Rồi ạ."

Nguyện đọc thật chậm rãi, lần này tiếng khá rõ, bình tĩnh. Cô Nguyệt vừa chép, vừa đọc lại. Đến lúc xong, Nguyện định cúp phôn, tiếng cô Nguyệt chợt hỏi:

"Hôm nay, ông không đi chơi đâu?"

"Thưa cô không, mà cũng không biết đi đâu nữa."

"Ông không ra phố chơi Tết."

Nguyện đáp:

"Nhưng hôm nay, cũng phải trực phòng nữa."

"Ông đang trực một mình."

"Vâng. Nói chuyện với cô cho vui được không?"

"Ông nói đi, tôi nghe đây."

"Nghe Vinh nói, trước đây cô ở Đà Lạt."

"Vâng, đúng vậy."

"Tôi có học ở trên đó hai năm."

"Ông học ở trường nào."

"Trường Việt Anh cô."

"Ô, thế thì gần nhà tôi."

"Cô cũng học ở đó sao?"

"Không, tôi học trường Bùi Thị Xuân."

Hai người bắt đầu nhắc nhở đến thành phố Đà Lạt. Câu chuyện trở nên gần gũi, có lúc xa xôi, và mỗi người như gợi ra trong tiếng nói của mình những ý nghĩ lãng mạn để tỏ tình. Mỗi giây, mỗi phút, âm thanh qua tiếng nói của nàng như tiếng lá rụng, gây một nỗi xao xuyến trong lòng Nguyện. Anh chợt im lặng, tưởng nhớ. Một lúc khá lâu, Nguyện hỏi:

"Sáng nay, cô phải trực ở Đài."

"Không, tôi đến lấy tin, đọc xong thì về."

"Ở dưới Qui Nhơn, Tết vui không cô."

"Cũng vui, ông."

Nguyện nói:

"Ở đây, buồn lắm cô."

"Tôi hiểu điều ông nói," cô Nguyệt cười thành tiếng.

"Hôm nào, tôi xuống Qui Nhơn, đến thăm cô được không?"

Nguyệt đáp ngay:

"Được chứ."

*

Nơi thành phố ấy, Nguyện không còn nhớ

VÕ ĐÌNH TUYẾT

BẠN VỀ THĂM QUÊ HƯƠNG

tặng Hà Kỳ Lam

Bạn trở về có chuyến xe về xuôi
Chở tan tác bụi mây từ quá khứ
Bạn trở về phố có còn bâng khuâng
như buổi sáng bàn tay ngày tạ từ.

Bạn trở về, như có lần về qua
Như con sông trôi từ miền cổ tích
Mang bóng mẹ già ngan ngát vườn rau
Mang bóng tình yêu từ mộng ban đầu.

Bạn trở về con đường còn vui không?
Hàng cây gầy gầy mắt ai ươn ướt
Dáng chiều xanh xanh xe ngựa phu già
Như lòng để lại bao thời xuân trước.

Bạn trở về cho tôi xin quá giang
Một phần hồn tôi như thời mơ ước
Hãy thở giùm tôi những phần lận đận
Của quê hương xưa từ buổi đoạn trường.

Hãy thở giùm tôi cho ngày tôi đi
Hãy thở giùm tôi đôi mắt mẹ già
Hãy thở giùm tôi em thơ nghèo đói
Hãy thở cuộc đời từ những chia xa.

Bạn trở về có chuyến xe về xuôi
Chở tan tác bụi mây từ quá khứ
Bạn trở về phố xưa mưa gầy guộc
Như hồn tôi, tên viễn xứ, muôn trùng.

Cánh đồng Nón mùa đông
ngày 15 tháng 11 năm 1998

được gì nhiều ở một chuyến đi xa lần đầu, chỉ ghé lại vài giờ, và cách đây đã gần mười lăm năm. Lần này, từ một thị trấn cao nguyên Nguyện xuống dưới đó, nhưng chưa thể nào hình dung được thành phố biển ấy như thế nào.

Hôm đi, là buổi trưa thứ bảy. Xe đò ngừng rước khách qua nhiều trạm, nên lúc về tới thành phố đã mất hết một buổi chiều. Về đó, Nguyện ở nhà cô em họ, có người chồng làm việc ở Ty Xã Hội.

Thành phố Qui Nhơn không lớn, ít cây cối, chỉ có vài ba con đường rộng ngang qua mấy phố chính đi lên nhà ga và ra đến ngoài ngã ba Quốc Lộ I.

Buổi sáng chủ nhật, Nguyện tìm đến Đài Phát Thanh. Đài nằm trên một khoảng đất hẹp, trong khu vực sân vận động. Nhưng đến nơi, Nguyện không gặp cô Nguyệt, và hôm nay, nhằm vào ngày trực của hai xướng ngôn viên bên Đài Quân Đội. Nguyện ngỡ ngàng, muốn hỏi thăm Nguyệt, nhưng anh nghĩ là bất tiện nên bỏ đi. Ở chuyến đi lần này, đối với Nguyện là một phút giây quyết định trong bất ngờ. Và, anh cũng muốn khi được gặp Nguyệt, hai người sẽ cùng ngạc nhiên, vừa thú vị. Tương tự như một ngày nào của hai năm trước, anh chợt trở về tìm Miêng, sau một lần hai người gặp gỡ và quen nhau ở Đà Nẵng.

Nguyện sực nhớ, cái buổi nói chuyện hẹn nhau lần đó, anh quên không hỏi địa chỉ nhà Nguyệt ở. Vã lại, cần gì đâu, đến tìm nàng, ghé vào Đài là sẽ gặp. Nhưng sáng hôm nay, rơi vào ngày chủ nhật. Hôm sau, thứ hai Nguyện phải trở lại Pleiku rồi. Tự dưng, đứng giữa một ngả đường, Nguyện ngơ ngác, cảm thấy buồn. Những lần trò chuyện với nhau, nghe tiếng nói thôi, Nguyện đã hình dung Nguyệt qua một dáng mái tóc phủ xuống vai áo, một dáng nụ cười trong cặp mắt thông minh, và cô ấy, sẽ có những ngón tay nhỏ xinh xắn như những phím đàn dương cầm.

Nguyện đi lang thang, nhìn ngắm phố phường với cảm giác riêng thấy mình xa lạ. Một giờ sau, trở lại nơi công viên phố chính, anh ngồi ở ghế đá đọc tờ báo, sau đó, ghé vào rạp hát Khánh Vân mua vé xem phim Doctor Zhivago đang chiếu.

Vào trong, rạp hát thấy vắng khán giả. Có thể, đây là ngày cuối cùng, hôm sau, rạp sẽ đổi kỳ chiếu phim mới. Ngồi một mình ở hàng ghế giữa, Nguyện ngả lưng mơ nghĩ đến Nguyệt. Một lúc, ánh đèn trong rạp tắt hết, phim bắt đầu chiếu.

Nguyện bắt đầu có nỗi xao xuyến khi đem hết cảm giác, sự chú ý của mình vào tác phẩm được thực hiện qua cuốn phim. Nữ tài tử, Julie Christie, thủ vai Lara, nàng có một khuôn mặt thật kiều diễm, và nàng kết hợp được trọn vẹn những nét tả về nhân vật Lara trong tác phẩm truyện của nhà văn Boris Pasternak. Nguyện nhớ đến một lần nói chuyện với Miêng, anh đưa ra nhận xét cho rằng, nàng Lara của Zhivago, đúng hơn của Boris Pasternak, là khuôn mặt biểu tượng cho một nước Nga đến lúc đã suy tàn, và bác sĩ Zhivago, một người trí thức rất yêu dân tộc, nhưng ông ta trở nên người thất bại, vì không thể cưỡng kháng lại những hành động cách mạng của tầng lớp vô sản để cứu vãn cho nước Nga đừng trở nên quá tồi tệ. Hình ảnh của Lara, lúc này, không gợi nhắc Nguyện nhớ đến Miêng, mà vẻ đẹp kiều diễm gợi thèm trong trí tưởng tượng của Nguyện, rồi đây sẽ có một ngày anh gặp nàng, và thấy nàng, có một cốt cách, một vóc dáng như Lara. Nguyện chợt giật mình, thốt lên, khi đoạn phim chiếu đến đoạn Zhivago trở về căn nhà cũ, nay đã bị chính quyền Cách mạng trưng dụng, gia đình vợ con anh được coi như người ở tạm trú một căn nhà lớn nhiều gia đình, và sự tổn thương, đau xót nhất là khi ông trở về, đứa con đã không nhìn nhận ông, còn cho ông một cái tát mạnh vào mặt, biểu lộ cho ông thấy, với hôm nay chính quyền mới thuộc về Cách mạng, thế hệ của ông đã hết, đã tàn tạ, đi đứt rồi. Nguyện sững sờ, không tưởng được có một cảnh như vậy tại nước Nga.

Nhưng rồi, cũng may cuốn phim đã để lại một sự bù đắp khác. Hình ảnh đang di chuyển trên khung vải thật là tuyệt diệu, thật là thơ mộng, với một cánh đồng tuyết phủ ở Varikyno, với một ngôi nhà nơi đó dưới ngọn nến bập bùng cháy, Zhivago đang làm thơ, và cứ mỗi trang thơ viết nên được, hiện rõ một khuôn mặt Lara đang tươi cười.

Cuốn phim chiếu hơn ba tiếng đồng hồ mới kết thúc. Khi ra khỏi rạp hát, buổi chiều đã bắt đầu bằng những dấu hiệu, và những tiếng động khác. Nguyện không biết đi đâu, vì chưa muốn về nhà. Anh tìm đến quán ăn lấy chỗ nghỉ chân chốc lát, rồi trở ra đường, đi bộ lang thang hết phố này qua phố khác. Tình cờ, ngang qua một dãy phố có vỉa hè, nghe tiếng trò chuyện của mấy cô gái đang đứng chơi trước nhà, Nguyện chợt dừng bước hỏi nhà

Nguyệt, may cho anh, có một người trong đó biết, đưa tay chỉ đường vừa nói:

"Ông cứ theo con đường này đi lên, gặp ngã tư, rẽ phải, nhà chị Nguyệt ở căn đầu tiên."

"Cám ơn cô."

Nguyện đáp lời, rồi vội vàng bước nhanh. Sau lưng, có lẽ những cặp mắt ấy trông theo. Buổi chiều, lúc này đã hết nắng, bóng mờ tối như đang hối hả muốn bao trùm những con đường. Đến trước một căn nhà mở ngõ, nhưng cửa trước đóng kín. Nguyện hơi bâng khuâng, một chút sau bình tĩnh, anh bước tới gần, tay gõ cửa. Một cô gái đã lớn tuổi ra mở, hỏi nhẹ nhàng:

"Thưa ông cần gặp ai."

"Cô Nguyệt có nhà không cô."

"Vâng, tôi đây."

"Thưa, cô làm xướng ngôn viên ở Đài."

"Vâng."

"Tôi ở Pleiku mới xuống."

"Hình như ông là bạn ông Vinh phải không ạ?"

"Đúng, cô. Tôi là Nguyện."

Cô Nguyệt cười lớn tiếng, rồi mời Nguyện vào nhà. Nàng hỏi:

"Ông xuống hôm nào vậy?"

"Chiều hôm qua cô."

Nguyệt bật sáng ngọn đèn néon, Nguyện trông thấy khuôn mặt nàng rõ hơn. Một thoáng hơi tư lự, anh nghĩ lại hình ảnh qua trí tưởng tượng và hình ảnh có thực không mấy trùng hợp nhau. Đến tiếng nói cũng thế, nó còn đấy, nhưng không vang lên đúng âm nhạc của tiếng chim trong lùm cây buổi sáng.

"Ông xuống dưới này công tác."

"Không cô. Về chơi thôi. Sáng mai tôi lên trở lại rồi."

"Không ở chơi thêm ít ngày nữa."

"Về làm việc chứ cô."

Nàng mỉm cười, hai bàn tay để ngửa tựa vào cằm nhìn sang Nguyện. Nghe tiếng đũa bát va chạm, Nguyện hơi giật mình hỏi:

"Xin lỗi, tới thăm lúc cô đang ăn cơm."

"Không, lúc nãy tôi ở nhà sau nói chuyện với dì tôi."

Rồi nàng hỏi Nguyện:

"Ông uống cà phê nhé, tôi đi pha."

"Thôi, cô cho nước uống được rồi."

Nguyệt liền đứng dậy, đi xuống nhà dưới. Nguyện ngồi một mình, nhìn căn phòng khách trống và rộng. Ở giữa, một cái tủ lớn bày bàn thờ, có bức tượng Đức Phật, một ít hoa quả, và mùi nhang thơm đã xông khói. Nguyệt trở lên lại, bóng dáng nàng mặc chiếc áo chấm bông xanh cho thấy một đời bình thường, giản dị. Nguyện đặt ly trà đá đẩy xuống bàn về phía Nguyện.

"Cô để cho tôi uống một mình thôi."

"Ông đang khát mà."

"Cám ơn cô."

"Mai ông trở lên đó bằng phương tiện gì."

"Tôi đi xe đò cô."

"Ông đi sớm không?"

"Khoảng gần trưa tôi đi."

Nguyện ngừng lại, vì nghe có tiếng bước chân dưới nhà đi lên. Bà cụ tới gần trong chiếc áo màu lam, Nguyện đứng lên chào, Nguyệt giới thiệu người dì mình, bà ta vui cười hỏi khách một vài câu rồi bước ra cửa. Thấy ly nước vơi quá nửa, Nguyệt hỏi:

"Ông uống thêm nước nhé."

"Đủ rồi, nhưng cô cho hút thuốc."

"Ồ, ông cứ tự nhiên. Tôi xin lỗi không nói trước để nãy giờ ông nhịn, nàng cười nhìn Nguyện."

Nguyện bật que diêm hút điếu thuốc. Có vẻ lúc này, nắm được sự tự chủ, anh tưởng như mình là người trong nhà. Nguyện hỏi:

"Cô còn nhớ bản tin lần đầu tôi đọc cho cô không?"

Nguyệt cười lớn tiếng:

"Tôi nhớ. Thế lúc đó, ông có giận tôi phải không?"

"Không đâu, người đẹp."

Nguyệt ngước mắt lên, nàng hơi đỏ mặt thẹn nhưng vẫn giữ nụ cười nhìn thấy Nguyện trong lúc vui, có vẻ thân mật. Nguyện nói:

"Tôi ở vùng biển, thành ra giọng nói hơi nặng, khó nghe."

Nàng hơi rùng mình, hất mái tóc ra đằng sau, một giọng thân tình, nàng nói:

"Lúc đó, tôi cũng ngỡ ngàng vì chưa nghe quen tiếng nói của ông."

"Về cô, cô có giọng nói hay quá."

"Cám ơn, thế ông có buồn gì tôi không?"

Nguyện không đáp, nghe câu hỏi đó, tự nhiên anh đưa mắt nhìn sang Nguyệt. Hai người cùng yên lặng, trong đôi mắt nhìn nhau lúc này, thời gian của đêm có vẻ như di chuyển chậm, và rất lâu.

Bỗng nhiên, Nguyệt nói trước:

"Nãy giờ, tôi biết ông thất vọng."

Nguyện thoáng nghĩ trong ít giây, rồi đáp:

"Không, cô vẫn giống như hình ảnh tôi nghĩ."●

(trích truyện dài Ánh Nắng)

NAM CALIFORNIA

ĐẠI NHẠC HỘI THÁNG 10

TÂM HOA

Trung tuần tháng Mười/99, tại Quận Cam Nam California đã diễn ra ba chương trình ca nhạc. Đó là: Đoàn Văn Nghệ Dân Tộc Lạc Hồng kỷ niệm 10 năm, Đại Nhạc Hội Rock & Vote và Đêm Ngàn Khơi kỷ niệm 10 năm. Ba chương trình văn nghệ trình diễn, mang ba sắc thái khác nhau, diễn ra trong hai ngày 16 và 17 tháng Mười 1999 tại ba địa điểm cách xa nhau hàng chục dặm đường. Nhưng đều thu hút được số khán giả kỷ lục.

Đêm văn nghệ dân tộc Lạc Hồng

Tối ngày 16 tháng 10, trước 900 khán giả tại hí viện Robert B. Moore của trường Orange Coast College, thuộc thị xã Costa Mesa, Đoàn Văn Nghệ Dân Tộc Lạc Hồng đã trình diễn một chương trình ca vũ nhạc dân tộc để kỷ niệm Mười Năm Hoạt Động của Đoàn. Mười bốn tiết mục: ca, vũ, đơn tấu, hòa tấu, Hợp ca và Hợp xướng hòa tấu được trình diễn bởi hơn 90 nghệ sĩ đoàn viên cùng các nghệ sĩ chuyên nghiệp Anh Dũng, Như Quỳnh, Hoài Nam, Joe Bùi, Dũng Thanh Lâm tăng cường.

Ba màn vũ Múa Dù, Múa Nón Quai Thao và Múa Trống do vũ sư Lưu- Hồng biên soạn và đạo diễn đã trình bày, không chỉ những động tác mềm mại hay hùng dũng của nghệ thuật ca vũ Việt Nam mà còn giới thiệu với người xem sự hài hòa của y phục cổ truyền cùng chiếc nón thúng quai thao tổ tiên một thời gian dài đã dùng trong sinh hoạt. Nữ ca sĩ Như Quỳnh đã xuất sắc trong nhạc cảnh Nụ Tầm Xuân đã đưa khán giả về một tâm cảnh xưa cũ của dân tộc. Anh Dũng và Joe Bùi trình bày thành công bài Còn Duyên, một điệu Quan Họ Bắc Ninh; Anh Dũng có giọng ca trữ tình, truyền cảm thì Joe Bùi trình diễn tươi tắn, giọng hát hồn nhiên trong sáng.

Đại hòa tấu bằng nhạc cụ cổ truyền trình bày các sáng tác mới như: Khúc Hoan Ca của Nguyễn Châu, trường ca Hội Trùng Dương của Phạm Đình Chương chứng tỏ khả năng diễn tấu của nhạc cụ Việt Nam. Đồng thời, qua các bản đại hòa tấu này cũng chứng tỏ trong âm nhạc cổ truyền, đã sẵn có sự hài hòa, tiềm ẩn một nền âm nhạc phức điệu, đa âm hay hòa âm. Một tiết mục khá đặc biệt là bản Godfather của Nino Rota được Việt Hải đơn tấu Đàn Bầu, Hồng Ngọc đệm Tam Thập Lục.

Năm nay, Đoàn Văn Nghệ Dân Tộc Lạc Hồng một lần nữa chứng tỏ khả năng bảo tồn cũng như phát huy vốn quý của tổ tiên để lại. Giáo sư Nguyễn Thị Mai và giáo sư Nguyễn Châu đã từng giảng dạy tại trường Quốc Gia Âm Nhạc Saigon. Từ hơn mười năm nay, tại hải ngoại họ vẫn tiếp tục đào tạo nhiều lớp học trò trong môn âm nhạc dân tộc. Thành tựu của buổi diễn kỷ niệm Mười Năm này là phần thưởng xứng đáng dành cho những cố gắng âm thầm và kiên trì của hai giáo sư cùng toàn thể thành viên và thân hữu ban Lạc Hồng.

Màn Vũ múa nón

Đại nhạc hội Rock & Vote

Đại Nhạc Hội Rock & Vote được tổ chức từ trưa Chủ Nhật, ngày 17 tháng Mười, 1999 tại hội trường Bren Events Center, trong khuôn viên trường University of Irvine. Gần 5,000 người đã

Hợp ca tại Rock-N-Vote Concert

đến tham dự để thưởng thức tài nghệ của 160 nghệ sĩ cư ngụ tại Miền Nam California trình diễn. Tiêu đề Đại Nhạc Hội Rock & Vote đã nói lên đầy đủ nội dung và mục tiêu nhắm tới của chương trình văn nghệ trình diễn này. Trong vài năm trở lại đây, cộng đồng Người Việt phát động một công tác chính trị: "Người Mỹ gốc Việt tham gia các sinh hoạt chính trị Hoa Kỳ," cụ thể là tham dự các cuộc bầu cử mọi cấp của Hoa Kỳ. Với con số gần 5,000 người đến xem, Đại Nhạc Hội Rock & Vote coi như thành công về cả hai mặt tổ chức và vận động. Đồng thời cũng chứng tỏ mạnh mẽ sự lưu tâm của cộng đồng Việt trước các sinh hoạt chính trị của quê hương thứ nhì của họ.

Đêm Ngàn Khơi 1999

Đêm Ngàn Khơi 1999 tổ chức vào lúc 4 giờ 30 chiều Chủ Nhật 17 tháng Mười vừa qua đã thu hút hơn một ngàn khán giả tham dự, kỷ niệm ban hợp xướng Ngàn Khơi tròn mười tuổi. Khởi đi từ năm 1989 với những lần trình diễn chung với các nhóm văn nghệ bạn (mà nhạc đệm chỉ là cây dương cầm), đến nay, đã qua mười lần Ban Hợp xướng Ngàn Khơi thường xuyên trình diễn với dàn nhạc đại hòa tấu.

Để đánh dấu đoạn đường mười năm, Đêm Ngàn Khơi 99 đưa ra một chương trình hợp xướng hòa tấu gồm 17 tiết mục. Trích đoạn các trường ca Con Đường Cái Quan và Mẹ Việt Nam, hai tác phẩm lớn của Phạm Duy, mở và đóng chương trình minh xác đường hướng của Ngàn Khơi. Hầu hết các ca sĩ từng góp tiếng trong các Đêm Ngàn Khơi trước như: Kim Tước, Mai Hương, Quỳnh Giao, Bích Liên, Nguyễn Thành Vân cùng trên năm mươi ca viên hợp xướng đều có mặt. Lớp ca sĩ trẻ như Lê Hồng Quang, Trần Thái Hòa hiện diện như một chuẩn bị tiếp nối. Ngoài ra, chương trình còn được tăng cường thêm giọng ca Anh Dũng. Đặc biệt có sự cộng tác tiết mục của đôi nghệ sĩ Trần Lãng Minh, Nga My đến từ Hoa Thịnh Đốn.

Gần một trăm nghệ sĩ hiện diện trong chương trình Đêm Ngàn Khơi Kỷ Niệm Mười Năm đã đem đến cho khán giả từng giây phút thưởng ngoạn nghệ thuật thanh âm rất đa dạng. Những khuôn mặt mới, giọng ca mới cùng những thử nghiệm táo bạo của Ngàn Khơi tạo sự thích thú từ đầu đến cuối buổi diễn. Giọng ca Nga Mi trình bày Đôi Mắt Người Sơn Tây chững chạc, tự tin, nhiều cảm xúc. Bích Liên về với dân ca qua Liên Khúc Quan Họ như một tìm kiếm, khai phá đầy ngẫu hứng. Trần Lãng Minh diễn ngâm Hồ Trường với phần phụ họa của dàn nhạc đại hòa tấu. Ngâm thơ, thường phụ họa bằng các nhạc cụ dân tộc, đôi khi bằng dương cầm. Dùng cả một dàn nhạc đại hòa tấu đệm cho ngâm thơ, thì chỉ mới Ngàn Khơi thử nghiệm. Khán giả thích thú với màn thử nghiệm này. Nhưng dù sao thì cũng cần những bước kế tiếp để hoàn chỉnh hơn. Ngâm thơ là một loại hình hát tự do của nghệ thuật Việt Nam. Nắm vững hệ thống cung âm nhạc Việt, cảm thông đầy đủ với Thơ là những điều cần yếu khi phụ họa cho ngâm thơ.

Nhạc trưởng Trần Chúc đang điều khiển giàn nhạc

Nhìn chung chương trình nhạc hòa tấu hợp xướng Đêm Ngàn Khơi 99, kỷ niệm Mười Năm hoạt động, ngoài việc tạo thích thú cho người thưởng ngoạn, còn mở ra một chân trời mới cho nghệ thuật hợp xướng. Nỗ lực của toàn thể anh chị em nghệ sĩ Ngàn Khơi qua chặng đường Mười Năm, tạo cho người nghe niềm tin tưởng vào tiền trình nghệ thuật thanh âm của Người Việt Hải Ngoại sẽ bừng nở, mà vẫn bảo tồn được sắc màu truyền thống Việt Nam.

Kịch Đoàn Việt Nam kỷ niệm sáu năm thành lập với trường kịch Lồng Đèn Đỏ

Anh Thành

Vào chiều ngày Chủ nhật 10 tháng Mười 1999, hơn một ngàn khán giả ái mộ kịch nghệ đã có mặt tại hí trường La Mirada, nam California, để thưởng lãm vở trường kịch Lồng Đèn Đỏ để đánh dấu sáu năm hiện diện của Kịch Đoàn Việt Nam tại hải ngoại.

Các diễn viên của Lồng Đèn Đỏ đang chào khán giả

Đạo diễn Nguyễn Minh Phương, người phóng tác và dựng vở Lồng Đèn Đỏ đã nói về nguồn gốc của vở kịch. Nguyên là một cuốn sách của một tác giả Trung Quốc dựa vào câu truyện cổ "Con Yêu Râu Xanh" của Pháp để viết về chuyện của một đại gia Trung Quốc vào đầu thế kỷ này, Lồng Đèn Đỏ đã được đạo diễn Trung Quốc Trương Nghệ Mưu dựng thành phim trong thập niên 80, và sau đó truyện này cũng đã được dựng thành phim truyền hình nhiều tập tại Trung Quốc. Khi chuyển câu chuyện Lồng Đèn Đỏ thành kịch cho Kịch Đoàn Việt Nam diễn, đạo diễn Nguyễn Minh Phương đã giữ nguyên cốt truyện và bối cảnh Trung Hoa của nó, nhưng khác với phim, ông đã "Việt Nam hóa" nhiều chi tiết để thích hợp với cảm quan của khán giả người Việt.

Diễn viên gồm các nghệ sĩ quen biết từ lâu với kịch nghệ bên cạnh các khuôn mặt mới: Thanh Lan, Phượng Liên, Khánh Hà, Ninh Cát Loan Châu, Mai Lệ Huyền, Cheri Bùi, Yên Vi, Anh Dũng, Tô Chấn Phong, Văn Chung, Trương Minh Hoàng, Tuấn Châu, Hương Huyền, Calvin Hiệp và em bé Lan Tô. Câu chuyện xảy ra trong một gia đình Trung Hoa giàu có, gia chủ của Hồng Gia Trang cưới nhiều vợ và hệ quả là sự xung đột giữa các bà và kéo theo những mối tình éo le. Sân khấu được dàn dựng đẹp, y trang xuất sắc làm nổi lên tính cách đa dạng của nhân vật trong khung cảnh quyền quý của xã hội Trung Hoa xưa.

Nói chung khán giả Việt Nam tiếp nhận một vở kịch Trung Hoa rất dễ dàng và tự nhiên. Lịch sử sân khấu Việt Nam hầu như gắn chặt với tuồng tích của nước Tàu từ nhiều thế kỷ, cho đến khi phong trào kịch mới phát triển thì kịch bản mới thoát khỏi tuồng tích Tàu để tiếp nhận ảnh hưởng của Tây phương. Nhưng đối với Kịch đoàn Việt Nam, ảnh hưởng của "tuồng Tàu" hình như vẫn còn: trong sáu vở kịch của sáu mùa kịch vừa qua đã có hai vở là của Trung Hoa, Lôi Vũ và Lồng Đèn Đỏ. Đối với sân khấu kịch, các kịch bản nổi tiếng thế giới hầu như là tài sản chung, việc khai thác để diễn trên sân khấu của mình là việc thường xảy ra. Vấn đề còn lại là diễn như thế nào thôi.

Nhìn chung, so với năm mùa kịch đã qua, Lồng Đèn Đỏ đạt được thành công trung bình. Các vai tương đối "làm tròn nhiệm vụ" để vở kịch diễn ra suông sẻ, nhưng không có vai nào xuất sắc nổi bật, và chính vở kịch cũng không tạo được một ấn tượng mạnh ở lúc cao điểm. Mặc dù cùng một điều kiện kỹ thuật, diễn viên có người nói rất chững chạc, nghe rõ mồn một từng chi tiết âm thanh, có người nói không nghe được khiến khán giả nhiều khi phải gào:

"Nói to lên!", một việc đáng lẽ không bao giờ được xảy ra ở một rạp hát đứng đắn. Điều đó nói lên có sự cách biệt kỹ thuật diễn xuất khá xa giữa các diễn viên.

Lồng Đèn Đỏ là vở kịch thứ sáu của Kịch đoàn Việt Nam từ 1995 đến nay, cùng những vở trước đây Lôi Vũ, Yêu, Sân Khấu Về Khuya, Đoạn Tuyệt, Lá Sầu Riêng do đạo diễn Nguyễn Minh Phương dàn dựng đã làm sống lại không khí kịch nghệ cho cộng đồng Việt Nam tại Nam Cali. Hoạt động không ngừng của Kịch Đoàn Việt Nam đã đánh dấu quyết tâm xây dựng nghệ thuật sân khấu của đạo diễn và diễn viên, đem lại một nét phong phú cho sự thưởng ngoạn của đồng bào người Việt tại đây. Mỗi một vở kịch là một đầu tư tim óc, công sức, tiền bạc rất lớn lao, nhưng hầu như chỉ được diễn có một lần tại Nam California, đó là điều ai cũng thấy tiếc, trong khi người Việt Nam ở các nơi khác rất thiếu những loại hình văn nghệ đa dạng thế này. Mà không những chỉ kịch, các bộ môn trình diễn khác cũng ở tình trạng tương tự. Có lẽ đã đến lúc những người quan tâm đến văn hóa và nghệ thuật trình diễn ngồi lại với nhau để tìm một lối thoát hợp lý cho tình trạng này chăng?

BẮC CALIFORNIA

Nhà thơ Du Tử Lê nói chuyện tại Đại học U.C. Berkeley

Anh Thành

Đáp lời mời của một giáo sư tại Đại học U.C. Berkeley, ở miền Bắc California, nhà thơ Du Tử Lê đã có ba buổi nói chuyện về thơ và văn ở ba lớp khác nhau của chương trình B.A. tại đại học này từ 12 giờ trưa tới 3 giờ chiều ngày Thứ Hai 18 tháng 10 vừa qua.

Không giống những buổi nói chuyện về thơ văn khác, lần này họ Lê được mời không chỉ như một diễn giả mà còn như một tác giả đương thời, còn sống, mà các sinh viên đang phải học và dịch văn, thơ của ông từ tiếng Việt sang tiếng Anh.

Hai truyện ngắn của Nhà văn Du Tử Lê mà các sinh viên thuộc Đại Học Berkeley theo học chứng chỉ Việt ngữ đã dịch từng đoạn sang tiếng Anh, đó là truyện ngắn "Đời Ta," và "Em Và, Mẹ Và, Tôi Là Một Nhé."

Truyện ngắn "Đời Ta" họ Lê viết năm 1973. Nhà xuất bản Sóng của nhà văn quá cố Nguyễn Đông Ngạc in lại trong tuyển tập "Những Truyện Ngắn Hay Nhất của Quê Hương Ta," xuất bản năm 1974, Sài Gòn Việt Nam.

Riêng truyện ngắn "Em Và, Mẹ Và, Tôi Là Một Nhé," tác giả viết năm 1995 tại hải ngoại, do Nhà xuất bản Nhân Chứng in trong tập "Em Và, Mẹ Và, Tôi Là Một Nhé," năm 1996 tại California, Hoa Kỳ.

Về thơ của Du Tử Lê, một trong những bài mà các sinh viên được học là bài "Thơ Viết Từ Camp Pendleton." Bài thơ này tác giả viết vào hồi tháng Sáu năm 1975; sau đó, được in lại trong tập "Thơ Tình - Love Poems," do Nhà Nhân Chứng in lần thứ tư, năm 1997, tại California, Hoa Kỳ.

Sau khi trình bày ba kỹ thuật căn bản để dễ dàng bước vào thế giới văn xuôi và thi ca của Du Tử Lê là: "So Sánh - Liên Tưởng (và) - Nhân Cách Hóa," họ Lê đưa những thí dụ cụ thể trích dẫn từ hai truyện ngắn và bài thơ đó. Sinh viên đã đặt nhiều câu hỏi liên quan tới văn chương, đời tư cũng như các nhân vật nữ trong văn thơ của tác giả.

Trước đó, sinh viên của cả ba lớp này cũng đã được thưởng thức giọng ngâm thơ và tiếng hát của nữ ca sĩ Thụy Dung đến từ San Jose, qua bài thơ "Thơ Viết Từ Camp Pendleton;" và, hai ca khúc "Về Từ Vô Vọng," "Khúc Tháng Tám," thơ Du Tử Lê, do nhạc sĩ Hải Nguyên soạn thành ca khúc. Tại trường đại học UC Berkeley, từ nhiều năm trước đây, thơ của Du Tử Lê đã được dùng để giảng dạy cho bậc Cao học văn chương, bộ môn văn học Á châu, qua cuốn sách "Understanding Vietnam" của giáo sư Neil L. Jameison. Cuốn sách này được in bởi UC Berkeley, UCLA và Cambridge London Univeristy năm 1991, tái bản dạng paperback (bìa mỏng) năm 1994.

Tưởng cũng nên nhắc thêm: Bài thơ "What's I Leave To My Son" của nhà thơ Du Tử Lê cũng đã được nhà xuất bản W. W. Norton ở New York, chọn in trong tác phẩm "World Poetry: An Anthology of Verse From Antiquity To Our Time," tạm dịch là "Tuyển Tập Thi ca Thế Giới: Từ Thời Thượng Cổ Tới Thời Hiện Tại Của Chúng Ta." Bản paperback của tác phẩm dầy trên 1300 trang này đã được phát hành hồi tháng 4-1998. Bài thơ "What's I Leave To My Son" của họ Lê, in nơi trang 1136, Chương 8, Tiểu mục "World Poetry-Part VIII: The Twentieth Century,) là một trong sáu bài thơ Việt Nam thuộc thế kỷ thứ Hai Mươi. Các bài thơ của năm nhà thơ Việt Nam còn lại là Tú Mỡ, Thế Lữ, Đỗ Tấn, Hà Thị Thảo và Lê Ngọc Hiệp (1944-1970).●

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

PHẠM XUÂN ĐÀI

Đạo Lý Cho Thiên Kỷ Mới

sách của **Đức Đạt Lai Lạt Ma** do **Linh Thụy** chuyển sang tiếng Việt từ bản tiếng Anh *Ethics For The New Millennium,* Văn Nghệ xuất bản, 283 trang, giá US$13.00, ngoài nước Mỹ $14.00. Liên lạc: Văn Nghệ, P.O. Box 2301 Westminster CA 92683, USA. Tel/Fax: (714) 527-5761.

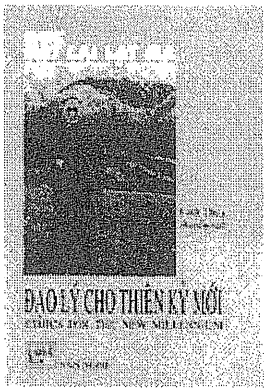

Tác giả *Đạo Lý Cho Thiên Kỷ Mới* không viết sách với tư cách một giáo chủ, một vị Phật hóa thân hay vị lãnh đạo của một chính phủ lưu vong, mà như một người bình thường. Một người bình thường quan sát cuộc sống con người hiện tại với trí tuệ và tình thương yêu, đề ra các giải pháp cho những bế tắc đầy rẫy của nó trong tương lai trước mắt.

Nhiều người đã nghĩ rằng thế kỷ sắp tới sẽ là thế kỷ của tôn giáo: trong một trăm năm tiến bộ vượt bực về khoa học kỹ thuật vừa qua, con người gặt hái nhiều phúc lợi nhưng cũng gây ra rất nhiều tai họa cho chính mình, và nay đã đến lúc phải quay lại tìm về những giá trị tinh thần cố hữu qua các tôn giáo. Tác giả Đạt Lai Lạt Ma, tuy là người của tôn giáo nhưng lại không hoàn toàn tin điều ấy. Ông cho thời kỳ sắp tới của nhân loại sẽ là một thời kỳ "không phép lạ, không bí mật," (vốn là "bửu bối" của tôn giáo đối với quần chúng trong quá khứ) và tin rằng có những nguyên tắc luân lý phổ quát toàn cầu có thể giúp cho tất cả mọi người đạt đến hạnh phúc mà tất cả đều mong mỏi. Vì thế, phải phân biệt đời sống tôn giáo với đời sống tâm linh mà ông cho không phải luôn luôn là một như người ta vẫn tưởng. Loài người có nhiều truyền thống tôn giáo khác nhau, nhưng phẩm tính tâm linh cơ bản thì giống nhau, và khi phẩm tính ấy được phát triển thì có thể cùng nhau giải quyết những bế tắc để tìm thấy đời sống hạnh phúc.

Tác giả đã dùng trí tuệ và kinh nghiệm của một bậc chân tu để phát triển cho chúng ta thấy chiều sâu và chiều cao thăm thẳm của phẩm tính tâm linh ấy nơi mỗi chúng ta. Với một lối viết giản dị mà sâu xa, tác giả đưa chúng ta đến những hiểu biết vừa thiết thực vừa thăng hoa, đọc xong sách người ta cảm thấy nỗi vui sướng của một kẻ vừa khám phá nơi chính mình nhiều điều mới mẻ. Nhưng công trình của tác giả có lẽ sẽ đem đến lợi lạc cho rất đông người chứ không phải chỉ những cá nhân lẻ tẻ, như nhận định của nhà Riverhead Books:

Chỉ vào những giai đoạn mà chúng ta có rất ít niềm tin vào nhau, rất ít tin cậy vào nơi thiện chí làm điều thiện của người khác, thì một giọng nói mới có thể vươn lên xóa tan mọi ảo ảnh. Phải có một người thật đảm lược, như đức Đạt Lai Lạt Ma, đứng ra trực diện trong các thời điểm này và mang đến cho chúng ta niềm hy vọng.

Để chuyển ngữ những loại sách chuyên môn, người dịch thuật cũng cần có trình độ chuyên môn ở một mức nào đó ngoài khả năng sinh ngữ, mới có thể lột tả hết những chỗ tế nhị và riêng biệt. Ở trường hợp cuốn sách này, "chuyên môn" có lẽ là việc thực hành tu tập. Người đọc sẽ cảm thấy dễ dàng thoải mái hơn nếu không gặp phải một số trúc trắc trong diễn tả, mà không biết có phải do sự thiếu kinh nghiệm thực hành gây ra không?

Hạnh Phúc Đến Từng Phút Giây

thơ của **Trần Hồng Châu**, Văn Học xuất bản, 137 trang, giá US$10.00. Liên lạc: Văn Nghệ, P.O. Box 2301 Westminster CA 92683, USA. Tel & Fax: (714) 527-5761.

Phật bảo ta: Tất cả là không
Chúa bảo ta: Là trở về mái nhà xưa
Đạt ma bảo ta: Sẽ đến tĩnh lặng vô biên
Lão bảo ta: Khởi đầu và tận cùng là hỗn mang chi thiên
Trang bảo ta: Có cũng là không
Lung linh cánh bướm phù du
Spinoza và Schopenhauer bảo ta:
Chung cuộc giọt nước sẽ tìm về lòng biển

Đại ngã không cùng!

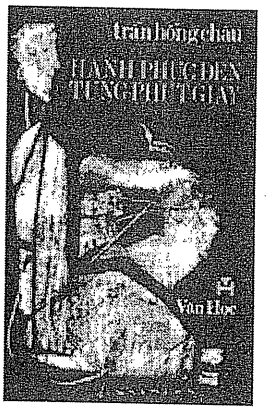

Đọc những câu thơ trên, chúng ta thấy ngay tính cách uyên bác của tác giả, dù chưa biết ông chính là người đã từng giảng dạy, rồi làm Khoa trưởng tại Đại học Văn Khoa Sài Gòn một thời gian dài trước 1975. Cõi thơ của ông cũng chính là cõi mênh mông của tư tưởng viết ra bằng ngôn ngữ và cảm xúc của thi ca. Hàm súc, mới mẻ, gây ấn tượng, *Hạnh phúc đến từng phút giây* đầy hình tượng triết học nhưng cũng đầy nỗi đam mê không bao giờ vơi của người nghệ sĩ. Mỗi câu thơ như mang sức nặng ngàn cân của tư duy, đồng thời cũng lại nhẹ tênh như mây trên trời nhờ sức nâng của cảm hứng nghệ thuật và tài kiến tạo ngôn ngữ của tác giả. Người đọc luôn luôn nằm ở giữa sức nặng và sức nâng ấy, tận hưởng những phút giây giằng kéo giữa vô biên của tâm thức và sự hưng phấn vừa của trí tuệ vừa của cảm quan. Nhưng tư tưởng hay ngôn từ triết học không phải là mục đích ở đây, mà chỉ là phương tiện cho thơ, các phương tiện rất hữu hiệu, tạo cho thơ Trần Hồng Châu một sắc thái uẩn áo, mở vào một vùng trời cô đọng mới lạ mà hiện nay người ta không thể gặp ở bất cứ một tập thơ nào khác.

Tiếng Vọng Ngày Qua

thơ của **Viên Phong**, tác giả xuất bản, 135 trang, giá US$8.00. Liên lạc: Trung Nguyen, 7523 Little River Turpike #103, Annandale, VA 22003, USA.

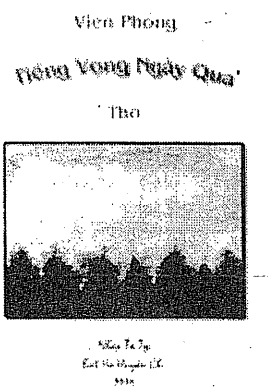

Tác giả không phải là một người chuyên làm thơ. Đậu cử nhân Luật từ năm 1942 tại Hà Nội, ông vào ngành công chức, và từ năm 1950, là một trong bốn sáng lập viên tạp chí Thế Kỷ tại Hà Nội, ông chỉ viết bài chứ không sáng tác thơ cho báo của ông. Ông làm thơ thưa thớt, vì có dạo nghĩ rằng nếu không có được một cuộc "thất tình," hay không đang sống một cuộc tình thắm thiết, sôi nổi, thì không thể nào làm được những bài thơ hay.

Từ trong và sau cuộc tù cải tạo, ông bắt đầu làm thơ lại nhiều hơn. Những bài *Đêm trăng trong tù, Sáng xuân, Cây bông chuối...* ông làm trong cảnh đày ải tại trại Thanh Cẩm, Thanh Hóa, trong một thời điểm khốn khổ nhất của đời tù tưởng không ai còn có thể cảm hứng viết ra một điều gì được. Năm 1978, tù đói vàng mắt, cơ thể teo tóp dần để lộ nguyên hình những bộ xương khiến cái ăn là cái ám ảnh gần như duy nhất tâm trí người tù, thì người tù Viên Phong khi bắt gặp một bông chuối mới nở, lại có thể viết:

Lá xanh khỏe như truyền ta sinh lực,
Hoa vàng tươi như vui rọi hồn ta;
Ta đang yếu bỗng thấy mình lại sức
Nhìn tương lai trong hy vọng chan hòa.

Có biết hoàn cảnh tù lúc bấy giờ mới thấy viết được những câu như thế là việc phi thường. Mới thấy được sức mạnh của tâm hồn ông, cảm hứng của ông đã đủ sức tạo ra một thế giới riêng chế ngự được cái cùng cực của hoàn cảnh, tựa như một cái gì có thể thoát được sức hút của trái đất. Sự độc lập của đời sống tinh thần và tình cảm của tác giả lộ rõ trong tập thơ này. Chính điều đó làm nên giá trị của thi phẩm này, hơn là các kỹ thuật vần điệu và ngôn từ.

Krishnamurti Tinh Yếu

nguyên tác *Total Freedom The Essential Krishnamurti* của **Jiddu Krishnamurti**, bản dịch Việt ngữ của **Nguyễn Ước**, Nguồn Sống xuất bản, 473 trang, không ghi giá bán. Liên lạc: Hoàng Lệ Hiền, 1986 Eglington Ave. West, Toronto, Ont. Canada M6E 2J9.

Krishnamurti là một Đạo sư của thế giới trong thế kỷ 20. Ông sinh năm 1895 tại Ấn Độ, thuộc một gia đình Bà La Môn, mồ côi mẹ năm lên mười tuổi. Vào thập niên đầu của thế kỷ này, Hội Thông Thiên học ở Madras, Ấn Độ, đang chờ đón một vị "Đạo sư Thế giới," và để chuẩn bị cho sự giáng lâm của vị Đạo sư ấy, họ thành lập một đội ngũ lấy tên là Dòng tu Ngôi sao. Có lẽ nhìn thấy một tính cách phi phàm nào đó nơi Krishnamurti, họ đặt ông làm Thủ lãnh của Dòng tu. Năm 1912, Krishnamurti được chính thức công bố là Đạo sư Thế giới, nhưng tới năm 1929, ông giải tán

Dòng tu, từ khước tất cả các bất động sản, tiền bạc, quyền bính, ngay cả danh vị người thầy. Suốt phần đời còn lại, ông du hành khắp nơi, tại Âu châu, Ấn Độ, Hoa Kỳ, Nam Phi, Úc, Tân Tây Lan, diễn thuyết cho những ai muốn nghe. Hàng ngàn người từ những cảnh đời khác nhau đã đến nghe ông.

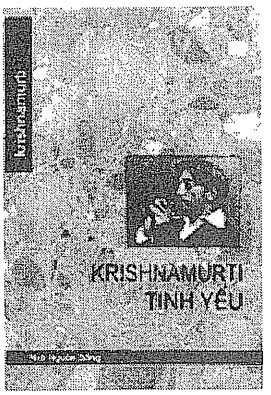

Cuốn sách này là tuyển tập những bài ông diễn thuyết giữa thập niên 1930. Đề tài của ông đa dạng thường bắt nguồn từ cuộc sống, cách đặt vấn đề của ông trực tiếp, xoáy sâu với một ngôn từ bình dị nhưng không giản dị, buộc người nghe hay đọc phải mở hết cảm quan và tâm thức của mình ra đón nhận thì mới thấu hiểu được. Cốt lõi lời giảng của ông bao hàm trong lời phát biểu ông đưa ra vào năm 1929: "Chân lý là đất không lối vào," đại ý cũng giống lời Phật dạy ngày xưa "Hãy tự mình đốt đuốc lên mà đi," cho rằng con người không thể nắm bắt chân lý qua bất cứ tổ chức, bất cứ tín lý, giáo điều, nhà lãnh đạo tinh thần hoặc nghi lễ nào, cũng không thể qua bất cứ kiến thức triết lý hoặc qua kỹ thuật tâm lý nào. *Chân lý ở trong mỗi người; nó không ở xa, nó không ở gần; nó vĩnh viễn ở ngay đó.*

Mục đích của Krishnamurti trong suốt 60 năm đi thuyết giảng của đời ông vẫn là *sự giải thoát*, và ông nhấn mạnh đến sự thoát khỏi tình trạng bị điều kiện hóa mà trong thân phận con người ai nấy đều mắc phải. *Bản thân tôi quan tâm đến việc cốt yếu độc nhất đó: là sao con người giải thoát. Tôi khao khát giải phóng con người khỏi mọi chiếc lồng, khỏi mọi sợ hãi và không mưu tìm một tôn giáo, một tông phái mới, cũng không xây dựng lý thuyết mới, triết thuyết mới.*

Nhấn mạnh sự tự do của con người trong việc quyết định hướng giải thoát cho chính mình, phải chăng điều đó đáp ứng cho trình độ của con người của thời đại ngày nay, và phải chăng có một trùng hợp về sự trong sáng với tư tưởng của một "đạo sư" khác của thời hiện đại, đức Đạt Lai Lạt Ma, người đã nói lên đặc tính cần thiết của thời đại, là: "không phép lạ, không bí mật"?

Krishnamurti, Đời Không Tâm Điểm và Krishnamurti, Dòng Sông Thanh Tẩy

hai tuyển tập những bài viết và tài liệu về Krishnamurti, do Nguyễn Ước chọn, dịch và giới thiệu, Nguồn Sống xuất bản. Mỗi cuốn dày gần 500 trang, không ghi giá bán. Liên lạc: như cuốn trên.

Cuốn *Krishnamurti, Đời Không Tâm Điểm* phần lớn lấy tài liệu và dịch từ cuốn *Krishnamurti: A Biography* của bà **Pupul Jayakar**, một nữ văn sĩ Ấn Độ, là một cộng sự viên mật thiết nhất với Krishnamurti trong suốt 40 năm. Bà kể lại và đưa ra cái nhìn của một người trong cuộc về cuộc đời của ông, bà luận bàn lời giảng của vị đạo sư về ý nghĩ, tâm trí, quán tưởng, thức ngộ và tôn giáo... Với cây bút của một nhà văn, những gì bà viết khi thì như những bài ký, khi là tùy bút, khi là khảo luận... nhưng tất cả đều nhằm thuật lại, làm sáng tỏ những chi tiết cuộc đời cũng như tư tưởng của vị thầy của bà. Các bài văn đều mang hương sắc đẹp. Mẩu chuyện nào cũng có thể là một bài học sâu xa.

Ví dụ bà kể chuyện lần mẹ bà tìm đến Krishnamurti để hỏi liệu một mai mẹ bà có thể gặp người chồng đã qua đời của mình ở thế giới bên kia không, và bị K. dồn cho một lô câu hỏi: *"Bà muốn tôi nói với bà rằng sau khi qua đời bà sẽ gặp lại chồng mình, có điều bà muốn gặp người đàn ông nào? Người đàn ông làm lễ thành hôn với bà, người đàn ông sống chung khi bà còn trẻ, người đàn ông đã từ trần hoặc người đàn ông hiện nay, người đã từng sống? (...) Người chồng nào bà muốn gặp lại? Vì chắc chắn người đàn ông từ trần ấy không phải cùng một người đã thành hôn với bà." ... Tôi cảm thấy trong tâm trí mình bật lên sự chú ý; tôi vừa nghe điều gì đó thách thức lạ thường. Mẹ tôi dường như rối bời. Bà không sẵn sàng chấp nhận là thời gian có thể gây ra sự khác biệt trong người đàn ông bà yêu. Bà nói, "Chồng tôi không bao giờ thay đổi." Krishnamurti trả lời, "Tại sao bà muốn gặp ông ấy? Cái bà nhớ không phải là chồng bà mà là ký ức về chồng bà. (...) Tại sao bà muốn dựng lại ông trong tâm trí mình? Tại*

sao bà chống chỏi, sống trong sầu thảm và tiếp tục sống với sầu thảm?"

Cuốn *Krishnamurti, Dòng Sông Thanh Tẩy*, trong phần đầu vẫn tiếp tục trích đoạn sách của bà Pupul Jayakar, phần tóm kết lời giảng từ năm 1978 đến năm K. qua đời 1985. Phần hai: *Đối thoại với Krishnamurti,* với các người đối thoại là những vị tu hành, những học giả, bác học lừng danh trên thế giới. Đây là những cọ xát của những trí tuệ lớn, những nhân cách lớn, những tâm hồn lớn, cho ta các trao đổi vô cùng sâu sắc mà cũng vô cùng thú vị về những gì có liên quan mật thiết đến bản thân mỗi chúng ta trong kiếp sống này. Phần thứ ba: *Nhìn Krishnamurti* gồm những bài viết của những người khác về K. Có cái nhìn từ tôn giáo, có cái nhìn từ triết học, từ khoa học, từ nghệ thuật, có cả cái nhìn từ võ thuật, của Lý Tiểu Long... Những cách nhìn khác nhau ấy cho thấy một phần cái vốn tinh thần lớn lao mà Krishnamurti đã đóng góp cho nhân loại trong thế kỷ này.

Chưa ai nói trước được vai trò của Krishnamurti trong đời sống tinh thần của con người trong những thế kỷ sắp tới. Có lẽ trong thời Đức Phật hay Khổng tử v.v... còn tại thế cũng đã có người có thắc mắc tương tự. Mỗi vị đạo sư khi đến với đời hình như là để chỉ đường ra cho những bế tắc của con người trong một thời đại, dựa trên hình ảnh của con người vĩnh cữu. Krishnamurti là người nói ngôn ngữ của thời đại này, với trình độ và tình trạng loài người của thế kỷ 20, đã được ngưỡng mộ trên khắp thế giới, nhưng ảnh hưởng thực sự của ông đến mức độ nào đối với nhân loại thì có lẽ phải chờ đến thế kỷ 21, hoặc sau nữa.

Tuyển chọn và dịch ba cuốn sách nói trên, nhà nghiên cứu Nguyễn Ước đã làm một công việc có ý nghĩa hết sức lớn lao. Lần đầu tiên Krishnamurti được giới thiệu với người Việt Nam một cách đầy đủ, có hệ thống, với một sàng lọc rất thông minh và công phu, với một khả năng dịch thuật kỹ lưỡng, tài hoa. Bộ sách ba cuốn về Krishnamurti này xứng đáng là bạn đường lâu dài cho tất cả những ai có khát vọng về một đời sống được "giải thoát" khỏi phiền não, để về với một tâm thức trong sáng và đẹp đẽ.

Chị Hai Ơi (Những vấn đề sức khỏe hàng ngày)

của Bác Sĩ **Nguyễn Tường Vân**, 254 trang, do tác giả tự xuất bản. Không đề giá nhưng đã

bán được khoảng 300 cuốn x 20$ (giá ủng hộ). Tiền bán sách được chuyển về Gò Công (quê hương của tác giả), để giúp dân địa phương xây một cái hồ chứa nước ngọt. Liên lạc: 340 College St suite 210, Toronto, ONT. Canada M5T 3A9, tel (416) 515-8831, Email: vtnguyen@sprint.ca

Đây là cuốn sách viết những lời tâm sự rất ý nhị, văn hoa của người nữ bác sĩ vui tính, đang hành nghề tại thành phố Toronto, Canada, chỉ viết với ước mong "san sẻ chút ít hiểu biết về y khoa căn bản với những người đã tới lui phòng mạch suốt 16 năm qua, với hy vọng cùng sống khỏe hơn." Tuy tác giả tỏ ra khiêm nhường như vậy nhưng trong 31 bài viết về 31 chứng bệnh hiện nay nhiều người mắc phải, bác sĩ Vân đã đem kiến thức chuyên môn diễn bày ra thật dễ hiểu, gọn gàng. Bao giờ đoạn mở đầu cũng là thơ, là văn, đôi khi nhuốm chút thiền vị. Những độc giả bình thường đều có thể hiểu rõ ngọn ngành các chứng bệnh từ Cảm cúm, Phong ngứa, tiểu đường cho tới Viêm gan, Chai gan hay cao áp huyết, dư Cholesterol... qua cách trình bày vừa đủ của tác giả. Những thắc mắc thông thường của chúng ta về phơi nắng nhiều ít, khi du lịch thì phải ngừa bệnh ra sao, chiều cao, sức nặng thế nào là tốt... cũng được giải đáp trong cuốn sách này. Ngoài ra, tác giả cũng phụ đính đây đó ít đoản văn vui mà bà viết khi có ngẫu hứng về những cảm nhận , những nhân vật có thật trong môi trường sinh hoạt của bà. Cuốn *Chị Hai Ơi* có thể là cuốn sách vui nhất từ trước tới nay, về những vấn đề sức khỏe căn bản. Bác Sĩ Nguyễn Tường Vân là một Phật tử, có pháp hiệu là Chân Duyệt Ý, bà thường được bạn bè gọi là "Chân Zui Zẻ" vì tài xuất khẩu thành thơ "trào phúng" của bà.

(Tiểu Quyên)

Đường Về Cõi Phúc

Thi tập của cố nữ sĩ **Quỳ Hương**. Sách dày 142 trang, do Mái Ấm Gia Đình xuất bản, nhân ngày thứ 100 sau khi nữ sĩ lìa dương thế (21/6/99). Sách đề giá 10$ (số tiền bán sách sẽ được dâng cúng vào quỹ xây cất thánh đường

Đức Mẹ Lavang tại Houston, Texas).

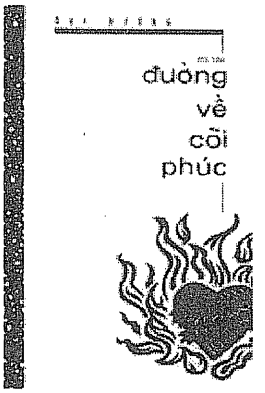

Đây là tác phẩm thứ 10 của nữ văn thi sĩ Quỳ Hương, 84 tuổi, đã từng viết truyện dài, truyện ngắn, kịch và thơ từ nửa thế kỷ qua. Những vần thơ trong sáng thấm nhuần tâm đạo bác ái và nhân từ chảy dài suốt cuốn sách, như những đóa hoa tươi nữ sĩ hái từ tâm mình đem dâng cúng Thiên Chúa trước khi lên đường thanh thản về Cõi Phúc.

Nữ sĩ nổi tiếng từ khi cùng vài bạn văn sáng lập ra Quỳnh Dao thi đoàn từ năm 1958. Góa chồng từ trẻ, bà nuôi các con thành nhân và sống với văn chương thi phú trọn đời. Nữ sĩ là bạn văn thân thiết của các tác giả Hà Thượng Nhân, Nguyễn Thị Vinh, Vân Nương, Tuệ Nga, Thu Nga v.v...

Sáng tác từ thập niên 1950, cho đến gần đây nữ sĩ vẫn còn hăng say tiếp tục làm thơ và viết truyện dài cho báo Mái Ấm Gia Đình mà bà là chủ nhiệm. Con gái nữ sĩ, bà Nguyễn Thị Hồng Diệp (chủ bút Mái Ấm gia Đình) cho biết sẽ viết tiếp truyện dài Tơ Vương của mẹ còn dang dở. Bài bút ký của bà Hồng Diệp ghi ở cuối tập thơ về những ngày cuối cùng bên mẹ, cũng là những dòng tâm sự làm rung động lòng người.

(Tiểu Quyên)

Tận Thế Hay Không?

biên khảo của **Hồ Trọng Khôi**, Bạn Văn xuất bản, 320 trang, giá 100F (16$US). Liên lạc: Bạn Văn 4 allée Beau Site 91140 VILLEBON SUR YVETTE FRANCE ĐT 331 60 10 28 76 e-mail: manhbich@club-internet.fr

Tận Thế Hay Không? Khi nhân loại đến gần năm 2000, đó là vấn đề được nhiều tác giả, báo chí nhắc tới và thiên hạ quan tâm. Đó chính là đề tài của cuốn sách của Hồ Trọng Khôi, nhà thơ nổi tiếng ở Paris và là nhà biên khảo vừa ra mắt chủ nhật vừa qua tại Paris.

"Tận thế có thể là chuyện hoang đường," tác giả viết trong *Lời nói đầu*, nhưng sự tích tận thế (đại hồng thủy nhận chìm nhân loại) lại được ghi trong kinh điển từ ngàn xưa và vẫn được lặp lại mãi cho đến bây giờ.

Một số tín đồ các giáo phái vẫn xem là sự thật, và có những giáo phái, hiện thời, vẫn tiếp tục loan truyền thần thoại ấy, vì sấm truyền đã tiên đoán "chẳng đủ 2000 năm thì tận thế," trong lúc nhân loại đang sắp sửa, theo dương lịch, bước vào năm 2000.

Vì vậy, tác giả viết sách *Tận Thế Hay Không?* mục đích là để trình bày, đóng góp ý kiến của mình vào "đại sự" ấy và để hy vọng, trong tương lai, sẽ nhận được những lời chỉ dẫn quý báu, những cao kiến của quý vị độc giả bốn phương.

Với đề tài đặt ra rất rõ ràng như vậy, ý kiến của tác giả như thế nào ? Sau khi trình bày qua 53 chương về hầu hết mọi khía cạnh của vấn đề, tác giả đi tới kết luận như sau :

"Ngoại trừ do ý muốn của Trời, 'chẳng đủ 2000 năm sẽ tận thế' là điều khó xảy ra, mặc dù hiện nay, (những năm cuối thế kỷ 20), thiên tai được ghi nhận nhiều nơi, và lắm lúc cường độ thật dữ dội, thật kinh hoàng, người chết rất nhiều; các nạn nhân khác (khắp hoàn cầu) kể cả hàng trăm triệu, thiệt hại vô cùng quan trọng, khốn khổ không thể nào tả nổi!

"Nạn ô nhiễm môi sinh là quan trọng nhưng vẫn 'chưa đủ sức' để tạo nên tận thế.

"Riêng sự già cỗi (và tan rã dần) của địa cầu, sự tàn lụn của mặt trời (vì hết khinh khí) kéo theo nạn 'tận thế' của quả đất và nhân loại chúng ta thì, theo khoa học, còn thật lâu (hàng tỉ năm) mới có thể xảy ra.

"Vậy thì, hiện nay, chỉ còn 'thiên ý,' mệnh Trời. Nếu Trời chưa trừng phạt loài người thì chưa có tận thế."

Sách đã được năm nhà văn, nhà thơ ở Paris giới thiệu, bài của quí vị này đã được đăng tải trong phần đầu của cuốn sách.

Nhà Thơ Song Thái Phạm Công Huyền khuyến cáo "chúng ta hãy đọc *Tận Thế Hay Không?* để có quan niệm về một vấn đề mà nhân loại vẫn nhắc nhở và lo âu mãi mãi: có tận thế hay không, tận thế là do ở đâu mà đến, ở các đấng thiêng liêng tối cao cai quản nhân sinh hay lại chính ở loài người, theo cái định luật nhân quả triền miên."

Nhà báo Tô Vũ cho rằng: tập sách *Tận Thế Hay Không?* của thi sĩ Hồ Trọng Khôi đưa ra thật đúng lúc, mang lại những giải thích hoặc khoa học, hoặc siêu hình hoặc luận lý về vấn đề khúc mắc đó... Sách dày trên 300 trang, đề cập tới khoảng năm mươi đề tài bao quát liên quan xa gần đến "tận thế," những đề tài đã

được khai thông trong lãnh vực tôn giáo, trong lãnh vực chiêm tinh và trong lãnh vực môi trường thiên nhiên hay nhân tạo.

Nhà văn Từ Trì cho đây là một công trình nghiên cứu súc tích, luận về nhân thế qua quá khứ, hiện tại và tương lai... là một thiên "nhân sinh luận." Từ Trì viết:

Cuốn Tận Thế Hay Không? *của Hồ Trọng Khôi tiên sinh là cả một công trình nghiên cứu khoa học phong phú, đa dạng, đòi hỏi kiến thức của nhiều bộ môn khoa học khác nhau. Tác giả đã cho chúng ta một dịp để suy gẫm về thân phận con người. Qua đề tài Tận thế, tác giả nhắn nhủ con người nên sống theo đạo lý, lấy tình người làm tôn chỉ, lấy nhân nghĩa làm phương châm, để hưởng lượng khoan hồng của Thượng Đế.*

Tiến sĩ Vĩnh Đào viết rằng dưới thời đại nào, dưới phương trời nào cũng xuất hiện những nhà tiên tri tự cho rằng mình thấu hiểu mệnh trời để đưa ra những lời cảnh cáo về một ngày tận thế đã định sẵn. Nhân loại sống trong mối phập phồng lo sợ ngày *phán xét cuối cùng*. Tận thế phải chăng sẽ xảy ra vào một ngày nào đó không xa, do một trận đại hồng thủy mới, hay là do lửa trên trời rơi xuống, như số phận mà (hai thành phố) Sodome và Gomorrhe đã gặp phải, hình phạt của một Thượng Đế nổi giận? Hay là chỉ sẽ xảy ra trong hàng tỷ, tỷ năm nữa, khi lửa mặt trời lịm tắt?

Nhà văn Hồ Trọng Khôi không tự nhận mình là tiên tri cho nên không có lời giải đáp, chỉ hướng dẫn chúng ta trong một cuộc hành trình qua không gian và thời gian, từ những miền đất huyền thoại đến những vì tinh tú lạc loài trong đêm vũ trụ.

Cuối cùng, nhà thơ Hoài Việt nhấn mạnh ở điểm Nhà thơ Hồ Trọng Khôi là một nhà chí sĩ lão thành đã sống nhiều, hiểu rộng nên muốn mượn sách này để nhắn nhủ với người đương thời cũng như với các thế hệ mai sau là cuộc sống phải có đạo đức không những đem lại cho chúng ta an vui thoải mái mà còn tránh được cho nhân loại những hậu quả vô cùng tai hại có thể đưa đến tận thế.

(Từ Nguyên)

Những Cánh Thư Hồng

truyện dài của **Dương Huệ Anh** và **Tần Ngọc**, Hội Văn Học Nghệ Thuật Phương Đông xuất bản, 506 trang, giá US$20.00. Liên lạc: Phương Đông, 1923 Mt. Pleasant Rd., San Jose CA 95148 - USA.

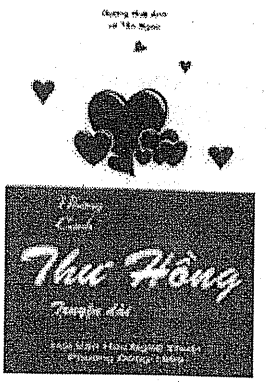

Tác giả là người đa tài. Trước đây ông đã xuất bản nhiều tập thơ, một số khảo luận, một tập nghiên cứu về Đông y, và cả một tập nhạc. Nhìn danh sách những sách ông sắp xuất bản mới càng thấy sức làm việc dồi dào của ông: thơ, bút ký, hồi ký, khảo luận về Phật giáo, Dịch học, Đông y...

Trong số các tác phẩm đã và sắp xuất bản của ông, xem ra chỉ có *Những cánh thư hồng* này là truyện dài. Cuốn truyện duy nhất của ông, cho đến nay. Như thế có thể thấy, qua số lượng tác phẩm của ông, ông chuyên về thơ và khảo luận hơn là về truyện. Và đọc vào truyện thì thấy khá rõ đây là một loại hồi ký được tiểu thuyết hóa. Vả lại, chính tác giả cũng không dấu điều ấy:

Thời điểm diễn biến câu chuyện tính đến nay vừa đúng 30 năm, khởi sự từ thành phố Sài Gòn thân yêu quen thuộc qua nhiều địa danh ở ngoại quốc như Viên CHan, Paksé (Lào), Kuala Lumpur, Pulau Bidong (Mã Lai Á) rồi Bangkok (Thái Lan) Toronto, Montreal (Canada), South Bay (California)...

Đây là một chuyện tình có thực đối với một người yêu thơ và một kẻ làm thơ, đã thành thật yêu nhau tha thiết trong ngang trái tuyệt vọng, nên cả hai đã nếm nhiều khổ đau, cay đắng song song với chuỗi ngày vui ngắn ngủi.

Hẳn đây là một mối tình lớn của tác giả, khiến cho sau bao nhiêu năm tháng đổi thay vẫn không thể nguôi ngoai, và chính nó đã thúc dục tác giả cầm bút ghi lại thành cuốn truyện-hồi ký này. Người đọc sách cảm động vì sự mãnh liệt và bền vững ấy, và dù có rất nhiều vị đắng, vẫn thấy đây là một mối tình rất đẹp — đẹp ở chỗ tình trong giây phút mà thành thiên thu. Viết chuyện của mình mà làm cảm động lòng của người, ấy là kẻ có tài. Có thể tác giả không có nhiều khả năng hư cấu — hoặc không thích — để đi hẳn vào lãnh vực tiểu thuyết, nhưng cái linh động phong phú đọc không chán của hơn năm trăm trang sách kể chuyện của mình là cái không phải ai cũng làm được. Dù là có thể sau cuốn này tác giả sẽ không viết truyện nữa, thì với chỉ một chuyện tình éo le và mãnh liệt này cũng đủ làm một món quà cho đời...●

VĂN ÔN VÕ LUYỆN

TIẾN THÂN NHỚ NGUỒN

TRAU GIỒI ANH NGỮ VÀ VIỆT NGỮ BẰNG PHƯƠNG PHÁP

ANH VIỆT ĐỐI CHIẾU

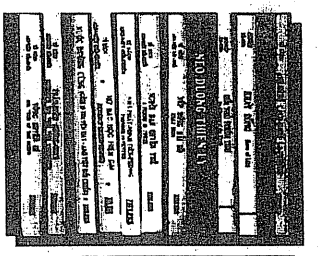

Trước đây, hồi còn tại nước nhà, khi cho xuất bản loạt sách Anh Việt đối chiếu, chúng tôi hoàn toàn nhằm mục đích giúp đồng bào, nhất là học sinh và sinh viên, trau giồi Anh văn.

Chúng tôi quan niệm rằng, muốn tiến bộ về một sinh ngữ, nếu chỉ chăm chăm chú chú học theo sách giáo khoa thì dễ chán nản và khó tiến bộ. Vậy cần phải có sách đọc bổ túc *(supplementary reading materials)*, tức là các truyện ngắn và tiểu thuyết viết theo thể văn dơn giản bằng Anh văn, được dịch đối chiếu Việt văn.

Việc làm của chúng tôi đã được tán thưởng. Nhiều vị phụ huynh học sinh đã viết thư khích lệ chúng tôi tiếp tục công việc hữu ích và ý nghĩa đó.

Từ sau biến cố cuối Tháng Tư 1975, trải qua từng ấy năm tại hải ngoại, nay chúng ta chứng kiến một hiện tượng mới, hoàn toàn không ngờ tới:

Người lớn và Việt kiều mới qua đây cần trau giồi tiếng Anh đúng mức vì nó là nhu cầu chính yếu cho việc mưu sinh. Ngành hoạt động nào cũng đòi hỏi chúng ta phải nói được tiếng Anh, có ngành còn buộc chúng ta phải thông thạo sinh ngữ này. Vậy việc trau giồi Anh ngữ là điều đương nhiên. Bởi vậy, loại sách Anh Việt đối chiếu chắc chắn giúp ích chúng ta rất nhiều.

Mặt khác, chúng ta thấy có hiện tượng trái ngược là: con em chúng ta lớp tuổi thơ ấu khi mới qua đây, nay dần dần quên tiếng Việt, hoặc nói kém cỏi vì các em có ít dịp đọc và viết Việt ngữ. Đối với các em nhỏ Việt kiều, loại sách Anh Việt đối chiếu cần thiết vô cùng, nhưng có tác dụng khác. Nó sẽ giúp các em đọc, nói và viết được tiếng Việt đúng mức.

Xin góp vài ý kiến cùng độc giả loạt sách này:

. Đọc tới ngữ vựng hoặc thành ngữ nào mới mẻ, bạn hãy ghi vào một cuốn sổ tay để học sau này.

. Gặp câu văn nào hay hoặc đoạn văn nào lý thú, bạn hãy cố gắng học thuộc lòng và phát âm lớn giọng. Trên thực tế, người ta nhận thấy những người nói năng lưu loát và những nhà hùng biện đều là những người đã từng dụng công học thuộc lòng những đoạn văn hay.

. Bạn hãy áp dụng những ngữ vựng, thành ngữ và câu văn mới học thêm được vào những câu chuyện thường đàm, khi làm luận tại học đường, viết thư cho bạn bè. Nếu cố gắng học theo phương pháp này, chỉ sau một thời gian chừng một năm, bạn sẽ thấy tấn tới rõ rệt.

. Khi đọc loại sách song ngữ này, bạn nên đọc kỹ, không nên vội vã quá. Ngoài ra, loại sách song ngữ này cũng giúp bạn học tập về dịch thuật. Bạn sẽ nhận thấy dịch giả đã dịch rất sát bản Anh ngữ, đó là nhằm mục đích giúp các bạn đối chiếu.

Chúc các bạn thâu lượm được nhiều kết quả trong việc vừa giải trí vừa học hỏi. Trân trọng,

Giáo sư Lê Bá Kông

Anh Hùng Cách Mạng La Phương - La Fayette in America (Andre Maurois)
Truyện tích của một người từng chiến đấu để giải phóng hai quốc gia, Mỹ quốc và chính nước Pháp của chàng. Lời văn sáng sủa nhẹ nhàng, cốt truyện hay. Tác giả là một trong những cây bút và sử gia nổi tiếng nhất nước Pháp.

Nếp Sống Hải Hồ - Billy Budd (Herman Melville)
Tác giả chuyên viết truyện mạo hiểm, đã làm say mê hàng triệu độc giả thuộc mấy thế hệ.

Cây Đèn Thần - Aladdin and The Wonderful Lamp
Gồm 10 truyện ngắn lừng danh thế giới của Alphonse Daudet, Hans Christian Anderson, Ivan Vazoff, John Aikin, Leo Tolstoy, Patrick Henry, Victor Hugo.

Khát Sống - Love of Life (Jack London)
Gồm 5 đoản thiên tiểu thuyết của văn hào Jack London. Mỗi truyện là một món ăn tinh thần vô giá, cốt truyện lâm ly, éo le, tư tưởng sâu sắc.

Nước Đường Cùng - The Wolf At The Door
Gồm 10 truyện ngắn hay nhất của các văn hào Charles Dickens, Charles Lamb, Charlotte Mary Younge, George Bernard Shaw, Guy de Maupassant, James Stephens, O. Henry, William Shakespeare, William Wirt.

Nẻo Dường Thiên Lý - Golden Trails (Bret Harte)
Tập truyện phiêu lưu gồm 9 truyện ngắn tuyệt tác của văn hòa Bret Harte.

Nữ Bác Học Hiện Đại - Women Of Modern Science (Edna Yost)
Tiểu sử của 11 nữ bác học gia nổi tiếng thế giới thời nay.

Thám Hiểm Không Gian - Scientists Who Work With Astronauts (Lynn & Gray Poole)
Ở kỷ nguyên này độc gỉa cần làm quen với các danh từ chuyên môn, cũng như biết qua về kỹ thuật thám hiểm không gian.

Mối Thù Thiên Thu - An Odyssey Of the North (Jack London)
Gồm 5 truyện phiêu lưu giang hồ của cây bút độc nhất vô nhị Jack London, làm độc giả say sưa từ đầu tới cuối.

Vòng Huyền Bí - The Turn of The Screw (Henry James)
Tiểu thuyết bí ẩn đã tạo bao thắc mắc cho độc giả

Nhà Phát Minh Tiền Phong - Pioneer Inventor (Constance Mc L. Green)
Những nỗ lực của nhà phát minh đa tài, một điển hình của dân tộc Hoa Kỳ. Biết đâu trong những năm tới sẽ chẳng có hiều nhà phát minh gốc Việt trên sứ đa chủng tộc này ?

Người Bạn Quyền Thế - A Friend In Power (Carlos Baker)
Truyện ly kỳ, nội dung độc đáo.

Giá cho toàn bộ 12 cuốn **Anh Việt Đối Chiếu** là **US$90.**
Giá đặc biệt khi mua chung bộ **Anh Việt Đối Chiếu** và bộ **TỰ ĐIỂN ANH-VIỆT & VIỆT-ANH**, loại mới, hơn 900 trang, chữ lớn, đặc biệt có 2 lối phiên âm Quốc Tế và Ziên Hồng (phát âm tiếng Anh theo vần Quốc ngữ ta), bìa bọc plastic, là **US$110.**
Canada xin thêm 10%, các nước khác 20% cho cước phí.

Zieleks Company Inc.
(Ban Tu Thư Ziên Hồng)
2109 Kilkenny Dr. - Dept. TK
Pearland, TX 77581, USA
(281) 481-3783
Xin gửi check hay money order
Có nhận credit card

THANH THẢO
Sống Mãi Tình Anh
Với Sự Góp Mặt Đặc Biệt Của
ANH DŨNG
Cung Đàng
PRODUCTIONS
Đại diện phát hành: Trung Tâm Bích Thu Vân
9200 Bolsa # 137-138, Westminster, CA 92683
(trong khu Phước Lộc Thọ)
Phone: 714-897-4519

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

TÌM ĐỌC:

NÚI VẪN XANH

TẬP TRUYỆN MỚI
CỦA **HÀ KỲ LAM**

VỚI 11 TRUYỆN NGẮN ĐƯỢC TÁC GIẢ CHO LÀ ĐẮC Ý NHẤT, **NÚI VẪN XANH** SẼ ĐEM LẠI CHO NGƯỜI ĐỌC NHỮNG RUNG CẢM VÀ NHỮNG SUY NGẪM KÉO DÀI SAU KHI CUỐN SÁCH ĐÃ GẤP LẠI ...

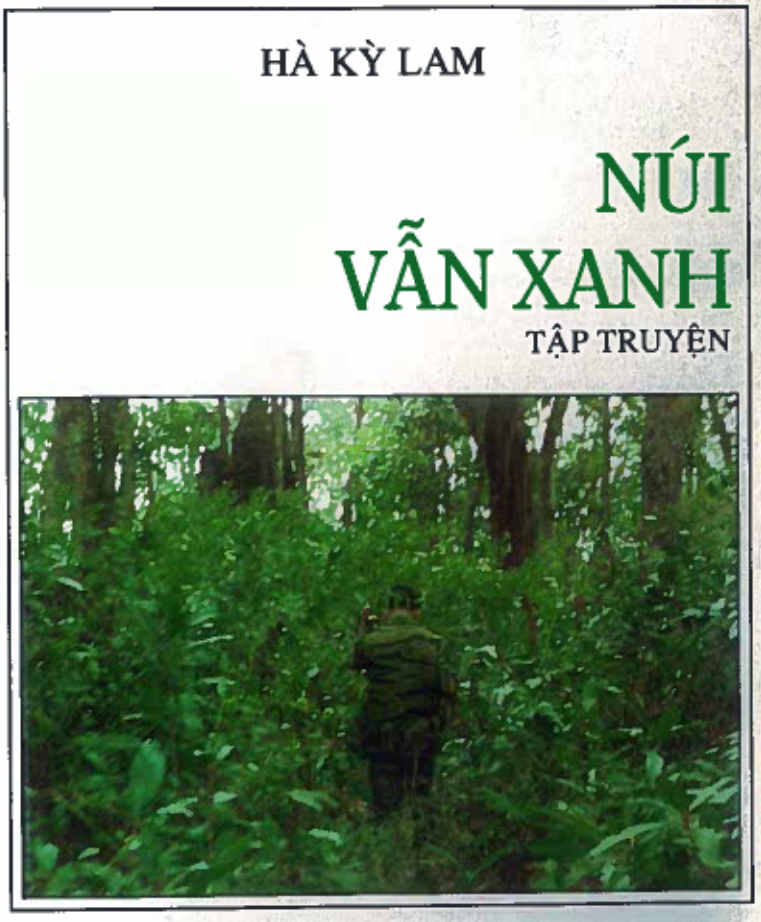

TÌNH YÊU, CHIẾN TRANH, NHỮNG MẪU ĐỜI TỴ NẠN, NHỮNG BĂN KHOĂN SIÊU HÌNH, CÁI DŨNG, CÁI HÈN CỦA THẾ NHÂN V.V., TẤT CẢ ĐƯỢC DIỄN TẢ DƯỚI NGÒI BÚT SẮC BÉN, TINH TẾ CỦA HÀ KỲ LAM MÀ QUÍ VỊ ĐÃ TỪNG MẾN MỘ QUA CÁC TRUYỆN NGẮN ĐÓ ĐÂY TRÊN CÁC BÁO.

SÁCH DÀY 180 TRANG, GIÁ 12 MỸ KIM, DO THẾ KỶ XUẤT BẢN. CÓ THỂ HỎI MUA TẠI CÁC NHÀ SÁCH HOẶC LIÊN LẠC:

NGUYỄN ĐÌNH HÀ
5005 MADISON AVENUE
PENNSAUKEN, NJ 08110
TEL (609) 488-4564 * FAX (609)488-5619
E MAIL: hakylam@aol.com

Ấn Phí: Năm Mỹ Kim